

Số/No: 465/2026/CV-SSI.CTHĐQT

V/v: Công bố Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững năm 2025

Re: Disclosure of the 2025 Annual Report and 2025 Sustainable Development Report

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2026

Ho Chi Minh City, April 15th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

- Tên tổ chức:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
<i>Organization name</i>	SSI SECURITIES CORPORATION
- Mã chứng khoán:	SSI
<i>Ticker</i>	SSI
- Địa chỉ:	72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
<i>Address</i>	72 Nguyen Hue, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City
- Điện thoại liên hệ:	028-38242897
<i>Telephone</i>	028-38242897
- Fax:	028-38242997
- Email:	congbothongtin@ssi.com.vn

Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure:*

- Báo cáo Thường niên năm 2025/*The 2025 Annual Report:*
 - Bản tiếng Việt/*Vietnamese version:*
https://www.ssi.com.vn/upload/files/IR/Reports/SSI_BCTN2025_VN.pdf
 - Bản tiếng Anh/*English version:*
https://www.ssi.com.vn/upload/files/IR/Reports/SSI_BCTN2025_EN.pdf
- Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2025/*The 2025 Sustainable Development Report:*
 - Bản tiếng Việt/*Vietnamese version:*
https://www.ssi.com.vn/upload/files/IR/Reports/SSI_BCPTBV2025_VN.pdf
 - Bản tiếng Anh/*English version:*
https://www.ssi.com.vn/upload/files/IR/Reports/SSI_BCPTBV2025_EN.pdf



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/4/2026 tại đường dẫn www.ssi.com.vn.

This information was posted on SSI website on April 15th, 2026 at this link www.ssi.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững năm 2025 (bản tiếng Việt và bản tiếng Anh);
The 2025 Annual Report and 2025 Sustainable Development Report (Vietnamese and English versions)

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền công bố thông tin
Party authorized to disclose information



Nguyễn Kim Long
Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ
Director, Legal and Compliance



SSI

Báo cáo Thường niên 2025

Trust in Motion

Dòng chảy của Niềm tin

Mục lục

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03
DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2025	06
PHẦN 1: TỔNG QUAN	07
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	09
TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	10
LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN	11
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	13
GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU	17
SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT	19
PHẦN 2: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2025	25
TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2025	27
BÁO CÁO CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG 2025	39
PHẦN 3: CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	69
DỰ ĐOÁN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2026	71
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG - DÀI HẠN	77
MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2026	81
PHẦN 4: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	95
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	97
THỦ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	109
QUẢN TRỊ RỦI RO	113
THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	137
ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI SSI	141
PHẦN 5: HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	145
TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	147
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SSI	151
BÁO CÁO CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	161
PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2025	171
PHẦN 7: THÔNG TIN KHÁC	275

Danh mục viết tắt

ANTT	An ninh Thông tin	KHTC	Khách hàng tổ chức
BDS	Bất động sản	KPI	Chỉ số đo lường hiệu quả công việc
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp	KOKD	Kết quả kinh doanh
BHXH	Bảo hiểm xã hội	KRX	Hệ thống công nghệ thông tin quản lý và điều hành giao dịch trên TTCK VN
BHYT	Bảo hiểm y tế	KSNB	Kiểm soát Nội bộ
BGD	Ban Giám đốc	KSTT	Kiểm soát Tuân thủ
BLD	Ban lãnh đạo	KTNB	Kiểm toán Nội bộ
BKS	Ban Kiểm soát	NDT	Nhà đầu tư
CBNV	Cán bộ nhân viên	NDTNN	Nhà đầu tư nước ngoài
CNTT	Công nghệ thông tin	NHNN	Ngân hàng Nhà nước
CTCK	Công ty Chứng khoán	NHTM	Ngân hàng Thương mại
CTCP	Công ty Cổ phần	NPF	Non-prefunding – Giao dịch không ký quỹ
DCM	Thị trường nợ	PCRT	Phòng chống rửa tiền
DLCN	Dữ liệu cá nhân	PMS	Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc
DVCK	Dịch vụ Chứng khoán	P-notes	Chứng chỉ tham gia đầu tư
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	PO	Chào bán ra công chúng
ECM	Thị trường vốn	PTBV	Phát triển bền vững
ESOP	Chương trình lựa chọn cổ phiếu cho người lao động trong công ty	QTDL	Quản trị dữ liệu
ESG	Môi Trường, Xã Hội & Quản Trị Doanh Nghiệp	QTRR	Quản trị rủi ro
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
FED	Cục Dự trữ liên bang Mỹ	svck	Sơ với cùng kỳ
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	SSIAM	Công ty Quản lý Quỹ SSI
GTGD	Giá trị giao dịch	SSID	CTCP Công nghệ số SSI
HDQT	Hội đồng quản trị	TCTD	Tổ chức tín dụng
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	TTCK	Trị trường chứng khoán
IB	Dịch vụ ngân hàng đầu tư	TTPT	Trung tâm phân tích
IFC	Tổ chức tài chính Quốc tế	UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
IPO	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng	UBKT	Ủy ban Kiểm toán
KHCN	Khách hàng cá nhân	VHDN	Văn hoá doanh nghiệp
		WB	Ngân hàng Thế giới

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý Khách hàng, Đối tác cùng toàn thể CBNV SSI,

Trong tài chính, có một thứ không thể “mua” nhanh: niềm tin. Niềm tin cũng không nằm ở những câu nói hay. Nó nằm ở những việc làm đúng, lặp đi lặp lại, trong thời gian dài. Vì vậy, chúng tôi chọn tinh thần của Báo cáo năm nay là **“Dòng chảy của niềm tin – Trust in Motion.”**

Tôi gọi là “dòng chảy” vì thị trường là chuyển động liên tục: dòng tiền, dòng dữ liệu, dòng quyết định, dòng cảm xúc của nhà đầu tư. Trong dòng chảy đó, điều quan trọng nhất không phải là ai nói lớn hơn, mà là ai vận hành chuẩn hơn: minh bạch hơn, kỷ luật hơn, kiểm soát rủi ro tốt hơn, và phục vụ khách hàng tốt hơn.

Năm vừa qua, thị trường vẫn nhiều thay đổi, cạnh tranh trong ngành cũng không hề dễ. Công nghệ khiến tốc độ tăng lên, nhưng cũng khiến sai sót lan nhanh hơn nếu nền tảng không đủ chắc. Trong bối cảnh như vậy, SSI lựa chọn một cách làm quen thuộc, nhưng không dễ: không chạy theo cảm hứng ngắn hạn, mà tập trung vào chất lượng tăng trưởng và năng lực hệ thống.

Niềm tin đến từ cách ta vận hành

Với SSI, “năng lực hệ thống” không phải là một khẩu hiệu công nghệ. Nó là những thứ rất cụ thể:

- Kỷ luật quản trị rủi ro: tăng trưởng phải đi cùng giới hạn rõ ràng. Thị trường có thể bất ngờ, nhưng kỷ luật không được phép “bất ngờ”.
- Minh bạch và chuẩn mực: cổ đông và thị trường cần thông tin rõ ràng, nhất quán, có thể kiểm chứng.
- Công nghệ và tự động hóa: không phải để làm màu, mà để giảm lỗi, tăng tốc, tăng ổn định, nâng trải nghiệm khách hàng, nhất là lúc thị trường biến động mạnh.
- Con người: cuối cùng, khách hàng tin vào một tổ chức thông qua từng điểm chạm. Mỗi môi giới, mỗi chuyên viên, mỗi bộ phận hỗ trợ đều là “chất liệu” tạo ra niềm tin.

Tôi luôn tin một điều: thương hiệu tài chính không xây bằng poster. Nó xây bằng quy trình, bằng đạo đức nghề nghiệp, bằng năng lực thực chiến, và bằng sự nhất quán.

Trong năm 2025 vừa qua, SSI ưu tiên ba hướng rõ ràng: Một là, nâng chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Trải nghiệm tốt không chỉ là “đề dùng”. Trải nghiệm tốt là khách hàng hiểu mình đang làm gì, hiểu rủi ro ở đâu, được hỗ trợ đúng lúc, và cảm thấy an tâm khi làm việc với SSI. Hai là, củng cố năng lực vận hành và công nghệ. Một hệ thống tốt là hệ thống “ít được nhắc đến”, vì nó chạy ổn. Nó chịu được tải cao, chịu được biến động, và bảo vệ khách hàng trong những tình huống nhạy cảm nhất. Ba là, kiên định chuẩn mực quản trị. Những thứ làm nên niềm tin dài hạn thường không ồn ào: kỷ luật tuân thủ, kiểm soát rủi ro, an toàn dữ liệu, và văn hóa làm đúng ngay cả khi không ai nhìn thấy.

SSI chọn đi đường dài

SSI đã đi qua nhiều chu kỳ thị trường. Mỗi chu kỳ có một bài học giống nhau: đi đường dài không cần nói nhiều, nhưng phải làm rất kỹ. Và khi làm đủ kỹ, cơ hội sẽ đến theo cách bền hơn, sạch hơn. “Dòng chảy của niềm tin” không phải là một ý tưởng để trang trí báo cáo. Đó là lời nhắc về cách chúng tôi muốn vận hành SSI: đúng chuẩn – đúng bản chất – đúng lợi ích dài hạn của khách hàng và cổ đông.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi cảm ơn Quý Cổ đông đã tin tưởng và đồng hành; cảm ơn Quý Khách hàng và Đối tác đã lựa chọn SSI; và cảm ơn toàn thể CBNV đã bền bỉ trong một năm nhiều áp lực và kỳ vọng.

Niềm tin là một dòng chảy. Muốn dòng chảy ấy bền, chúng ta chỉ có một cách: giữ kỷ luật, giữ chuẩn mực, và làm thật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

NGUYỄN DUY HƯNG

Dấu ấn Hoạt động

Tổng tài sản

Top 1 thị trường

94.050

tỷ VND

Tăng trưởng tài chính ổn định

Doanh thu

+50,5% YoY

13.112

tỷ VND

Lợi nhuận trước thuế

+43,4% YoY

5.083

tỷ VND

Thị trường vốn quốc tế

Khoản vay hợp vốn

Lớn nhất trong ngành

300

triệu USD

Huy động từ phát hành riêng lẻ

3.256

tỷ VND

Đóng góp cộng đồng

Tổng đóng góp

> 11

tỷ VND

Đóng góp qua Mặt trận Tổ quốc VN

> 9,69

tỷ VND

Con người và tổ chức

Chi trả nhân sự

1.124,5

tỷ VND

Đào tạo

524 khóa | 35,5 giờ/người

Đóng góp ngân sách

Nộp cho Ngân sách Nhà nước

Top 1.000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cao nhất trong 15 năm liên tiếp

1.807

tỷ VND

Tổng quan

Thông tin Doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI - HOSE) được thành lập vào tháng 12 năm 1999. Sau 25 năm vận hành theo cơ chế thị trường, SSI là một trong những công ty hoạt động lâu đời nhất đồng thời là định chế tài chính lớn nhất tại Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Bằng tiềm lực tài chính vững mạnh, hoạt động quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, đội ngũ nhân sự hùng hậu và chuyên nghiệp, SSI luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ vượt trội và toàn diện, đảm bảo tối đa lợi ích cổ đông. Hiện nay, Công ty có mạng lưới hoạt động rộng rãi tại những thành phố lớn trên cả nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng.

Tên doanh nghiệp

Công ty CP Chứng khoán SSI

Ngày thành lập

30/12/1999

Đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Duy Hưng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2025)

24.068.975.194.604 VND

Trụ sở chính

72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Tên tiếng Anh

SSI Securities Corporation

Mã chứng khoán

SSI

Tổng số nhân viên (tại ngày 31/12/2025)

1.433 nhân viên

trong đó có 826 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán

Vốn chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2025)

32.066.318.460.762 VND

Điện thoại: +84 28 38242897

Fax: +84 28 38242997

Website: <http://www.ssi.com.vn/>

Tâm nhìn

Chúng ta cùng thành công

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI) hoạt động dựa trên tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công".

Thành công của SSI chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng, cộng sự, đối tác, cổ đông và cộng đồng. Chúng tôi phát hiện những cơ hội đầu tư mới trong thị trường tài chính và biến những cơ hội này thành lợi nhuận trong tầm tay.

Giá trị cốt lõi

Sẵn sàng giải pháp

Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng.

Sâu sát chuyên môn

Là chuyên gia đầu ngành tài chính, chúng tôi vẫn không ngừng cập nhật, nâng cao kỹ năng chuyên môn để đáp ứng hoàn hảo mọi tiêu chuẩn khách hàng kỳ vọng ở SSI.

Sứ mệnh

Kết nối vốn và cơ hội đầu tư

Sứ mệnh gắn kết cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính luôn định hướng tất cả sản phẩm và dịch vụ của SSI tại thời điểm hiện thời cũng như trong tương lai.

In dấu sáng tạo

Chúng tôi khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cộng sự được toàn quyền tư duy sáng tạo trong chuyên môn vì quyền lợi của SSI và khách hàng.



Lịch sử phát triển

1999

2005

30/12/1999: SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VND

07/2001: SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VND và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán

07/2002: Thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc

06/2005: SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VND và hoạt động với 6 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán, Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán và Bảo lãnh phát hành Chứng khoán

2006

2012

11/2006: Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên TTCK Việt Nam cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường

12/2006: Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

08/2007: Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập

10/2007: SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

04/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VND

06/2008: Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI

07/2009: SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài

05/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VND.

2012

2017

03/2013: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420.000 VND

04/2015: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo: đợt 1 vào tháng 01/2015 với tổng giá trị 500 tỷ VND và đợt 2 vào tháng 04/2015 với tổng giá trị là 300 tỷ VND

09/2015: SSI là công ty đầu tiên tại Việt Nam hoàn tất thủ tục điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vốn điều lệ

01/2017: SSI tăng vốn điều lệ lên 4.900.636.840.000 VND

04/2017: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp vào tháng 01/2017 và tháng 04/2017 với tổng giá trị mỗi đợt đạt 300 tỷ VND

05/2017: SSI được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định chấp thuận SSI là thành viên giao dịch TTCK phái sinh

2018

2020

02/2018: SSI phát hành thành công 1.150 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 3 năm và lãi suất phát hành 4%/năm

12/2018: SSI kỷ niệm 18 năm thành lập và chính thức đổi tên thành "Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI", thống nhất tên gọi với tên viết tắt và mã chứng khoán phát hành trên thị trường

06/2019: SSI chính thức nhận giấy phép phát hành chứng quyền có bảo đảm

02/2020: SSI tăng vốn điều lệ lên 6.029.456.130.000 VND

06/2020: SSI là Công ty Chứng khoán đầu tiên và duy nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020 theo hình thức trực tuyến, thể hiện nỗ lực gia tăng lợi ích cổ đông

12/2020: SSI là Công ty Chứng khoán tư nhân đầu tiên vinh dự nhận danh hiệu cao quý "Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới" do Đảng và Nhà nước trao tặng

2021

2025

05/2021: SSI trở thành CTCK đầu tiên đạt vốn hóa trên 1 tỷ USD

11/2021: SSI phát hành thành công 218,29 triệu cổ phiếu thường với tỷ lệ phát hành 6:2 (tháng 09/2021) và 109,1 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 6:1 với giá 10.000 VND/cổ phiếu (tháng 10/2021). Kết thúc các đợt phát hành, vốn điều lệ Công ty tăng lên mức 9.847.500.220.000 VND

09/2022: SSI đã phát hành thành công hơn 496 triệu cổ phiếu cho cổ đông với giá 15.000 đồng mỗi cổ phiếu. Qua đó, vốn điều lệ nâng lên 14.911.301.370.000 VND, giữ vững vị trí là Công ty Chứng khoán lớn nhất Việt Nam

03/2023: SSI đã phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cổ phiếu cho người lao động trong công ty (ESOP). Qua đó, vốn điều lệ nâng lên 15.011.301.370.000 VND

04/2024: SSI phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu cho cán bộ nhân viên với giá 10.000 đồng mỗi cổ phiếu theo chương trình ESOP. Qua đó, vốn điều lệ nâng lên 15.111.301.370.000 VND

10/2024: SSI đã phát hành thành công gần 302 triệu cổ phiếu thường với tỷ lệ phát hành 100:20, nâng vốn điều lệ lên 18.129.500.510.000 VND, giữ vững vị trí là Công ty Chứng khoán lớn nhất Việt Nam

11/2024: SSI kết hợp cùng Tập đoàn FPT, doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ, thành công tổ chức sự kiện công nghệ hàng đầu của Việt Nam (với SSI Digital "SSID" là đơn vị vận hành) - Vietnam Tech Impact Summit 2024 - VTIS 2024. SSI là CTCK đầu tiên tự mình dẫn dắt quá trình số hóa trong lĩnh vực tài chính chứng khoán

12/2024: SSI hoàn tất chào bán hơn 151 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 15.000 VND/cổ phiếu theo tỷ lệ 100:10. Vốn điều lệ của SSI tăng lên 19.638.639.180.000 VND

06/2025: SSI phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu cho cán bộ nhân viên với giá 10.000 đồng mỗi cổ phiếu theo chương trình ESOP. Qua đó, vốn điều lệ nâng lên 19.738.639.180.000 VND

08/2025: SSI hoàn tất chào bán riêng lẻ 104 triệu cổ phiếu với giá 31.300 VND/cổ phiếu. Vốn điều lệ của SSI tăng lên 20.779.062.620.000 VND

Ngành nghề Kinh doanh



Dịch vụ chứng khoán

Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán tới khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức, bao gồm:

- Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết: Mở tài khoản giao dịch, Mời giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền, Lưu ký; Hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết; Phân phối chứng chỉ quỹ mở; Giao dịch chứng chỉ ETF, trái phiếu doanh nghiệp; Đại lý đấu giá IPO và chứng quyền có bảo đảm; Giao dịch chứng quyền có bảo đảm
- Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán phái sinh: Mở tài khoản giao dịch, Mời giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền
- Sản phẩm, Dịch vụ Tài chính: Giao dịch ký quỹ (margin) và phối hợp với ngân hàng hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán
- Sản phẩm, Dịch vụ & giao dịch Điện tử: Web Trading, Pro Trading, iBoard, Mobile Trading, Contact Center và SMS
- Sản phẩm Tư vấn Đầu tư: Báo cáo vĩ mô, Báo cáo khuyến nghị đầu tư, Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày, Báo cáo phân tích ngành, Báo cáo phân tích cổ phiếu, Báo cáo tư vấn định giá cổ phiếu, Báo cáo phân tích thị trường tiền tệ, Báo cáo phân tích dòng lưu chuyển vốn, Báo cáo phân tích kỹ thuật
- Dịch vụ Quản lý Tài sản cho khách hàng cá nhân: Tư vấn xây dựng kế hoạch tài chính và phân bổ tài sản; Cung cấp các gói giải pháp đầu tư phong phú, đáp ứng nhu cầu từ cơ bản đến nâng cao, bao gồm các sản phẩm cấu trúc, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, cổ phiếu; Cung cấp hệ thống dịch vụ đặc quyền tập trung vào kiến tạo và gia tăng giá trị về nền tảng kiến thức đầu tư cho khách hàng và thể hệ kế cận
- Các hoạt động tiếp cận và tìm hiểu doanh nghiệp: Tổ chức cho khách hàng đi thăm các công ty niêm yết, Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài



Nguồn vốn và kinh doanh tài chính

- Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch tiền tệ, đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Hợp đồng tiền vay, Ủy thác, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, Kinh doanh giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác
- Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Mời giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư thông qua phương thức đấu thầu, Bảo lãnh phát hành trái phiếu
- Dịch vụ thiết kế, xây dựng, kinh doanh các sản phẩm phái sinh, cấu trúc, v.v... để đáp ứng các nhu cầu của Công ty và khách hàng



Đầu tư

- Đầu tư Cổ phiếu, Trái phiếu chuyển đổi, Chứng chỉ quỹ, Chứng khoán phái sinh
- Tạo lập thị trường
- Phát hành Chứng quyền có bảo đảm



Dịch vụ ngân hàng đầu tư

- Tư vấn Tài chính doanh nghiệp: Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK, Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp
- Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp (M&A)
- Tư vấn Huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước: Tư vấn phát hành và Bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các sản phẩm phái sinh, bao gồm phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ



Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSIAM

- Huy động và quản lý các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước
- Quản lý danh mục đầu tư, bao gồm Quản lý danh mục đầu tư toàn bộ hoặc theo chỉ định cho các khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, Quản lý tài sản cho các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có giá trị tài sản lớn
- Tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Tư vấn định hướng chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản



Mạng lưới hoạt động

SSI cung cấp dịch vụ thông qua mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam và qua kênh giao dịch điện tử, phục vụ khách hàng trên toàn thế giới.



Phía Bắc

Chi nhánh Hà Nội

Số 1C Ngõ Quyền, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 3936 6321 - (+84) 24 6288 8885

Fax: (+84 24) 3936 6311

Phòng giao dịch Times City

Tầng 1, 2, 3 và Unit 07 Tầng 10, Tòa nhà Century Tower, số 45B Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 394 13383

Fax: (+84) 24 3941 3385

Phòng giao dịch Vạn Phúc

Tầng 1 và Unit 3A Tầng 3, Tòa nhà The Imperial Suites, 01-N1, Ngõ 40, Phố Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 3773 4999

Fax: (+84) 24 3771 4999

Phòng giao dịch Lê Văn Lương

Tầng 1, Tòa nhà Star City, số 23 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 3209 1256

Fax: (+84) 24 3568 0738

Chi nhánh Mỹ Đình

C014 và C015 Tầng G, Tháp The Manor, Đường Mễ Trì, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 3794 6899

Fax: (+84) 24 3794 6877

Chi nhánh Hải Phòng

22 Lý Tự Trọng, Phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Điện thoại: (+84) 225 3569123

Fax: (+84) 225 3569130

Phía Nam

Trụ sở chính

72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3824 2897

Fax: (+84) 28 38242997

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ

Tầng 7 Tòa nhà ROX, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3821 8567

Fax: (+84) 28 3821 3887

Phòng giao dịch Lê Lợi

(Dành cho KH tổ chức)

Phòng số 03, Tầng 18, Tòa nhà Saigon Centre, 67 Đường Lê Lợi, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3636 3688

Fax: (+84) 28 3636 3668

Phòng giao dịch Cách Mạng Tháng Tám

Tầng 6, Tòa nhà Lim II, Số 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 36227788

Fax: (+84) 28 36225666

Phòng giao dịch Nguyễn Hữu Cảnh

Tầng Trệt và Tầng 1 của P2-0.08, Tầng Trệt và Tầng 1 của P2-0.09, Tháp Park 2, Khu dân cư Vinhomes Central Park, 208 đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thanh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3622 2233

Fax: (+84) 28 3622 2277

Phòng giao dịch Phan Đăng Lưu

(Chỉ phục vụ khách hàng trực tuyến, các nghiệp vụ tại quầy Quý khách vui lòng đến các CN/PGD khác)

Tầng 1 và Tầng 5, số 24C Phan Đăng Lưu, Phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 3824 2897

Fax: (+84) 28 3824 2997

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI

Số 1C Ngõ Quyền, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 3936 6321 | Fax: (+84) 24 3936 6337

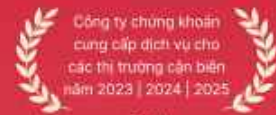
Giải thưởng tiêu biểu

Trong hơn 25 năm hoạt động và đồng hành cùng sự phát triển của TTCK Việt Nam, SSI đã được ghi nhận bởi nhiều tổ chức uy tín trong nước và quốc tế như Euromoney, The Asset, FinanceAsia và nhiều định chế đánh giá độc lập khác. Riêng trong năm 2025, SSI tiếp tục được vinh danh với hơn 30 hạng mục giải thưởng quan trọng của ngành tài chính.

Đối với SSI, giải thưởng không phải là mục tiêu, mà là kết quả của một hệ thống vận hành dựa trên kỷ luật, hiệu quả và minh bạch, được hỗ trợ bởi công nghệ hiện đại và đội ngũ con người chuyên sâu. Niềm tin của thị trường được tích lũy qua năng lực quản trị rủi ro, chất lượng dịch vụ và khả năng thực thi chiến lược nhất quán.

Các ghi nhận quốc tế vì vậy không chỉ phản ánh thành tựu kinh doanh, mà còn khẳng định vai trò dẫn dắt thị trường và phát triển bền vững của SSI trong dài hạn.

Các giải thưởng SSI đã được trao trong năm 2025 vừa qua:



Công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ cho các thị trường cận biên năm 2023 | 2024 | 2025

Extel



Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam các năm từ 2010 - 2025

Finance Asia



Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam từ năm 2008 - 2011 | 2014 - 2016 và 2019 - 2025

Finance Asia



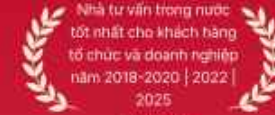
Nhà tư vấn & thu xếp chứng khoán tốt nhất Việt Nam 3 năm liên tiếp 2023 - 2025

Finance Asia



Nhà tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam năm 2025

The Asset



Nhà tư vấn trong nước tốt nhất cho khách hàng tổ chức và doanh nghiệp năm 2018-2020 | 2022 | 2025

The Asset



Thương vụ phát hành cổ phiếu/ IPO xuất sắc nhất Việt Nam năm 2025

Alpha Southeast Asia



Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam 13 năm liên tiếp (2013-2025)

Euromoney



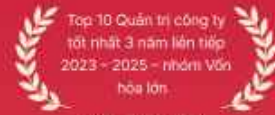
Giải thưởng Công nghệ xuất sắc Việt Nam hạng mục Fintech - Brokerage 2022 | 2023 | 2025

Assan Business



Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2014 | 2016 | 2020 - 2025

Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư



Top 10 Quản trị công ty tốt nhất 3 năm liên tiếp 2023 - 2025 - nhóm vốn hóa lớn

VNR, HOSE, HNX



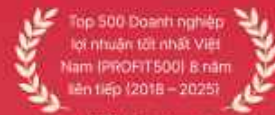
Top 10 Công ty có dịch vụ Bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2025

Vietnambiz



Top 10 Công ty chứng khoán uy tín năm 2025

VNR - Vietnamnet



Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500) 8 năm liên tiếp (2018 - 2025)

VNR - Vietnamnet



Top 50 Công ty đại chúng uy tín và hiệu quả (VIX50) năm 2021 | 2022 | 2024 | 2025

VNR - Vietnamnet



Top 30 Tập đoàn đầu tư chiến lược Việt Nam 2025 - ALPHA30

VNR - Vietnamnet



Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) 18 năm liên tiếp từ 2008 - 2025

VNR - Vietnamnet



Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500) 10 năm liên tiếp (2016 - 2025)

VNR - Vietnamnet



Top 10 Doanh nghiệp nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam năm 2024 | 2025

CafeF



Doanh nghiệp có thương vụ M&A tiêu biểu năm 2024 - 2025

Báo Đầu Tư



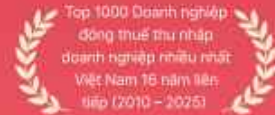
Doanh nghiệp năm về đạt chuẩn công bố thông tin - IR Awards 6 năm liên tiếp 2020 - 2025

Vietstock - VAFE - Tài chính và Cuộc sống



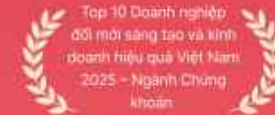
Top 10 đề cử IR Awards 2025 - Nhóm Financial Large Cap năm 2025

Vietstock - VAFE - Tài chính và Cuộc sống



Top 1000 Doanh nghiệp đóng thuế thu nhập doanh nghiệp nhiều nhất Việt Nam 16 năm liên tiếp (2010 - 2025)

Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính (V1000)



Top 10 Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và kinh doanh hiệu quả Việt Nam 2025 - Ngành Chứng khoán

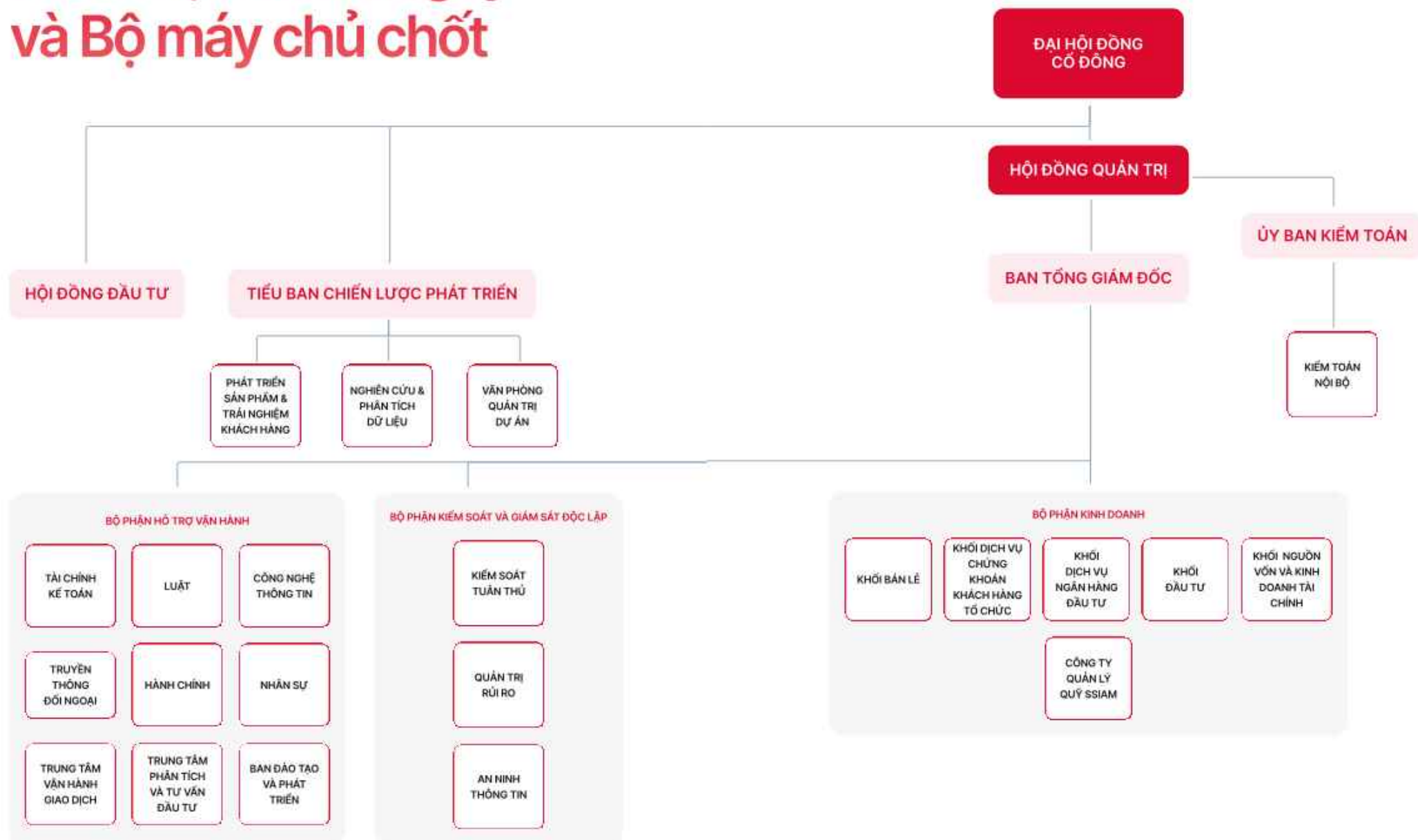
Viet Research



Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2025 - Ngành Tài chính - Chứng khoán (ESG10 - 2025)

Viet Research

Tóm lược về Công ty và Bộ máy chủ chốt



Tóm lược về Công ty và Bộ máy chủ chốt

Nhân sự chủ chốt



Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Duy Hưng (sinh năm 1962) tốt nghiệp Cử nhân Luật từ Đại học Luật Hà Nội và Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, đồng thời từng du học tại trường đại học Carl Schorlemmer Merseburg, Cộng hòa Dân chủ Đức từ năm 1980 đến 1984.

Ông Nguyễn Duy Hưng là người sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI. Ông đồng thời cũng là người sáng lập và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) – Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói chất lượng cao. Ông Nguyễn Duy Hưng vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng ba nhờ những đóng góp và xây dựng cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ông Nguyễn Duy Hưng được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào năm 1999 khi Công ty được thành lập.

Ông Nguyễn Hồng Nam
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Hồng Nam (sinh năm 1967) có bằng Thạc sĩ Khoa học – Đại học Bách Khoa Lugansk, Ukraina. Ông là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Cùng với ông Nguyễn Duy Hưng, ông Nam tham gia sáng lập CTCP Chứng khoán SSI. Từ ngày 1/8/2020 – 31/7/2025, Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT SSI.

Ông Nguyễn Hồng Nam được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào năm 1999 khi Công ty được thành lập.



Ông Phạm Việt Muôn
Thành viên HĐQT, Trưởng Ủy ban Kiểm toán

Ông Phạm Việt Muôn (sinh năm 1954) có bằng Tiến sĩ Kinh tế tại Liên Xô. Ông Muôn nguyên là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển Doanh nghiệp. Ông là người có hiểu biết sâu rộng và có kinh nghiệm trên 15 năm trong việc tài cấu trúc và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Ông Muôn đồng thời là Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE).

Ông Phạm Việt Muôn được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào ngày 25/04/2019.



Ông Nguyễn Duy Khánh
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Duy Khánh (sinh năm 1991) tốt nghiệp Cử nhân Tài chính – Đại học George Washington – Hoa Kỳ. Ông Khánh đã có thời gian cùng làm việc với SSI trong giai đoạn triển khai dự án Chuyển đổi do McKinsey tư vấn (năm 2010). Ông cũng là người sáng lập SSI International Corp. và có nhiều đóng góp vào những thành công của SSI International Corp. Ông đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE).

Ông Nguyễn Duy Khánh được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào ngày 23/04/2015.



Ông Nguyễn Quốc Cường
Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Quốc Cường (sinh năm 1959) có bằng Thạc sĩ Quan hệ Quốc tế tại Trường Luật Fletcher, Hoa Kỳ. Ông Cường là một chính khách nổi tiếng, một nhà ngoại giao kỳ cựu của Việt Nam. Ông nguyên là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ và Nhật Bản. Hiện nay ông cũng là Cố vấn cao cấp tại Học viện Ngoại giao Việt Nam, đồng thời là chuyên gia tư vấn Hội đồng Lý luận Trung ương.

Ông Nguyễn Quốc Cường được bầu làm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI lần đầu tiên vào ngày 07/05/2022.

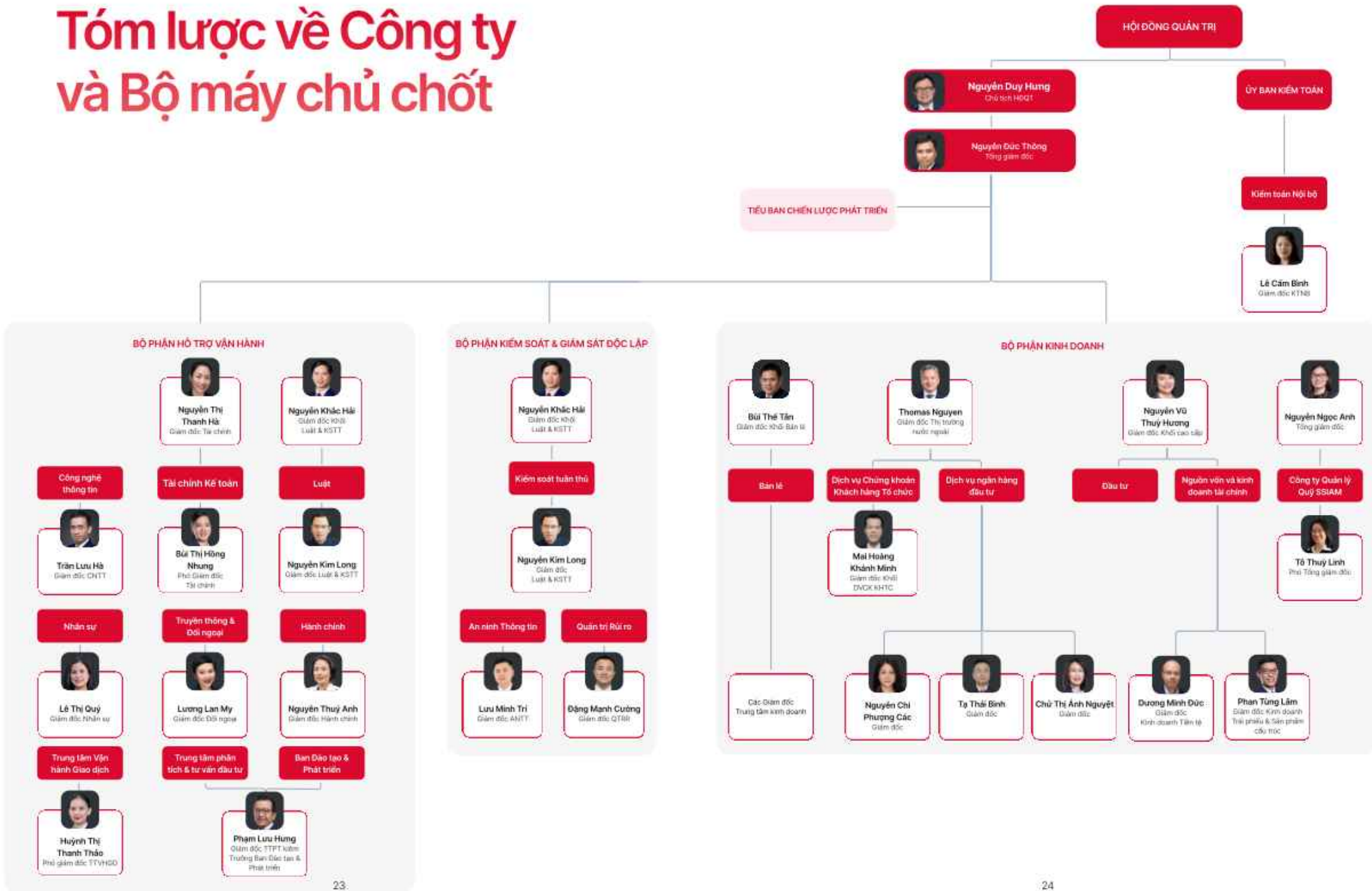


Ông Kosuke Mizuno
Thành viên HĐQT

Ông Kosuke Mizuno đã có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán tại các thị trường châu Á – Thái Bình Dương như Hồng Kông, Singapore. Từ 2008 đến nay, Ông nắm giữ nhiều vị trí cấp cao tại Tập đoàn Daiwa và các công ty con mà Daiwa đầu tư tại châu Á. Hiện nay, ông Mizuno giữ chức vụ Giám đốc điều hành cấp cao của Daiwa Securities Co. Ltd kiêm Chủ tịch/Thành viên HĐQT của hệ thống các công ty Daiwa Capital Markets.

Ông Kosuke Mizuno có bằng Cử nhân Kinh tế – Trường Đại học Keio, Nhật Bản năm 1992 và đã hoàn thành Chương trình lãnh đạo cấp cao tại Trường kinh doanh Stanford năm 2023.

Tóm lược về Công ty và Bộ máy chủ chốt



Báo cáo Hoạt động 2025

Tổng quan nền kinh tế thị trường 2025

Kinh tế Vĩ mô 2025

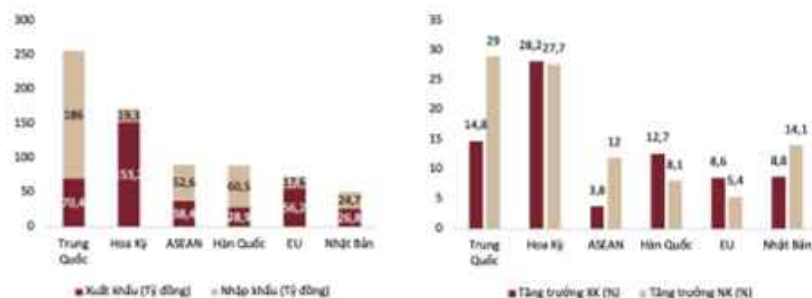
Việt Nam khép lại năm 2025 với mức tăng trưởng GDP thực đạt 8,02% svck – là minh chứng rõ nét cho khả năng chống chịu tốt trong bối cảnh môi trường toàn cầu nhiều thách thức. Nền kinh tế đã phục hồi thuyết phục sau giai đoạn chững lại hậu đại dịch, song những lợi ích sâu rộng hơn từ cải cách thể chế, nâng cao năng suất và phát triển thị trường vốn mới chỉ ở giai đoạn khởi đầu. Những kết quả từ việc thu hoạch sớm của quá trình cải cách này có thể sẽ được thể hiện rõ hơn từ năm 2026.

Xuất khẩu vượt kỳ vọng

Điểm sáng bất ngờ lớn nhất trong năm 2025 đến từ khu vực ngoại thương. Xuất khẩu hàng hóa tăng mạnh 17% svck bất chấp lo ngại về chủ nghĩa bảo hộ và rủi ro thuế quan toàn cầu. Kết quả này phản ánh sự phục hồi của sản xuất toàn cầu, đặc biệt ở các ngành điện tử và hàng tiêu dùng, đồng thời cho thấy sức hấp dẫn bền bỉ của Việt Nam như một trung tâm sản xuất trong bối cảnh các chuỗi cung ứng tiếp tục được tái cấu trúc và đa dạng hóa.

Nhập khẩu tăng 19,4% svck, phản ánh sản xuất mạnh chứ không phải cầu nội địa quá nóng. Đáng chú ý, các gián đoạn thương mại liên quan đến thuế đối ứng đã không xảy ra, củng cố vị thế ngày càng bền vững của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu vượt 930 tỷ USD (+18%), tạo ra thặng dư thương mại khoảng 20 tỷ USD. Dù điều kiện thương mại cải thiện, mức độ tập trung cao vào thị trường Mỹ vẫn là một rủi ro mang tính cấu trúc trong trung hạn.

Xuất/nhập khẩu của Việt Nam



Nguồn: Cục Thống kê

Sản xuất và dịch vụ dẫn dắt đà tăng

Xét theo phía cung, tăng trưởng được dẫn dắt bởi khu vực công nghiệp và dịch vụ. Giá trị gia tăng công nghiệp tăng 8,8% svck, trong đó sản xuất chế biến – chế tạo, động lực cốt lõi của nền kinh tế, tăng mạnh 9,97%, nhờ các ngành xe cộ, kim loại, nhựa, dệt may và điện tử. Khu vực dịch vụ tăng 8,62% svck, được hỗ trợ bởi sự phục hồi của du lịch và các lĩnh vực phục vụ tiêu dùng khi di chuyển và sinh hoạt trở lại trạng thái bình thường.

Tuy vậy, phục hồi cầu nội địa vẫn chưa đồng đều. Doanh thu bán lẻ danh nghĩa tăng 9,2%, tương đương 6,7% theo giá thực, thấp hơn mức tăng GDP. Khoảng cách này cho thấy một đặc điểm quen thuộc: tăng trưởng năm 2025 chủ yếu dựa vào xuất khẩu và sản xuất, trong khi tiêu dùng hộ gia đình đóng vai trò thứ yếu, chưa trở thành động lực tăng trưởng độc lập.

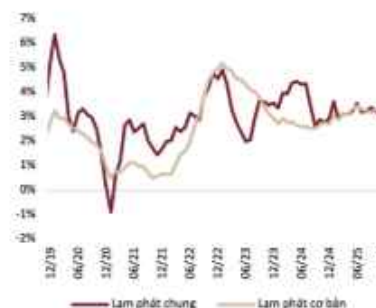
Câu chuyện hiệu quả đầu tư

Hoạt động đầu tư được cải thiện song hành với tăng trưởng sản lượng. Tổng vốn đầu tư tăng 8,7% svck, trong khi giá trị gia tăng xây dựng tăng 9,6%, nhờ giải ngân đầu tư công tốt hơn và dòng vốn FDI duy trì ổn định. Tuy nhiên, tăng trưởng năng suất còn khiêm tốn. Năng suất lao động thực tăng 6,83%, là một bước tiến tích cực nhưng vẫn thấp hơn tăng trưởng GDP, cho thấy tăng trưởng vẫn thiên về mở rộng đầu vào hơn là cải thiện hiệu quả đầu tư.

Lạm phát ổn định

Lạm phát năm 2025 nhìn chung duy trì ở mức ổn định, dù chịu tác động từ việc điều chỉnh rổ CPI theo hướng tăng tỷ trọng các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt là nhà ở – vật liệu xây dựng và lương thực – thực phẩm, khiến CPI nhạy hơn với giá điện, chi phí nhà ở và yếu tố mùa vụ của thực phẩm. Tuy nhiên, các áp lực này vẫn nằm trong tầm kiểm soát của công cụ chính sách, trong bối cảnh Việt Nam có năng lực điều tiết giá lương thực và quản lý giá các mặt hàng thiết yếu đã được kiểm chứng. CPI bình quân năm tăng 3,31%, trong khi lạm phát cơ bản duy trì ổn định ở 3,21%. Áp lực giá chủ yếu đến từ nhóm nhà ở và tiện ích, phần nào được bù đắp bởi xu hướng giảm của chi phí vận tải và viễn thông. Giá sản xuất cũng tăng lên do biến động giá hàng hóa toàn cầu và áp lực chi phí trong nước. Dù điều này gây áp lực biên lợi nhuận cho doanh nghiệp chế biến, nó lại có lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa cơ bản và ngành tiện ích, góp phần ổn định vĩ mô.

Chỉ số giá tiêu dùng



Chỉ số giá sản xuất



Nguồn: Cục Thống kê

Phối hợp chính sách: Tài khóa mở rộng, tiền tệ thận trọng

Cơ cấu chính sách năm 2025 cho thấy vai trò ngày càng lớn của chính sách tài khóa, trong khi chính sách tiền tệ duy trì trạng thái hỗ trợ nhưng thận trọng. Thu ngân sách tăng gần 30% svck, nợ công được kiểm soát quanh 37% GDP, và đầu tư công đẩy nhanh tiến độ hạ tầng. Giải ngân FDI đạt kỷ lục 27,6 tỷ USD (+9% svck), tập trung vào sản xuất, bất động sản công nghiệp và các ngành công nghệ cao như bán dẫn.

Điều kiện tiền tệ vẫn hỗ trợ tăng trưởng. Tính đến 22/12/2025, M2 tăng 14,98% từ đầu năm, tiền gửi tăng 13,68%, và tín dụng tăng 17,65%, so với 13,4% năm 2024. Khoảng cách ngày càng lớn giữa tăng trưởng thanh khoản và tín dụng cần được theo dõi chặt chẽ trong năm 2026, đặc biệt trong bối cảnh VND hiện đang yếu hơn so với một số đồng tiền trong khu vực. Dù biến động tỷ giá vẫn trong tầm kiểm soát, xu hướng USD mạnh kéo dài có thể làm gia tăng rủi ro đối ngoại, củng cố nhu cầu quản lý thanh khoản thận trọng và tiếp tục cải cách hệ thống ngân hàng.



Nguồn: Cục Thống kê

Thị trường Chứng khoán 2025

Bức tranh chung: Thị trường chứng khoán toàn cầu tích cực

TTCK toàn cầu ghi nhận năm tăng trưởng hai con số thứ ba liên tiếp nhờ nền tảng lợi nhuận doanh nghiệp vững chắc và FED dần hạ lãi suất cũng như đồng USD suy yếu (DXY giảm hơn 9%, mức giảm mạnh nhất từ 2017). Chỉ số MSCI EM (cho các thị trường mới nổi) tăng 30,6%, chỉ số MSCI Asia Pacific tăng 25,3%. Trên TTCK Mỹ, S&P 500 tăng 16,4%, thiết lập đỉnh lịch sử mới liên tiếp nhờ nhóm cổ phiếu công nghệ và AI.

Thị trường hàng hóa thế giới năm 2025 cũng chứng kiến sự bùng nổ của giá kim loại quý do lo ngại căng thẳng địa chính trị leo thang, áp lực lạm phát do thuế quan, FED giảm lãi suất và các NHTW tăng mua vàng khi USD suy yếu. Tính chung, chỉ số Bloomberg Commodity Index tăng 11,1% trong năm; trong đó bạc tăng 148% vượt mức tăng của vàng là 64,6%. Đồng tăng 43,9% nhờ nhu cầu từ hạ tầng AI và năng lượng xanh. Trong khi đó, giá dầu khép lại năm với mức giảm 19,9% trên giá dầu WTI và 18,5% trên giá dầu Brent, mạnh nhất kể từ năm 2020 khi thị trường dầu đối mặt với rủi ro nguồn cung toàn cầu tiếp tục tăng.

Thị trường chứng khoán Việt Nam

TTCK Việt Nam khép lại năm 2025 bằng những con số kỷ lục. VNIndex thiết lập đỉnh cao mọi thời đại, chốt năm 2025 tại 1.784,49 điểm, tăng trưởng 41% so với đầu năm. Năm 2025 cũng ghi nhận mức tăng điểm tuyệt đối cao nhất lịch sử với hơn 517 điểm. Với kết quả này, Việt Nam nổi lên khi trở thành một trong những TTCK có hiệu suất cao nhất.

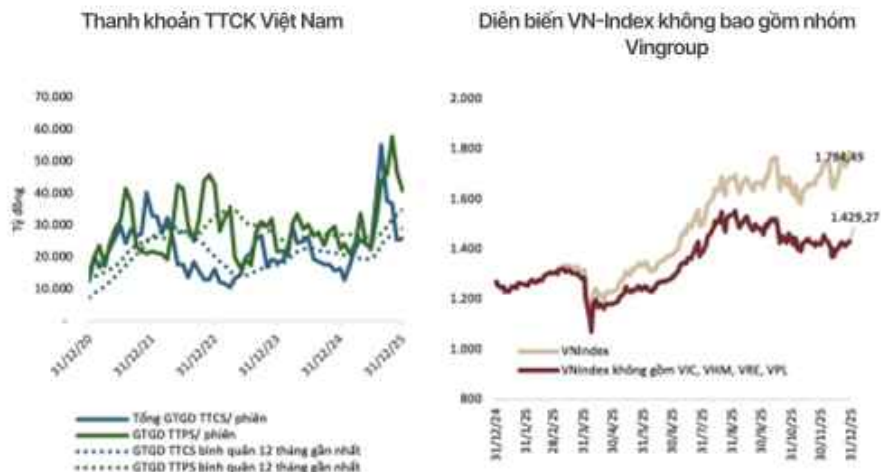


Nguồn: SSI Research

Sự thành công của TTCK Việt Nam năm 2025 đến từ các yếu tố nền tảng nhưng động lực chính đến từ các sự kiện mang tính bước ngoặt. Việc vận hành thành công hệ thống KRX ổn định và hiệu quả giúp nâng cao năng lực giao dịch và là điều kiện tiên quyết cho việc triển khai các sản phẩm tài chính hiện đại đáp ứng các tiêu chí nâng hạng quốc tế. FTSE Russell chính thức nâng hạng Việt Nam lên thị trường mới nổi thứ cấp (Secondary Emerging Market) là sự công nhận cao nhất cho những nỗ lực cải cách bền bỉ và toàn diện của Chính phủ. Cột mốc này mở ra cánh cửa cho Việt Nam đón nhận dòng vốn lớn trong các chu kỳ tới.

Cải cách pháp lý sâu rộng và sự chủ động trong việc đa dạng hóa sản phẩm tài chính cũng là điểm nhấn quan trọng. Nghị quyết 05/2025/NQ-CP chính thức triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa trong 5 năm, thể hiện tầm nhìn cởi mở của Chính phủ trong việc quản lý và tận dụng xu hướng công nghệ tài chính mới. Sự ra đời của Hợp đồng tương lai VN100 (10/10/2025) cung cấp thêm công cụ phòng vệ rủi ro và giao dịch hiệu quả cho NĐT chuyên nghiệp, đa dạng hóa lựa chọn trên thị trường phái sinh. Nghị quyết 68-NQ/TW ban hành tháng 5/2025 và Nghị định 245/2025/NĐ-CP trở thành cú hích quan trọng cho TTCK Việt Nam khi tập trung thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân, thu hút vốn ngoại và kích hoạt làn sóng IPO và niêm yết của các doanh nghiệp lớn như TCBS (TCX), VPBankS (VPX) và VPS (VCK) đã mang lại thêm các cơ hội mới cho NĐT trên thị trường sơ cấp lần thứ cấp.

Năm 2025 ghi nhận sự phân hóa và sự đối nghịch của dòng vốn, nhưng vẫn lập kỷ lục lịch sử. GTGD bình quân phiên trên thị trường cơ sở năm 2025 đạt 29,3 nghìn tỷ đồng (tăng mạnh 39,8% so với năm 2024) với mức đỉnh thanh khoản 86 nghìn tỷ đồng ngày vào 05/08 và trung bình 55 nghìn tỷ đồng/phiên trong cả tháng 8. Trên thị trường phái sinh, GTGD đạt bình quân 40,3 nghìn tỷ đồng/phiên, cũng tăng trưởng mạnh 48,9% so với mức 27 nghìn tỷ đồng ở năm liền trước. Dù NĐTNN bán ròng kỷ lục 135 nghìn tỷ đồng, nối tiếp mức bán ròng 92,5 nghìn tỷ đồng trong năm 2024, TTCK Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng vượt trội nhờ sức mạnh dòng vốn trong nước, thể hiện qua số lượng tài khoản chứng khoán đạt 11,9 triệu vào cuối tháng 12/2025 (khoảng 11,6% dân số), hoàn thành trước hạn mục tiêu 11 triệu tài khoản vào năm 2030.



Nguồn: SSI Research

Bảng: VN-Index loại trừ nhóm Vingroup

	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	2025
Từ	31/12/24	24/1/25	28/2/25	31/3/25	29/4/25	30/5/25	30/6/25	31/7/25	29/8/25	30/9/25	31/10/25	29/11/25	31/12/25
Đến	24/1/25	28/2/25	31/3/25	29/4/25	30/5/25	30/6/25	31/7/25	29/8/25	30/9/25	31/10/25	29/11/25	31/12/25	31/12/25
VN-Index													
Đóng cửa	1282,78	1282,28	1302,94	1286,88	1296,3	1322,0	1376,37	1325,22	1482,21	1491,7	1439,05	1492,39	1794,25
Thay đổi điểm index (%)	-0,33	-0,31	1,6	-0,84	1,52	1,97	3,97	-3,59	7,99	0,67	-4,02	4,11	15,71
	-0,1%	-0,2%	0,1%	-0,2%	0,2%	0,3%	0,3%	-0,3%	0,3%	0,2%	-0,3%	0,3%	0,9%
Biến động góp													
VC	-0,14	0,72	10,38	0,18	27,27	-0,2	8,83	21,04	-1,43	14,48	30,34	27,07	220,21
VHM	-0,44	1,07	8,84	4,88	16,87	-0,66	12,71	13,76	-1,43	-0,24	3,43	16,84	76,7
VRE	-0,33	0,46	3,85	3,45	2,07	-1,01	1,83	1,21	0,89	0,05	0,43	-0,37	8,23
VPL					1,46	2,24	-4,95	-1,04	0	-2,28	7,34	-0,21	0,46
Thay đổi điểm index (%)	-0,98	3,67	28,25	15,23	46,34	-0,53	10,43	6,58	-0,81	10,34	21,43	16,34	364,22
VN-Index loại trừ VC, VHM, VRE, VPL (ngày cơ sở: 31/12/2024)													
Đóng cửa	1282,78	1282,21	1302,44	1279,88	1179,51	1216,42	1282,41	1300,42	1323,18	1473,76	1441,14	1421	1286,78
Thay đổi điểm index = (I) - (II)	-0,77	37,44	-34,78	48,13	36,84	46	100,03	144,7	-61,43	30,21	-20,14	6,27	102,49
	-0,1%	2,9%	-2,6%	3,8%	3,1%	3,1%	0,8%	0,8%	-4,6%	2,1%	-1,4%	0,4%	7,9%

Nguồn: SSI Research

Tình hình Tài chính 2025

Kết thúc năm 2025, quy mô tài sản và nguồn vốn của SSI tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trong ngành chứng khoán, tổng tài sản đạt 94.050 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đạt 32.066 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt là 27,9% và 19,5% so với năm 2024. SSI tiếp tục kiên định với chiến lược phân bổ tài sản đầu tư vào các tài sản an toàn, có tính thanh khoản cao. Đây không chỉ là bộ đệm vốn vững chắc, mà còn tạo ra nguồn doanh thu ổn định, bền vững.

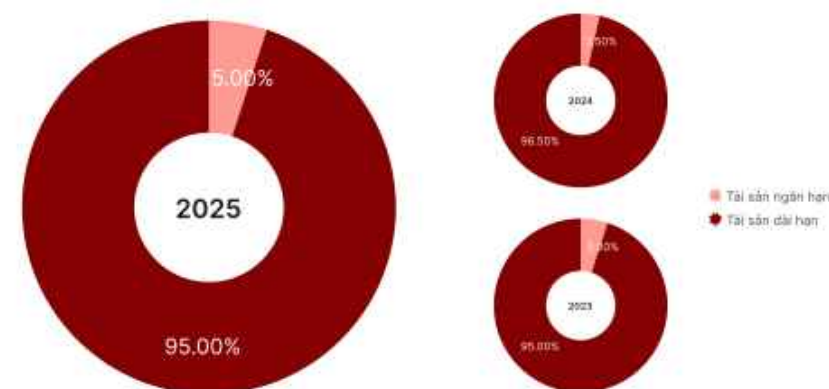
Cơ cấu tài sản – nguồn vốn giai đoạn 2021 – 2025

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Tài sản ngắn hạn	46.539	48.732	65.755	70.932	89.323
Tài sản chính ngắn hạn	46.464	48.622	65.659	70.814	89.192
Tiền và tương đương tiền	1.114	1.418	494	239	3.646
Các tài sản chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	12.023	30.493	44.072	42.438	38.258
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.834	3.508	4.973	3.894	5.231
Các khoản cho vay	23.698	11.057	15.134	21.999	38.940
Các khoản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	272	382	416	562	599
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản chính và tài sản thế chấp	(62)	(37)	(33)	(55)	(0)
Tổng các khoản phải thu	1.586	1.801	603	1.737	2.518
Tài sản ngắn hạn khác	75	110	96	119	131
Tài sản dài hạn	4.253	3.494	3.486	2.575	4.727
Đầu tư vào các công ty liên kết	602	617	650	687	715

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Đầu tư chứng khoán dài hạn	3.087	2.156	2.171	938	2.972
Tài sản cố định	189	282	269	231	187
Bất động sản đầu tư	233	265	236	200	290
Tài sản dở dang dài hạn	35	26	32	388	472
Tài sản dài hạn khác	107	148	127	130	91
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	50.793	52.226	69.241	73.507	94.050
Nợ phải trả ngắn hạn	36.479	29.788	45.939	46.599	61.902
Vay ngắn hạn	31.121	27.892	43.169	45.502	60.161
Nợ phải trả ngắn hạn khác	5.358	1.896	2.770	1.097	1.741
Nợ phải trả dài hạn	94	54	61	81	82
Nợ phải trả dài hạn khác	94	54	61	81	82
Vốn chủ sở hữu	14.220	22.384	23.241	26.827	32.066
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	50.793	52.226	69.241	73.507	94.050

Cơ cấu tài sản SSI từ năm 2023 – 2025



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Tài sản ngắn hạn chiếm 95% cơ cấu tổng tài sản năm 2025, với giá trị đạt hơn 89.323 tỷ đồng, tăng 25,9% so với năm 2024. Trong đó, tiền và các khoản tương đương tiền ở mức 3.646 tỷ đồng, tăng mạnh so với thời điểm cuối năm 2024. Đây phần lớn là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng, sẵn sàng đảm bảo khả năng thanh khoản cho hoạt động kinh doanh, đồng thời góp phần đem lại doanh thu tài chính cho SSI.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) tại thời điểm 31/12/2025 đạt mức 38.258 tỷ đồng. Đây cũng là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất (42,8%) trong cơ cấu Tài sản ngắn hạn. Với việc chủ động nắm bắt và đánh giá thị trường, danh mục FVTPL được duy trì tập trung vào các nhóm tài sản an toàn, thanh khoản tốt và ít bị tác động bởi biến động thị trường. Cụ thể, danh mục cổ phiếu và chứng khoán/chứng chỉ quỹ đã thu hẹp 33,8% so với năm 2024, ghi nhận số dư ở mức 1.765 tỷ đồng, được phân bổ tập trung vào các cổ phiếu đầu ngành, tiềm năng sinh lời tốt và phù hợp với chiến lược đầu tư của SSI. Trong danh mục đầu tư cổ phiếu, có gần 1.129 tỷ đồng là phục vụ cho mục đích phòng ngừa rủi ro (hedging) cho sản phẩm chứng quyền mà Công ty phát hành. SSI được biết đến là một trong những công ty tích cực nhất và chiếm thị phần cao trong hoạt động phát hành và tạo lập thị trường cho sản phẩm chứng quyền.

Danh mục trái phiếu thuộc nhóm FVTPL giảm 11,6% so với cùng kỳ, ghi nhận 13.285 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2025. Đây là kênh đầu tư an toàn và mang lại hiệu quả tốt khi SSI đầu tư chủ yếu vào các trái phiếu ngân hàng lớn và có tín nhiệm tốt, thực hiện cam kết thanh toán đúng hạn. Bên cạnh đó, quy mô chứng chỉ tiền gửi giảm 6,2% so với năm 2024, đạt 23.208 tỷ đồng. Đây là một kênh phân bổ vốn an toàn, đem lại lợi nhuận ổn định cho Công ty trên cơ sở tận dụng lợi thế của SSI về quy mô nguồn vốn cũng như các dự đoán chính xác về xu thế lãi suất.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) ghi nhận 599 tỷ VNĐ tại 31/12/2025, tăng nhẹ 6,6% so với năm 2024. Danh mục AFS chủ yếu bao gồm các khoản đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, hạ tầng và được phẩm như PAN Farm, CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả và Tổng Công ty Dược Việt Nam. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) có số dư 5.231 tỷ đồng, bao gồm tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của SSI.

Các khoản cho vay, bao gồm cho vay hoạt động ký quỹ và ứng trước tiền bán của khách hàng, ghi nhận tại ngày 31/12/2025 là 38.940 tỷ đồng, chiếm 43,6% trong tài sản ngắn hạn và tăng mạnh ở mức 77% so với số dư tại thời điểm cuối năm 2024 – xác lập đỉnh mới trong lịch sử hoạt động cho vay ký quỹ của SSI. Dư địa mở rộng cho vay ký quỹ luôn dồi dào khi SSI có sẵn nguồn vốn để tăng dư nợ margin lên mức tối đa cho phép và trong phạm vi khẩu vị rủi ro. Công ty luôn bám sát các xu hướng biến động và nhu cầu thị trường, sẵn sàng nguồn lực để phục vụ nhà đầu tư khi thị trường khởi sắc trở lại.

Hoạt động cho vay ký quỹ của SSI luôn được kiểm soát chặt chẽ trong khuôn khổ quản trị rủi ro nghiêm ngặt, nhờ vào sự phối hợp kiểm tra nhiều lớp giữa các bộ phận Kiểm soát Nghiệp vụ, Dịch vụ Tài chính, QTRR, cùng với quy trình rà soát hậu kiểm định kỳ của KTNB và KSNB. Quy trình QTRR đối với hoạt động này được triển khai toàn diện, bao gồm xây dựng hệ thống chấm điểm cố phiếu đủ điều kiện vay ký quỹ, thiết lập các tỷ lệ hạn mức hợp lý, giám sát chặt chẽ biến động rủi ro tiềm tàng hàng ngày và thực thi kỷ luật quản lý rủi ro khi khoản vay chạm ngưỡng cảnh báo. Nhờ công tác kiểm soát rủi ro nghiêm ngặt, SSI không chỉ giúp khách hàng giao dịch đầu tư linh hoạt và an toàn mà còn bảo toàn vốn cho Công ty, duy trì nhiều năm liền không phát sinh nợ xấu hay nợ khó đòi.

Tài sản dài hạn ghi nhận ở mức 4.727 tỷ đồng, chiếm 5,02% tổng tài sản. Danh mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có số dư 2.972 tỷ đồng trong đó bao gồm các trái phiếu Ngân hàng dài hạn. Bên cạnh đó, SSI vẫn trực tiếp nắm giữ 12,75% cổ phần tại CTCP Tập đoàn PAN (PAN – HOSE). Đây là công ty phù hợp với định hướng đầu tư dài hạn của SSI, do đó SSI sẽ tiếp tục đồng hành trên chặng đường phát triển của đơn vị này.

Cơ cấu nguồn vốn

Hoạt động Nguồn vốn đóng vai trò then chốt trong việc phân bổ hiệu quả nguồn lực, góp phần giúp SSI kinh doanh hiệu quả, đồng thời duy trì được một nền tảng tài sản an toàn và tăng trưởng bền vững qua các năm. Vốn chủ sở hữu của SSI tại ngày 31/12/2025 đạt mức 32.066 tỷ đồng, chiếm 34,1% tổng nguồn vốn và tăng trưởng 19,5% so với năm 2024. Nền tảng vốn chủ sở hữu vững mạnh không chỉ đảm bảo sự bền vững trong hoạt động kinh doanh của SSI mà còn tăng cường khả năng triển khai các sản phẩm, dịch vụ tài chính đến khách hàng. Đặc biệt, nguồn vốn dồi dào giúp Công ty tối ưu hóa hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và đầu tư với chi phí hợp lý, nâng cao hiệu quả cạnh tranh trên thị trường.

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 ghi nhận ở mức 61.984 tỷ đồng, chiếm 65,9% tổng nguồn vốn. Bên cạnh việc sở hữu nền tảng vốn chủ sở hữu vững mạnh, SSI luôn kết hợp sử dụng đòn bẩy tài chính để tối ưu chi phí sử dụng vốn. Phải trả ngắn hạn thời điểm cuối năm 2025 là 61.902 tỷ đồng. Các khoản vay này chủ yếu đến từ các khoản vay ngân hàng ngắn hạn, với số dư cuối năm là 60.160 tỷ đồng. Nhờ sở hữu nguồn vốn chủ sở hữu dồi dào ứng lớn cùng với uy tín và mối quan hệ hợp tác bền vững với các ngân hàng, SSI đã nâng hạn mức tín dụng với các ngân hàng trong nước và duy trì quan hệ thông qua hợp tác với các NHNN hoạt động tại Việt Nam, đặc biệt là các ngân hàng đến từ Hàn Quốc và Đài Loan. Khi tham gia vào thị trường vốn quốc tế, SSI cũng chủ động mở vị thế trong các hợp đồng ngoại tệ kỳ hạn nhằm phòng ngừa rủi ro tỷ giá, giảm thiểu tác động tiêu cực đến KQKD.

Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Kết quả kinh doanh	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần (tỷ VND)	7.786	6.517	7.281	8.709	13.112
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (tỷ VND)	3.252	2.100	2.846	3.544	5.077
Lợi nhuận khác (tỷ VND)	113	10	1	(0)	6
Tổng lợi nhuận trước thuế (tỷ VND)	3.365	2.110	2.849	3.544	5.083
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	2.695	1.698	2.294	2.845	4.107
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (tỷ VND)	2.696	1.699	2.293	2.835	4.106

Bảng cân đối tài sản	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng tài sản (tỷ VND)	50.793	52.226	69.241	73.507	94.050
Vốn điều lệ (tỷ VND)	9.848	14.911	15.011	19.639	20.779
Tổng số lượng cổ phiếu bình quân giá quyền	880.992.801	1.187.083.380	1.497.494.833	1.824.528.405	2.000.373.695
Nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ VND)	14.220	22.384	23.241	26.827	32.066

Cơ cấu tài sản	2021	2022	2023	2024	2025
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	91,6%	93,3%	95,0%	96,50%	94,97%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	8,4%	6,7%	5,0%	3,5%	5,03%

Cơ cấu nguồn vốn	2021	2022	2023	2024	2025
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	72,0%	57,1%	66,4%	63,5%	65,91%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	28%	42,9%	33,6%	36%	34,09%

Tỷ suất lợi nhuận	2021	2022	2023	2024	2025
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	5,3%	3,25%	3,21%	3,87%	4,37%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	19%	7,6%	9,87%	10,67%	12,86%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	27,4%	11,39%	15,28%	14,49%	19,76%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	34,6%	26,05%	31,51%	32,67%	31,32%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu EPS (VND)	2.852	1.389	1.531	1.450	2.053

Khả năng thanh toán	2021	2022	2023	2024	2025
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	1,28	1,64	1,43	1,52	1,44
Chỉ số thanh toán nhanh ((Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn) / Nợ ngắn hạn)	1,23	1,57	1,42	1,48	1,40

Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Kết quả kinh doanh 2025

Năm 2025, SSI tiếp tục bứt phá mạnh mẽ, giữ vững vị thế dẫn đầu thị trường khi tận dụng môi trường thanh khoản tích cực và sức bật tâm lý NĐT, qua đó củng cố nền tảng tăng trưởng bền vững dựa trên quy mô, năng lực triển khai và chiến lược số hóa. Doanh thu thuần đạt 13.160 tỷ đồng, tăng 51,1%, và lợi nhuận trước thuế đạt 5.085 tỷ đồng, tăng 43,5%, với cơ cấu doanh thu cân bằng giữa dịch vụ chứng khoán, cho vay ký quỹ, đầu tư và nguồn vốn.

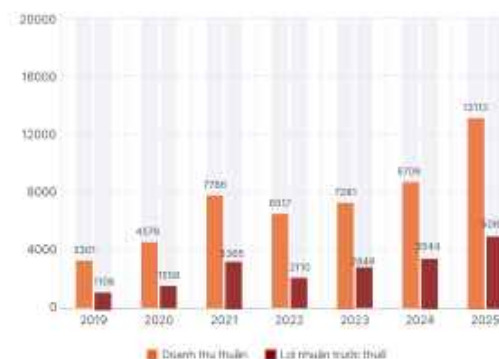
Mảng Dịch vụ Chứng khoán – đặc biệt là hoạt động Bán lẻ và Dự án Kinh doanh trực tuyến (Digital Sales) – ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc. Với hơn 108 nghìn tài khoản mở mới qua kênh số và tỷ lệ khách hàng active tăng lên 19,2%. Nền tảng số trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng doanh thu dịch vụ. Đồng thời, việc mở rộng dư nợ margin trên cơ sở kiểm soát rủi ro thận trọng giúp Công ty duy trì chất lượng tài sản tốt và cải thiện sức cạnh tranh trong phân khúc KHCN. Đối với phân khúc KHTC, SSI tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu khi doanh thu tăng 82% và lợi nhuận tăng 85% so với năm trước. Công ty ghi nhận sự bứt phá trong nửa cuối năm khi trở lại vị trí dẫn đầu môi giới khối nước ngoài nhờ việc đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng giao dịch DMA, thuật toán và mở rộng tập khách hàng.

Mảng Đầu tư và Kinh doanh Nguồn vốn tiếp tục đóng góp quan trọng vào cơ cấu lợi nhuận. Doanh thu đầu tư năm 2025 ước đạt 1.593 tỷ đồng, trong đó danh mục FVTPL được quản trị chặt chẽ nhằm cân bằng giữa mục tiêu lợi nhuận và an toàn vốn. Cùng với đó, việc tối ưu cấu trúc tài sản ngắn hạn và chiến lược thanh khoản linh hoạt đã giúp SSI củng cố sức mạnh tài chính và tăng khả năng chủ động trước các biến động thị trường.

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư duy trì vai trò dẫn dắt thị trường khi liên tiếp triển khai các thương vụ quy mô lớn trên cả thị trường vốn (ECM), thị trường nợ (DCM) và tư vấn tài chính doanh nghiệp (CF), qua đó đạt tăng trưởng doanh thu gần 16% và vượt kế hoạch, khẳng định năng lực cấu trúc và thực thi vượt trội của SSI ngay trong bối cảnh thị trường nhiều biến động.

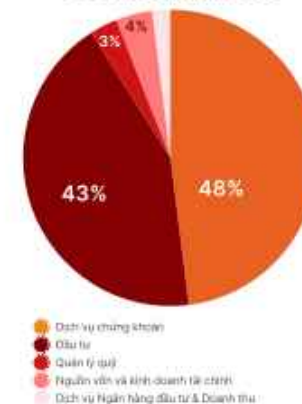
Lĩnh vực quản lý tài sản do Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) phụ trách cũng ghi nhận một năm tăng trưởng mạnh với tổng tài sản quản lý đạt 24.481 tỷ đồng, tăng 63% so với năm 2024. Việc mở rộng của hệ thống phân phối và chiến lược sản phẩm nhất quán giúp SSIAM củng cố vị thế là một trong những công ty quản lý quỹ hàng đầu tại Việt Nam.

Kết quả kinh doanh SSI từ năm 2020 – 2025 (tỷ đồng)



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Cơ cấu doanh thu 2025



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất Kiểm toán SSI

Báo cáo chi tiết hoạt động năm 2025

Vai trò và vị thế của SSI trong ngành chứng khoán

Năm 2025 đánh dấu một giai đoạn chuyển mình quan trọng của thị trường vốn Việt Nam, khi nền kinh tế bước vào chu kỳ phục hồi rõ nét hơn, quá trình nâng hạng thị trường tiếp tục được thúc đẩy, và dòng vốn trong – ngoài nước có dấu hiệu gia tăng trở lại. Trong bối cảnh đó, SSI tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những định chế tài chính trung gian hàng đầu, giữ vị thế quan trọng trong hệ sinh thái thị trường vốn Việt Nam.

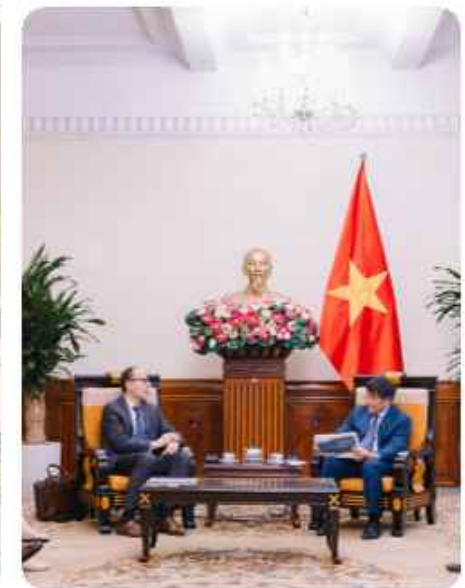
Trước hết, về quy mô và năng lực tài chính, SSI duy trì nền tảng vốn chủ vững mạnh, QTRR thận trọng và cấu trúc tài chính an toàn. Điều này cho phép Công ty chủ động trong việc cung cấp thanh khoản cho thị trường, đặc biệt thông qua hoạt động môi giới, cho vay ký quỹ và tạo lập thị trường. Trong năm 2025, khi thanh khoản thị trường có sự bùng nổ mạnh mẽ nhưng vẫn tồn tại những giai đoạn biến động, việc duy trì hệ số an toàn tài chính cao và quản lý rủi ro chặt chẽ giúp SSI vừa đảm bảo hiệu quả kinh doanh, vừa góp phần ổn định tâm lý NĐT.

Về hoạt động môi giới và dịch vụ khách hàng, SSI tiếp tục nằm trong nhóm dẫn đầu thị phần trên thị trường cổ phiếu và chứng chỉ quỹ với thị phần tăng trưởng rõ rệt qua từng quý. Tuy nhiên, SSI không chỉ tập trung vào con số thị phần, mà hướng tới nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm nhà đầu tư. Trong năm 2025, Công ty đẩy mạnh đầu tư công nghệ, tối ưu hóa nền tảng giao dịch trực tuyến, cá nhân hóa sản phẩm đầu tư và gia tăng hàm lượng tư vấn chuyên sâu cho cả khách hàng cá nhân và tổ chức. Sự kết hợp giữa công nghệ và đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm là nền tảng để SSI duy trì lợi thế cạnh tranh trong môi trường ngày càng khốc liệt.

Ở mảng ngân hàng đầu tư (IB), năm 2025 ghi nhận sự phục hồi tích cực của hoạt động tư vấn phát hành và tài cấu trúc vốn. SSI tiếp tục đóng vai trò là đơn vị tư vấn và thu xếp vốn cho nhiều doanh nghiệp lớn, đặc biệt trong các lĩnh vực hạ tầng, năng lượng, tiêu dùng và tài chính. Trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế tư nhân và thúc đẩy các dự án quy mô lớn, SSI đóng vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp và nguồn vốn dài hạn từ thị trường. Công ty không chỉ cung cấp giải pháp huy động vốn, mà còn đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc nâng cao chuẩn mực quản trị, minh bạch thông tin và xây dựng chiến lược tài chính bền vững.

Về hoạt động quản lý tài sản, năm 2025 ghi nhận SSI đã có bước tiến mang tầm chiến lược với việc ra mắt SSI Digital Ventures – một nền tảng đầu tư đổi mới do Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM) quản lý, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ và thúc đẩy chuyển đổi số tại Việt Nam. Sự kiện ra mắt SSI Digital Ventures đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, không chỉ mở rộng phạm vi hoạt động của SSI trong quản lý tài sản mà còn thể hiện sự tiên phong trong việc góp phần xây dựng hệ sinh thái công nghệ bền vững, ứng dụng các giải pháp số và Blockchain vào phát triển kinh tế – xã hội.

Một điểm nhấn quan trọng trong năm 2025 là vai trò của SSI trong tiến trình nâng hạng thị trường. Với tư cách là doanh nghiệp niềm yết quy mô lớn và là một trong những CTCK có mức độ tiếp xúc cao với NĐTNN, SSI chủ động nâng chuẩn CBTT, tăng cường đối thoại quốc tế và tham gia tích cực các hội nghị xúc tiến đầu tư tại khu vực. Các trao đổi liên tục giữa các cơ quan quản lý nhà nước như UBCK, Bộ Tài chính với các tổ chức quốc tế như FTSE Russell, Nasdaq, Vanguard, VanEck... do SSI sắp xếp giúp rút ngắn khoảng cách giữa các bên, cùng nhau tìm giải pháp để thúc đẩy sự phát triển chung cho thị trường vốn Việt Nam.



Báo cáo hoạt động Tiểu ban Chiến lược Phát triển 2025

Tiền thân từ các sáng kiến S-Shine, Tiểu ban Chiến lược & Phát triển (TBCL) được thành lập và chính thức đi vào vận hành từ năm 2024 với vai trò đầu mối thúc đẩy chuyển đổi trong toàn Công ty. TBCL đảm nhiệm việc dẫn dắt, điều phối thi điểm các chương trình chuyển đổi, đánh giá nhanh hiệu quả triển khai, từ đó chuẩn hóa mô hình và nhân rộng để lan tỏa tác động trên diện rộng. Trọng tâm của TBCL là đưa chuyển đổi trở thành một dòng chảy thường xuyên trong văn hóa và vận hành hằng ngày – với quy trình rõ ràng, dữ liệu minh bạch, công nghệ được ứng dụng đúng trọng tâm và nguồn lực con người được phát huy đúng năng lực.

Sản phẩm & Trải nghiệm – Nhìn từ lăng kính người dùng

Với người dùng, một “trải nghiệm tốt” không nằm ở những thông điệp lớn lao, mà được “chạm tới” ngay ở những thao tác nhỏ diễn ra mỗi ngày: mở tài khoản nhanh và an toàn, nạp tiền thuận tiện, đặt lệnh tường minh, theo dõi danh mục minh bạch, và được hỗ trợ đúng lúc khi thị trường biến động. Từ lăng kính đó, các cải tiến sản phẩm của SSI tập trung vào giảm ma sát, tối ưu hiệu quả ngay trong từng khoảnh khắc. Trên iBoard, việc triển khai 70+ gói nâng cấp với 145+ hạng mục giúp nâng độ ổn định, hiệu năng và tính nhất quán của các luồng giao dịch; đồng thời bổ sung các năng lực “dùng được ngay” như Smart OTP đồng bộ Web-App, nạp tiền đa ngân hàng, và chuẩn hóa các màn hình trọng yếu (Trang chủ, quản lý tài sản, quản lý vay ký quỹ). Ở khâu mở tài khoản, eKYC qua VNetID cấp độ 2 đã rút ngắn thời gian xác thực xuống khoảng ~30 giây, tăng tính an toàn và giảm rào cản bắt đầu với các khách hàng mới. Các tiện ích hỗ trợ quyết định đầu tư cũng được đưa gần hơn tới người dùng trên kênh số: tích hợp nội dung khuyến nghị vào mỗi buổi sáng, tại điểm đặt lệnh và bổ sung trợ lý AI hỗ trợ theo ngữ cảnh trên tất cả các nền tảng. Khi các cải tiến này được duy trì như một nhịp vận hành chuẩn mực, chuyển đổi trở thành hệ quả có thể cảm nhận và kiểm chứng – ngay trong cách người dùng giao dịch mỗi ngày.

Dữ liệu – Huyết mạch của một hệ sinh thái đang chuyển mình

Tại SSI, “data-driven” không chỉ là có nhiều dữ liệu, mà là chuẩn hoá cách dữ liệu được thu thập, lưu chuyển, đo lường và sử dụng để phục vụ vận hành và quyết định kinh doanh một cách nhất quán. Trọng tâm là xây dựng năng lực tự chủ về dữ liệu – từ chuẩn hóa định nghĩa chỉ số, thiết kế luồng ghi nhận, đến hệ thống báo cáo và dashboard – giúp các đơn vị nhìn cùng một “phiên bản sự thật” (Single Source of Truth) khi đánh giá hiệu quả sản phẩm, chiến dịch, hành vi người dùng và hiệu suất vận hành. Đi cùng với đó là yêu cầu bảo mật và tuân thủ xuyên suốt vòng đời dữ liệu: kiểm soát truy cập theo vai trò, ghi vết thay đổi, và bảo vệ dữ liệu nhạy cảm để đảm bảo minh bạch nhưng không đánh đổi an toàn thông tin. Khi dữ liệu được chuẩn hoá và bảo vệ đúng cách, các quyết định quan trọng – từ ưu tiên phát triển tính năng, tối ưu hành trình khách hàng, đến phân bổ nguồn lực kinh doanh – đều có thể được kiểm chứng bằng số liệu, giảm phụ thuộc vào cảm tính và nâng tốc độ ra quyết định trong chuyển động thị trường thay đổi liên tục.

AI & Tự động hoá: Giải phóng nguồn lực để con người phát huy đúng chỗ

AI sẽ không thể thay thế con người, mà để giảm tải các thao tác thủ công và công việc mang tính thủ tục, từ đó trả lại thời gian cho những phần việc cần trí tuệ, phán đoán và sáng tạo – đồng thời tạo điều kiện để con người kết nối và phối hợp nhiều hơn trong vận hành. Trên nền tảng S-Office (“Your Digital Office”), luồng trình ký/phê duyệt đã được triển khai 100% online, giúp chuẩn hóa cách công việc được khởi tạo, theo dõi và hoàn tất theo thời gian thực.

Kết quả ghi nhận:

- 58.000 yêu cầu dịch vụ nội bộ được tạo và xử lý online
- 2.000+ văn bản/hợp đồng được ban hành tự động sau 3 tháng go-live
- Gần 300 hạng mục được tối ưu/ số hóa/ paperless tại 12 khối phòng ban
- 95% người dùng đã sử dụng dịch vụ nội bộ

Khi “phần máy” đảm nhiệm tác vụ lặp đi lặp lại và chuẩn hóa luồng công việc, “phần người” được tập trung vào chất lượng phối hợp, xử lý ngoại lệ, nâng chuẩn dịch vụ và lan tỏa tri thức – từ đó tăng hiệu quả vận hành nhưng vẫn giữ được yếu tố gắn kết của tổ chức.



Nâng cao năng lực tiếp cận thị trường & bán hàng

Trong bối cảnh thị trường biến động liên tục, thói quen tiếp nhận thông tin và ra quyết định của NĐT cũng dịch chuyển nhanh hơn – đặc biệt là nhóm chủ động giao dịch và ưa tương tác trên các nền tảng mạng xã hội. Điều này tạo ra động lực để SSI thử nghiệm nhiều cách thức tiếp cận marketing & bán hàng hơn, mở rộng tập khách hàng mới và từng bước định hình các nhóm NĐT mới. Trên nền tảng đó, lực lượng mỗi giới và tư vấn đầu tư được trang bị thêm các công cụ tác nghiệp như nền tảng hỗ trợ bán hàng iBroker để tăng tốc độ phản hồi thị trường, nâng cao chất lượng tư vấn và giữ tính nhất quán trong tiêu chuẩn phục vụ khách hàng. Ngoài ra, các chương trình tập huấn và thi đua theo mục tiêu được triển khai nhằm tăng năng lực triển khai tại tuyến đầu – không phải “bán nhanh hơn”, mà “bán đúng hơn”: đúng nhu cầu, đúng thời điểm, đúng kênh và có thể đo lường hiệu quả. Quan trọng nhất, giá trị về niềm tin và sự uy tín của SSI phải luôn được bảo tồn. Khi năng lực tiếp cận thị trường được nâng cấp theo hướng thực chứng và linh hoạt, SSI có thêm dư địa để mở rộng độ phủ, tăng hiệu quả chuyển đổi và duy trì sự gắn kết dài hạn với NĐT ở một thị trường đã lên tầm cao mới.

Chuyển đổi chỉ có ý nghĩa khi đi liền với thực tiễn thị trường: triển khai đủ nhanh để bắt kịp chuyển động, nhưng đồng thời giữ tầm nhìn dài hạn và bám sát nhu cầu vận hành thật. TBCL luôn giữ trạng thái cân bằng đó – giữa tăng tốc hiện tại (giảm thủ công, tăng hiệu quả, chuẩn hóa cách làm) và mục tiêu dài hạn (nền tảng dữ liệu, năng lực công nghệ, quản trị rủi ro, và năng lực tổ chức). Hiệu quả các sản phẩm tài chính cũng được phản ánh rõ hơn ở những chỉ dấu chứng thực: dư nợ margin bình quân cuối tháng 12/2025 đạt 38.600 tỷ đồng và số khách hàng sử dụng vượt 41.000; mảng phái sinh ghi nhận doanh thu nửa cuối 2025 11 tỷ đồng (gấp 4 lần nửa đầu năm) và cải thiện vị thế thị phần (từ top 6 năm 2024 lên top 5 năm 2025, Q4/2025 top 4).

“Trust in Motion” không đến từ khẩu hiệu; nó được hình thành từ niềm tin vào tương lai và những tiêu chuẩn cao hơn, rồi được nuôi dưỡng bằng cách thức tiếp cận và giải quyết vấn đề mỗi ngày – nơi trí tuệ của con người kết hợp cùng các giải pháp công nghệ để tạo ra kết quả có thể kiểm chứng và liên tục được cải thiện vì giá trị lợi ích chung của khách hàng – doanh nghiệp – quốc gia.

Báo cáo hoạt động các Khối Kinh doanh 2025

Dịch vụ Chứng khoán - Khối Bán Lẻ

Năm 2025, hoạt động kinh doanh của Khối Bán lẻ diễn ra trong bối cảnh thanh khoản thị trường và tâm lý NĐT biến động, tác động trực tiếp đến tần suất giao dịch và nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn. Trước điều kiện thị trường thay đổi nhanh, Khối tập trung củng cố chất lượng tư vấn thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu và hoạt động chia sẻ định hướng (ví dụ: "Điểm tin sáng"), nhằm cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác và kịp thời cho lực lượng tư vấn. Đồng thời, vai trò của mỗi giới được định vị nhất quán theo hướng "**đổi tác động hành**", lấy việc thấu hiểu mục tiêu tài chính, khẩu vị rủi ro và đặc điểm đầu tư của từng khách hàng làm nền tảng để xây dựng giải pháp phù hợp theo từng giai đoạn thị trường.

Trong bối cảnh hành vi khách hàng chuyển dịch mạnh sang các kênh trực tuyến, Khối Bán lẻ chú trọng điều chỉnh phương thức tiếp cận và chăm sóc khách hàng theo hướng đa kênh, lấy nền tảng số làm trọng tâm. Khối đã mở rộng kênh phát triển khách hàng thông qua mạng xã hội, triển khai thí điểm tại Phòng Giao dịch Nguyễn Hữu Cánh và ghi nhận những kết quả tích cực. Mạng xã hội được xác định không chỉ là kênh phát triển khách hàng mới, mà còn là công cụ hỗ trợ xây dựng thương hiệu cá nhân cho đội ngũ tư vấn, góp phần tạo niềm tin và tăng mức độ gắn kết cộng đồng NĐT.

Ngoài ra, sự phát triển nhanh của công nghệ và AI vừa tạo áp lực đổi mới, vừa mở ra dư địa nâng cao hiệu suất vận hành. Khối ứng dụng công nghệ và AI như một đòn bẩy hiệu suất, tập trung vào phân tích hiệu quả kinh doanh và hiệu suất của đội ngũ tư vấn theo thời gian thực, qua đó tăng khả năng giám sát, điều chỉnh nguồn lực và tối ưu kế hoạch triển khai. Việc tự động hóa các công việc mang tính thủ công cũng giúp giải phóng thời gian cho đội ngũ mỗi giới tập trung vào chăm sóc khách hàng và cung cấp giá trị gia tăng, duy trì gắn kết thường xuyên và liên tục.

Trong tổng thể bối cảnh nêu trên, Khối Bán lẻ vẫn đạt kết quả tích cực ở các chỉ tiêu trọng yếu phản ánh hiệu quả vận hành và chất lượng tài sản.

- Lợi nhuận quản trị nội bộ đạt 1.334 tỷ đồng, tương đương 140% kế hoạch và tăng 61% so với năm 2024.
- Dư nợ margin bình quân đạt 32.533 tỷ đồng, hoàn thành 144% kế hoạch và tăng 88% so với năm trước; việc gia tăng dư nợ được thực hiện trên cơ sở kiểm soát rủi ro và theo dõi sát chất lượng tài sản đảm bảo.
- Giá trị tài sản quản lý (AUM) bình quân đạt 236.949 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2024.

Các kết quả này phản ánh rõ định hướng ưu tiên hiệu quả, kỷ luật và giá trị bền vững trên mỗi khách hàng, thay vì tăng trưởng số lượng bằng mọi giá. Ngoài ra còn cho thấy sự cải thiện rõ rệt về chất lượng khách hàng và hiệu quả tư vấn, đồng thời tạo nền tảng ổn định cho tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn thị trường có thanh khoản tích cực. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Khối tập trung vào các phân khúc khách hàng có giá trị cao, đặc biệt là nhóm khách hàng có quy mô tài sản lớn và nhóm khách hàng giao dịch thường xuyên, sử dụng đòn bẩy tài chính, qua đó nâng cao giá trị khai thác trên mỗi khách hàng và cải thiện hiệu quả kinh doanh tổng thể.



Các sản phẩm mới, cải tiến trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, nâng cao hiệu quả công việc

Nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành, Khối Bán lẻ phối hợp với Tiểu ban Chiến lược – Phát triển sản phẩm Tài chính triển khai các gói sản phẩm M7, Margin Trading Plus, New Margin 9% và sản phẩm phái sinh D+, giúp NĐT chủ động lựa chọn giải pháp sử dụng đòn bẩy tài chính phù hợp với nhu cầu và khẩu vị rủi ro trong từng giai đoạn thị trường.

Bên cạnh đó, giao diện OneClick trên iBoard dành cho giao dịch phái sinh được đưa vào vận hành, góp phần đơn giản hóa thao tác đặt lệnh, rút ngắn thời gian giao dịch và nâng cao trải nghiệm người dùng, đặc biệt trong điều kiện thị trường biến động mạnh.

Trong công tác hỗ trợ lực lượng bán hàng, Khối tiếp tục hoàn thiện hệ thống iBroker và iBroker Pro nhằm nâng cao hiệu quả quản trị khách hàng và theo dõi hiệu suất tư vấn theo thời gian thực. Việc triển khai phiên bản Mobile App của iBroker giúp đội ngũ Tư vấn Chứng khoán chủ động tiếp cận thông tin, theo dõi kết quả công việc và hỗ trợ NĐT kịp thời, qua đó gia tăng tính linh hoạt và hiệu quả trong hoạt động tác nghiệp hàng ngày.

Tái cơ cấu Bộ phận theo hướng tinh gọn, chuyên trách và hiệu quả

Nhằm chuyên môn hóa chức năng và nâng cao năng lực phục vụ lực lượng bán hàng, Khối Bán lẻ thực hiện tái cơ cấu bộ phận Middle Office. Cơ cấu mới tập trung vào các nhóm năng lực cốt lõi gồm: chính sách, phát triển sản phẩm, thúc đẩy kinh doanh, truyền thông và phân tích dữ liệu, qua đó tăng tính phối hợp và rút ngắn thời gian triển khai trong toàn hệ thống.

Hoạt động quản trị kinh doanh được chuyển dịch sang mô hình dựa trên dữ liệu và công cụ. Các chính sách bán hàng, chăm sóc khách hàng và đào tạo được xây dựng trên cơ sở phân tích hành vi, hiệu suất và nhu cầu thực tế, thay vì triển khai đồng loạt theo cảm tính. Hệ thống công nghệ như iBroker, iBoard, iResearch, dashboard KPIs và các công cụ hỗ trợ kinh doanh được ứng dụng xuyên suốt nhằm theo dõi, giám sát và điều chỉnh kế hoạch bán hàng theo thời gian thực, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và khả năng kiểm soát trong toàn Khối.



Kinh doanh Trực tuyến – Digital Sales

Năm 2025, Dự án Kinh doanh Trực tuyến – Digital Sales tiếp tục được xác định là một trong những động lực tăng trưởng chiến lược của Công ty trong việc mở rộng thị phần, nâng cao hiệu quả vận hành và chuẩn hóa trải nghiệm khách hàng trên nền tảng số. Theo đó, hoạt động dự án được triển khai theo định hướng tăng trưởng dựa trên dữ liệu – kỷ luật vận hành – minh bạch hiệu quả, nhằm đảm bảo mỗi quyết định kinh doanh và mỗi sản phẩm triển khai đều được đo lường bằng kết quả thực tế trên khách hàng và thị trường. Nhờ vậy, Digital Sales đã duy trì đà tăng trưởng tích cực trong năm 2025 cả về quy mô khách hàng, dư nợ, thị phần và hiệu quả tài chính, đồng thời tiếp tục hoàn thiện nền tảng vận hành và trải nghiệm khách hàng theo hướng bền vững.

Tăng trưởng quy mô và hiệu quả tài chính

Trong năm 2025, Digital Sales ghi nhận tăng trưởng tích cực trên hầu hết các chỉ tiêu chính:

- Số lượng khách hàng mở mới trong năm 2025 vượt mốc 108 nghìn tài khoản, gấp hơn 3,5 lần so với cùng kỳ và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng số lượng khách hàng toàn Công ty.
- Thị phần môi giới chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh liên tục duy trì được đà tăng qua các tháng nhờ nền giao dịch ổn định đến từ tệp khách hàng mới. Lũy kế năm 2025, thị phần môi giới chứng khoán cơ sở đạt mức 0,88%, tăng trưởng 42% so với mức 0,62% ghi nhận trong năm 2024. Trên thị trường chứng khoán phái sinh, thị phần của Digital Sales cán mốc 1,13%, tăng trưởng tới 2,5 lần so với mức trung bình năm 2024 và đóng góp tới 31,6% trong cơ cấu thị phần của Công ty.

- Về dịch vụ tài chính: năm 2025 ghi nhận sự tăng trưởng dư nợ Margin mạnh mẽ của tệp khách hàng Digital, qua đó chạm mốc 1.534 tỷ đồng tính đến 31/12/2025. Nhờ các chương trình thúc đẩy kinh doanh hiệu quả, cả hai chỉ tiêu chính là tỷ lệ thâm nhập Margin (số lượng khách hàng có phát sinh dư nợ trên tổng số khách hàng quản lý) và ticket size Margin (quy mô dư nợ bình quân trên nhóm khách hàng sử dụng Margin) đều cải thiện rõ rệt. Cụ thể, tỷ lệ thâm nhập Margin trong năm 2025 lên tới 1,69% trên toàn bộ tệp khách hàng Digital, tương đương mức tăng 31% so với cùng kỳ. Trong khi đó, ticket size Margin vẫn duy trì ở mức 376,9 triệu đồng, cải thiện nhẹ so với mức 372,9 triệu đồng trong năm 2024. Tính chung trong năm 2025, dư nợ Margin bình quân của kênh Digital đạt gần 1.080 tỷ đồng, gấp hơn 2,6 lần so với dư nợ bình quân ghi nhận trong năm 2024.
- Lợi nhuận nội khối của kênh Digital năm 2025 tăng đáng kể so với năm trước, phản ánh hiệu quả từ việc mở rộng quy mô khách hàng, tăng trưởng dư nợ và tối ưu chính sách sản phẩm – giá phí. Đồng thời, hiệu suất lợi nhuận trên mỗi nhân sự duy trì ở mức cao, cho thấy hiệu quả vận hành được cải thiện rõ rệt.

Về cơ bản, mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2025 của Digital Sales đến từ cả hai nhóm khách hàng, với khách hàng mới là động lực chính giúp tăng trưởng thị phần trong khi khách hàng hiện hữu đóng góp đáng kể vào tăng trưởng dư nợ và doanh thu phí, lãi, qua đó đảm bảo lợi nhuận tăng trưởng ổn định và hiệu suất duy trì ở mức cao.

Nâng cao chất lượng tệp và đa dạng sản phẩm thu hút sử dụng trên mỗi đầu khách hàng

Trong năm 2025, bên cạnh việc mở rộng mạnh mẽ tệp khách hàng mới, Digital Sales cũng tập trung nâng cao chất lượng khách hàng thông qua các chương trình onboarding, chăm sóc và cá nhân hóa sản phẩm. Cụ thể, tỷ lệ khách hàng active (có phát sinh giao dịch trong 90 ngày) cải thiện lên mốc 19,2%, tăng hơn 26% so với cùng kỳ. GTGD trung bình trên mỗi khách hàng cũng duy trì được xu hướng tăng qua các tháng, vượt mốc 1,5 tỷ đồng/khách hàng trong tháng 12/2025 và gấp đôi so với mức bình quân 743 triệu đồng/khách hàng của năm 2024. Thêm vào đó, nguồn khách hàng đến từ kênh Digital Marketing, nguồn tự nhiên (organic) và hệ sinh thái Người Đồng Hành tiếp tục được duy trì và mở rộng, tạo nền tảng cho tăng trưởng ổn định và bền vững.

Đồng thời, bên cạnh hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính truyền thống, Digital Sales cũng tích cực truyền thông giới thiệu và phân phối đa dạng loại hình sản phẩm đầu tư tới khách hàng, tiêu biểu như các thương vụ IPO cổ phiếu định danh hay nhóm sản phẩm chứng chỉ quỹ mở có hiệu quả vượt trội do SSIAM quản lý. Hoạt động không chỉ giúp nâng cao năng lực đầu tư, đa dạng danh mục tài sản phù hợp theo nhu cầu của khách hàng mà còn góp phần đem về nguồn thu không nhỏ cho Digital Sales.

Đa dạng chương trình kinh doanh triển khai hiệu quả cho khách hàng và lực lượng bán

Xuyên suốt năm 2025, Digital Sales không ngừng ra mắt & triển khai hiệu quả hơn 20 chương trình kinh doanh lớn nhỏ, tập trung vào ba mục tiêu chính gồm (1) thu hút khách hàng mới, (2) kích hoạt giao dịch và (3) nâng cao mức độ gắn kết với khách hàng. Đồng thời, Dự án cũng đã tổ chức hơn 50 sự kiện và livestreams dành cho khách hàng, góp phần cộng hưởng sức nóng thị trường, đẩy mạnh thu hút khách hàng mới và kích thích giao dịch trên tệp khách hàng hiện hữu. Theo đó, các chương trình kinh doanh và sự kiện được triển khai ở mức cao, bám sát diễn biến thị trường và nhu cầu nhà đầu tư, góp phần duy trì đà tăng trưởng khách hàng và thị phần.

Bên cạnh đó, không thể không kể đến sự kiện “Đua top dẫn đầu – Săn tìm kho báu” – chương trình thi đua dành riêng cho lực lượng Người Đồng Hành của Digital Sales với tổng giá trị quà tặng lên tới 300 triệu đồng. Được triển khai trong Quý 4/2025 với đa dạng hạng mục trao thưởng, sự kiện tạo ra sân chơi cạnh tranh hấp dẫn giúp gia tăng động lực thúc đẩy doanh số cá nhân cũng như toàn bộ kênh Người Đồng Hành nói chung.

Dịch vụ Chứng khoán – Khách hàng Tổ chức

Năm 2025, TTCK Việt Nam tiếp tục vận động theo hướng tiệm cận chuẩn mực quốc tế, phản ánh một phần tác động từ tiến trình nâng hạng lên thị trường mới nổi (FTSE Emerging Market). Khung pháp lý và hạ tầng thị trường được điều chỉnh theo hướng đồng bộ hơn, tạo nền tảng cho sự tham gia sâu rộng của khối NĐT tổ chức và dòng vốn quốc tế.

Trong bối cảnh đó, sự phát triển của mô hình Global Broker, giao dịch DMA và sự gia tăng của các quỹ định lượng đã tạo thêm động lực cho thanh khoản và quy mô giao dịch của phân khúc KHTC. Nguồn cung IPO và các giao dịch vốn tiếp tục mở rộng, mở ra dư địa tăng trưởng cho hoạt động môi giới và các dịch vụ liên quan đến thị trường vốn.

Tuy nhiên, xu hướng bán rông kéo dài của NDTNN, cùng với mật bằng phí môi giới giảm sâu, đã tạo áp lực đáng kể lên hiệu quả kinh doanh của toàn ngành. Điều này buộc các CTCK phải cạnh tranh chủ yếu bằng quy mô, công nghệ và chất lượng thực thi giao dịch, thay vì chỉ dựa vào lợi thế phí như giai đoạn trước.

Trong bối cảnh thị trường nêu trên, năm 2025 đánh dấu bước phát triển quan trọng của Khối KHTC khi hoạt động được mở rộng mạnh mẽ cả về phạm vi địa lý, quy mô khách hàng và chiều sâu dịch vụ. Khối được vận hành theo mô hình tích hợp, trong đó phát triển quan hệ khách hàng, gia tăng hiện diện thị trường và nâng cao năng lực thực thi giao dịch được triển khai đồng bộ nhằm tạo ra kết quả kinh doanh bền vững.

Định hướng xuyên suốt trong năm là gia tăng mức độ ưu tiên của SSI trong danh sách đối tác của các NĐT tổ chức. Trên cơ sở đó, Khối tập trung chuyển hóa hiện diện và quan hệ đã xây dựng được thành giao dịch thường xuyên hơn và các thương vụ cụ thể, đồng thời nhận diện rõ ưu tiên cần tập trung trong giai đoạn tiếp theo, đặc biệt là nâng cao hiệu quả chuyển đổi từ quan hệ và mức độ hiện diện thị trường sang giao dịch thực tế và các cơ hội hợp tác đầu tư cụ thể.

Kết quả thực hiện và vị thế thị trường

Năm 2025, Khối KHTC ghi nhận mức tăng trưởng mạnh, thể hiện qua kết quả kinh doanh và thị phần cải thiện rõ rệt. Doanh thu tăng 82%, lợi nhuận tăng 85% và giá trị giao dịch tăng 250%, phản ánh hiệu quả tổng hợp của chiến lược mở rộng quan hệ, gia tăng hiện diện thị trường và nâng cao năng lực thực thi.

Trên cơ sở đó, SSI đã trở lại vị trí dẫn đầu mảng môi giới khách hàng nước ngoài trong nửa cuối năm 2025, đồng thời duy trì số lượng KHTC active và mức độ tham gia giao dịch ở mức cao. Kết quả này tiếp tục khẳng định vị thế của SSI trong phân khúc KHTC, tạo nền tảng để Khối tập trung mạnh hơn vào mục tiêu chuyển hóa hiện diện thị trường thành giao dịch và các thương vụ cụ thể trong giai đoạn tiếp theo.

Phát triển quan hệ khách hàng và hiện diện thị trường

Hoạt động phát triển và duy trì quan hệ với NĐT tổ chức tiếp tục được đẩy mạnh, tập trung mở rộng phạm vi tiếp cận khách hàng, gia tăng tần suất tiếp xúc và nâng cao chất lượng trao đổi thông tin với các quỹ trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Khối chủ động triển khai các hoạt động kết nối doanh nghiệp (Corporate Access – CA) và quảng bá thị trường, qua đó gia tăng độ phủ và củng cố vị thế của SSI trong cộng đồng nhà đầu tư toàn cầu.

Điểm nhấn nổi bật là hội thảo **“Emerging Vietnam: Beyond the Upgrade”**, quy tụ các quỹ đầu tư và CTCK quốc tế hàng đầu. Sự kiện góp phần gia tăng mức độ hiện diện của SSI trong mạng lưới NĐT tổ chức, đồng thời đóng vai trò kết nối giữa thị trường vốn Việt Nam & các NĐT lớn, qua đó giới thiệu một cách có hệ thống cấu chuyện thị trường và cơ hội đầu tư tại Việt Nam. Bên cạnh sự kiện trọng điểm

này, Khối tiếp tục triển khai nhiều chương trình kết nối doanh nghiệp và NĐT khác như hội thảo, chương trình xúc tiến đầu tư (chương trình gặp gỡ NĐT, các chuyến khảo sát thị trường) và các buổi gặp gỡ trực tiếp với doanh nghiệp niêm yết, nhằm duy trì sự hiện diện thường xuyên của SSI trong mạng lưới nhà đầu tư tổ chức quốc tế.

Năng lực phục vụ và thực thi giao dịch

Song song với hoạt động phát triển khách hàng, Khối tiếp tục đầu tư mạnh vào năng lực môi giới và thực thi giao dịch, coi đây là yếu tố then chốt để chuyển hóa quan hệ thành kết quả kinh doanh. Bộ sản phẩm giao dịch sử dụng công nghệ cao, bao gồm DMA và các giải pháp giao dịch thuật toán, được hoàn thiện theo các tiêu chuẩn cao hơn để đáp ứng nhu cầu của Global Broker và các quỹ định lượng.

Hạ tầng công nghệ và hệ thống giao dịch được nâng cấp liên tục, kết hợp tự động hóa quy trình giao dịch và vận hành, giúp nâng cao khả năng xử lý lệnh lớn, giảm thiểu rủi ro và duy trì chất lượng dịch vụ trong điều kiện thị trường biến động mạnh. Đồng thời, mô hình tổ chức và phân bổ nguồn lực được điều chỉnh theo hướng phục vụ hiệu quả hơn các đối tác toàn cầu đa dạng, qua đó nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động của toàn Khối.

GIẢI THƯỞNG & VINH DANH QUỐC TẾ

Những thành tựu trên đã giúp Khối Dịch vụ Chứng khoán – Bán lẻ & KHTC nhận được sự công nhận từ các tổ chức uy tín quốc tế, thể hiện qua các giải thưởng nổi bật sau:



Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính

Năm 2025, Khối Nguồn vốn tập trung vào một mục tiêu xuyên suốt: đảm bảo thanh khoản an toàn cho toàn Công ty và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn trong bối cảnh chi phí vốn biến động mạnh. Theo đó, Khối vừa duy trì kỷ luật về chất lượng tài sản, vừa mở rộng năng lực huy động vốn trong và ngoài nước để hỗ trợ tăng trưởng kinh doanh, đặc biệt là hoạt động cho vay kỳ quỹ.

Kết quả nổi bật trong năm là doanh thu đạt 606 tỷ đồng, tăng 20% so với năm trước và vượt kế hoạch được giao. Về quy mô, tổng tài sản tăng 25% so với cùng kỳ, vượt mốc 90.000 tỷ đồng, tiếp tục đưa SSI giữ vị thế CTCK có tổng tài sản lớn nhất thị trường. Không chỉ tăng trưởng về quy mô đơn thuần, chất lượng của bảng cân đối vẫn được giữ vững: tài sản thanh khoản cao chiếm trên 50% tổng tài sản, chủ yếu là tiền gửi và trái phiếu của các tổ chức tín dụng lớn, giúp SSI luôn giữ thế chủ động khi thị trường biến động.

Ở trụ cột vốn và quan hệ tín dụng, Khối Nguồn vốn tiếp tục củng cố và mở rộng mạng lưới đối tác. SSI duy trì vai trò là khách hàng lớn của các ngân hàng hàng đầu trong nước như BIDV, Vietcombank, VietinBank, Agribank... đồng thời tăng cường quan hệ với các ngân hàng nước ngoài. Điểm nhấn quan trọng nhất là khoản vay hợp vốn tín chấp lên tới 300 triệu USD, được xem là thương vụ huy động vốn quốc tế có quy mô lớn nhất từ trước đến nay trong ngành chứng khoán Việt Nam. Nhờ uy tín và nền tảng quản trị, tổng hạn mức tín dụng được cấp cho SSI tiệm cận 4 tỷ USD, tạo "đệm vốn" đủ rộng để Công ty vận hành ổn định qua các nhịp căng thanh khoản. Trên nền tảng đó, nguồn vốn luôn được bảo đảm, hỗ trợ cho dư nợ cho vay kỳ quỹ tăng lên 39.000 tỷ đồng.

Bối cảnh năm 2025 cũng đặt ra những thử thách đáng kể. Lãi suất đáo chiều tăng mạnh trong Quý 4 làm chi phí vốn tăng và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh, đồng thời "vốn rẻ" không còn là lợi thế như giai đoạn trước. Trước biến động này, Khối chủ động giảm quy mô đầu tư giấy tờ có giá ở các thời điểm kém thuận lợi, ưu tiên tìm kiếm nguồn vốn trung - dài hạn, và tái phân bổ sang các mảng sử dụng vốn hiệu quả hơn. Cùng với đó, giai đoạn cuối năm xuất hiện căng thẳng thanh khoản trên thị trường vốn do nhiều ngân hàng thận trọng hơn trong tăng trưởng tín dụng. Nhờ đa dạng nguồn huy động và cơ cấu kỳ hạn hợp lý, Khối vẫn duy trì được thanh khoản ổn định, đảm bảo nhu cầu vốn của Công ty ngay cả trong những thời điểm thị trường căng thẳng nhất.

Về cải tiến vận hành và sản phẩm, Khối đẩy mạnh số hóa quy trình thông qua hệ thống quản lý giao dịch và báo cáo tự động, nhằm giảm sai sót và nâng cao hiệu suất. Đồng thời, Khối ưu tiên phát triển các sản phẩm tối ưu nguồn vốn nhân rồi của NĐT, phối hợp với Khối Bán lẻ đưa sản phẩm mới vào triển khai thực tế và ghi nhận phản hồi tích cực, góp phần mở rộng quy mô và thu hút thêm khách hàng mới. Với hiệu quả điều hành thể hiện rõ qua tăng trưởng, thanh khoản và kỷ luật bảng cân đối, Khối Nguồn vốn vinh dự được Công ty ghi nhận bằng danh hiệu nội bộ "Tập thể hiệu quả của năm."

Đầu tư

TTCK năm 2025 ghi nhận nhiều biến động đáng chú ý. Sau giai đoạn chịu tác động từ việc Mỹ điều chỉnh thuế quan theo hướng thắt chặt vào tháng 4, thị trường đã nhanh chóng phục hồi nhờ các chính sách "Đối mới 2.0", tinh gọn bộ máy nhà nước, thúc đẩy đầu tư công, tháo gỡ pháp lý cho BĐS và nổi lên tên tề thống qua tăng trưởng tín dụng. Kết thúc năm, VN-Index tăng trưởng 40% so với đầu năm, với động lực chính đến từ nhóm Ngân hàng và Vingroup.

Trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, Bộ phận Đầu tư Cổ phiếu đã triển khai các biện pháp quản trị rủi ro chặt chẽ, đồng thời linh hoạt cơ cấu danh mục theo diễn biến thị trường. Nhờ đó, danh mục quản lý đạt mức tăng trưởng 23% trong năm 2025 với độ biến động thấp. Việc kết hợp phân tích định lượng cùng phân tích cơ bản truyền thống đã nâng cao chất lượng quyết định đầu tư, cải thiện hiệu quả sinh lời.

Chiến lược đầu tư chủ động tiếp tục được duy trì với khoản đầu tư vào CTCP Tập đoàn PAN (HSX - PAN). Các đại diện của SSI tại HĐQT của PAN đã đồng hành sát sao cùng doanh nghiệp, kịp thời đưa ra định hướng và chỉ đạo phù hợp với tình hình thị trường cũng như chiến lược tổng thể của SSI. Sự phối hợp này góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của PAN, đồng thời gia tăng giá trị đầu tư cho SSI. Kết quả kinh doanh của PAN năm 2025 tiếp tục cải thiện so với cùng kỳ năm ngoài với Doanh thu đạt 18.010 tỷ đồng, tăng 7,5% YoY và Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 673 tỷ đồng, tăng 10,5% YoY.

PAN GROUP	2022	2023	2024	2025
Doanh thu (tỷ đồng)	14.095	13.717	16.757	18.010
YoY	48,9%	-2,7%	22,2%	7,5%
LNST cổ đông công ty mẹ (tỷ đồng)	374	406	609	673
YoY	26,3%	8,5%	50,0%	10,5%

Tại thời điểm cuối năm 2025, tổng số mã chứng quyền có đảm bảo niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là 258, tăng trưởng hơn gấp đôi so với cùng kỳ. Trong cùng giai đoạn này, số lượng nhà phát hành tham gia thị trường chứng quyền cũng tăng mạnh từ 05 nhà phát hành lên 14 phát hành. Sự thay đổi này cho thấy cạnh tranh ngày càng lớn giữa các nhà bán chứng quyền, đòi hỏi mỗi tổ chức phải nắm bắt nhanh thị hiếu của nhà đầu tư và có những chiến lược phát hành linh hoạt, tối ưu vận hành và quản lý chi phí hợp lý.

Về chiến lược phát hành, SSI tiếp tục chủ trương bán chứng quyền trên nhiều cổ phiếu cơ sở khác nhau, và trên mỗi cổ phiếu cơ sở cũng đồng thời ra mắt các chứng quyền với kỳ hạn đa dạng. Chiến lược phát hành phân tán này vừa giúp giảm rủi ro, tăng lợi nhuận và tối ưu nguồn vốn cho SSI, đồng thời tạo ra nhiều lựa chọn cho NĐT. Đặt trong bối cảnh TTCK 2025 có nhiều biến động mạnh hậu sự kiện thuế quan, kèm mặt bằng chi phí kỳ quỹ tăng cao, SSI đã vượt qua các khó khăn và hoàn thành 100% kế hoạch lợi nhuận năm cho mảng chứng quyền.

Ngoài chỉ tiêu lợi nhuận, SSI cũng đặc biệt quan tâm việc cải thiện thị phần giao dịch. Năm 2025, Công ty tập trung phát hành hai đợt chứng quyền mới vào nửa sau Quý 2 ngay khi TTCK đã ổn định trở lại và một đợt vào cuối Quý 4. Ngoài ra, Công ty cũng liên tục phát hành bổ sung các mã chứng quyền hết hàng và hủy chủ động một phần chứng quyền ít nhu cầu. Sự linh hoạt này giúp bổ sung cho NĐT các sự lựa chọn phù hợp với nhu cầu và giúp SSI hiện diện ổn định trên thị trường chứng quyền. Trong cả năm 2025, SSI đạt thị phần giao dịch trung bình trên 42% và tiếp tục duy trì vị trí số một thị phần trên thị trường năm thứ ba liên tiếp.

Để duy trì được lợi nhuận và thị phần, ngoài việc phát hành chứng quyền đa dạng với quy mô lớn, SSI luôn đảm bảo cao nhất việc tạo lập thị trường giúp chênh lệch giá mua bán ở mức cạnh tranh, và NĐT có thể dễ dàng thực hiện mua bán với số lượng lớn trong phần lớn thời gian vòng đời của sản phẩm.

Nhờ vậy, dù TTCK Việt Nam đã có nhiều biến động mạnh từ cuối tháng 4 kéo dài tới cuối năm 2025, chứng quyền của SSI vẫn được nhà đầu tư đón nhận và giao dịch sôi động.

Năm	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Số lượng chứng quyền phát hành mới	16	38	24	28	55	85	62

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB)

Sau giai đoạn 2023 – 2024 tương đối trầm lắng, thị trường Ngân hàng Đầu tư (IB) bước vào năm 2025 với nhiều yếu tố đan xen. Ngay từ đầu năm, sự kiện Mỹ áp thuế đối ứng khiến thị trường có nhịp điệu chính lớn, tác động đến tiến độ và tâm lý triển khai các giao dịch quy mô lớn mà Khối IB đang tư vấn, đặc biệt với nhóm khách hàng thuộc các lĩnh vực chịu ảnh hưởng như xuất khẩu và khu công nghiệp. Ở mảng thị trường nợ, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp trong bối cảnh tín dụng được thúc đẩy đã làm giảm nhu cầu phát hành trái phiếu của nhiều doanh nghiệp; đồng thời, một số doanh nghiệp lớn tăng cường sử dụng nguồn vốn từ các ngân hàng trong nước, khiến mức độ sôi động của kênh trái phiếu doanh nghiệp chịu áp lực.

Trong bối cảnh đó, Khối IB chủ động lựa chọn chiến lược dựa trên nhận định dài hạn về triển vọng nâng hạng TTCK Việt Nam. Trọng tâm được đặt vào nhóm doanh nghiệp lớn, đầu ngành – những tổ chức được kỳ vọng sẽ thu hút dòng vốn đáng kể từ các NĐTNN khi yếu tố nâng hạng trở nên rõ nét hơn. Thực tiễn triển khai cho thấy định hướng này phát huy hiệu quả khi Khối IB liên tiếp hoàn tất các thương vụ quy mô lớn, với các khách hàng có quy mô hàng tỷ USD và các giao dịch có giá trị hàng trăm triệu USD.



Kết quả đạt được và điểm nhấn hoạt động trong năm 2025

Trong năm 2025, Khối IB tiếp tục thể hiện vai trò dẫn dắt thị trường thông qua việc tư vấn và triển khai thành công nhiều giao dịch quan trọng trên cả ba mảng hoạt động chính, qua đó khẳng định năng lực cấu trúc thương vụ, khả năng thực thi và uy tín của SSI với các tổ chức phát hành và nhà đầu tư trong nước, quốc tế.

Ở mảng thị trường vốn (ECM), Khối IB tư vấn IPO cho Techcom Securities với quy mô 30 triệu USD, tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho BIDV (190 triệu USD) và tư vấn giao dịch block trade cho VIB (138 triệu USD). Những thương vụ này cho thấy năng lực triển khai các giao dịch vốn trong bối cảnh thị trường đòi hỏi cao về thời điểm, cấu trúc và khả năng kết nối NĐT.

Ở mảng thị trường nợ (DCM), Khối IB tư vấn phát hành trái phiếu cho Vietinbank (321 triệu USD), Home Credit (138 triệu USD) và tư vấn phát hành trái phiếu ra công chúng cho HDBank (400 triệu USD). Đây là các giao dịch có quy mô lớn, đòi hỏi tiêu chuẩn triển khai và chất lượng cao trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng mạnh giữa các định chế tài chính.

Ở mảng tài chính doanh nghiệp (CF), Khối IB tư vấn chào bán cổ phần ra công chúng và niêm yết cho Bất động sản CRV và Taseco Land, tư vấn chào bán cổ phần ra công chúng cho Becamex, đồng thời tư vấn chào bán cổ phần ra công chúng và niêm yết cho Vinpearl. Danh mục thương vụ phản ánh khả năng đồng hành toàn diện của SSI với doanh nghiệp trong các bước huy động vốn và tiếp cận thị trường niêm yết.

Trong năm 2025, hiệu quả và tính bền vững của Khối IB được thể hiện qua kết quả kinh doanh khi doanh thu tăng gần 16% so với năm 2024. Kết quả này mang ý nghĩa tích cực trong bối cảnh doanh thu năm 2024 đã tăng trưởng mạnh (hơn 27% so với năm 2023), đồng thời phản ánh khả năng duy trì đà tăng trưởng qua các chu kỳ thị trường khác nhau. Khối IB hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh đề ra cho năm 2025. Trong cơ cấu doanh thu, mảng tư vấn trái phiếu tăng 10% và mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp (CF) tăng 94%, cho thấy hiệu quả rõ nét từ định hướng tập trung vào các giao dịch có chiều sâu và khả năng chuyển hóa cơ hội thành thương vụ cụ thể.

Ngoài ra, trong năm 2025, Khối IB tập trung cải tiến theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng và nâng hiệu suất làm việc của đội ngũ. Các công cụ AI được đẩy mạnh sử dụng để tự động hóa việc thu thập dữ liệu và hỗ trợ soạn thảo văn bản, từ báo cáo tài chính đến cập nhật thị trường. Nhờ đó, đội ngũ có thêm thời gian dành cho các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn như tư vấn, chăm sóc khách hàng và cấu trúc sản phẩm phù hợp theo nhu cầu cụ thể của từng thương vụ.

GIẢI THƯỞNG & VINH DANH QUỐC TẾ

Những thành tựu trên đã giúp Khối IB nhận được sự công nhận từ các tổ chức uy tín quốc tế, thể hiện qua các giải thưởng nổi bật sau:



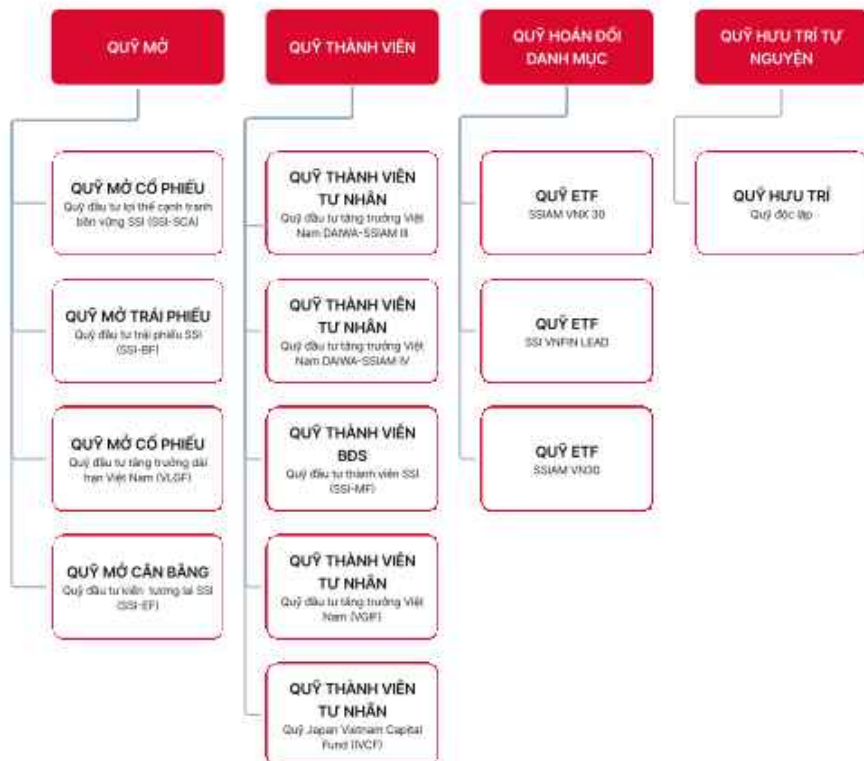
Báo cáo hoạt động của các Công ty con

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)

Năm 2025 ghi nhận nhiều biến động từ môi trường kinh tế và tài chính toàn cầu, cùng với những hạn chế về công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá dành cho NĐTNN. Biến động tỷ giá trong giai đoạn này đã ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của một số nhóm khách hàng ngoại, qua đó tác động nhất định đến tăng trưởng tài sản ở một số sản phẩm.

Trước bối cảnh đó, SSIAM chủ động điều chỉnh chiến lược, tăng cường tập trung vào thị trường nội địa, mở rộng mạng lưới phân phối khách hàng cá nhân đa kênh và làm việc chặt chẽ hơn với các tổ chức trong nước nhằm phát triển chiều sâu với khách hàng tổ chức hiện tại và chiêu rộng với KHTC mới.

Tổng tài sản quản lý cuối năm 2025 đạt 24.481 tỷ đồng, tăng 63% so với năm 2024. Tài sản quản lý phân bổ theo 4 mảng chính: quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư KHTC, quản lý tài sản cá nhân và tư vấn đầu tư. Hoạt động quản lý quỹ đầu tư là hoạt động kinh doanh cốt lõi, đóng góp 68% tổng tài sản quản lý, đạt 16.690 tỷ, tăng trưởng 43% so với năm 2025.



* Quỹ Japan Vietnam Capital Fund chính thức ra mắt ngày 03/02/2026

Với Quỹ mở đại chúng, tháng 9/2025, SSIAM huy động thành công Quỹ đầu tư kiến tạo tương lai SSI (SSI-EF). Đây là quỹ mở có chiến lược đầu tư cân bằng, phân bổ linh hoạt tài sản vào cổ phiếu và chứng khoán có thu nhập cố định. Chỉ trong vòng 3 tuần, quỹ đã huy động thành công 73 tỷ đồng, vượt quy mô huy động tối thiểu 46%, và thu hút ~750 nhà đầu tư, trong đó phần lớn là nhà đầu tư giá trị nhỏ, phản ánh niềm tin của công chúng đầu tư đã dành cho SSIAM.

Với Quỹ ETF, SSIAM đã thành công đưa quỹ ETF SSIAM VNFNLEAD lên niêm yết ở Thái Lan dưới dạng chứng chỉ lưu ký (Depository Receipt) từ 09/12/2025, trong hợp tác với CTCK Finansia, Thái Lan. Đây là một bước đi quan trọng trong việc phân phối quỹ xuyên biên giới, đưa quỹ ETF của Việt Nam sang tầm khu vực. Các quỹ ETF đều đạt hiệu suất đầu tư vượt trội trong năm 2025. Quỹ ETF SSIAM VNFN LEAD, ETF VN30 và ETF VNX50 lần lượt đạt hiệu suất 39.2%, 51.1% và 47.7%.

Với Quỹ đầu tư vốn cổ phần tư nhân, SSI ra mắt quỹ DAIWA-SSIAM Vietnam Growth Fund IV (Daiwa 4) với quy mô ban đầu USD 30,5 triệu. Quỹ Daiwa 4 tiếp tục nhân rộng sự thành công của 3 quỹ SSIAM đồng quản lý với Daiwa (Nhật Bản) trước đó, phương pháp đã được chứng minh và thành tích đầu tư chủ động mạnh mẽ của SSIAM, khả năng tận dụng mối quan hệ mạnh mẽ với Nhật Bản và mạng lưới doanh nghiệp/chiến lược của Tập đoàn Chứng khoán Daiwa, nhằm nâng cao giá trị của các công ty trong danh mục đầu tư của quỹ. Cũng trong năm 2025, SSIAM thực hiện đóng Quỹ Daiwa 2 khi hết vòng đời quỹ, đạt hiệu quả nổi bật từ các khoản đầu tư như Đồng Hải Bến Tre, Con Cung, và Onpoint.

Tháng 2/2026, SSIAM hợp tác với Development Bank of Japan (DBJ) ra mắt Quỹ Japan Vietnam Capital Fund (JVCF). Quỹ có quy mô 90 triệu USD, tập trung vào các doanh nghiệp niêm yết có chuẩn mực cao, áp dụng kỷ luật đầu tư và khung quản trị, quản trị rủi ro rõ ràng, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng dài hạn. Đây là kết quả của quá trình, chiến lược, những nỗ lực trong suốt 2025. Việc hợp tác với DBJ tiếp tục củng cố nền tảng để SSIAM mở rộng các giải pháp đầu tư dài hạn, đáp ứng nhu cầu vốn trung - dài hạn của nền kinh tế.

Với Quỹ hưu trí tự nguyện: trong năm 2025, SSIAM duy trì là đơn vị quản lý quỹ hưu trí tự nguyện lớn nhất thị trường, với tổng tài sản quản lý hơn 1.633 tỷ đồng và hơn 21.000 người tham gia quỹ.

Trong năm 2025, SSIAM tập trung mở rộng kênh phân phối và các hình thức thu hút khách hàng cá nhân nhằm gia tăng sự hiện diện của các sản phẩm chứng chỉ quỹ trong phân bố tài sản của NĐT. Công ty tập trung vào hai chiến lược:

- Phát triển đại lý phân phối quỹ mở: Trong năm 2025, SSIAM tiếp tục mở rộng hệ thống đại lý phân phối thông qua việc hợp tác với các nền tảng fintech đầu tư (Diginvest, Digi Finance) và các công ty chứng khoán lớn (VNSC by Finhay, TCBS). Bên cạnh việc thúc đẩy doanh số thông qua mạng lưới đại lý phân phối bên ngoài, SSIAM cũng thành lập đội ngũ kinh doanh số chuyên trách với nhiệm vụ mở rộng kênh phân phối trên nền tảng số. Đội ngũ này không chỉ phát triển kênh số riêng của SSIAM mà còn phối hợp chặt chẽ với các đối tác phân phối trọng điểm nhằm đẩy nhanh hoạt động phân phối quỹ trên các nền tảng số của đối tác.
- Phát triển khách hàng cá nhân: Nhờ việc đa dạng hóa kênh phân phối và tăng cường các hoạt động truyền thông trên nhiều nền tảng, số lượng tài khoản khách hàng quỹ mở mới trong năm đạt hơn 37.400 tài khoản, nâng tổng số khách hàng quỹ mở cuối năm lên hơn 168.000 khách hàng, tăng trưởng 29% so với 2024.

GIẢI THƯỞNG & VINH DANH QUỐC TẾ

SSIAM tiếp tục được vinh danh với nhiều giải thưởng danh giá, khẳng định vị thế Công ty Quản lý tài sản hàng đầu tại Việt Nam:



Báo cáo hoạt động Khối Hỗ trợ

Công nghệ Thông tin và Chuyển đổi số

Năm 2025, Bộ phận Công nghệ Thông tin (CNTT) tập trung vào ba ưu tiên xuyên suốt: thúc đẩy chuyển đổi số để tối ưu vận hành, nâng cấp năng lực hệ thống giao dịch nhằm đáp ứng thanh khoản cao, và tăng cường an ninh mạng để bảo vệ dữ liệu và hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, CNTT tiếp tục đồng hành cùng các đơn vị kinh doanh trong phát triển sản phẩm và cải thiện trải nghiệm khách hàng.

Hạng mục	2024	2025	Thay đổi
Chi phí vận hành IT (tỷ đồng)	112	63	-44%
Uptime hệ thống	99,96%	99,71%	-0,25%
Sự cố mức nghiêm trọng	28	2	-92%

Trong năm, Bộ phận CNTT kiểm soát tốt chi phí vận hành nhờ tối ưu hạ tầng, tinh gọn hệ thống và đẩy mạnh tự động hóa theo hướng kỷ luật – hiệu quả. Bộ phận cũng đáp ứng khoảng 95% các yêu cầu phát triển của Vận hành giao dịch, góp phần nâng cao năng lực phục vụ khách hàng trong bối cảnh một năm có nhiều “dòng chảy” sự kiện lớn như KRX và câu chuyện nâng hạng thị trường. Về con người, đội ngũ CNTT duy trì tinh thần quyết tâm và cam kết hoàn thành nhiệm vụ được giao. Số lượng sự cố nghiêm trọng giảm mạnh so với năm trước, do các nguyên nhân chính của năm 2024 đến từ các hệ thống lõi G2/TTL và vấn đề kênh truyền của Viettel đã được xử lý, thay thế hoặc kiểm soát tốt hơn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số điểm cần cải thiện. Trong các đợt thanh khoản cao, đặc biệt giai đoạn tháng 7 & tháng 8, hệ thống giao dịch vẫn ghi nhận hiện tượng chậm/đơ, dù đã khắc phục nhưng vẫn ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của Công ty. Quá trình thay đổi hệ thống còn phát sinh nhiều lỗi, một phần do thiếu môi trường kiểm thử đạt chuẩn, một phần do quy trình nội bộ triển khai chưa đồng đều giữa các nhóm. Ngoài ra, một số dự án bị chậm tiến độ do công tác quản trị dự án chưa thật chặt chẽ, trong đó việc đánh giá phạm vi và rủi ro chưa đầy đủ ngay từ đầu.

Điểm nhấn và thành tựu nổi bật trong năm

Năm 2025 ghi dấu một số thành tựu nổi bật của Bộ phận CNTT, trong đó quan trọng nhất là dự án SuperCore, giúp SSI trở thành CTCK đầu tiên làm chủ hệ thống lõi giao dịch phái sinh trên thị trường. Hệ thống lõi LFO đáp ứng các yêu cầu tích hợp của các đối tác chiến lược, tạo nền tảng cho việc mở rộng kết nối và năng lực vận hành. Song song với đó, hệ thống đưa lệnh vượt lên nhóm dẫn đầu thị trường với tỷ lệ thành công đạt 90%. Hệ thống iBoard, iBroker và hạ tầng liên quan cũng được tối ưu và nâng cấp để sẵn sàng cho các phiên giao dịch nóng, nâng độ ổn định và khả năng chịu tải của toàn bộ nền tảng giao dịch.

Về chuyển đổi số và tối ưu vận hành, CNTT phối hợp với TBCL và các bộ phận triển khai các dự án tự động hóa cho khối vận hành, hướng tới chuẩn hóa quy trình và giảm thời gian xử lý thủ công. Hệ thống S-Office được đưa vào vận hành toàn diện, giúp 100% luồng trình ký – phê duyệt – ban hành – lưu trữ văn bản thực hiện trực tuyến (online), qua đó kỳ vọng rút ngắn 263 ngày công (man-day) và

tiết kiệm khoảng 18.000 trang giấy mỗi năm. Bên cạnh đó, nhiều nghiệp vụ phát sinh theo yêu cầu được tự động hóa, góp phần rút ngắn thêm 160 ngày công xử lý, tiêu biểu như các luồng phục vụ GALA 2025, chương trình tặng 100.000 đồng khi mua chứng chỉ quỹ, các yêu cầu liên quan Becamex-TCBS và ứng dụng Desk Booking. Ở hướng tối ưu chi phí, CNTT phối hợp với TBCL và các đơn vị triển khai kế hoạch ngừng vận hành và thay thế hệ thống rCRM, giúp tối ưu chi phí vận hành ước tính khoảng 20 tỷ đồng/năm; đồng thời ngừng các hệ thống core giao dịch cũ (TTL, G2) nhằm giảm chi phí bảo trì và vận hành.

Trong mảng cải tiến hệ thống giao dịch, Bộ phận thực hiện tái cấu trúc diện rộng sau các giai đoạn thị trường có thanh khoản cao, tập trung tăng độ ổn định và năng lực xử lý. Đến cuối năm, hệ thống có thể đáp ứng các phiên giao dịch lên tới 80.000 tỷ đồng. CNTT cũng hoàn thành kết nối hệ thống giao dịch với các đối tác khách hàng tổ chức chiến lược, hỗ trợ trực tiếp cho mục tiêu tăng thị phần cơ sở. Cùng với đó, hệ thống đưa lệnh được cải thiện rõ rệt và vượt lên nhóm dẫn đầu thị trường với tỷ lệ thành công đạt 90%.

Về an ninh mạng, CNTT duy trì tiêu chuẩn tuân thủ và tăng cường năng lực phòng vệ hệ thống. Trong năm 2025, SSI vượt qua các kỳ thanh tra của cơ quan chức năng về đảm bảo an ninh cho hệ thống giao dịch và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đồng thời, CNTT đã xử lý 99% các lỗ hổng bảo mật theo cảnh báo từ An ninh Thông tin (ANNT), góp phần nâng mức độ an toàn và giảm rủi ro vận hành.

Ở hướng hỗ trợ kinh doanh và nâng cao trải nghiệm khách hàng, Bộ phận CNTT triển khai thành công các yếu tố phát triển sản phẩm phục vụ bán hàng và tăng trưởng thị phần, trong đó có gói D+ góp phần đưa thị phần phái sinh từ 3,5% lên 7%. Ngoài ra, các luồng eKYC tiếp tục được hoàn thiện để rút ngắn thời gian mở tài khoản và tăng tính tiện lợi cho khách hàng. SSI cũng là công ty đầu tiên tích hợp với VNeID, ghi nhận tỷ lệ mở tài khoản qua VNeID đạt 44% mỗi tháng, qua đó mở rộng hiệu quả kênh số và cải thiện trải nghiệm mở tài khoản cho khách hàng.

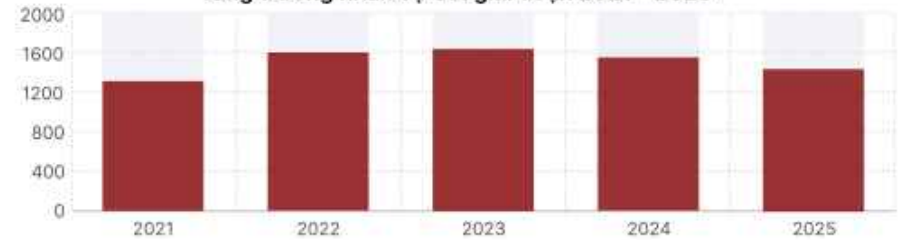


Quản trị Nguồn nhân lực

Cơ cấu nguồn nhân lực

Năm 2025, SSI tiếp tục triển khai các giải pháp tối ưu hóa nguồn nhân lực gắn với tái cấu trúc tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động, phù hợp với bối cảnh thị trường và định hướng phát triển bền vững. Tại thời điểm 31/12/2025, số lượng nhân sự của SSI đạt 1.433 người, giảm 7,7% so với năm 2024. Việc điều chỉnh quy mô nhân sự phản ánh chủ trương kiểm soát tăng trưởng về số lượng, tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Tăng trưởng nhân sự SSI giai đoạn 2021 - 2025



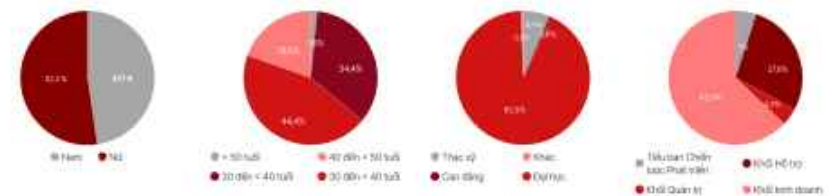
Nguồn: SSI

Về cơ cấu giới tính, lao động nữ chiếm 52,3% và lao động nam chiếm 47,7%, thể hiện sự cân bằng tương đối trong cơ cấu lao động và phù hợp với đặc thù ngành dịch vụ tài chính. Công ty tiếp tục duy trì lực lượng lao động trẻ và năng động với nhóm dưới 40 tuổi chiếm 78,8%, phản ánh lợi thế về khả năng thích ứng và tiếp thu công nghệ mới, đồng thời giữ vai trò nòng cốt trong hoạt động kinh doanh và vận hành. Nhóm lao động trên 40 tuổi chiếm 21,2%, góp phần duy trì tính ổn định của SSI và bảo đảm yếu tố kinh nghiệm quản lý, chuyên môn sâu tại các đơn vị.

Xét theo khối nghiệp vụ, nhân sự tập trung chủ yếu tại Khối Kinh doanh với 902 nhân sự, chiếm 62,94%, phản ánh định hướng ưu tiên nguồn lực cho các hoạt động tạo doanh thu và phát triển thị phần. Khối Hỗ trợ có 398 nhân sự (27,77%), giữ vai trò bảo đảm vận hành ổn định và tuân thủ. Khối Quản trị và Tiểu ban Chiến lược Phát triển lần lượt chiếm 4,33% và 4,95%, thể hiện sự tăng cường nguồn lực cho công tác quản trị và hoạch định chiến lược trong giai đoạn tái cấu trúc, đồng thời chuẩn bị cho các định hướng chiến lược phát triển trung - dài hạn.

Về trình độ chuyên môn, đội ngũ nhân sự của SSI có nền tảng học vấn cao với 92,5% lao động có trình độ đại học và 6,5% có trình độ thạc sĩ; tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng và các nhóm khác chỉ chiếm 1,1%, cho thấy chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu chuyên môn của ngành chứng khoán và các mảng nghiệp vụ có tính phức tạp cao như công nghệ, quản trị rủi ro và tài chính đầu tư.

Cơ cấu nhân sự tại SSI



Nguồn: SSI

Trong năm 2025, SSI tiếp tục định hướng bố trí nguồn nhân lực theo các mảng hoạt động trọng yếu, ưu tiên các vị trí phục vụ chiến lược phát triển dài hạn, bảo đảm cân đối giữa yêu cầu tăng trưởng và hiệu quả sử dụng lao động.

Tuyển chọn và Thu hút Nhân tài

Năm 2025, SSI tiếp tục triển khai hoạt động tuyển dụng theo định hướng tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả vận hành, phù hợp với bối cảnh thị trường và chiến lược phát triển của Công ty. Hoạt động tuyển dụng được thực hiện trên cơ sở kỷ luật trong quản trị, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và gắn chặt với nhu cầu kinh doanh thực tế của từng Khối nghiệp vụ.

- Trong năm, SSI tuyển mới 267 nhân sự, tương đương với quy mô tuyển dụng năm 2024. Việc duy trì mức tuyển dụng ổn định cho thấy Công ty kiên định với chiến lược tăng trưởng dựa trên chất lượng và hiệu suất, thay vì mở rộng quy mô nhân sự một cách dàn trải.
- Cơ cấu nhân sự tuyển mới năm 2025 phản ánh rõ ưu tiên chiến lược của SSI. Trong đó, Khối Hỗ trợ chiếm 40,07% tổng số nhân sự tuyển mới, tập trung củng cố năng lực vận hành, quản trị, công nghệ và tuân thủ. Khối Kinh doanh chiếm 38,95%, với định hướng tuyển chọn có chọn lọc nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ. Bên cạnh đó, SSI tiếp tục đầu tư cho các dự án chiến lược thông qua việc bổ sung 13,48% nhân sự cho TBCL.
- Hoạt động tuyển dụng được triển khai theo quy trình chuẩn hóa với các vòng tuyển chọn rõ ràng, thống nhất trên toàn hệ thống. Song song với các kênh tuyển dụng truyền thống, SSI tiếp tục mở rộng hợp tác với các trường đại học và cộng đồng chuyên gia nhằm chủ động xây dựng nguồn ứng viên chất lượng cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

Thông qua việc duy trì kỷ luật tuyển dụng và kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu vào, SSI từng bước củng cố nền tảng nhân sự vững chắc, góp phần đảm bảo hiệu quả vận hành và phát triển bền vững của Công ty.

Hệ thống đãi ngộ gắn với hiệu quả và trải nghiệm nhân viên

SSI xác định con người là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả hoạt động và tăng trưởng bền vững. Công ty hướng tới xây dựng môi trường làm việc tích cực, tôn trọng giá trị đóng góp của từng cá nhân và tạo điều kiện để người lao động phát triển năng lực và gắn bó lâu dài.

Chính sách thu nhập được thiết kế theo hướng công bằng, cạnh tranh và gắn với hiệu quả, bảo đảm tương xứng với vị trí công việc, năng lực chuyên môn và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Năm 2025, tổng chi phí chi trả cho người lao động đạt 1.124.539 tỷ đồng, tăng 7,3% so với năm 2024. Cơ cấu thu nhập tiếp tục ưu tiên yếu tố hiệu quả, trong đó thu nhập gắn với kết quả công việc và lương doanh số đạt 575.439 tỷ đồng, chiếm 51,2% tổng chi trả; chi phí lương cố định đạt 429.528 tỷ đồng, chiếm 38,2%; chi phí bảo hiểm bắt buộc đạt 62.993 tỷ đồng, chiếm 5,6%; và các khoản phúc lợi khác đạt 56.577 tỷ đồng, chiếm 5,0%.

Cơ chế đãi ngộ khuyến khích tinh thần "làm nhiều – hưởng nhiều", tạo động lực nâng cao hiệu suất cá nhân và đóng góp vào kết quả kinh doanh chung, đồng thời bảo đảm tính minh bạch và nhất quán trong toàn hệ thống.

Bên cạnh các chế độ bắt buộc theo quy định của pháp luật (BHXH, BHYT, BHTN), SSI triển khai các chương trình phúc lợi toàn diện nhằm chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, bao gồm chương trình bảo hiểm sức khỏe bổ sung, khám sức khỏe định kỳ và các hoạt động nâng cao thể chất – tinh thần tại nơi làm việc. Phúc lợi được mở rộng tới gia đình người lao động thông qua các chính sách hỗ trợ bảo hiểm sức khỏe, chế độ thăm hỏi dành cho người thân.

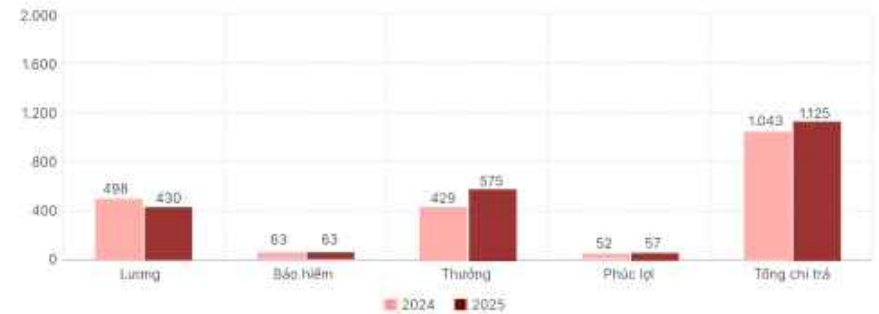
SSI chú trọng trải nghiệm nhân viên trong toàn bộ hành trình làm việc, từ môi trường, văn hóa, cơ chế ghi nhận đến phương thức quản lý hiệu suất. Công ty đầu tư cho các chương trình gắn kết, tái tạo năng lượng và xây dựng môi trường làm việc tích cực, hướng tới hình ảnh SSI là "nơi làm việc hấp dẫn" đối với nhân sự chất lượng cao trên thị trường lao động. Năm 2025, mức chi trả bình quân đạt 784,7 triệu đồng/người/năm, tăng 14,4% so với năm 2024, góp phần nâng cao mức độ hài lòng và gắn kết của người lao động.

Chính sách đãi ngộ và phúc lợi tại SSI được gắn chặt với chiến lược phát triển dài hạn và lộ trình chuyển đổi số của Công ty. SSI từng bước đầu tư, nâng cấp hệ thống quản trị nhân sự nhằm tăng tính minh bạch, cải thiện trải nghiệm người dùng và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu, đồng thời chuẩn bị nguồn lực cho phát triển đội ngũ lãnh đạo và nhân tài kế cận.

Trong định hướng phát triển nguồn nhân lực bền vững, chính sách đãi ngộ và phúc lợi thể hiện trách nhiệm của SSI đối với người lao động, qua đó củng cố nền tảng nhân sự cho tăng trưởng ổn định trong dài hạn.

Tổng chi trả cho CBNV SSI năm 2024 – 2025

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: SSI

Điểm nhấn thành tựu trong năm

Trong năm 2025, công tác nhân sự của SSI tập trung vào việc củng cố nền tảng quản trị, chuẩn hóa tổ chức và nâng cao trải nghiệm nhân viên. Công ty đã triển khai thành công các chương trình tinh gọn nguồn lực, vận hành hiệu quả các chính sách đãi ngộ trọng yếu và bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp lý liên quan đến lao động, tiền lương và phúc lợi.

Cuối năm 2025, Dự án Phát triển tổ chức được triển khai nhằm xây dựng nền tảng quản trị nhân sự hiện đại và nhất quán, bảo đảm sự phù hợp giữa cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực và chiến lược kinh doanh. Thông qua việc đánh giá hiện trạng và chuẩn hóa các thành tố tổ chức, dự án hướng tới mục tiêu nâng cao năng suất, tăng khả năng thích ứng và chuẩn bị nguồn lực cho các giai đoạn tăng trưởng tiếp theo của SSI.

Trong lĩnh vực thu hút và chuẩn bị nguồn nhân lực kế cận, SSI phát triển Talent Pool cho các vị trí trọng yếu, đẩy mạnh thương hiệu tuyển dụng (Employer Branding) và triển khai các chương trình Internship, góp phần chủ động hơn trong hoạch định nguồn nhân lực cho các mảng chiến lược.

Về văn hóa và gắn kết, SSI triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe và tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo và người lao động thông qua chuỗi chương trình CEO Roadshow, đồng thời xây dựng các sáng kiến ghi nhận thành tích, nâng cao mức độ hài lòng của nhân viên, qua đó gia tăng sự gắn bó và cải thiện trải nghiệm làm việc tại Công ty.

Song song với các hoạt động trên, Bộ phận Nhân sự phối hợp triển khai các dự án tự động hóa và số hóa quy trình, bao gồm Hệ thống quản lý hoa hồng của lực lượng bán hàng, Hệ thống ký số và các quy trình nhân sự trọng yếu... Các hệ thống này góp phần giảm thủ công, tăng minh bạch và nâng cao hiệu quả vận hành.

Tổng thể, các hoạt động trên đã giúp Bộ phận Nhân sự chuyển dịch dần từ vai trò vận hành thuần túy sang vai trò hỗ trợ chiến lược, tạo nền tảng cho tái cấu trúc tổ chức, phát triển nguồn nhân lực và chuẩn bị cho các định hướng tăng trưởng của SSI.

Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực

Trong năm 2025, Ban Đào tạo tập trung vào ba nhóm nội dung chính.

- Nâng cao kỹ năng bán hàng theo cả hai hướng truyền thống và kênh số, nhằm tăng năng lực tiếp cận và phục vụ khách hàng trong bối cảnh hành vi đầu tư thay đổi nhanh.
- Đào tạo ứng dụng các công cụ công nghệ, đặc biệt là các giải pháp số và AI, để nâng năng suất, giảm thao tác lặp lại và tăng hiệu quả công việc.
- Đào tạo theo nhóm đối tượng khách hàng của SSI, giúp đội ngũ hiểu đúng nhu cầu từng phân khúc và nâng chất lượng tư vấn – chăm sóc.

Kết quả triển khai đào tạo

Nhóm nội dung	Chỉ tiêu	Kết quả
Quy mô đào tạo	Tổng số khóa học thực hiện	524 khóa
	Đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề	50 khóa (9,5%)
	Đào tạo chuyên môn/kỹ năng	474 khóa (90,5%)
Hình thức triển khai	Đào tạo nội bộ	428 khóa (90,29%)
	Đào tạo bên ngoài	46 khóa (9,71%)
Chương trình trọng điểm	Đào tạo năng lực chung cấp Công ty	35 khoá
	Ứng dụng công nghệ, AI nâng cao hiệu quả công việc	12 khoá
	Nâng cao kỹ năng và chuyên môn cho lực lượng kinh doanh	31 khoá
	Đào tạo khách hàng	20 khoá
Hiệu quả sau đào tạo	Số giờ đào tạo trung bình/nhân viên	35,5 giờ
	Điểm hài lòng của học viên sau đào tạo	4,42/5

Xây dựng văn hóa học tập và đổi mới sáng tạo

Ban Đào tạo tiếp tục thúc đẩy văn hóa học tập theo hướng "học từ thực tiễn", lấy năng lực nội bộ làm nền tảng. Công tác xây dựng đội ngũ giảng viên nội bộ được đẩy mạnh, ưu tiên những cán bộ có kiến thức, kinh nghiệm và trải nghiệm vận hành thực tế để đảm bảo nội dung đào tạo sát việc, dễ áp dụng. Tỷ trọng đào tạo do Công ty triển khai chiếm khoảng hai phần ba trong hệ thống chỉ tiêu, phần còn lại được khuyến khích thông qua đào tạo tại chỗ của các bộ phận, hướng tới hình thành thói quen tự học và học trong công việc. Bên cạnh đó, Ban Đào tạo tổ chức các cuộc thi, hội thảo chuyên đề và chương trình thi đua nhằm "truyền lửa" học tập, tạo không khí sáng tạo và khuyến khích đóng góp sáng kiến cải tiến trong toàn hệ thống.

Hoạt động nổi bật về văn hóa học tập và đổi mới

Ở mảng văn hóa học tập, Ban Đào tạo triển khai các khóa nâng cao kỹ năng và chuyên môn cho đội ngũ giảng viên nội bộ, nhằm tăng chất lượng đào tạo "từ người thật – việc thật". Cuộc thi S-Olympia được tổ chức để củng cố kiến thức ngành chứng khoán, văn hóa – lịch sử SSI và các sản phẩm, sự kiện nổi bật của Công ty, thu hút khoảng 900 lượt nhân viên tham gia. Hoạt động này tạo hiệu ứng tốt trong việc khuyến khích tinh thần tự học, ôn lại nền tảng cốt lõi và lan tỏa văn hóa học tập rộng khắp, có chiều sâu.

Ở mảng đổi mới sáng tạo, cuộc thi S-Shine Award được tổ chức như một kênh để Ban lãnh đạo cấp cao lắng nghe trực tiếp sáng kiến từ nhân viên.

Các chủ đề sáng kiến	Kết quả
<ul style="list-style-type: none"> Cải tiến quy trình Phát triển sản phẩm Mở rộng đối tác, khách hàng Nâng cao trải nghiệm dịch vụ của khách hàng Ứng dụng công nghệ số Quản trị rủi ro 	<ul style="list-style-type: none"> 1154 lượt nhân viên tham gia (chiếm 80,5% nhân sự toàn SSI) 400 sáng kiến, ý tưởng đã được gửi về 360 sáng kiến ý tưởng được BLD đánh giá "Đạt - Có thể triển khai tại SSI" 15 ý tưởng lọt vào vòng 2 <p>→ 5 ý tưởng trình bày trực tiếp với BLD Công ty</p> <p>→ 3 ý tưởng xuất sắc nhất được triển khai thành dự án trọng điểm của SSI</p>



Truyền thông Đối ngoại

Xây dựng niềm tin – nền tảng của thị trường bền vững

Xây dựng niềm tin là điều kiện nền tảng để TTCK vận hành ổn định và phát triển bền vững. Không có niềm tin, dòng vốn không thể duy trì dài hạn và các chuẩn mực thị trường khó được củng cố. Tuy nhiên, niềm tin không hình thành trong một thời điểm – đó là quá trình tích lũy bền bỉ với sự minh bạch, kỷ luật và những kết quả có thể kiểm chứng bằng mức độ lan tỏa và uy tín thương hiệu. Trong quá trình ấy, SSI không chỉ tham gia thị trường mà chủ động góp phần nâng cao chất lượng thông tin và chuẩn vận hành, để niềm tin của thị trường được bồi đắp ổn định qua từng chu kỳ.

Chính từ cách tiếp cận này, các hoạt động truyền thông trong năm 2025 được SSI triển khai không như những chiến dịch riêng lẻ, mà như những mắt xích nhất quán trong một hệ thống vận hành có kỷ luật và có trách nhiệm. Trọng tâm là xây dựng một dòng thông tin chuẩn mực: chính xác, có hệ thống và phản ứng kịp thời trước những thay đổi của thị trường. Khi TTCK bước vào giai đoạn tái cấu trúc sâu hơn – từ tiến trình nâng hạng đến những thay đổi trong cơ chế vận hành và dòng vốn – vai trò của một định chế tài chính không chỉ là tham gia, mà còn là góp phần làm rõ cấu trúc thị trường và nâng cao chất lượng thảo luận chuyên môn.

Lan tỏa chuyên môn qua hệ sinh thái báo chí

Trong năm 2025, chuyên gia SSI tham gia 13 chương trình hội thảo và tọa đàm do các cơ quan báo chí tổ chức. Sự hiện diện trải rộng trên nhiều nền tảng: từ báo chính luận như Nhân Dân, đến các cơ quan báo chí kinh tế – tài chính chuyên sâu như Đầu tư, Tài chính – Đầu tư, VietnamFinance; từ các diễn đàn đầu tư như Vietnam Investment Forum của Vietnambiz, Diễn đàn Kinh doanh 2026 của Bizlive, đến talkshow phân tích thị trường trên Báo Người Lao Động, Báo Lao động. Các nội dung chia sẻ chủ yếu tập trung vào cấu trúc dòng vốn, cải cách cơ chế giao dịch, điều kiện nâng hạng thị trường, chuẩn mực minh bạch trong quản trị doanh nghiệp và những yêu cầu quan trọng khi triển khai các sản phẩm tài chính mới – đặc biệt là lĩnh vực tài sản số. Hàng trăm bài báo được khai thác từ các chương trình này đã tạo thành một dòng thông tin liên tục, phản ánh vai trò chuyên môn ổn định của SSI trong hệ sinh thái truyền thông tài chính.

Chủ động tổ chức sự kiện – tạo điểm nhấn thông tin thị trường

Song song với việc tham gia các chương trình kết hợp cùng các cơ quan truyền thông, SSI chủ động tổ chức và đồng hành cùng những sự kiện có tác động lớn đến nhận thức thị trường, đặc biệt là hai trụ cột thông tin quan trọng của năm 2025 là **"Đưa thị trường tài sản số vào vận hành"** và sự kiện **"Nâng hạng TTCK Việt Nam"**. Theo đó, chương trình GM Việt Nam ghi nhận hơn 200 bài viết trên các cơ quan báo chí và truyền hình. Vietnam Blockchain Day cùng các biên bản ghi nhớ hợp tác chiến lược được phản ánh qua 30 bài báo. Sự kiện **"Beyond The Upgrade"** tiếp tục được khai thác đa chiều với 20 bài viết chuyên sâu. Những kết quả này cho thấy năng lực tổ chức thông tin có kỷ luật: từ xây dựng thông điệp, phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn, đến kiểm soát tinh nhất quán giữa nội dung công bố và thực tế triển khai.

Mở rộng đối thoại toàn cầu qua các nền tảng số

Trên màn số, các chương trình webinar **"Gateway to Vietnam"** với các khách mời là các chuyên gia tài chính uy tín trên thế giới được SSI triển khai kịp thời theo các diễn biến lớn của thị trường, cung cấp góc nhìn trực tiếp tới nhà đầu tư quốc tế về bối cảnh kinh tế vĩ mô và cơ hội tại Việt Nam. Nếu Gateway to Vietnam đóng vai trò cập nhật, thì **"Phó Sidechat"** – chương trình talkshow với các khách mời là đại diện của các tổ chức tài chính, quỹ lớn hàng đầu thế giới – lại mở rộng không gian thảo luận theo một cách tiếp cận linh hoạt và gần gũi, đưa câu chuyện tài chính Việt Nam ra khỏi khuôn khổ truyền thông truyền thống, giới thiệu hình ảnh thị trường Việt Nam tới cộng đồng quốc tế với ngôn ngữ dễ tiếp cận, đậm đà bản sắc văn hóa Việt Nam nhưng vẫn giữ chuẩn mực chuyên môn. Hai chương trình này góp phần mở rộng biên độ lan tỏa, đưa thông tin tài chính Việt Nam tiếp cận đối tượng toàn cầu một cách chủ động và có định hướng.

Duy trì dòng thông tin ổn định và có kiểm chứng

Tính đến hết năm 2025, SSI triển khai 66 kế hoạch truyền thông và chủ động thực hiện 1.310 bài viết. Giá trị của những con số này không nằm ở quy mô, mà ở sự ổn định và tính chuẩn mực của dòng thông tin được duy trì xuyên suốt năm.

Nếu các sự kiện tạo nên những điểm nhấn, thì **"Café Cùng Chúng"** là dòng chảy thông tin thường nhật – được duy trì kỷ luật phát sóng đều đặn trước giờ giao dịch, cung cấp phân tích dựa trên dữ liệu và hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định trên cơ sở thông tin có kiểm chứng. Trong năm 2025, chương trình phát sóng 252 số, đạt hơn 1 triệu lượt xem trên YouTube. Bảy chương trình đặc biệt được thực hiện, trong đó có chương trình cập nhật chính sách thuế quan của Mỹ chỉ 6 giờ sau khi thông tin được công bố và được báo chí khai thác gần 100 tin bài. Điều này phản ánh khả năng phản ứng nhanh và hệ thống phân tích sẵn sàng vận hành khi thị trường biến động.

Toàn bộ hoạt động truyền thông năm 2025 được triển khai trên nền tảng phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ phận Nghiên cứu, Kinh doanh và Truyền thông, với quy trình kiểm duyệt nội dung đa tầng nhằm đảm bảo tính chính xác và nhất quán. Công nghệ hỗ trợ phân phối nội dung; đội ngũ chuyên gia chịu trách nhiệm về chất lượng phân tích; kỷ luật vận hành đảm bảo tính liên tục của dòng thông tin. Đây cũng là nguyên tắc vận hành xuyên suốt của hoạt động truyền thông SSI duy trì chuẩn mực minh bạch, nhất quán trong hành động và hiệu quả trong thực thi.

Hoạt động Văn hóa Doanh nghiệp

Trái qua hành trình 25 năm đồng hành cùng các NĐT, SSI luôn tự hào về VHDN mang bản sắc và những giá trị bền vững qua nhiều biến động của thị trường. Nét văn hóa của SSI được xây dựng, bồi đắp qua nhiều giai đoạn và càng được chú trọng khi quy mô của Công ty ngày một phát triển và mở rộng.

Trong năm 2025 vừa qua, với bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và thế giới có nhiều biến động, SSI luôn đề cao tinh thần linh hoạt, không ngừng đổi mới, sáng tạo nhằm ứng biến với những thách thức và cơ hội, giữ vững vị thế là một CTCK uy tín hàng đầu.

Chính vì vậy, những hoạt động và chương trình VHDN của SSI trong năm 2025 không chỉ mang mục tiêu gắn kết nội bộ và phát huy các phẩm chất của người SSI, mà còn là cam kết của SSI về vai trò là người đồng hành tin cậy với cộng đồng, khách hàng và các NĐT.





Cùng với tầm nhìn **"Chúng ta cùng thành công"** và Sứ mệnh **"Kết nối vốn và cơ hội đầu tư"**, các giá trị cốt lõi và những tôn chỉ kinh doanh trên giúp người SSI hiểu rõ được vị thế, trách nhiệm và giá trị của mình và tập thể.

Giá trị cốt lõi và tôn chỉ kinh doanh – Nền tảng văn hóa SSI

Ở SSI, 3 giá trị cốt lõi và 9 tôn chỉ kinh doanh được coi là những giá trị quan trọng nhất, là kim chỉ nam cho mỗi quyết định, hiện hữu trong mỗi hoạt động của doanh nghiệp. Những ý nghĩa bao hàm trong 9 tôn chỉ kinh doanh của SSI đã bao trọn các khía cạnh tư vấn, văn hóa làm việc, giao tiếp trong Công ty, với khách hàng, và văn hóa ứng xử ra cộng đồng và xã hội. Đây chính là những giá trị bền vững không thay đổi bất chấp thời gian và ngoại cảnh.

"9 tôn chỉ kinh doanh của SSI luôn được khắc ghi trong từng hoạt động của Công ty, là dấu ấn và bản sắc của thương hiệu SSI"

Dấu ấn thương hiệu SSI được thể hiện rõ nét không chỉ ở "9 tôn chỉ kinh doanh" mà còn ở sự thống nhất trong truyền tải thông tin, phát triển nguồn nhân lực hạt nhân, sự đoàn kết cùng chung tầm nhìn sứ mệnh của từng thành viên trong nội bộ Công ty.

Phát triển văn hóa doanh nghiệp – Tháp nhu cầu CBNV

Các hoạt động VHDN tại SSI được xây dựng dựa trên cách tiếp cận tháp nhu cầu của CBNV, nhằm đáp ứng đầy đủ các nhu cầu từ cơ bản đến phát triển và cống hiến. Khi những nhu cầu nền tảng được đảm bảo, nhân viên có điều kiện phát huy năng lực cá nhân, gắn kết hơn với tổ chức và chủ động đóng góp vào mục tiêu chung.

Theo đó, VHDN tại SSI được phát triển theo nhiều tầng giá trị, từ việc hỗ trợ nhân viên hoàn thành tốt công việc, thúc đẩy sự kết nối trong tập thể, ghi nhận những đóng góp nổi bật cho đến khuyến khích đổi mới sáng tạo. Qua đó, mỗi thành viên SSI không chỉ xây dựng giá trị cho bản thân mà còn đóng góp cho đồng đội, cho tổ chức và rộng hơn là cho cộng đồng.



Đáp ứng nhu cầu nền tảng trong công việc (Basic Needs)

SSI chú trọng xây dựng môi trường làm việc minh bạch và hiệu quả, nơi mỗi nhân viên được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và công cụ cần thiết để hoàn thành tốt công việc.

Các chương trình đào tạo chuyên môn và chương trình phát triển kỹ năng được triển khai thường xuyên nhằm giúp CBNV hiểu rõ mục tiêu công việc, KPI và tiêu chuẩn đánh giá. Đồng thời, hệ thống quy trình và công nghệ liên tục được cải tiến để hỗ trợ nhân viên làm việc hiệu quả và phát huy tối đa năng lực cá nhân.

Tăng cường kết nối và đời sống tinh thần (Belonging & Well-being)

SSI xây dựng môi trường làm việc nơi mỗi cá nhân cảm thấy mình là một phần của tập thể. Trong năm 2025, nhiều hoạt động gắn kết được tổ chức nhằm thúc đẩy sự kết nối giữa các thành viên trong toàn hệ thống.

Nổi bật là **SSI GALA 2025 - "KHÁT VỌNG"** được tổ chức tại Nha Trang, nơi các thành viên SSI từ khắp các chi nhánh trên cả nước có dịp gặp gỡ, chia sẻ định hướng phát triển và cùng nhau lan tỏa tinh thần văn hóa của tổ chức. Bên cạnh đó, **SSI Day** được tổ chức vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Công ty là cơ hội để toàn thể CBNV cùng nhìn lại hành trình phát triển của SSI và tăng cường sự gắn kết trong tập thể.

Song song với các sự kiện này, nhiều hoạt động thể thao và câu lạc bộ nội bộ như giải chạy, bóng đá, pickleball cũng được duy trì nhằm khuyến khích lối sống lành mạnh và xây dựng tinh thần đồng đội trong tổ chức.



Ghi nhận và tôn vinh những đóng góp (Recognition)

Việc ghi nhận và tôn vinh những đóng góp của CBNV là một phần quan trọng trong văn hóa SSI. Trong năm 2025, nhiều hoạt động vinh danh đã được triển khai nhằm khuyến khích tinh thần nỗ lực và sáng tạo của nhân viên.

Trong khuôn khổ SSI GALA 2025, chương trình **"Người SSI Tiêu biểu"** được tổ chức nhằm tôn vinh những cá nhân có đóng góp nổi bật cho sự phát triển của Công ty.

Bên cạnh đó, SSI tiếp tục tổ chức **S-SHINE Award** – cuộc thi sáng kiến cải tiến công việc dành cho toàn thể CBNV. Năm 2025 là năm thứ hai cuộc thi được triển khai và tiếp tục thu hút sự tham gia rộng rãi của nhân viên với 1.154 lượt tham gia và 400 sáng kiến được gửi về, trong đó 360 sáng kiến được đánh giá có khả năng triển khai tại SSI và 3 sáng kiến xuất sắc đã được lựa chọn để phát triển thành các dự án trọng điểm của Công ty.



Phát triển và cống hiến cho tổ chức và cộng đồng (Development & Contribution)

Tại SSI, việc phát triển năng lực cá nhân luôn gắn liền với trách nhiệm đóng góp cho tổ chức và xã hội. Bên cạnh những sáng kiến cải tiến trong công việc, người SSI cũng tích cực tham gia các hoạt động trách nhiệm xã hội, lan tỏa những giá trị tích cực tới cộng đồng.

Trong năm 2025, CBNV SSI đã chung tay đóng góp hơn 9,6 tỷ đồng để ủng hộ đồng bào chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, bảo lũ thông qua Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Bên cạnh đó, các thành viên SSI còn trực tiếp tham gia các hoạt động gây quỹ vì cộng đồng, tiêu biểu là giải chạy gây quỹ nội bộ, nơi CBNV vừa rèn luyện sức khỏe vừa quyên góp 250 triệu đồng, tương đương 25 ca phẫu thuật hở hàm ếch dành cho các em nhỏ kém may mắn.

Những hoạt động này thể hiện tinh thần đặc trưng của người SSI: không chỉ nỗ lực trong công việc mà còn chủ động đóng góp cho xã hội, bằng cả nguồn lực tài chính và sự tham gia trực tiếp.

Chiến lược phát triển

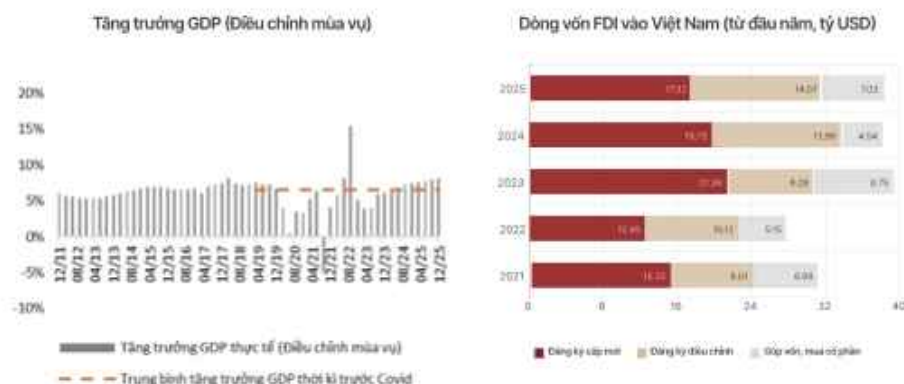
Dự báo nền kinh tế & thị trường chứng khoán 2026

Kinh tế vĩ mô 2026

Việt Nam bước vào năm 2026 với đà tăng trưởng mạnh và uy tín cải cách được củng cố, đặt mục tiêu GDP khoảng 10%. Đây là khởi đầu của chu kỳ 5 năm mới, hướng tới rút ngắn khoảng cách với các nước trong khu vực và tiến gần hơn tới nhóm thu nhập trung bình cao.

Khác với các chu kỳ trước, tăng trưởng dự kiến ít phụ thuộc vào mở rộng tín dụng mạnh, mà chuyển sang các động lực dựa trên thực thi: đầu tư hạ tầng công quy mô kỷ lục, dòng vốn FDI duy trì ổn định, dịch vụ trở lại trạng thái bình thường và tiêu dùng hộ gia đình phục hồi dần nhờ cải cách thuế giúp tăng thu nhập khả dụng. Dự địa tài khóa vẫn đổi đảo, cho phép chi tiêu sớm cho giao thông, năng lượng và logistics, song hiệu quả thực thi sẽ là yếu tố quyết định.

Chính sách tiền tệ đang bước vào giai đoạn bình thường hóa. Hạn mức tín dụng vẫn được duy trì, lãi suất ổn định và áp lực tỷ giá giảm dần. Các cải cách cấu trúc – đơn giản hóa thủ tục, phân cấp, khung PPP mới và hiện đại hóa thị trường vốn – đang tăng tốc, được hỗ trợ bởi việc FTSE Russell nâng hạng TTCK Việt Nam và mức độ hội nhập tài chính quốc tế sâu hơn.



Nguồn: Cục Thống kê

Chuyển dịch chiến lược: Hướng tới mô hình tăng trưởng cân bằng hơn

Trong nhiều thập kỷ, mô hình tăng trưởng của Việt Nam chủ yếu dựa vào xuất khẩu. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tiến gần 1.000 tỷ USD, tương đương gần gấp đôi GDP, củng cố vai trò của Việt Nam như một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu vốn ngày càng phân mảnh. Mô hình này mang lại quy mô và khả năng chống chịu, nhưng cũng tạo ra nền kinh tế hai tốc độ, nơi khu vực xuất khẩu vượt trội so với tiêu dùng và dịch vụ nội địa, từ đó tạo ra nhu cầu chuyển sang mô hình cân bằng và bền vững hơn. Ưu tiên chiến lược đang dịch chuyển sang khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với xuất khẩu giá trị cao hơn, tiêu dùng nội địa mạnh hơn, thị trường vốn sâu rộng hơn và huy động hiệu quả vốn tư nhân thông qua mô hình đối tác công tư.

Trong giai đoạn đầu của chu kỳ 5 năm 2026 – 2030, đầu tư công vẫn là động lực chủ đạo. Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 – 2030 dự kiến đạt khoảng 8.500 nghìn tỷ đồng (310 – 320 tỷ USD), gần gấp ba lần giai đoạn trước. Trọng tâm sẽ là tập trung vốn, nâng cao hiệu quả và năng lực thể chế. Tổng thể, năm 2026 đánh dấu giai đoạn “thu hoạch sớm” của quá trình tái cấu trúc bắt đầu từ cuối 2024. Ổn định vĩ mô được duy trì, rủi ro trong tầm kiểm soát, và kỷ luật thực thi – chứ không chỉ thuần túy từ các chính sách kích thích kinh tế.



Triển vọng Thị trường Chứng khoán năm 2026

Bước sang năm 2026, TTCK Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục vận động phù hợp với các nền tảng vĩ mô và cải cách thị trường đã được thiết lập, hướng tới kịch bản cơ sở VN-Index đạt 1920 điểm và kịch bản tích cực nhất ở mức 2120. Triển vọng này được hỗ trợ bởi cả nền tảng vĩ mô và vĩ mô cùng những nỗ lực về chuẩn hoá vận hành tiến tới cơ chế giao dịch tiệm cận chuẩn quốc tế. Các yếu tố cần theo dõi trong năm 2026 bao gồm khả năng tăng trưởng tín dụng chậm lại và xu hướng lãi suất tăng trở lại từ mức nền thấp của năm 2025, trong khi rủi ro bên ngoài vẫn hiện hữu, đáng chú ý là nguy cơ căng thẳng địa chính trị leo thang.

Về nền tảng vĩ mô, mục tiêu tăng trưởng GDP hai chữ số trong giai đoạn trung hạn cùng với vai trò dẫn dắt của đầu tư hạ tầng được kỳ vọng tạo dư địa mở rộng cho lợi nhuận doanh nghiệp và quy mô thị trường. Song song đó, môi trường tỷ giá ổn định hơn, trong bối cảnh chênh lệch lãi suất USD/VND thu hẹp, giúp giảm rủi ro vĩ mô và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho dòng vốn đầu tư nước ngoài. Điều này cho phép chính sách tiền tệ duy trì trạng thái hỗ trợ nhưng kỷ luật, với trọng tâm là ổn định thanh khoản và thị trường ngoại hối.

Tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết được kỳ vọng duy trì ở mức hai chữ số, sau mức tăng cao trong năm 2025. Động lực tăng trưởng dự kiến tiếp tục phân hóa theo ngành, với các nhóm dẫn dắt bao gồm ngân hàng, tiêu dùng, vật liệu xây dựng, phân bón và xăng dầu. Bên cạnh đó, thị trường IPO được kỳ vọng tiếp tục sôi động, khi nhiều doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác nhau lên kế hoạch IPO và niêm yết trên HOSE, qua đó gia tăng nguồn hàng hóa và chiều sâu cho thị trường. Trong bối cảnh đó, định giá thị trường nhiều khả năng sẽ phân hóa rõ nét hơn và được tái định giá theo từng nhóm ngành và doanh nghiệp trong năm 2026.

Tiến trình nâng hạng thị trường tiếp tục là động lực quan trọng trong năm 2026. Việt Nam đã chính thức được nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp theo FTSE Russell từ tháng 9 năm 2026, trong khi MSCI vẫn là mục tiêu chiến lược trong trung – dài hạn. Trọng tâm cải cách hiện nay tập trung vào chuẩn hóa vận hành thị trường, thông qua việc hoàn thiện cơ chế Non-prefunding (NPF), cập nhật khung pháp lý cho nhà đầu tư nước ngoài, đơn giản hóa thủ tục tham gia thị trường và chuẩn bị cho việc áp dụng cơ chế đối tác bù trừ trung tâm (CCP). Trong bối cảnh đó, minh bạch, kỷ luật và quản trị rủi ro không còn là yếu tố hỗ trợ mà đã trở thành điều kiện bắt buộc, với công nghệ và hạ tầng thị trường đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển dài hạn.

Thông tư 08/2026 đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc cải thiện khả năng tiếp cận thị trường của NĐTNN, cho phép triển khai cơ chế giao dịch thông qua các nhà môi giới toàn cầu, đồng thời hoàn thiện khung NPF theo hướng linh hoạt hơn nhưng kỷ luật hơn. Quy định cho phép phân tách tài khoản hướng tới nâng cao tính minh bạch, tăng cường phân tách rủi ro và hỗ trợ công tác giám sát hiệu quả hơn đối với các công ty quản lý tài sản nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Những bước tiến này góp phần nâng cao độ tin cậy của hạ tầng thị trường và giảm đáng kể các rào cản mang tính cấu trúc về tiếp cận, thanh toán và vận hành – những điểm từng hạn chế sức hấp dẫn của Việt Nam trong các bộ tiêu chí quốc tế. Dù lộ trình MSCI vẫn phụ thuộc vào quá trình triển khai, các cải cách hiện nay được xem là bước đi chiến lược, tạo nền tảng cho sự tham gia sâu hơn của dòng vốn nước ngoài và nâng cao tính bền vững của thị trường vốn. Kỳ vọng về tiến trình này đã bắt đầu tác động đến hành vi đầu tư và có thể tiếp tục thúc đẩy dòng vốn mang tính đón đầu trong năm 2026.

Niềm tin không đến từ khẩu hiệu, mà được hình thành từ dòng chảy vận hành chuẩn mực, có thể kiểm chứng bằng kết quả.

Tổng vốn dự kiến các quỹ ETF sẽ phân bố sau khi Việt Nam được FTSE được nâng hạng

Quỹ ETF	Index tham chiếu	Tổng tài sản ròng (triệu USD) tại ngày 31/01/26	Tỷ trọng Việt Nam trong chỉ số khi FTSE nâng hạng	Ước tính dòng vốn vào VN khi FTSE nâng hạng (triệu USD)
Vanguard Total International Stock ETF	FTSE Global All Cap ex US	636.700	0,09%	589
Vanguard Institutional Total International Stock Market Index Trust II	FTSE Global All Cap ex US	319.700	0,09%	296
Vanguard FTSE Emerging Markets ETF	FTSE Emerging Markets All Cap China A	158.400	0,35%	554
Vanguard FTSE All-World ex-US Index Fund	FTSE All-World ex US	90.600	0,05%	43
Vanguard Total World Stock ETF	FTSE Global All Cap	83.500	0,037%	31
Vanguard FTSE All-World UCITS ETF	FTSE All-World	59.500	0,024%	14
Tổng		1.348.400		1.528

Nguồn: SSI Research

Danh sách cổ phiếu tiềm năng thu hút dòng vốn đầu tư vào thị trường mới nổi

STT	Mã CP	Vốn hoá (tỷ USD)	Vốn hoá tự do chuyển nhượng (tỷ USD)	Ước tính dòng vốn vào (tỷ USD)	Ước tính số ngày giao dịch (ngày)
1	VIC	39.497	10.822	421,93	17,97
2	HPG	7.839	3.841	149,75	2,46
3	VHM	16.062	2.409	93,93	3,57
4	FPT	4.831	2.367	92,30	1,80
5	MSN	4.145	2.125	82,86	3,80
6	SSI	2.549	1.784	69,56	1,34
7	VNM	4.801	1.584	61,76	3,10
8	STB	4.452	1.336	52,07	1,62
9	VCB	18.431	1.224	47,71	2,20
10	VJC	3.504	1.051	40,98	5,13
11	VIX	968	966	37,66	1,50
12	VRE	2.222	889	34,64	5,63
13	SHB	2.712	814	31,72	0,80
14	VND	913	639	24,92	3,05
15	GEX	1.268	634	24,71	1,90
16	VCI	862	603	23,52	1,45
17	NVL	1.199	588	22,91	3,01
18	KBC	1.141	559	21,79	4,17
19	KDH	1.108	554	21,59	4,72
20	EIB	1.669	502	19,57	1,92
21	FRT	1.015	484	18,88	6,14
22	BSR	5.257	421	16,40	0,62
23	BID	10.503	420	16,38	1,32
24	GEE	2.744	357	13,91	2,05
25	DGC	724	355	13,83	0,92
26	HUT	702	344	13,40	9,14

STT	Mã CP	Vốn hoá (tỷ USD)	Vốn hoá tự do chuyển nhượng (tỷ USD)	Ước tính dòng vốn vào (tỷ USD)	Ước tính số ngày giao dịch (ngày)
27	DPM	771	308	12,02	0,62
28	DXG	614	308	12,00	1,24
29	PDR	619	274	10,70	1,80
30	SAB	2.157	224	8,75	4,48
31	DIG	431	211	8,23	1,23
32	KDC	537	188	7,33	14,51

Nguồn: SSI Research, dữ liệu tại ngày 31/3/2026

Bảng: Giới hạn sở hữu nước ngoài

31/12/2024		HOSE	HNX	UPCOM	Toàn thị trường	VN30
Vốn hoá	(Tỷ USD)	204,35	13,52	63,39	281,26	141,75
Giới hạn sở hữu nước ngoài	(Tỷ USD) (%)	84,66 41,43%	5,74 42,48%	20,35 32,11%	110,75 39,38%	54,63 38,54%
Room ngoại còn lại	(Tỷ USD) (%)	42,69 20,89%	4,63 34,22%	18,40 29,02%	65,71 23,36%	22,73 16,04%
NDTNN đang sở hữu	(Tỷ USD) (%)	42,01 20,56%	1,16 8,55%	1,97 3,11%	45,13 16,05%	31,89 22,50%

31/03/2026		HOSE	HNX	UPCOM	Toàn thị trường	VN30
Vốn hoá	(Tỷ USD)	299,35	16,99	51,79	368,13	203,48
Giới hạn sở hữu nước ngoài	(Tỷ USD) (%)	137,48 45,93%	7,10 41,80%	15,56 30,05%	160,15 43,50%	82,89 40,74%
Room ngoại còn lại	(Tỷ USD) (%)	93,61 31,27%	5,98 35,20%	13,66 26,38%	113,26 30,77%	50,81 24,97%
NDTNN đang sở hữu	(Tỷ USD) (%)	43,90 14,67%	1,14 6,73%	1,91 3,69%	46,95 12,75%	32,08 15,76%

Chiến lược phát triển Trung - Dài hạn

Tầm nhìn và Định hướng tổng thể

Trong giai đoạn 2025 – 2030, SSI đặt mục tiêu trở thành một định chế tài chính hàng đầu Việt Nam, mở rộng quy mô hoạt động từ một CTCK dẫn đầu thị trường sang một tập đoàn tài chính đa năng, cung cấp đầy đủ các dịch vụ tài chính hiện đại. Với sứ mệnh đồng hành và tạo ra giá trị bền vững cho khách hàng, để hiện thực hóa tầm nhìn này, SSI sẽ tập trung vào 5 trụ cột chiến lược:

1

Mở rộng hệ sinh thái tài chính – Phát triển các sản phẩm và dịch vụ đa dạng ngoài chứng khoán.

2

Tăng cường đầu tư công nghệ và chuyển đổi số – Xây dựng nền tảng tài chính số hiện đại.

3

Củng cố năng lực tài chính và quản trị rủi ro – Nâng cao năng lực vốn, mở rộng danh mục đầu tư.

4

Thúc đẩy phát triển bền vững (ESG) – Hướng tới mô hình tài chính xanh, trách nhiệm xã hội.

5

Mở rộng hợp tác quốc tế và thu hút vốn ngoại – Định vị SSI trên bản đồ tài chính khu vực

2025 – 2030

Mở rộng hệ sinh thái tài chính – hướng tới mô hình định chế tài chính đa năng

Trong quá trình phát triển thành một định chế tài chính đa năng, SSI sẽ từng bước mở rộng hoạt động từ lĩnh vực chứng khoán truyền thống sang các dịch vụ tài chính rộng hơn, tương tự như các tập đoàn tài chính quốc tế. Việc xây dựng hệ sinh thái tài chính toàn diện sẽ cho phép SSI đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng, từ cá nhân đến tổ chức, với nhiều sản phẩm và dịch vụ tích hợp.

Một trong những trụ cột quan trọng trong chiến lược mở rộng này là tiếp tục củng cố và nâng cao vị thế trong lĩnh vực chứng khoán và đầu tư tài chính. SSI đặt mục tiêu duy trì thị phần môi giới hàng đầu, đồng thời tăng cường phát triển các sản phẩm phái sinh, giao dịch thuật toán và các công cụ tài chính hiện đại nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh. Việc đầu tư vào công nghệ trong lĩnh vực này sẽ giúp SSI không chỉ cải thiện hiệu quả hoạt động mà còn cung cấp trải nghiệm giao dịch tốt hơn cho khách hàng.

Bên cạnh đó, lĩnh vực Quản lý quỹ (SSIAM) sẽ được mở rộng với việc tăng cường phát triển các quỹ mở, quỹ ETF và quỹ đầu tư tư nhân. Việc thu hút dòng vốn lớn từ NĐT tổ chức sẽ giúp SSI quản lý và phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn, đồng thời mang lại lợi nhuận ổn định và lâu dài cho khách hàng.

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB) cũng sẽ là một mảng quan trọng trong chiến lược phát triển của SSI. Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động tư vấn phát hành, hỗ trợ doanh nghiệp trong các thương vụ mua bán và sáp nhập (M&A) cũng như huy động vốn trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế. Việc nâng cao năng lực trong lĩnh vực này không chỉ giúp SSI gia tăng giá trị cho khách hàng doanh nghiệp mà còn mở rộng cơ hội hợp tác chiến lược với các tập đoàn tài chính lớn trên thế giới.

Ngoài ra, SSI sẽ phát triển mạnh mẽ các dịch vụ tài chính cá nhân và quản lý tài sản cao cấp. Dịch vụ Quản lý tài sản (Wealth Management) sẽ được xây dựng nhằm cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện cho những KHCN có tài sản lớn, giúp họ tối ưu hóa danh mục đầu tư và quản lý tài sản một cách hiệu quả.

Trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, SSI sẽ đóng vai trò là đối tác chiến lược của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, hỗ trợ huy động vốn và đầu tư nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực tài chính và phát triển bền vững.

Ngoài ra, SSI cũng sẽ tập trung vào phát triển các dịch vụ tín dụng chứng khoán và các giải pháp tài chính khác nhằm hỗ trợ khách hàng có nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính. Việc mở rộng dịch vụ vay ký quỹ (margin), repo chứng khoán và hợp tác chặt chẽ với các ngân hàng sẽ giúp SSI cung cấp các giải pháp tài chính linh hoạt, đáp ứng nhu cầu của nhiều nhóm khách hàng khác nhau.

Mục tiêu đến năm 2030, SSI không chỉ giữ vững vị thế là CTCK số một mà còn phát triển thành một tập đoàn tài chính đa năng, cung cấp các dịch vụ tài chính toàn diện, từ cá nhân đến tổ chức, đồng thời nâng cao tầm ảnh hưởng trên thị trường tài chính Việt Nam và khu vực.

Đầu tư công nghệ và chuyển đổi số – tạo lợi thế cạnh tranh vượt trội

SSI sẽ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tài chính (Fintech) và xây dựng một nền tảng tài chính số toàn diện nhằm nâng cao trải nghiệm người dùng, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và tạo ra lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường. Trong quá trình chuyển đổi số, SSI tập trung vào việc triển khai các công nghệ tiên tiến để cung cấp các dịch vụ tài chính hiện đại, thông minh và hiệu quả.

Trước hết, SSI sẽ triển khai nền tảng giao dịch số thế hệ mới, được thiết kế để cải thiện tốc độ xử lý lệnh, tăng tính ổn định và bảo mật của hệ thống giao dịch. Việc tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng này sẽ giúp khách hàng đưa ra quyết định đầu tư chính xác hơn thông qua các công cụ phân tích thị trường tiên tiến, dự báo xu hướng và tối ưu hóa danh mục đầu tư cá nhân. Hệ thống này sẽ không chỉ giúp các NĐT cá nhân tiếp cận thị trường một cách hiệu quả hơn mà còn hỗ trợ các tổ chức tài chính trong việc quản lý danh mục đầu tư với mức độ chính xác cao hơn.

Bên cạnh đó, SSI sẽ phát triển một hệ sinh thái tài chính số toàn diện thông qua Super App (iBoard) – một ứng dụng duy nhất tích hợp đầy đủ các dịch vụ tài chính, từ đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản, tín dụng chứng khoán cho đến thanh toán và các dịch vụ tài chính khác. Ứng dụng này sẽ giúp khách hàng truy cập vào tất cả các dịch vụ tài chính một cách tiện lợi, đồng thời cải thiện khả năng cá nhân hóa trải nghiệm người dùng. Việc triển khai Super App không chỉ giúp nâng cao sự tiện lợi mà còn giúp SSI xây dựng một hệ thống dữ liệu lớn (Big Data) để tối ưu hóa các sản phẩm và dịch vụ phù hợp với từng khách hàng.

Một yếu tố quan trọng khác trong chiến lược công nghệ của SSI là việc ứng dụng AI và Big Data vào hoạt động đầu tư. Công ty sẽ sử dụng các thuật toán học máy (machine learning) để phân tích dữ liệu thị trường theo thời gian thực, từ đó cung cấp các khuyến nghị đầu tư cá nhân hóa và tự động hóa quá trình giao dịch. Các công cụ này sẽ hỗ trợ khách hàng đưa ra quyết định nhanh chóng, chính xác, đồng thời giảm thiểu rủi ro trong đầu tư.

Để tăng cường tính minh bạch và bảo mật trong các giao dịch tài chính, SSI cũng sẽ tích hợp công nghệ Blockchain và hợp đồng thông minh (Smart Contract) vào hệ thống của mình. Công nghệ Blockchain sẽ đảm bảo rằng tất cả các giao dịch đều được ghi nhận một cách chính xác, không thể chỉnh sửa và có thể kiểm chứng một cách minh bạch. Hợp đồng thông minh sẽ tự động hóa các giao dịch tài chính, giúp giảm thiểu sai sót và rủi ro gian lận, đồng thời cải thiện tốc độ xử lý giao dịch.

Củng cố năng lực tài chính & Mở rộng danh mục đầu tư

Để hỗ trợ tăng trưởng trong dài hạn, SSI sẽ tiếp tục nâng cao năng lực vốn, tối ưu hóa cơ cấu tài chính và mở rộng danh mục đầu tư nhằm duy trì sự ổn định và tạo ra giá trị lâu dài. Một trong những ưu tiên hàng đầu là tăng vốn điều lệ để mở rộng hoạt động kinh doanh. Hiện tại, vốn điều lệ của SSI đã đạt gần 25 nghìn tỷ đồng, và trong những năm tới, Công ty sẽ tìm kiếm các cơ hội tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu, hợp tác chiến lược với các quỹ đầu tư quốc tế, và các phương thức huy động vốn khác. Việc gia tăng

vốn điều lệ không chỉ giúp SSI mở rộng quy mô hoạt động mà còn tăng cường năng lực tài chính, đảm bảo khả năng cạnh tranh và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường.

Song song với việc tăng vốn, SSI cũng sẽ đẩy mạnh đa dạng hóa danh mục đầu tư. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu và thị trường tài chính đang có nhiều biến động, việc phân bổ vốn hợp lý vào các lĩnh vực chiến lược sẽ giúp công ty tối ưu hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro. SSI sẽ tập trung đầu tư vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng cao như công nghệ tài chính (Fintech).

Một yếu tố quan trọng khác trong chiến lược tài chính của SSI là tăng cường quản trị rủi ro. Công ty sẽ hoàn thiện hệ thống kiểm soát rủi ro nhằm đảm bảo an toàn tài chính trong mọi điều kiện thị trường. Việc nâng cao khả năng phân tích dữ liệu và dự báo xu hướng sẽ giúp SSI chủ động điều chỉnh chiến lược đầu tư, tránh những rủi ro tiềm ẩn và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn. Đồng thời, SSI sẽ tiếp tục hoàn thiện các quy trình QTRR theo chuẩn mực quốc tế, áp dụng các công nghệ tiên tiến để giám sát và đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Phát triển bền vững (ESG) – Định hướng tài chính xanh

SSI cam kết theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đặt trọng tâm vào ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị) nhằm nâng cao giá trị dài hạn cho cổ đông, khách hàng và cộng đồng. Hướng tới tài chính xanh, SSI sẽ đẩy mạnh phát triển các sản phẩm đầu tư thân thiện với môi trường, hỗ trợ doanh nghiệp bền vững và thực hiện các sáng kiến giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong hoạt động của mình.

Trong lĩnh vực tài chính xanh, SSI sẽ phát triển một loạt các sản phẩm đầu tư ESG như quỹ đầu tư xanh, trái phiếu xanh, và các công cụ tài chính hỗ trợ các dự án năng lượng tái tạo. Việc tài trợ cho các doanh nghiệp và dự án có cam kết giảm phát thải carbon, sử dụng năng lượng sạch và cải thiện hiệu suất môi trường sẽ là ưu tiên trong chiến lược đầu tư của Công ty. Bên cạnh đó, SSI cũng sẽ hợp tác với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái tài chính bền vững tại Việt Nam.

Về mặt nội bộ, với một định chế tài chính, trách

nhệm môi trường trước hết được thể hiện ở cách vận hành hiệu quả, tiết kiệm và có trách nhiệm hơn với nguồn lực. SSI định hướng thúc đẩy chuyển đổi xanh ngay trong hệ thống vận hành thông qua đẩy mạnh số hóa, tự động hóa, giảm phụ thuộc vào quy trình thủ công, giảm thiểu in ấn, tiết kiệm năng lượng, tối ưu sử dụng tài nguyên và hạn chế phát sinh chất thải. Việc triển khai mô hình văn phòng xanh với các tiêu chí về tiết kiệm điện, nước, giảm rác thải nhựa, cùng với số hóa hồ sơ, quy trình phê duyệt điện tử và tổ chức vận hành không giấy tờ, không chỉ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn góp phần giảm tiêu thụ vật tư và tài nguyên trong toàn hệ thống. Song song với đó, SSI tiếp tục nghiên cứu áp dụng các giải pháp công nghệ thân thiện với môi trường, tối ưu hạ tầng công nghệ và không gian làm việc theo hướng gọn hơn, hợp lý hơn và bền vững hơn, đồng thời từng bước xây dựng các chính sách giảm phát thải phù hợp với đặc thù doanh nghiệp. Dù tác động môi trường của một định chế tài chính không biểu hiện trực tiếp như ở các ngành sản xuất, nhưng những thay đổi nhất quán, được thực hiện trên quy mô toàn Công ty, sẽ góp phần hình thành một mô hình vận hành xanh hơn, hiện đại hơn và tiên phong hơn trong thực hành trách nhiệm môi trường.

Song song với các sáng kiến tài chính và nội bộ, SSI sẽ mở rộng đầu tư vào các doanh nghiệp ESG nhằm hỗ trợ các công ty có mô hình kinh doanh bền vững. Công ty sẽ đưa ra các tiêu chí đánh giá chặt chẽ hơn về ESG đối với danh mục đầu tư, ưu tiên các doanh nghiệp có chiến lược phát triển theo hướng bảo vệ môi trường, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và áp dụng các tiêu chuẩn quản trị hiện đại. Việc này không chỉ giúp tăng cường giá trị bền vững của SSI mà còn tạo ra tác động tích cực đến nền kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam.

Mở rộng hợp tác quốc tế – Định vị SSI trên bản đồ tài chính khu vực

Để nâng cao vị thế trong khu vực và trên thế giới, SSI sẽ tập trung vào việc mở rộng hợp tác với các định chế tài chính lớn, thu hút nguồn vốn ngoại và tận dụng cơ hội phát triển trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu. Việc hợp tác chặt chẽ với các đối tác quốc tế không chỉ giúp SSI tiếp cận nguồn vốn dồi dào mà còn nâng cao năng lực quản trị, tiếp thu các mô hình tài chính tiên tiến và chuẩn hóa quy trình theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Trong chiến lược mở rộng quan hệ đối tác, SSI sẽ tăng cường hợp tác chiến lược với các tập đoàn tài chính hàng đầu thế giới, bao gồm các quỹ đầu tư, ngân hàng quốc tế và các tổ chức tài chính lớn. Việc phát triển mạng lưới hợp tác này sẽ giúp SSI có thêm cơ hội tham gia vào các thương vụ đầu tư lớn, hỗ trợ khách hàng tiếp cận nguồn vốn ngoại, cũng như nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, SSI sẽ đặt trọng tâm vào việc mở rộng hoạt động tại thị trường tài chính khu vực, đặc biệt là Đông Nam Á. Công ty định hướng xây dựng SSI trở thành trung tâm tài chính quan trọng, đóng vai trò kết nối dòng vốn giữa các nước, góp phần vào sự phát triển chung của thị trường tài chính. Việc tham gia vào các sản phẩm giao dịch khu vực, tăng cường đầu tư vào các thị trường tiềm năng và hợp tác với các tổ chức tài chính sẽ giúp SSI củng cố vị thế và mở rộng tầm ảnh hưởng.

Ngoài ra, SSI sẽ chủ động chuẩn bị cho quá trình nâng hạng TTCK Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế. Việc cải thiện cơ sở hạ tầng tài chính, nâng cao tính minh bạch, đáp ứng các tiêu chí của các tổ chức đánh giá thị trường quốc tế sẽ giúp Việt Nam thu hút thêm nhiều dòng vốn từ các NĐT nước ngoài. SSI sẽ đóng vai trò tiên phong trong việc thúc đẩy quá trình này bằng cách hỗ trợ các doanh nghiệp niêm yết nâng cao chuẩn mực quản trị, tăng cường tính thanh khoản và cải thiện khả năng tiếp cận vốn trên thị trường quốc tế.

Mục tiêu và Kế hoạch hành động 2026

Bước sang 2026, **kế hoạch hành động của TBCL nói riêng và toàn SSI nói chung** được xây dựng theo định hướng chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc: tăng trưởng phải đi cùng năng lực vận hành hiện đại, tốc độ triển khai nhanh, trải nghiệm khách hàng tốt hơn và mọi quyết định quan trọng đều có dữ liệu làm nền. Trên tinh thần đó, các chương trình hành động năm 2026 của Công ty được triển khai theo 5 nguyên tắc sau:



AI First (Ưu tiên trí tuệ nhân tạo từ đầu)

Mọi quy trình, tác vụ mới đều phải đặt câu hỏi "AI có thể làm thay phần nào, làm tốt hơn ở chỗ nào?". SSI ưu tiên đưa AI vào lập trình, kiểm thử, vận hành, chăm sóc khách hàng và kiểm soát nội bộ, từng bước xây dựng các "trợ lý số" để tự động nhập liệu, rà soát, đối chiếu, phát hiện sai lệch và hỗ trợ ra quyết định, giảm phụ thuộc vào con người ở các khâu lặp lại.



Zero Manual (Không làm thủ công những việc lặp lại)

Các công việc thủ công lặp đi lặp lại phải được chuẩn hóa và tự động hóa, theo nguyên tắc "quy mô kinh doanh tăng nhưng số người vận hành không tăng tương ứng". SSI tập trung số hóa quy trình đầu-cuối, giảm thao tác tay, giảm giấy tờ, giảm việc chuyển qua lại giữa các bộ phận; hiệu quả được đo bằng số ngày công tiết kiệm, tỷ lệ xử lý tự động tăng lên và lỗi vận hành giảm xuống.



Customer First (Khách hàng là trọng tâm)

Mọi thay đổi đều phải trả lời được câu hỏi "đã giảm phiền hà gì cho khách hàng và tăng thêm giá trị gì?". SSI ưu tiên loại bỏ các bước không cần thiết trên hành trình khách hàng, rút ngắn thời gian xử lý, tăng tính rõ ràng minh bạch, tăng khả năng tự thao tác của khách hàng; lấy các chỉ số trải nghiệm như thời gian mở tài khoản, thời gian xử lý yêu cầu, tỷ lệ khiếu nại và mức độ hài lòng làm thước đo.



Time to Market (Ra thị trường nhanh)

SSI coi tốc độ là lợi thế cạnh tranh. Quy trình từ ý tưởng đến triển khai sẽ được tinh gọn để tính năng, sản phẩm mới ra thị trường nhanh hơn và phản ứng kịp thời với biến động. Mục tiêu là "nhanh nhưng chắc": giảm các vòng chờ không cần thiết, chuẩn hóa kiểm thử và kiểm soát thay đổi để vừa rút ngắn thời gian triển khai vừa bảo đảm an toàn hệ thống.



Data Driven (Lấy dữ liệu làm căn cứ)

Mọi quyết định điều hành và ưu tiên đầu tư phải được "chống lưng" bằng dữ liệu. SSI chủ động thu thập, chuẩn hóa và khai thác dữ liệu xuyên suốt các đơn vị; xây dựng bộ chỉ số theo dõi hiệu suất, cảnh báo sớm rủi ro và đo hiệu quả sau mỗi thay đổi; hạn chế tối đa các nhận định cảm tính và thiên kiến cá nhân.

Chi tiết các mục tiêu và kế hoạch hành động của từng Khối trong năm 2026 sẽ được trình bày dưới đây.

Dịch vụ Chứng khoán - Khối Bán lẻ

Năm 2026, TTCK được kỳ vọng duy trì xu hướng tích cực nhờ định hướng tăng trưởng dài hạn giai đoạn 2026 – 2030 và các chính sách hỗ trợ đầu tư, tháo gỡ rào cản pháp lý cho khu vực doanh nghiệp. Những yếu tố này tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất – kinh doanh và dòng vốn đầu tư trung, dài hạn. Tuy vậy, thị trường vẫn tiềm ẩn các yếu tố cần thận trọng, bao gồm biến động kinh tế toàn cầu, khả năng lãi suất quay lại xu hướng tăng và rủi ro địa chính trị, có thể tác động trực tiếp đến tâm lý NĐT, thanh khoản và mức độ sẵn sàng chấp nhận rủi ro.

Môi trường kinh doanh tiếp tục chuyển dịch từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng dựa trên chất lượng dịch vụ, công nghệ và hiệu quả vận hành. Dư địa thị trường vẫn còn đáng kể khi tỷ lệ tham gia của NĐT cá nhân tại Việt Nam chưa cao so với khu vực. Các cải cách thị trường, kỹ năng nâng hạng và lộ trình hoàn thiện hệ thống giao dịch mới được xem là động lực hỗ trợ thanh khoản và cải thiện trải nghiệm NĐT trong trung hạn. Tuy nhiên, khả năng tận dụng cơ hội phụ thuộc lớn vào năng lực vận hành, chất lượng tư vấn và mức độ sẵn sàng về công nghệ của từng CTCK. Cạnh tranh trong ngành dự kiến gia tăng cả về quy mô lẫn chiều sâu khi nhiều công ty có hậu thuẫn từ ngân hàng và tập đoàn tài chính lớn đẩy mạnh chính sách phí, đầu tư công nghệ và xây dựng hệ sinh thái dịch vụ; đồng thời các công ty công nghệ tài chính và nền tảng đầu tư số tiếp tục định hình lại hành vi khách hàng. Trong bối cảnh đó, lợi thế cạnh tranh của Khối Bán lẻ được xác định không chỉ ở độ phủ bán hàng, mà ở năng lực cá nhân hóa dịch vụ, chất lượng tư vấn, quản trị dữ liệu khách hàng và mức độ ứng dụng công nghệ trong toàn bộ chuỗi phục vụ.

Trên nền bối cảnh này, định hướng trung – dài hạn của Khối Bán lẻ là mở rộng tệp khách hàng đại trà để gia tăng số lượng tài khoản và độ phủ, đồng thời tăng quy mô tài sản và giá trị của nhóm khách hàng tài sản lớn (HNW), hướng đến mô hình dịch vụ quản lý tài sản theo chiều sâu. Khối phát triển lực lượng bán hàng đi kèm nâng chất lượng tư vấn theo hướng minh bạch và bền vững; xây dựng chương trình và chính sách sản phẩm – dịch vụ bám sát nhu cầu phổ thông, xu hướng thị trường và cá nhân hóa theo từng phân khúc khách hàng. Cùng với đó, Khối ưu tiên tự động hóa các công cụ phân tích, tư vấn, quản trị và chăm sóc khách hàng hiện hữu, đồng thời hỗ trợ phát triển khách hàng mới; song song là lộ trình hóa mục tiêu nghề nghiệp để giữ chân nhân sự có năng lực và tuyển dụng mới có chọn lọc.

Kế hoạch hành động cụ thể năm 2026 được triển khai theo ba trọng tâm chính: **tăng trưởng khách hàng, nâng chất lượng lực lượng bán và tăng hiệu quả bằng công nghệ – dữ liệu.**

- **Về tăng trưởng khách hàng**, Khối tập trung phát triển mạnh phân khúc khách hàng đại trà bằng việc mở rộng các kênh tiếp cận, đẩy mạnh trải nghiệm số và chuẩn hóa các gói sản phẩm – dịch vụ đơn giản, dễ hiểu, dễ tham gia. Bên cạnh đó, Khối tiếp tục gia tăng tài sản và giá trị của nhóm khách hàng HNW thông qua nâng năng lực tư vấn chuyên sâu, tăng mức độ cá nhân hóa giải pháp đầu tư và phát triển các dịch vụ quản lý tài sản phù hợp với nhu cầu bảo toàn – tăng trưởng – chuyển giao tài sản
- **Về tổ chức và phát triển lực lượng bán hàng**, Khối chuyển đổi theo hướng đa kênh, kết hợp đội ngũ tư vấn truyền thống, các nhóm chuyên trách theo phân khúc và các kênh bán hàng số. Trọng tâm của chuyển đổi là nâng năng lực toàn diện của lực lượng bán, bao gồm hiểu biết sản phẩm, kỹ năng tư vấn, khả năng quản trị quan hệ khách hàng và năng lực ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh; qua đó đảm bảo tăng trưởng đi kèm chất lượng tư vấn và tính bền vững. Đồng thời, Khối đẩy mạnh mở rộng kênh phát triển khách hàng mới thông qua các nền tảng số và mạng xã hội, phù hợp với xu hướng tiếp cận thông tin và hành vi đầu tư của thế hệ NĐT trẻ, qua đó gia tăng độ phủ thương hiệu và khả năng tiếp cận khách hàng.

- **Về công nghệ và dữ liệu**, Khối xác định ứng dụng AI và tự động hóa là một trụ cột năng hiệu quả hoạt động trong năm 2026. Trọng tâm là tăng năng lực phân tích hiệu suất kinh doanh, hỗ trợ tư vấn đầu tư, tăng mức độ cá nhân hóa chăm sóc khách hàng và giảm các công việc thủ công lặp lại. Song song, Khối ưu tiên rút ngắn thời gian đưa sản phẩm, tính năng mới ra thị trường bằng việc tinh gọn quy trình phối hợp và chuẩn hóa cách triển khai. Mọi quyết định điều hành, phân bổ nguồn lực, lựa chọn kênh bán và tối ưu chính sách sản phẩm sẽ được “chống lung” bằng dữ liệu nhằm hạn chế cảm tính, giảm sai sót và nâng hiệu quả quản trị trong toàn Khối.

Kinh doanh trực tuyến - Digital Sales

Bước vào năm 2026, Digital Sales đứng trước cơ hội mở rộng khi NDT ngày càng quen với trải nghiệm đầu tư chủ động và các sản phẩm hiện đại; thanh khoản thị trường được kỳ vọng tích cực hơn khi tiến trình nâng hạng và cải cách thị trường tiến thêm bước mới. Đồng thời, cạnh tranh cũng gia tăng rõ rệt từ các CTCK theo mô hình trực tuyến và nhóm công ty có hậu thuẫn ngân hàng với nền tảng khách hàng sẵn có; tốc độ tăng trưởng tự nhiên sau giai đoạn bùng nổ có thể chậm lại, đòi hỏi cách tiếp cận hiệu quả và bền vững hơn.

Trong bối cảnh đó, Digital Sales xác định lợi thế cốt lõi là mô hình vận hành tinh gọn, linh hoạt theo tinh thần “khởi nghiệp”; đội ngũ trẻ ưu tiên tốc độ và khả năng thiết kế chương trình sản phẩm – giá phí linh hoạt, bám nhịp thị trường và đặt khách hàng ở trung tâm. Tuy nhiên, một số nền tảng còn trong quá trình hoàn thiện khiến hoạt động kết nối nguồn và chăm sóc theo nhóm vẫn còn thủ công; mảng “Người Đồng Hành” chưa mở rộng theo quy mô lớn, cộng đồng vẫn đang ở giai đoạn hình thành; quy trình phối hợp giữa bán hàng – sản phẩm – chăm sóc khách hàng/tiếp thị đã tiến bộ nhưng cần tiếp tục chuẩn hóa để giảm độ trễ.

Trọng tâm năm 2026 của Bộ phận là chuyển từ tăng trưởng theo “độ nở” sang tăng trưởng theo “chất lượng”, nâng hiệu quả trên mỗi khách hàng và nâng trải nghiệm. Bộ chỉ tiêu điều hành tập trung vào bốn mục tiêu: tăng quy mô khách hàng mở mới, tăng thị phần mỗi giới (cơ sở và phái sinh), tăng dư nợ cho vay kỳ quỹ bình quân và tăng lợi nhuận quản trị nội bộ. Trên nền đó, Bộ phận ưu tiên mở rộng tệp khách hàng và hệ sinh thái phân phối; nâng hiệu quả tập khách hàng hiện hữu bằng cá nhân hóa; thúc đẩy tăng trưởng dựa trên sản phẩm và dữ liệu; cải thiện trải nghiệm; đồng thời hoàn thiện nền tảng vận hành và công nghệ để đảm bảo triển khai bền vững.

- **Về tăng trưởng khách hàng mới**, Digital Sales triển khai các chiến dịch thu hút theo hướng linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường và chủ đề NDT quan tâm như tài sản số, IPO, cơ hội theo chu kỳ kinh tế và các sản phẩm đầu tư mới. Mục tiêu năm 2026 là thu hút tối thiểu 100.000 khách hàng mới thông qua kết hợp tiếp thị số, kênh tăng trưởng tự nhiên và các chiến dịch theo mùa. Ngoài ra, Bộ phận mở rộng hệ sinh thái “Người Đồng Hành” theo hướng vừa tăng quy mô vừa nâng chất lượng, đặt mục tiêu phát triển thêm khoảng 500 Người Đồng Hành, trong đó nhóm chất lượng chiếm ít nhất 30%. Digital Sales sẽ chú trọng đào tạo năng lực cho Người Đồng Hành mới và xây dựng cơ chế hỗ trợ để nâng hiệu suất và chất lượng khách hàng. Cơ chế khách hàng giới thiệu khách hàng cũng được thúc đẩy với các chương trình ghi nhận theo thời gian thực, vừa tạo thêm nguồn khách hàng mới vừa tăng mức gắn kết của khách hàng hiện hữu.
- **Về nâng hiệu quả tập khách hàng hiện hữu**, Bộ phận tiếp tục chuẩn hóa hành trình khách hàng trên kênh số theo các giai đoạn rõ ràng: khách hàng mới bắt đầu, kích hoạt giao dịch, tăng mức sử dụng sản phẩm và nâng cấp lên nhóm khách hàng giá trị cao. Trọng tâm là tự động hóa và cá nhân hóa nội dung chăm sóc, đào tạo và gợi ý, với mục tiêu nâng mức độ “đa sản phẩm”, phần đầu đạt tối thiểu hai sản phẩm trên mỗi khách hàng. Bên cạnh đó, Digital Sales đặt mục tiêu nâng mức hài lòng khách hàng khoảng 20% so với năm trước thông qua đo lường phản hồi định kỳ, kiểm tra chất lượng hỗ trợ/tư vấn nội bộ và cải tiến liên tục các điểm chạm quan trọng trên hành trình giao dịch.

- **Về nền tảng tăng trưởng dựa trên sản phẩm và dữ liệu**, Digital Sales tập trung phát triển các tính năng giúp khách hàng chủ động sử dụng, tăng tỷ lệ kích hoạt và giữ chân, như tích lũy – đầu tư tự động, cảnh báo và gợi ý giao dịch, công cụ hỗ trợ chia sẻ và lan tỏa cộng đồng. Dữ liệu hành vi được sử dụng để tự động hóa chăm sóc theo thời điểm, cá nhân hóa nội dung truyền thông và gợi ý sản phẩm phù hợp, qua đó tăng hiệu quả chuyển đổi và tối ưu nguồn lực vận hành. Trên cơ sở đó, Bộ phận nâng hiệu quả tạo doanh thu trên mỗi khách hàng bằng việc cá nhân hóa gợi ý danh mục, tăng tỷ lệ sử dụng các sản phẩm cho vay kỳ quỹ và mở rộng bán chéo giữa các sản phẩm.
- **Cuối cùng, để các sáng kiến tăng trưởng chạy bền**, Bộ phận ưu tiên hoàn thiện năng lực vận hành bằng việc nâng cấp hệ thống giao dịch, tăng độ ổn định và khả năng xử lý, đồng thời chuẩn hóa quy trình phối hợp liên phòng để giảm lỗi, giảm độ trễ và nâng tốc độ triển khai.

Tổng thể, Digital Sales bước vào 2026 với định hướng rõ ràng: tăng trưởng có kiểm soát, dựa trên trải nghiệm khách hàng, kỷ luật vận hành và hiệu quả tài chính; qua đó tiếp tục đóng góp ổn định và bền vững vào tăng trưởng chung của SSI.



Dịch vụ Chứng khoán - Khách hàng Tổ chức

Năm 2026, thị trường được kỳ vọng tiếp tục hưởng lợi từ tiến trình nâng hạng và việc cải thiện hạ tầng giao dịch, dù dòng vốn của NĐT tổ chức vẫn sẽ chọn lọc và đòi hỏi tiêu chuẩn cao về minh bạch, chất lượng thông tin và năng lực thực thi. Bên cạnh tác động từ cầu chuyển FTSE, khả năng Việt Nam được đưa vào danh sách theo dõi nâng hạng của MSCI có thể giúp thị trường nhận được sự quan tâm rộng hơn từ các quỹ đầu tư toàn cầu. Trong môi trường cạnh tranh, khác biệt sẽ nằm ở quy mô hoạt động, năng lực công nghệ, chất lượng khớp lệnh, độ ổn định hệ thống và chiều sâu quan hệ khách hàng, chứ không chỉ ở mức phí giao dịch.

Trên cơ sở đó, định hướng trung – dài hạn của Khối KHTC là củng cố vai trò như một "nền tảng tích hợp", kết nối đồng bộ giữa phát triển quan hệ khách hàng và thực thi giao dịch. Trọng tâm là nâng chất lượng bao phủ khách hàng, tăng tỷ lệ chuyển đổi từ trao đổi sang giao dịch thực chất, đặc biệt với nhóm khách hàng truyền thống; đồng thời tăng cường phối hợp chặt chẽ với các mảng ngân hàng đầu tư, quản lý quỹ và nguồn vốn để tối ưu giá trị mang lại cho khách hàng và cho SSI. Song song, Khối chuẩn bị đầy đủ nguồn lực, năng lực chuyên môn và nền tảng công nghệ để sẵn sàng triển khai các sản phẩm tài chính mới có mức độ phức tạp cao hơn khi hành lang pháp lý hoàn thiện.

Trong năm 2026, Khối xác định tăng trưởng thị phần KHTC là chỉ báo tổng hợp phản ánh hiệu quả của toàn bộ hoạt động, từ phát triển quan hệ đến chất lượng thực thi.

- Để mở rộng tệp khách hàng và củng cố quan hệ hiện hữu, Khối gia tăng tần suất các chuyến gặp gỡ, giới thiệu cơ hội đầu tư tại các thị trường trọng điểm, hướng đến mục tiêu vừa "giữ chắc khách hiện tại", vừa "mở thêm khách mới" một cách hiệu quả. Trên nền các hoạt động này, Khối chủ động giới thiệu cơ hội đầu tư và thương vụ theo hướng chọn lọc hơn, bám sát khẩu vị từng nhóm khách hàng, ưu tiên tính phù hợp và khả năng chuyển đổi thành giao dịch thay vì mở rộng dàn trải.
- Về năng lực thực thi, Khối tiếp tục nâng cấp nền tảng giao dịch để tận dụng các thay đổi của thị trường như hệ thống giao dịch mới, cơ chế bù trừ tập trung và các sản phẩm giao dịch mới; đồng thời đẩy mạnh số hóa và tự động hóa quy trình vận hành theo chuẩn quốc tế nhằm tăng tốc độ xử lý, giảm sai sót và nâng khả năng mở rộng. Mục tiêu là giảm tối đa các khâu thủ công, nâng độ chính xác và đảm bảo năng lực phục vụ ổn định trong những giai đoạn thị trường sôi động.
- Về hiệu quả hoạt động tư vấn giao dịch, Khối tập trung nâng hiệu quả bằng cách tăng chiều sâu nội dung tư vấn và giá trị khuyến nghị, chuyển trọng tâm sang việc cung cấp "ý tưởng giao dịch" và "gợi ý chiến lược" có tính chọn lọc, được thiết kế phù hợp với nhu cầu và khẩu vị rủi ro của từng nhóm khách hàng. Cùng với đó, Khối đa dạng hóa cơ cấu thu phí theo hướng phản ánh đúng giá trị mang lại, mở rộng dư địa doanh thu và tạo nền tảng tăng trưởng bền vững trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng quyết liệt.



Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB)

Năm 2026, hoạt động ngân hàng đầu tư được kỳ vọng thuận lợi hơn nhờ nền tảng vĩ mô tiếp tục tích cực và diễn biến thị trường hỗ trợ cho các thương vụ huy động vốn. Việc Việt Nam được FTSE nâng hạng lên nhóm thị trường mới nổi có thể giúp mức độ quan tâm của NĐTNN cải thiện sau giai đoạn bán rông năm 2025, từ đó tạo điều kiện tốt hơn cho các giao dịch trên thị trường vốn. Làn sóng chào bán lần đầu ra công chúng cũng được dự báo tiếp tục sôi động, nhất là từ nhóm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, được hỗ trợ bởi tâm lý thị trường tích cực hơn.

Tuy vậy, cạnh tranh dự kiến sẽ gay gắt khi các CTCK trong nước và các ngân hàng toàn cầu tăng tốc giành các thương vụ tốt. Nguồn giao dịch chất lượng cao trên thị trường vốn thường khan hiếm và có xu hướng tập trung vào một số nhóm ngành như tài chính và BĐS. Bên cạnh đó, diễn biến giá không thuận lợi của một số thương vụ niêm yết gần đây sau khi lên sàn có thể khiến NĐT thận trọng hơn với các đợt chào bán tiếp theo, đòi hỏi cao hơn về chất lượng doanh nghiệp, cấu trúc giao dịch và kỷ luật định giá.

Trong bối cảnh đó, Khối IB định hướng tăng trưởng theo hướng hiệu quả và bền vững: tăng doanh thu đi cùng kiểm soát chi phí, duy trì kỷ luật triển khai, minh bạch trong tư vấn và kiểm soát rủi ro xuyên suốt quá trình thực hiện. Đồng thời, Khối đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới để nâng chất lượng dịch vụ, rút ngắn thời gian xử lý và cải thiện năng suất, qua đó nâng sức cạnh tranh trong các thương vụ có yếu cầu phức tạp.

Kế hoạch hoạt động năm 2026 được triển khai theo ba mảng: ECM (mảng thị trường vốn), DCM (mảng thị trường nợ) và CF (mảng tài chính doanh nghiệp).

- Ở mảng thị trường vốn, SSI tiếp tục triển khai các thương vụ chào bán lần đầu ra công chúng quy mô lớn đang thực hiện và kỳ vọng ký thêm các hợp đồng tư vấn mới trong năm. Song song, SSI đẩy mạnh tư vấn mua bán – sáp nhập và đầu tư vốn tư nhân, tập trung tìm kiếm doanh nghiệp mục tiêu có sức hút đối với NĐT tại các lĩnh vực giáo dục, y tế, BĐS, logistics và thực phẩm. Hoạt động tư vấn phát hành riêng lẻ tiếp tục bám sát mạng lưới doanh nghiệp niêm yết, duy trì quan hệ và chủ động phát hiện cơ hội giao dịch phù hợp với nhu cầu huy động vốn và chiến lược tăng trưởng của từng doanh nghiệp.
- Ở mảng thị trường nợ, SSI mở rộng và đa dạng hóa dịch vụ theo hướng toàn diện hơn, bao gồm tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ, phát hành trái phiếu ra công chúng, các cấu trúc giao dịch ngắn hạn, thu xếp các khoản vay và các giao dịch mua bán lại. Trọng tâm song hành là duy trì quan hệ sâu với khách hàng hiện hữu và phát triển tệp khách hàng mới, gồm cả doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài. SSI tiếp tục duy trì và tăng cường quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế như IFC, ADB và Proparco, đặc biệt tập trung tìm kiếm doanh nghiệp mục tiêu phù hợp cho các khoản vay có nguồn vốn từ các định chế tài chính phát triển. Đồng thời, SSI tăng cường phối hợp với các NHTM trong nước để tư vấn và triển khai các cấu trúc trái phiếu có bảo đảm, mở rộng hình thức bảo đảm bằng các loại tài sản phù hợp thay vì chủ yếu dựa trên tài sản bảo đảm là cổ phiếu.
- Ở mảng tài chính doanh nghiệp, SSI tập trung nâng chất lượng tư vấn và năng lực thu xếp theo hướng "đi cùng khách hàng" trong các bài toán cấu trúc vốn, tối ưu nguồn vốn, chuẩn bị hồ sơ – tiêu chuẩn cho chào bán/niêm yết và các giao dịch chiến lược. Trọng tâm là tăng chiều sâu quan hệ, nâng khả năng chuyển đổi từ trao đổi sang giao dịch, đồng thời phối hợp hiệu quả giữa các mảng trong Khối IB để mang lại giải pháp trọn gói, phù hợp nhu cầu và khẩu vị rủi ro của từng khách hàng.

Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính

Năm 2026, bối cảnh vĩ mô được kỳ vọng ổn định và có sự đồng thuận chính sách cao cho mục tiêu tăng trưởng. Thanh khoản thị trường tiền tệ có thể cải thiện so với giai đoạn cuối năm 2025 khi tăng trưởng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ hơn, đặc biệt với tín dụng vào bất động sản. Trên TTCK, câu chuyện nâng hạng tiếp tục là động lực hỗ trợ thanh khoản, qua đó tạo nhu cầu lớn hơn đối với các sản phẩm sử dụng vốn, nhất là cho vay ký quỹ.

Tuy vậy, thị trường vốn vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức. Lãi suất có khả năng tiếp tục ở mức cao do nhu cầu vốn lớn của nền kinh tế, làm tăng chi phí huy động. Tỷ giá cũng khó lường do rủi ro quốc tế, có thể khiến chi phí vốn tăng thêm và yêu cầu quản trị rủi ro chặt chẽ hơn. Ở phía thị trường, cạnh tranh giữa các CTCK được dự báo khốc liệt hơn sau giai đoạn tăng vốn mạnh năm 2025, tạo áp lực trực tiếp lên hoạt động cho vay ký quỹ.

Trong bối cảnh đó, Khối Nguồn vốn đặt mục tiêu duy trì vị thế dẫn đầu của SSI trên thị trường tài chính – tiền tệ, đồng thời nâng hiệu quả sử dụng vốn và quản lý danh mục đầu tư giấy tờ có giá theo hướng thận trọng, kỷ luật và linh hoạt. Mục tiêu là đảm bảo thanh khoản với chi phí vốn hợp lý để cung ứng vốn cho các hoạt động kinh doanh của toàn Công ty.

- **Tiếp tục ưu tiên đa dạng hóa nguồn huy động.** Bên cạnh việc gia tăng các hạn mức tín dụng hiện hữu, Khối chủ động phát triển mạng lưới đối tác cho vay trong và ngoài nước, đồng thời tìm kiếm thêm các nguồn vốn khác thông qua hợp tác với các đối tác phi tài chính, qua đó giảm phụ thuộc vào kênh tín dụng ngân hàng và tăng tính linh hoạt trong cấu trúc nguồn vốn của Công ty.
- **Chuyển trọng tâm từ “quy mô” sang “hiệu quả” trong bối cảnh lãi suất cao.** Danh mục đầu tư giấy tờ có giá được vận hành theo nguyên tắc thận trọng, duy trì tỷ trọng lớn ở các tài sản có tính thanh khoản cao. Việc mở rộng danh mục sẽ được thực hiện theo thời điểm phù hợp và lựa chọn tài sản có cấu trúc linh hoạt, đặc biệt là các công cụ có cơ chế điều chỉnh lãi suất định kỳ, nhằm giảm rủi ro thị trường và hạn chế tác động bất lợi khi mặt bằng lãi suất biến động.
- **Phát triển thêm sản phẩm và hoàn thiện bộ sản phẩm dịch vụ** của SSI dành cho NĐT, trong đó ưu tiên chuẩn bị nguồn lực vốn dồi dào để tạo lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm sử dụng vốn. Khối cũng đầu tư vào hệ thống giao dịch để nâng trải nghiệm khách hàng, đồng thời lựa chọn kỹ lưỡng “hàng hóa tài chính” để đáp ứng nhu cầu thị trường nhưng vẫn kiểm soát được rủi ro đối với khách hàng và Công ty.



Đầu tư

Nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và kiểm soát rủi ro, Bộ phận Đầu tư cổ phiếu tiếp tục duy trì chiến lược phân tích cơ bản trong việc lựa chọn ngành và cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng bền vững, định giá hợp lý. Đồng thời, bộ phận chủ động phối hợp với các khối và phòng ban khác để mở rộng cơ hội đầu tư, đa dạng hóa sản phẩm, qua đó gia tăng hiệu quả sinh lời.

Trong định hướng năm 2026, Bộ phận Đầu tư cổ phiếu đặt mục tiêu nâng cao hơn nữa hiệu quả phân tích đầu tư, kết hợp hài hòa giữa phương pháp cơ bản và định lượng, nhằm xây dựng danh mục có tỷ suất sinh lời cao với mức độ biến động thấp, phù hợp với bối cảnh thị trường.

- **Đối với khoản đầu tư vào CTCP Tập đoàn PAN,** Bộ phận tiếp tục theo dõi sát sao và cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Với vai trò cổ đông lớn, SSI đồng hành cùng Công ty trong việc đưa ra các tư vấn về đầu tư tài chính và định hướng hoạt động kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả và giá trị bền vững cho cả hai bên.
- **Với hoạt động kinh doanh chứng quyền năm 2026,** Bộ phận Đầu tư Phái sinh đặt mục tiêu duy trì thị phần ở mức trên 40% cho cả năm và để chuẩn bị cho 2026, SSI đã thực hiện một đợt phát hành mới 16 mã chứng quyền vào tháng 12 năm 2025. Tùy theo bối cảnh thị trường, Công ty sẽ tiếp tục phát hành mới và phát hành bổ sung số lượng lớn trong các quý tiếp theo của năm 2026 để đáp ứng nhu cầu của NĐT và duy trì vị thế hiện tại của Công ty trên thị trường chứng quyền. Nhằm tối đa lợi nhuận và hạn chế rủi ro, Bộ phận tiếp tục bắt đầu từ việc chọn nhóm ngành, cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng tốt, định giá hợp lý làm cơ sở để tổ chức các đợt phát hành trong năm 2026. Ngoài ra, thông qua kế hoạch phát hành nhiều đợt chứng quyền mới hơn trong 2026, sản phẩm chứng quyền của SSI sẽ luôn có thông số hợp lý trong mọi kịch thị trường biến động của thị trường để phục vụ nhà đầu tư được tốt hơn và tối ưu hóa nguồn vốn của Công ty.
- **Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh hiện tại,** Bộ phận Đầu tư Phái sinh đang phát triển thêm một số chiến lược giao dịch tự động, kết hợp giao dịch các loại tài sản trên thị trường như cổ phiếu, hợp đồng tương lai, chứng quyền nhằm khai thác triệt để các cơ hội xuất hiện trên TTCK Việt Nam. Các chiến lược giao dịch này sẽ được kiểm thử kỹ càng trước khi chạy thực tế, và khi triển khai sẽ có quy trình kiểm soát rủi ro phù hợp duy trì song song. Bên cạnh đó, Khối đầu tư cũng chủ động kết hợp cùng các Khối, Phòng/Ban khác (Trung tâm Phân tích & Tư vấn Đầu tư – SSI Research, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – IB, Dịch vụ Chứng khoán...) để tìm kiếm thêm nhiều cơ hội đầu tư, đa dạng hóa sản phẩm nhằm gia tăng lợi nhuận.



Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)

Năm 2026, thị trường quản lý tài sản Việt Nam được kỳ vọng bước vào một chu kỳ tăng trưởng mới nhờ nền tảng chính sách vĩ mô hỗ trợ và môi trường pháp lý thuận lợi hơn cho kênh đầu tư qua quỹ. Các điều chỉnh về cơ chế khuyến khích quỹ mở, cùng những ưu đãi tài chính dành cho NĐT nắm giữ chứng chỉ quỹ dài hạn và lộ trình giảm thuế khi quỹ chi trả cổ tức, đang góp phần nâng sức hấp dẫn của đầu tư qua quỹ so với hình thức tự đầu tư. Bên cạnh đó, xu hướng số hóa dịch vụ tài chính và sự phát triển nhanh của các nền tảng công nghệ tài chính tiếp tục làm thay đổi hành vi đầu tư, giúp sản phẩm quỹ tiếp cận nhà đầu tư cá nhân thuận tiện hơn, mở ra dư địa tăng trưởng lớn cho các công ty có năng lực đầu tư và hệ thống phân phối mạnh.

Trên nền bối cảnh đó, định hướng trung – dài hạn của SSIAM là duy trì tăng trưởng bền vững về quy mô tài sản quản lý, tập trung vào ba mảng cốt lõi gồm quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục ủy thác cho khách hàng tổ chức và phát triển khách hàng cá nhân. Mốc 1 tỷ USD tài sản quản lý SSIAM đã đạt được được coi là điểm khởi đầu cho một giai đoạn tăng trưởng mới, trong đó SSIAM ưu tiên củng cố vị thế dẫn đầu về hiệu quả đầu tư thông qua nâng cao năng lực quản lý danh mục, kiểm soát rủi ro và duy trì hiệu suất ổn định, vượt trội so với thị trường. Ngoài ra, SSIAM tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm và giải pháp đầu tư để đáp ứng nhu cầu ngày càng phong phú của NĐT theo từng giai đoạn của chu kỳ kinh tế; mở rộng kênh phân phối hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ và hệ sinh thái đổi tác nhằm tăng độ phủ, nâng trải nghiệm khách hàng và tối ưu hiệu quả hoạt động. SSIAM cũng tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để từng bước mở rộng hiện diện khu vực và nâng chuẩn quản trị theo thông lệ quốc tế.

Kế hoạch hành động cụ thể năm 2026 tập trung vào bốn nhóm ưu tiên.

- **Mở rộng bộ sản phẩm quỹ mở và bổ sung các chiến lược đầu tư** mới nhằm phục vụ tốt hơn các mức khẩu vị rủi ro khác nhau, đồng thời nâng khả năng đáp ứng nhu cầu đầu tư theo mục tiêu của từng nhóm khách hàng.
- **Thúc đẩy tăng trưởng khách hàng cá nhân thông qua mở rộng hợp tác với các đối tác phân phối**, đặc biệt là các nền tảng số và kênh công nghệ tài chính, đi kèm tăng cường truyền thông và giáo dục NĐT; mục tiêu tăng trưởng số lượng khách hàng cá nhân tối thiểu 15%.
- **Tiếp tục đẩy mạnh mảng quản lý danh mục ủy thác cho khách hàng tổ chức** – lĩnh vực SSIAM đã xây dựng uy tín và đang tăng trưởng nhanh – tập trung vào nhóm công ty bảo hiểm, doanh nghiệp và tổ chức tài chính, với các giải pháp đầu tư linh hoạt, phù hợp khẩu vị rủi ro và yêu cầu dòng tiền của từng nhóm khách hàng.
- **Ưu tiên tối ưu vận hành** nhằm nâng năng suất, kiểm soát chi phí và nâng chất lượng dịch vụ, đảm bảo tăng trưởng quy mô đi cùng hiệu quả và kỷ luật quản trị.



Vận hành và Hệ thống Công nghệ

Chiến lược trung – dài hạn của Bộ phận CNTT

Về **nền tảng công nghệ**, Bộ phận định hướng chuẩn hóa kiến trúc hệ thống theo hướng linh hoạt, dễ mở rộng và tối ưu chi phí, từng bước tiến tới mô hình hạ tầng kết hợp giữa trung tâm dữ liệu nội bộ và điện toán đám mây. Ngoài ra, Bộ phận ưu tiên đầu tư mạnh cho tự động hóa và trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển phần mềm và vận hành, gồm tự động kiểm thử, hỗ trợ lập trình bằng AI và giám sát hệ thống thông minh để phát hiện sớm bất thường.

Về **năng lực cốt lõi**, Bộ phận tập trung phát triển đội ngũ theo chiều sâu, làm chủ kỹ năng sử dụng AI đúng cách để tăng năng suất và chất lượng công việc. Các quy trình phát triển phần mềm được chuẩn hóa theo hướng gắn chặt giữa phát triển – an toàn bảo mật – vận hành, nhằm giảm lỗi khi triển khai, tăng tính ổn định và kiểm soát rủi ro tốt hơn. Tỷ lệ tự động hóa trong kiểm thử, triển khai, giám sát và hỗ trợ vận hành được nâng dần để giảm lỗi do thao tác thủ công và tăng tính nhất quán.

Năm 2026, Bộ phận CNTT tập trung vào ba nhóm công việc trọng tâm: ổn định hệ thống và nâng trải nghiệm khách hàng, đồng hành kinh doanh phát triển sản phẩm mới, và số hóa – tối ưu vận hành nội bộ để sẵn sàng cho các chương trình chuyển đổi lớn.

Ổn định hệ thống và nâng cao trải nghiệm khách hàng

Mục tiêu của năm 2026 là giảm tối đa gián đoạn dịch vụ và sự cố nghiêm trọng, tiến tới mức độ vận hành gần như không gián đoạn, đồng thời hạn chế lỗi phát sinh khi thay đổi hệ thống. Để đạt mục tiêu này, CNTT tập trung củng cố hai nền tảng: hạ tầng vận hành và chất lượng phần mềm.

Trước hết, CNTT xây dựng môi trường kiểm thử tương đồng với môi trường vận hành thực tế ngay trong Quý 1 năm 2026, sau khi hoàn tất bổ sung tài nguyên hạ tầng. Môi trường này giúp phát hiện lỗi sớm, kiểm tra đầy đủ kịch bản chịu tải và giảm rủi ro khi đưa thay đổi vào vận hành. Song song, hệ thống giám sát được nâng cấp theo hướng chủ động hơn: cảnh báo sớm, phân tích dấu hiệu bất thường và tự động hỗ trợ phát hiện sự cố để rút ngắn thời gian phản ứng.

Về quy trình phát triển phần mềm, CNTT chuẩn hóa cách làm trên toàn Bộ phận theo hướng bắt buộc kiểm soát chất lượng trước khi triển khai. Việc quản lý phiên bản thống nhất, rà soát mã nguồn bắt buộc, và tiêu chuẩn triển khai tự động theo từng bước được áp dụng đồng bộ. Chất lượng trước khi đưa vào vận hành được kiểm soát chặt bằng danh mục kiểm tra bắt buộc ở từng giai đoạn, tăng mức độ bao phủ kiểm thử và giảm lỗi do thao tác thủ công. CNTT cũng khuyến khích lập trình viên sử dụng công cụ AI hỗ trợ lập trình để tăng chất lượng kiểm thử đơn vị, phát hiện sớm lỗi logic và rút ngắn thời gian phát triển, qua đó giảm lỗi phát sinh khi triển khai. Đồng thời, CNTT tiếp tục tinh gọn và tối ưu hệ thống theo hướng giảm chồng chéo như đã triển khai trong năm 2025.

Đồng hành khởi nghiệp kinh doanh phát triển sản phẩm mới

CNTT chuẩn bị nguồn lực và nền tảng hệ thống để triển khai các sản phẩm theo kế hoạch kinh doanh, trong đó có các sản phẩm như M+ và D++. CNTT cũng triển khai hệ thống trò chuyện hỗ trợ lực lượng bán hàng kết nối với khách hàng cá nhân trên nền tảng iBoard – iBroker, nhằm tăng tốc độ phục vụ và nâng trải nghiệm tương tác.

Một nhiệm vụ quan trọng trong năm là thay thế hệ thống lõi giao dịch cơ sở phiên bản G3, tiến tới làm chủ hoàn toàn hệ thống lõi giao dịch cơ sở để mở rộng khả năng phát triển sản phẩm và giảm phụ thuộc. Đồng thời, CNTT chuẩn hóa bộ giao diện kết nối giao dịch theo thông lệ quốc tế để thuận lợi hơn trong việc kết nối đối tác và phát triển các kênh giao dịch mới. CNTT cũng hoàn thành hệ thống quản lý lực lượng bán hàng theo yêu cầu kinh doanh nhằm tăng hiệu quả điều hành, đo lường và phân bổ nguồn lực.

Số hóa và tối ưu hệ thống nội bộ

CNTT bảo đảm tiến độ hoàn thành các dự án vệ tinh như TIMS/FINS, S-Office và HRM, tạo nền tảng sẵn sàng cho lộ trình thay thế hệ thống lõi ERP. Song song, CNTT rà soát các quy trình nội bộ còn thao tác thủ công trong chính Bộ phận CNTT để tăng mức độ tự động hóa, chuẩn hóa cách làm, giảm thời gian xử lý và nâng năng suất.



Kế hoạch nhân sự 2026

Năm 2026, TTCK Việt Nam bước vào giai đoạn tăng trưởng có chọn lọc, với yêu cầu cao hơn về quản trị rủi ro, năng lực vận hành, chuẩn mực minh bạch và tuân thủ. Trong bối cảnh đó, SSI coi nguồn nhân lực không chỉ là yếu tố hỗ trợ tăng trưởng, mà là nền tảng tạo lập và duy trì niềm tin của thị trường. Kế hoạch nhân sự năm 2026 vì vậy tập trung vào kỷ luật trong tuyển chọn, hiệu quả trong vận hành, minh bạch trong đánh giá – đãi ngộ, ứng dụng công nghệ trong quản trị, và phát triển đội ngũ có năng lực dẫn dắt với tư duy dài hạn.

SSI không xây dựng niềm tin bằng khẩu hiệu, mà bằng chất lượng con người được tuyển chọn đúng, năng lực được đo lường minh bạch và hành vi quản trị nhất quán qua thời gian. Nhân sự tại SSI được định vị là lực lượng trực tiếp tạo ra năng lực cạnh tranh vận hành và hỗ trợ tăng trưởng kinh doanh: thực thi kỷ luật để giảm chi phí sai lỗi và tăng năng suất; chủ động kiểm soát rủi ro để bảo vệ hiệu quả kinh doanh và duy trì ổn định trong giai đoạn thị trường biến động; đồng thời ra quyết định dựa trên dữ liệu để tối ưu nguồn lực, tối ưu doanh thu và cải thiện chất lượng phục vụ khách hàng.

Tuyển chọn nhân sự: Chọn đúng để vận hành bền vững

Năm 2026, SSI chuyển trọng tâm từ “tuyển đủ – tuyển nhanh” sang “tuyển chọn có chọn lọc, gắn với năng lực cốt lõi và nhu cầu dài hạn”. Trọng tâm tuyển dụng ưu tiên các nhóm năng lực đáp ứng trực tiếp yêu cầu cạnh tranh của thị trường và mục tiêu tăng trưởng bền vững của SSI, gồm: QTRR và tuân thủ để bảo vệ hoạt động kinh doanh và hỗ trợ mở rộng sản phẩm – dịch vụ mới; phân tích dữ liệu và ứng dụng công nghệ tài chính để nâng năng suất, tối ưu chi phí phục vụ và tăng tốc quyết định kinh doanh; vận hành quy mô lớn và chuẩn hóa quy trình để đáp ứng mục tiêu tăng số lượng khách hàng, tăng khối lượng giao dịch và rút ngắn thời gian xử lý; cùng năng lực quản lý đội ngũ trong môi trường áp lực cao để đảm bảo hiệu suất ổn định và duy trì chất lượng dịch vụ trong mọi giai đoạn thị trường.

Để “tuyển đúng”, Bộ phận Nhân sự chuẩn hóa khung năng lực theo từng nhóm chức danh, gắn trực tiếp với kết quả công việc, yêu cầu QTRR và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. SSI tăng cường phát triển và bổ nhiệm nội bộ cho các vị trí then chốt nhằm giữ gìn kỹ năng kế thừa, đồng thời duy trì tuyển dụng từ thị trường bên ngoài để bảo đảm nguồn lực đa dạng và năng lực cạnh tranh. Quy trình sàng lọc hồ sơ, đánh giá năng lực và theo dõi chất lượng tuyển dụng được chuẩn hóa theo các quy chuẩn chung, giúp giảm rủi ro “tuyển sai” và nâng chất lượng đầu vào.

Quản trị hiệu suất và minh bạch nhân sự

SSI tiếp tục hoàn thiện hệ thống đánh giá hiệu suất theo hướng gắn chặt với kết quả công việc và chất lượng vận hành, không chỉ dựa trên nỗ lực cá nhân. Minh bạch được đặt ở cả mục tiêu, tiêu chí đánh giá và quy trình ghi nhận – đãi ngộ, nhằm bảo đảm người có đóng góp thực chất được ghi nhận đúng và kịp thời. Với những trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu, SSI vừa có cơ chế hỗ trợ cải thiện, vừa có phương án bố trí lại phù hợp để đảm bảo hiệu quả chung và giữ kỷ luật tổ chức.

Công nghệ và dữ liệu nhân sự

Bộ phận Nhân sự tiếp tục đầu tư hệ thống quản trị nhân sự tích hợp để quản lý dữ liệu nhân sự tập trung, theo dõi xu hướng hiệu suất và biến động nhân sự, đồng thời hỗ trợ ra quyết định nhân sự dựa trên dữ liệu. Mục tiêu là giảm cảm tính trong quản trị, tăng khả năng dự báo và nâng tính nhất quán giữa tuyển dụng – đào tạo – đánh giá – đãi ngộ, qua đó nâng hiệu quả sử dụng nguồn lực trên toàn hệ thống.

Đào tạo & phát triển nhân sự 2026

Năm 2026, Ban Đào tạo tập trung nuôi dưỡng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo hướng chuẩn hóa năng lực, học để làm tốt hơn và đo lường được hiệu quả sau đào tạo. Trọng tâm là xây dựng hệ thống đào tạo hiện đại, gắn chặt với mục tiêu kinh doanh – vận hành, đồng thời lan tỏa văn hóa học tập chủ động trong toàn SSI.

Chuẩn hóa theo khung năng lực và cá nhân hóa lộ trình học: Ban Đào tạo triển khai xây dựng và đào tạo theo khung năng lực nhằm chuẩn hóa năng lực theo từng nhóm chức danh, từng tuyến vai trò. Trên nền khung năng lực, các chương trình được thiết kế theo hướng cá nhân hóa, giúp mỗi nhân viên có lộ trình học tập rõ ràng, học đúng phần còn thiếu và phát triển đúng năng lực cần cho vị trí hiện tại cũng như bước tiến nghề nghiệp tiếp theo.

Đào tạo gắn với kết quả và thay đổi hành vi: Đào tạo năm 2026 được định hướng “học để tạo kết quả”. Ban Đào tạo áp dụng cơ chế đánh giá sau đào tạo theo hai lớp: mức độ thay đổi hành vi trong công việc và mức độ cải thiện hiệu quả thực tế. Việc đánh giá được triển khai với sự hướng dẫn của Ban Đào tạo và sự đồng hành của các cấp quản lý, nhằm đảm bảo nội dung đào tạo được đưa vào thực tế vận hành.

Ba chủ đề đào tạo xuyên suốt: Toàn bộ chương trình đào tạo 2026 được tổ chức xoay quanh ba chủ đề lớn.

- “AI First” tập trung giúp nhân viên biết ứng dụng trí tuệ nhân tạo đúng cách để tăng năng suất và chất lượng công việc.
- “Customer First” hướng tới nâng chất lượng phục vụ, giảm ma sát trong trải nghiệm và tăng giá trị cho khách hàng.
- “Data Driven” củng cố năng lực sử dụng dữ liệu trong ra quyết định, hạn chế cảm tính và nâng hiệu quả quản trị – điều hành.

Nâng cấp hệ thống công nghệ đào tạo: Ban Đào tạo ưu tiên nâng cấp nền tảng công nghệ để mở rộng hình thức học tập và nâng trải nghiệm học viên. Một “trợ lý AI” được xây dựng nhằm hỗ trợ giải đáp kiến thức ngành cơ bản, quy trình, công cụ nội bộ và các câu hỏi thường gặp, giúp nhân viên tra cứu nhanh và học mọi lúc. Nền tảng Pro SSI E-Learning được bổ sung các tính năng mới để đa dạng hóa cách học, tăng tính tương tác và thuận tiện. Đồng thời, S-Shine Portal được phát triển như hệ thống ghi nhận tự động và triển khai áp dụng sáng kiến theo một quy trình khép kín, giúp ý tưởng cải tiến đi từ đề xuất đến thử nghiệm và ứng dụng thực tế.

Thi đua học tập và lan tỏa văn hóa: Bên cạnh đào tạo chính quy, Ban Đào tạo chú trọng các chương trình thi đua với hình thức đa dạng nhằm lan tỏa văn hóa học tập toàn SSI. Các hoạt động được thiết kế theo tinh thần “vừa học vừa chơi”, tạo động lực và hứng thú, đồng thời hình thành thói quen chủ động tìm hiểu kiến thức, biến học tập thành nếp sinh hoạt thường nhật trong tổ chức.

SSI kiên định xây dựng “dòng chảy niềm tin” từ bên trong tổ chức: con người được tuyển chọn đúng, được phát triển đúng và được quản trị minh bạch. Niềm tin của thị trường đối với SSI được hình thành từ kỷ luật vận hành mỗi ngày, năng lực con người được kiểm chứng bằng kết quả và sự nhất quán giữa chiến lược – thực thi – đo lường qua thời gian.

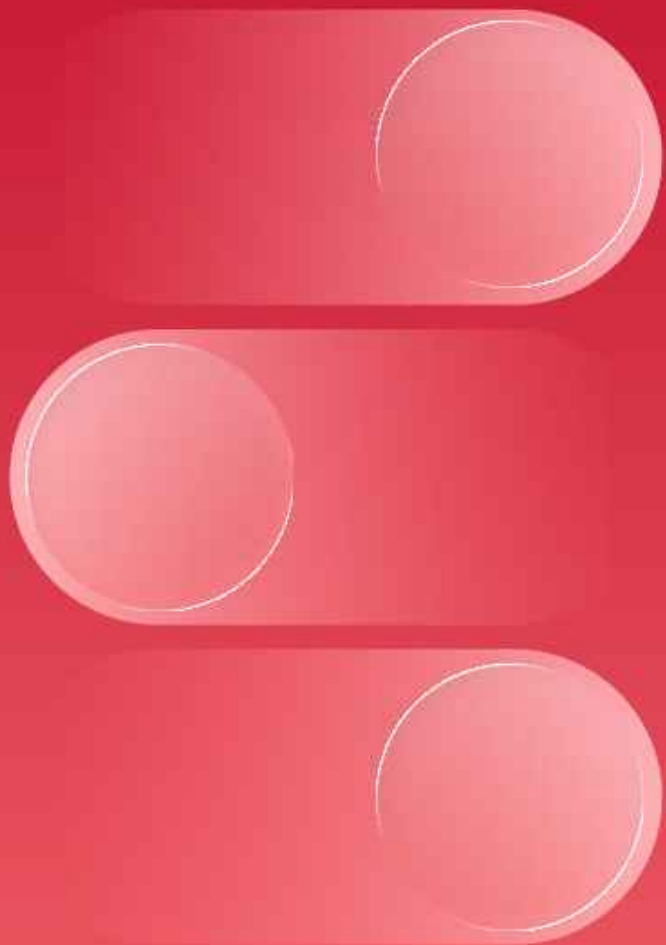
CEO ROAD SHOW KHÁT VỌNG *thành* HIỆN THỰC

TỪ KIÊN TRÌ ĐẾN THÀNH CÔNG

8.10 đến 16.10



Quản trị Doanh nghiệp



Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

Thông tin chung

Năm 2025, Hội đồng Quản trị (HDQT) SSI có 06 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập là ông Phạm Việt Muôn và ông Nguyễn Quốc Cường. Công tác chuẩn bị nhân sự cho HDQT tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và được triển khai đúng trình tự. Cơ cấu HDQT hiện tại đã cân đối và phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, có kiến thức và hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như chức trách, nhiệm vụ của các thành viên đó (thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên độc lập), đáp ứng quy định có tối thiểu 02 thành viên HDQT là thành viên độc lập HDQT và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HDQT. Ngoài ra, các thành viên HDQT là những nhân sự có uy tín cao trong ngành, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HDQT, thành viên độc lập HDQT.

Danh sách chi tiết các thành viên HDQT cùng tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức danh	Năm sinh	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2025 (*) (**)		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2025 (*) (**)	
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HDQT, Người đại diện theo pháp luật	1962	15.180.165	0,773%	16.180.165	0,779%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HDQT kiêm Tổng giám đốc (không còn là Tổng giám đốc kể từ ngày 01/8/2025)	1967	2.651.346	0,135%	8.301.346	0,400%
3	Phạm Việt Muôn	Thành viên độc lập HDQT, Trưởng UBKT	1954	510.636	0,026%	560.636	0,027%
4	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên độc lập HDQT, Thành viên UBKT	1959	52.000	0,003%	72.000	0,003%
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HDQT (không điều hành)	1991	4.548.696	0,232%	4.748.696	0,229%

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức danh	Năm sinh	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2025 (*) (**)		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2025 (*) (**)	
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
6	Hironori Oka	Thành viên HDQT (không điều hành) (Không còn là Thành viên HDQT từ ngày 18/4/2025)	1963	0	0,000%	0	0,000%
7	Mizuno Kosuke	Thành viên HDQT (không điều hành) (Trở thành Thành viên HDQT từ ngày 18/4/2025)	1969	0	0,000%	0	0,000%

(*) Toàn bộ số cổ phần nêu trên là cổ phần phổ thông
 (**) Tỷ lệ trên Tổng số cổ phiếu: 1.963.863.918 cổ phiếu
 (***) Tỷ lệ trên Tổng số cổ phiếu: 2.077.906.262 cổ phiếu

Một số thành viên HDQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty đã hoàn thành các khóa đào tạo về quản trị công ty và đã được UBCKNN cấp chứng chỉ theo quy định. Các thành viên mới được bầu sẽ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo về quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

STT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HDQT	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HDQT, Tổng giám đốc (không còn là Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/8/2025)	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
4	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009

Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty cũng hoàn tất Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng Quản trị lần thứ 3 (DCP3) do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam tổ chức tháng 08/2019.

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

Vai trò, trách nhiệm và hoạt động chung của HĐQT

HĐQT thực hiện vai trò lãnh đạo, định hướng, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty giữa các kỳ Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT triển khai hoạt động thông qua việc ban hành Nghị quyết và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện Nghị quyết.

Bên cạnh đó, HĐQT đã có những nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị công ty, tuân thủ quy định hiện hành và phù hợp với thống lệ quản trị tốt được khuyến nghị bởi các tổ chức quốc tế và cơ quan quản lý. Cụ thể:

- HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT, số lượng thành viên triệu tập cuộc họp đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả, xác định vai trò của mỗi thành viên HĐQT, giữa thành viên độc lập HĐQT và thành viên HĐQT điều hành để bảo đảm lợi ích theo pháp luật cho các Cổ đông;
- HĐQT thông qua các Nghị quyết phù hợp với tầm nhìn của Công ty và chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn, đảm bảo lợi ích cho Khách hàng, Cổ đông và quyền lợi của Người lao động, tôn trọng Đối tác, chung tay xây dựng cộng đồng doanh nghiệp vững mạnh, từ đó đóng góp giá trị cho xã hội, từng bước hoàn thành sứ mệnh của Công ty;
- HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các nghị quyết của Công ty; thường xuyên rà soát các chính sách, quy định của Công ty và kịp thời điều chỉnh để phù hợp với tình hình hoặc yêu cầu mới;
- HĐQT đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Lãnh đạo cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban Lãnh đạo, bảo đảm sự điều hành phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty.

Năm 2025, HĐQT đã tổ chức 26 cuộc họp, thông qua 40 Nghị quyết để triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ cũng như thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp được tổ chức bằng hình thức trực tuyến và/hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trong đó, 100% cuộc họp có đủ 06 thành viên HĐQT tham dự. Chi tiết về các Nghị quyết đã được thông qua như sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2025/NQ-HĐQT	16/01/2025	Miễn nhiệm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
2	02/2025/NQ-HĐQT	16/01/2025	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
3	03/2025/NQ-HĐQT	14/02/2025	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
4	04/2025/NQ-HĐQT	27/02/2025	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30/10/2024
5	05/2025/NQ-HĐQT	21/03/2025	Kế hoạch kinh doanh năm 2025 và Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
6	06/2025/NQ-HĐQT	31/03/2025	Chấm dứt hoạt động Phòng giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
7	07/2025/NQ-HĐQT	18/4/2025	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024
8	08/2025/NQ-HĐQT	18/4/2025	Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
9	09/2025/NQ-HĐQT	18/4/2025	Tiêu chí phân bổ cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động
10	10/2025/NQ-HĐQT	18/4/2025	Danh sách người lao động đủ điều kiện mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động
11	11/2025/NQ-HĐQT	18/4/2025	Quy chế Kiểm toán nội bộ
12	12/2025/NQ-HĐQT	22/4/2025	Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty
13	13/2025/NQ-HĐQT	07/5/2025	Miễn nhiệm Giám đốc Chi nhánh Nguyễn Công Trứ
14	14/2025/NQ-HĐQT	07/5/2025	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Nguyễn Công Trứ
15	15/2025/NQ-HĐQT	04/6/2025	Tiếp tục phân phối cổ phiếu chưa được đăng ký mua trong đợt phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động
16	16/2025/NQ-HĐQT	05/6/2025	Kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
17	17/2025/NQ-HĐQT	16/6/2025	Giao dịch giữa Công ty với bên có liên quan
18	18/2025/NQ-HĐQT	16/6/2025	Chấm dứt hoạt động Phòng giao dịch Nguyễn Văn Cừ
19	19/2025/NQ-HĐQT	16/6/2025	Chọn Công ty kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2025
20	20/2025/NQ-HĐQT	21/7/2025	Thời nhiệm Tổng giám đốc
21	21/2025/NQ-HĐQT	21/7/2025	Bổ nhiệm Tổng giám đốc
22	22/2025/NQ-HĐQT	22/7/2025	Cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo văn điều lệ mới
23	23/2025/NQ-HĐQT	30/7/2025	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
24	24/2025/NQ-HDQT	12/8/2025	Triển khai Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ
25	25/2025/NQ-HDQT	12/8/2025	Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ
26	26/2025/NQ-HDQT	15/8/2025	Thay đổi niêm yết chứng quyền có bảo đảm
27	27/2025/NQ-HDQT	15/8/2025	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2024/NQ-HDQT ngày 30/10/2024
28	28/2025/NQ-HDQT	20/8/2025	Thay đổi niêm yết chứng quyền có bảo đảm
29	29/2025/NQ-HDQT	27/8/2025	Thông qua Chương trình hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
30	30/2025/NQ-HDQT	29/8/2025	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ
31	31/2025/NQ-HDQT	11/9/2025	Thông qua việc thanh toán cổ tức năm 2024 bằng tiền và cập nhật Tổng lợi nhuận phân phối năm 2024
32	32/2025/NQ-HDQT	19/9/2025	Thay đổi niêm yết chứng quyền có bảo đảm
33	33/2025/NQ-HDQT	26/9/2025	Triển khai Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
34	34/2025/NQ-HDQT	26/9/2025	Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
35	35/2025/NQ-HDQT	02/10/2025	Cập nhật Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới
36	36/2025/NQ-HDQT	27/10/2025	Thay đổi niêm yết chứng quyền có bảo đảm
37	37/2025/NQ-HDQT	03/11/2025	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết Hội đồng quản trị số 33/2025/NQ-HDQT ngày 26/9/2025
38	38/2025/NQ-HDQT	03/11/2025	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết Hội đồng quản trị số 34/2025/NQ-HDQT ngày 26/9/2025
39	39/2025/NQ-HDQT	19/11/2025	Chào bán chứng quyền có bảo đảm
40	40/2025/NQ-HDQT	24/11/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông và lịch thực hiện chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Hoạt động giám sát đối với Ban Tổng giám đốc

- Chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2025 trình ĐHCĐ thường niên thông qua.
- Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được ĐHCĐ, HDQT thông qua.
- Kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2024 tại ngày 31/12/2024, soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 tại ngày 30/6/2025.
- Đánh giá và đề xuất Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 và soát xét các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2025 của Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quản trị và kiểm soát rủi ro.
- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực tại các mảng nghiệp vụ trọng yếu, phù hợp với định hướng, chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nội bộ.
- Tiếp tục cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ các sản phẩm kinh doanh mới của Công ty và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Rà soát hệ thống, bảo đảm an toàn, chủ động phòng ngừa rủi ro.
- Tổ chức thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- Đề xuất Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để trình ĐHCĐ bất thường thông qua.
- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền cho Cổ đông.
- Tổ chức thực hiện Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
- Tổ chức thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.

Đánh giá vai trò của Ủy ban Kiểm toán

Trong năm 2025, UBKT đã thực hiện giám sát về báo cáo tài chính, tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty; kiểm tra và đánh giá về các hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro; giám sát hoạt động của HDQT, Ban Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HDQT

HDQT đã thành lập Ủy ban Kiểm toán, Tiểu ban Chiến lược Phát triển trực thuộc Hội đồng Quản trị.

Hoạt động của Tiểu ban Chiến lược Phát triển

Tiểu ban Chiến lược Phát triển (TBCL) có chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh, các kế hoạch hành động nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh từng thời kỳ, giám sát triển khai, quản trị các dự án nhằm đảm bảo Công ty triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh, phát triển theo đúng định hướng chiến lược hoạt động của Công ty. Năm 2025, TBCL tiếp tục đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả các chiến lược, chính sách phát triển đã đề ra thông qua việc tái cấu trúc cơ cấu tổ chức, thúc đẩy chuyển đổi số, tối ưu hoạt động, cải tiến hiệu suất nhằm tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo của Công ty.

Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có chức năng kiểm tra, đánh giá độc lập hoạt động của Công ty. Công ty theo mô hình hoạt động có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT. Thành viên của Ủy ban Kiểm toán bao gồm 02 thành viên độc lập HĐQT, chi tiết như sau:

STT	Thành viên uỷ ban kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Trưởng UBKT	Ngày bắt đầu là thành viên UBKT: 09/10/2020 Ngày bắt đầu là Trưởng UBKT: 18/07/2022 (nhiệm kỳ 2022 – 2024) Được tái bổ nhiệm chức danh Trưởng UBKT từ ngày 16/5/2024 (nhiệm kỳ 2024 – 2029)	Tiến sĩ kinh tế
2	Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Thành viên UBKT	18/07/2022 (nhiệm kỳ 2022 – 2027)	Ths. Quan hệ Quốc tế

Năm 2025, Ủy ban Kiểm toán đã tiến hành 02 cuộc họp với tỷ lệ tham dự họp của các thành viên là 100%, chi tiết những nội dung chính được thông qua tại các cuộc họp như sau:

STT	Ngày	Trình độ chuyên môn
1	21/03/2025	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm tra Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 và các Quý 3 và Quý 4 năm 2024 của Công ty. Rà soát, đánh giá hoạt động của UBKT và chuẩn bị báo cáo hoạt động để trình ĐHĐCĐ. Rà soát báo cáo của hoạt động KSNB, QTRR. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2025.
2	26/09/2025	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm tra Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất soát xét bán niên năm 2025 và các Báo cáo tài chính Quý 1 và Quý 2 năm 2025 của Công ty. Rà soát báo cáo của hoạt động KSNB, QTRR. Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính và việc tuân thủ pháp luật của Công ty 06 tháng đầu năm 2025. Báo cáo tiến độ kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính và việc tuân thủ pháp luật của Công ty trong 06 tháng cuối năm 2025

Hoạt động giám sát của UBKT đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Cổ đông

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
- UBKT và Thành viên độc lập HĐQT trong UBKT báo cáo cho Cổ đông về hoạt động của UBKT và kết quả giám sát năm 2024.
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong kỳ báo cáo.
- Giám sát hoạt động của HĐQT và điều hành của Ban Tổng giám đốc trong hoạt động kinh doanh.
- Thẩm tra báo cáo tài chính riêng và hợp nhất trong kỳ báo cáo của Công ty.
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ thông qua việc rà soát các báo cáo của Bộ phận kiểm toán nội bộ, kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro.

Hoạt động giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Hoạt động của Công ty trong năm 2025 đã tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, công ty niêm yết tại HOSE. Những người nội bộ và người có liên quan thực hiện đầy đủ quy định về công bố thông tin trước và sau khi giao dịch cổ phiếu SSI. Đa số các nội dung trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ được triển khai thi hành.

Định hướng hoạt động của UBKT trong năm 2026

Trong năm 2026, UBKT sẽ tập trung vào những công việc sau:

- Tiếp tục phối hợp với kiểm toán độc lập rà soát phạm vi và nội dung công việc của kiểm toán độc lập, tiếp nhận và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán.
- Lên kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động, tình hình tài chính và việc tuân thủ pháp luật của Công ty trong năm.
- Thẩm tra các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất trong năm 2026.

Hoạt động của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty cũng như theo quy định hiện hành của Pháp luật, cụ thể là:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.
- Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT.

- Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của HĐQT.
- Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của HĐQT.
- Thường xuyên gặp gỡ Ban Tổng giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa HĐQT với Ban Tổng giám đốc.
- Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên HĐQT với Chủ tịch HĐQT.
- Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông.
- Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của HĐQT, các bộ phận trực thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT.
- Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập HĐQT hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong HĐQT.
- Đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
- Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và HĐQT theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế.

Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Thành viên độc lập HĐQT tham gia trong UBKT của Công ty và phụ trách các vấn đề về quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ với các nhiệm vụ chính như sau:

- Đưa ra ý kiến độc lập, phản biện với các chính sách, quyết định của HĐQT.
- Đánh giá mức độ tuân thủ, chuẩn mực kế toán, hiệu quả hoạt động quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ của toàn Công ty.
- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, hạn mức rủi ro.
- Xem xét báo cáo của Tổng giám đốc và Bộ phận QTRR và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR.
- Tham gia quản lý, điều hành các hoạt động của Ủy ban kiểm toán, các tiểu ban trực thuộc HĐQT và báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên về các mặt hoạt động, bao gồm đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và QTRR.

Ngoài ra, các thành viên này còn tham gia các cuộc họp của HĐQT phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động và lập báo cáo hàng tháng về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban Tổng giám đốc gửi các thành viên của HĐQT theo Điều lệ của Công ty.

Báo cáo đánh giá của Hội đồng Quản trị

Đánh giá về Hoạt động của Công ty

Năm 2025, dù gặp nhiều thách thức từ tác động của thuế quan, kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, với GDP tăng 8,02% so với năm trước, Nền kinh tế đã phục hồi thuyết phục sau giai đoạn chững lại hậu đại dịch, song những lợi ích sâu rộng hơn từ cải cách thể chế, nâng cao năng suất và phát triển thị trường vốn mới chỉ ở giai đoạn khởi đầu.

Năm 2025, TTCK Việt Nam đã ghi nhận sự phát triển vượt bậc cả về nhiều mặt. Việc vận hành thành công hệ thống KRX ổn định và hiệu quả giúp nâng cao năng lực giao dịch và là điều kiện tiên quyết cho việc triển khai các sản phẩm tài chính hiện đại đáp ứng các tiêu chí nâng hạng quốc tế. FTSE Russell chính thức nâng hạng Việt Nam lên thị trường mới nổi thứ cấp (Secondary Emerging Market) là sự công nhận cao nhất cho những nỗ lực cải cách bền bỉ và toàn diện của Chính phủ. Cột mốc này mở ra cánh cửa cho Việt Nam đón nhận dòng vốn lớn trong các chu kỳ tới.

Trong năm, thị trường tiếp tục ghi nhận sự gia tăng mạnh mẽ về số lượng nhà đầu tư khi có thêm khoảng 2,6 triệu tài khoản mới được mở, nâng tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư trong nước lên hơn 11,9 triệu. Sự mở rộng nhanh chóng của lực lượng nhà đầu tư đã góp phần thúc đẩy thanh khoản thị trường tăng mạnh, với giá trị giao dịch bình quân đạt khoảng 29.300 tỷ đồng mỗi phiên, cao hơn gần 40% so với năm trước. Trên thị trường phái sinh, GTGD đạt bình quân 40,3 nghìn tỷ đồng/phiên, cũng tăng trưởng mạnh 48,9% so với mức 27 nghìn tỷ đồng ở năm liền trước.

Bên cạnh những yếu tố tích cực từ điểm số và thanh khoản, thị trường cũng ghi nhận những thử thách. Đặc biệt, sự rút lui của dòng vốn ngoại đã tạo ra những áp lực lớn, khối ngoại bán ròng kỷ lục với giá trị lên tới 135 nghìn tỷ đồng. Thị trường cũng chịu ảnh hưởng từ sự biến động của tỷ giá USD/VND và mặt bằng lãi suất tăng cao trong những tháng cuối năm.

Mặc dù phải đối mặt với những biến động trên, tình hình hoạt động kinh doanh của SSI vẫn đạt và vượt kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kết thúc năm 2025, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế hợp nhất cả năm 2025 ước đạt 5.083 tỷ VND. Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của SSI đạt hơn 94.050 tỷ VND, trong đó vốn chủ sở hữu đạt hơn 32.066 tỷ VND. Trong năm 2025, quy mô vốn điều lệ của SSI cũng tăng từ 19.638 tỷ VND lên 20.779 tỷ VND.

Kết quả kinh doanh nói trên đã phản ánh những nỗ lực của BLĐ cùng toàn thể nhân viên Công ty trong năm 2025 khi vừa phải đối mặt với những khó khăn vĩ mô vừa phải tìm các giải pháp tận dụng các thuận lợi và thế mạnh của mình trong tình hình thị trường với mức độ cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Một số nhóm hoạt động đã được thực hiện có thể kể đến, bao gồm:

- Đẩy mạnh giao dịch trực tuyến, bao gồm từ cung cấp thông tin thị trường, mở tài khoản giao dịch, chuyển tiền điện tử, tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch, thanh toán sau giao dịch.
- Tăng cường đầu tư vào hạ tầng CNTT, chú trọng bảo đảm an toàn, ổn định hệ thống, nâng cao trải nghiệm người dùng trên các nền tảng giao dịch và dịch vụ trực tuyến.
- Cung cấp các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng giao dịch điện tử và nhu cầu của các nhà đầu tư mới tham gia thị trường.
- Gia tăng quy mô vốn qua việc huy động tăng nguồn vốn chủ sở hữu và vốn vay nhằm bảo đảm an toàn tài chính và bắt kịp với sự gia tăng quy mô thị trường, đáp ứng nhu cầu vốn của NĐT.
- Hạn chế rủi ro, quản lý chặt chẽ giao dịch ký quỹ.
- Tiếp tục theo đuổi chiến lược hoạt động an toàn, phòng ngừa rủi ro từ xa.

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Kết quả kinh doanh năm 2025, với mức tăng trưởng vượt kế hoạch đề ra hơn 19%, là minh chứng cho những nỗ lực và đóng góp của Ban Tổng giám đốc, các thành viên trong HĐQT và toàn thể CBNV của SSI. HĐQT đánh giá cao việc Ban Tổng giám đốc đã duy trì hiệu quả các hoạt động QTRR và tiếp tục phát huy kết quả chuyển đổi các quy trình hoạt động sang môi trường internet đã được triển khai trong các năm trước. Trong năm 2025, Ban Tổng giám đốc tập trung nâng cao chất lượng vận hành và áp dụng tối ưu việc chuyển đổi số, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trên kênh trực tuyến, qua đó góp phần gia tăng doanh thu và cải thiện hiệu quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã tăng quy mô vốn hoạt động và không để xảy ra tổn thất về tài chính trong tình hình thị trường có nhiều biến động.

Ban Tổng giám đốc cũng thường xuyên báo cáo, trao đổi với HĐQT về các vấn đề phát sinh, thực hiện tốt các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Định hướng hoạt động 2026

HĐQT Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng trong năm 2026 và xác định một số định hướng cho hoạt động của Công ty như sau:

- Đẩy mạnh ứng dụng AI, số hóa và chuyển đổi số để đổi mới mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới cao hơn, hiệu quả hơn, hướng đến các tập khách hàng có nhu cầu chuyên biệt.
- Tiếp tục tái cấu trúc mạnh mẽ về bộ máy, con người, quy trình làm việc theo định hướng gọn nhẹ, đề cao hiệu quả, phù hợp với mô hình kinh doanh hướng đến số hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Tận dụng thế mạnh về quy mô vốn để cung cấp các sản phẩm độc đáo cho khách hàng.
- Quản lý an toàn, hiệu quả nguồn vốn của cổ đông và nguồn vốn vay.
- Tăng cường quản trị công ty theo bộ tiêu chuẩn quản trị và thông lệ quốc tế, giữ vững và củng cố niềm tin của NĐT, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài, qua đó gia tăng giá trị doanh nghiệp và lợi thế cạnh tranh dài hạn.
- Công ty hoạt động an toàn, hạn chế rủi ro, minh bạch với các bên liên quan, đặc biệt là bảo mật dữ liệu, phòng chống tấn công mạng.



Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị & Ban Tổng giám đốc

Thù lao của HĐQT SSI được ĐHĐCĐ thông qua cho toàn bộ thành viên HĐQT không quá 5 tỷ VND cho năm tài chính 2025, theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025 của ĐHĐCĐ.

Chế độ thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc như sau:

STT	Họ tên	Không điều hành	Kiểm điều hành	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Thưởng thành tích	Hưởng phúc lợi
1	Ông Nguyễn Duy Hưng Chủ tịch HĐQT (kiêm Chủ tịch Hội đồng Đầu tư và Chủ tịch Tiểu ban Chiến lược)	-	☑	☑	-	☑	☑
2	Ông Nguyễn Đức Thông Tổng giám đốc	-	☑	☑	-	☑	☑
3	Ông Nguyễn Hồng Nam Thành viên HĐQT (kiêm Phó chủ tịch Tiểu ban Chiến lược)	-	☑	☑	-	☑	☑
4	Ông Nguyễn Quốc Cường Thành viên HĐQT	☑	-	-	☑	-	-
5	Ông Phạm Việt Muôn Thành viên HĐQT	☑	-	-	☑	-	-
6	Ông Nguyễn Duy Khánh Thành viên HĐQT	☑	-	-	☑	-	-
7	Ông Kosuke Mizuno Thành viên HĐQT	-	-	-	-	-	-

Thù lao & tiền lương của từng thành viên Hội đồng Quản trị & Ban Tổng giám đốc trong năm 2025

Chi tiết về thù lao và tiền lương của từng thành viên HĐQT và Ban TGD SSI năm 2025 như sau:

STT	Họ tên	Tiền lương (VND)	Thù lao (VND)
1	Ông Nguyễn Duy Hưng Chủ tịch HĐQT (kiêm Chủ tịch Hội đồng Đầu tư và Chủ tịch Tiểu ban Chiến lược)	7.529.728.000	-
2	Ông Nguyễn Đức Thông Tổng giám đốc	5.837.732.770	-
3	Ông Nguyễn Hồng Nam Thành viên HĐQT (kiêm Phó chủ tịch Tiểu ban Chiến lược)	5.403.172.727	-
4	Ông Nguyễn Quốc Cường Thành viên HĐQT	-	788.000.000
5	Ông Phạm Việt Muôn Thành viên HĐQT	-	1.371.333.335
6	Ông Nguyễn Duy Khánh Thành viên HĐQT	-	300.000.000
7	Ông Kosuke Mizuno Thành viên HĐQT	-	-

Về chế độ tiền thưởng và phúc lợi theo kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị & Ban Tổng giám đốc

Các thành viên HĐQT kiêm điều hành, các thành viên HĐQT tham gia công việc của Công ty cũng nhận được thưởng & phúc lợi các kỳ của Quý phúc lợi được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã được ĐHCĐ thông qua.



Phân bổ ESOP đối với các thành viên Hội đồng Quản trị & Ban Tổng giám đốc

Căn cứ chấp thuận của ĐHCĐ, SSI thực hiện chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy đội ngũ lãnh đạo và những Cán bộ Nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Trong khuôn khổ đợt phát hành ESOP 2024 hoàn thành vào ngày 05/06/2025, các thành viên HĐQT đã thực hiện mua số lượng cổ phiếu ESOP như sau:

Họ tên	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua
Nguyễn Duy Hưng Chủ tịch HĐQT (kiêm Chủ tịch Hội đồng Đầu tư và Chủ tịch Tiểu ban Chiến lược)	1.000.000
Nguyễn Đức Thông Tổng giám đốc	300.000
Nguyễn Hồng Nam Thành viên HĐQT (kiêm Phó chủ tịch Tiểu ban Chiến lược)	650.000
Phạm Việt Muôn Thành viên HĐQT	50.000
Nguyễn Quốc Cường Thành viên HĐQT	20.000
Nguyễn Duy Khánh Thành viên HĐQT	200.000

Chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị & Ban Tổng giám đốc

Hiện tại các chế độ chi phí (chế độ sử dụng ô tô của Công ty, chế độ thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác, chế độ khám sức khỏe định kỳ...) và các đãi ngộ khác được quy định trong các quy chế nội bộ Công ty chỉ áp dụng cho Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm điều hành, thành viên HĐQT tham gia vào các công việc của Công ty.

Quản trị rủi ro

Tổng quan về Hệ thống Quản trị rủi ro của SSI

TTCK Việt Nam trong năm 2025 đã khắc họa một hành trình đầy cảm xúc và kịch tính. Từ những ngày tháng 4/2025 đầy u ám, khi Hoa Kỳ bất ngờ áp mức thuế nhập khẩu 46% khiến nhà đầu tư hoang mang, cho đến sự hồi sinh mạnh mẽ ngay sau đó khi chính sách được điều chỉnh nhờ vào các hành động đàm phán nhanh chóng và quyết liệt từ Chính phủ. Đặc biệt, chỉ số VN-Index vào cuối năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng mạnh, tăng khoảng 39% so với cuối năm 2024. Song hành cùng sự thăng hoa ấy, thanh khoản thị trường cũng bất phá mạnh mẽ, khẳng định niềm tin và khát vọng vươn lên của nền kinh tế Việt Nam. Với đội ngũ nhân sự giàu năng lực, cùng chiến lược rõ ràng từ Ban Lãnh đạo, SSI đã thể hiện tinh thần kỷ luật trong quản trị, sự hiệu quả trong vận hành, quyết liệt và sáng tạo trong kinh doanh, và tinh minh bạch trong mọi hoạt động. Công ty không ngừng ứng dụng công nghệ hiện đại để nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời phát huy vai trò dẫn dắt thị trường. Nhờ đó, năm 2025 tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng vượt trội của SSI về dư nợ cho vay giao dịch kỳ quỹ, thị phần và lợi nhuận, trong khi rủi ro được kiểm soát ở mức không đáng kể, đặc biệt không phát sinh nợ xấu từ hoạt động cho vay kỳ quỹ.

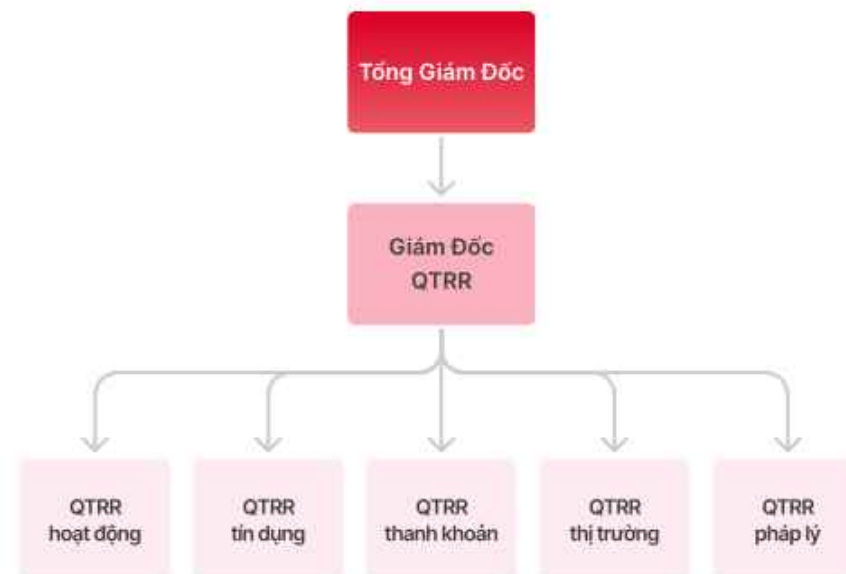
Năm 2025, hệ thống chính sách, quy trình về quản trị rủi ro (QTRR) của Công ty tiếp tục được đánh giá lại, hoàn thiện và cập nhật nhằm đảm bảo hoạt động QTRR phù hợp với thực tế kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động QTRR, các hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro tiếp tục được tiến hành phổ biến rộng rãi đến toàn bộ nhân viên trong Công ty bằng nhiều hình thức khác nhau.

Hoạt động QTRR được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT của Công ty với việc xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức cho từng loại rủi ro tới từng bộ phận nghiệp vụ cụ thể như sau:

- Xây dựng và truyền tải văn hóa QTRR đến từng nhân viên trong công ty theo định hướng tất cả các nhân viên đều tham gia và đóng góp cho hoạt động QTRR.
- Xây dựng một cơ cấu quản trị mạnh mẽ và minh bạch nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong cơ cấu tổ chức.
- Xây dựng cơ chế ủy quyền kiểm soát và giám sát rủi ro trong hạn mức cho phép.
- Ban hành các tài liệu khuôn khổ chính sách và phương pháp xác định nhằm giúp xác định, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trọng yếu.

Hoạt động QTRR không chỉ được thực hiện bởi Bộ phận Quản trị Rủi ro mà còn được thực hiện ngay từ các Bộ phận Kinh doanh, song song đó có sự kiểm tra, giám sát định kỳ thường xuyên từ các Bộ phận KSNB và KTNB.

Bộ phận QTRR được tổ chức chi tiết theo từng loại rủi ro nhằm đảm bảo mức độ chuyên môn hóa cao.



1. Nhận diện rủi ro

Các rủi ro được xác định dựa trên những yếu tố chỉ báo hoặc những khu vực tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Dữ liệu đầu vào để xác định rủi ro như sau:

- Cơ sở dữ liệu về các rủi ro trong kinh doanh đã xảy ra, đã được nhận diện, và các rủi ro đã được báo cáo, phát hiện dựa trên các hoạt động KSNB, KTNB và Kiểm toán Độc lập. Dựa trên các dữ liệu này, Công ty có thể đánh giá và dự đoán các rủi ro có khuynh hướng/ khả năng xảy ra trong tương lai.
- Dựa trên việc phân tích dữ liệu quá khứ về các rủi ro đã xảy ra và xu hướng rủi ro xảy ra để xác định những nơi có khả năng phát sinh rủi ro cao. Việc này góp phần nâng cao khả năng QTRR dựa trên tính kế thừa từ những kinh nghiệm và những bài học trong quá khứ.
- Những thay đổi trong chiến lược kinh doanh, trong quy trình vận hành cũng như việc phát triển các sản phẩm mới, các hoạt động kinh doanh mới hoặc trong trường hợp tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh.
- Những khuyến cáo, nhận xét của Cơ quan Quản lý Nhà nước, Kiểm toán Độc lập, KTNB, KSNB.
- Những thay đổi trong môi trường kinh doanh và chính sách pháp luật.
- Các yếu tố từ bên ngoài tác động đến kinh tế, và/hoặc chính trị, và/hoặc xã hội, và/hoặc thị trường tài chính Việt Nam như chiến tranh thương mại, dịch bệnh, biến động địa chính trị thế giới, v.v...

2. Đo lường và đánh giá rủi ro

SSI sử dụng phương pháp đánh giá định tính và/hoặc định lượng để đo lường phù hợp cho từng loại rủi ro cụ thể.

Các mô hình định lượng được ưu tiên sử dụng để lượng hóa rủi ro. Các mô hình này có thể tính toán, ước lượng được các giá trị rủi ro, cụ thể như giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh khoản, và các giá trị rủi ro khác. Các giá trị rủi ro này được định lượng bằng một con số cụ thể hay một tỷ lệ % cụ thể. Một số mô hình tiêu biểu SSI sử dụng để đo lường rủi ro như sau:

- Mô hình định lượng VaR (Value-at-Risk) được sử dụng để tính toán mức độ biến động tối đa cho một cổ phiếu, danh mục đầu tư trong một khoảng thời gian xác định, hoặc xác định độ biến động của chỉ số phái sinh với một độ tin cậy và một khoảng thời gian xác định trước.
- Mô hình stress testing được sử dụng nhằm đánh giá mức độ tổn thất tối đa có thể xảy ra cho Công ty theo các kịch bản xác định trước, để từ đó Công ty có các biện pháp hạn chế tổn thất xảy ra nếu cần.
- Mô hình chấm điểm cơ bản, và định lượng cổ phiếu dựa trên dữ liệu quá khứ về biến động giá cổ phiếu, biến động thanh khoản của cổ phiếu.
- Mô hình thẩm định và xếp hạng ngân hàng để từ đó xây dựng hạn mức tiền gửi cho từng ngân hàng.

3. Xác định hạn mức rủi ro

Nhằm đảm bảo rủi ro được giới hạn ở mức thấp nhất công ty có thể chấp nhận được cũng như để nâng cao hiệu quả của hoạt động giám sát rủi ro, công ty đã xây dựng bộ chỉ báo rủi ro cùng hạn mức cho các rủi ro trong yếu.

Hạn mức rủi ro được xác định bằng phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Trong đó, ưu tiên sử dụng phương pháp định lượng.

Hạn mức cho từng loại rủi ro được xác định dựa trên:

- Quy định của các cơ quan quản lý nhà nước nếu có.
- Dữ liệu và các sự kiện lịch sử liên quan đến các rủi ro được giám sát.
- Khẩu vị rủi ro và mong muốn của HĐQT.
- Tình hình thực tế vận hành của các bộ phận kinh doanh và bộ phận nghiệp vụ liên quan dựa trên ý kiến của các trưởng Bộ phận.

Giám đốc QTRR đề xuất hạn mức rủi ro đối với từng loại rủi ro theo đặc trưng của từng bộ phận kinh doanh, bộ phận nghiệp vụ lên TGD phê duyệt.

TGD đề xuất tổng hạn mức rủi ro cùng với hạn mức rủi ro của từng bộ phận kinh doanh nghiệp vụ lên HĐQT phê duyệt.

4. Giám sát rủi ro

Công tác giám sát rủi ro được thực hiện hàng ngày, chủ yếu thông qua các chỉ báo rủi ro và hạn mức của các chỉ báo. Một số hạn mức rủi ro được cài đặt và giới hạn một cách tự động trên hệ thống, một số hạn mức khác dựa trên các báo cáo QTRR hàng ngày theo biểu mẫu định trước, hoặc cá hai.

Công tác giám sát và phòng ngừa rủi ro được thực hiện đầu tiên bởi chính các bộ phận nghiệp vụ, các bộ phận kinh doanh – nơi trực tiếp phát sinh rủi ro, bên cạnh đó có sự hướng dẫn, giám sát của các bộ phận độc lập như QTRR, KSNB và cuối cùng là KTNB.

Khi các trạng thái rủi ro tiệm cận với các ngưỡng cảnh báo rủi ro, bộ phận QTRR sẽ đưa ra cảnh báo và yêu cầu các biện pháp xử lý cụ thể từ các bộ phận nghiệp vụ phát sinh rủi ro, bên cạnh đó phối hợp với bộ phận phát sinh rủi ro để đưa kế hoạch hành động nhằm đưa trạng thái rủi ro về lại ngưỡng an toàn.

5. Xử lý rủi ro

Hoạt động xử lý rủi ro dựa trên việc xem xét và đánh giá các yếu tố như mức độ nghiêm trọng của rủi ro cần xử lý, tần suất xảy ra rủi ro, chi phí để giảm thiểu rủi ro, đặc tính của rủi ro...

Công ty thực hiện một số biện pháp xử lý rủi ro cơ bản như sau:

- Chấp nhận rủi ro: Khi chi phí để xử lý rủi ro lớn hơn rất nhiều so với tổn thất có thể xảy ra từ rủi ro này thì sẽ không tiến hành xử lý rủi ro.
- Tránh rủi ro: Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể dẫn tới phát sinh rủi ro mà HĐQT có hạn mức chấp nhận rủi ro bằng không hoặc rất thấp, hoặc nếu rủi ro có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hình ảnh và hoạt động của Công ty.
- Giảm thiểu rủi ro: Áp dụng các biện pháp nhằm giảm tác động của rủi ro đến Công ty, hoặc giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, hoặc cả hai.
- Chia sẻ rủi ro: Chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho đối tượng khác như tiến hành mua bảo hiểm (nếu có dịch vụ tương ứng) cho các hoạt động kinh doanh.
- Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo rủi ro để kịp thời phát hiện các rủi ro tiềm tàng, rủi ro gia tăng, từ đó có các biện pháp xử lý rủi ro kịp thời.

Quy trình xử lý rủi ro tổng quát:

- Tìm hiểu nguyên nhân làm tăng trạng thái rủi ro và/ hoặc nguyên nhân gây ra sự kiện rủi ro.
- Lựa chọn và xây dựng kế hoạch xử lý, trong đó xác định rõ đơn vị có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện, kết quả mong muốn, hoạch định và xem xét nguồn lực cũng như thủ tục thực hiện.
- Thực hiện xử lý rủi ro theo kế hoạch đã lựa chọn.
- Xem xét cập nhật những chính sách và quy trình liên quan để không xảy ra sự cố tương tự.
- Điều chỉnh những hạn mức liên quan (nếu cần) để phù hợp với thực tế.

Rủi ro thị trường

Các hoạt động kinh doanh chính của SSI liên quan đến rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay kỳ quỹ, phát hành chứng quyền có bảo đảm và sản phẩm chứng khoán phái sinh.

Doanh thu và lợi nhuận từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về tỷ giá, lãi suất, giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, có thể do những biến động về địa chính trị như tình hình bất ổn trên Biển Đông, có thể do các yếu tố như dịch bệnh, thảm họa tự nhiên, chiến tranh cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Để giảm thiểu các rủi ro này, SSI đảm bảo duy trì công tác QTRR mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan với bộ phận QTRR từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro.

Nghiệp vụ đầu tư tiền gửi/ chứng chỉ tiền gửi/ kỳ phiếu/ trái phiếu/ cho vay kỳ quỹ

Với vốn chủ sở hữu tính đến cuối năm 2025 hơn 32 nghìn tỷ VND, tổng tài sản lên tới trên 94 nghìn tỷ đồng, dòng tiền ra vào, tăng giảm do hoạt động thanh toán, vay/trả của khách hàng và giải ngân đầu tư diễn ra thường xuyên hàng ngày không giới hạn trong một khung thời gian nào. Điều này dẫn tới việc SSI phải cân đối nguồn vốn và lãi suất nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và phù hợp với dự đoán về xu thế lãi suất. Năm 2025 lãi suất bằng VND đã được duy trì ổn định, SSI vẫn tiếp tục tối ưu hóa được hoạt động kinh doanh lãi suất, đóng góp nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty mà vẫn bảo đảm tuyệt đối an toàn.

Nhằm dự đoán trước các rủi ro biến động giá cổ phiếu ảnh hưởng đến hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ, Công ty thực hiện các đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, rủi ro hệ thống của thị trường, xu hướng tỷ giá, lãi suất, các thay đổi trong quy định pháp lý, chính sách của chính phủ liên quan tới từng nhóm ngành cụ thể, các vấn đề địa chính trị, các vấn đề về kinh tế và thương mại thế giới, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh có thể ảnh hưởng tới thị trường hay ảnh hưởng tới các nhóm ngành cụ thể một cách định kỳ hoặc đột xuất khi xảy ra các sự kiện, để từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ.

Nghiệp vụ đầu tư cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động trực tiếp từ những yếu tố nội tại của doanh nghiệp, của nền kinh tế cũng như các biến động quốc tế. Các biến động và/hoặc tác động ngoài dự kiến của các yếu tố vĩ mô, yếu tố từ bên ngoài như chiến tranh, dịch bệnh cũng có thể khiến giá cổ phiếu sụt giảm và ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh của CTCK.

Trong năm 2025, SSI tiếp tục chủ động giao dịch các sản phẩm phái sinh như hợp đồng tương lai chỉ số VN30 nhằm đưa mức rủi ro về thấp nhất cho danh mục và các khoản đầu tư ngắn hạn. Ngoài ra, hoạt động quản lý các khoản đầu tư sau giải ngân cũng được thực hiện một cách chặt chẽ và sâu sát, điển hình là việc phân công nhân viên chuyên trách cho từng nhóm doanh nghiệp, thực hiện việc thăm doanh nghiệp thường xuyên, trực tiếp làm việc với lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp nhằm hiểu rõ tầm nhìn, chiến lược, và kế hoạch hoạt động của những doanh nghiệp này. Đặc biệt, SSI tiếp tục cử đại diện tham gia vào các vị trí HĐQT mà SSI có tỷ lệ sở hữu đủ lớn. Nhờ vậy, Công ty có thể đồng hành cùng doanh nghiệp trong mọi hoạt động, và cũng nhằm mục đích quản lý tốt hơn các trạng thái đầu tư của Công ty.

Nghiệp vụ chứng khoán phái sinh

Tổng quan, TTCK Việt Nam năm 2025 đã có sự hồi phục mạnh mẽ sau khi giảm nhanh và sâu do cú sốc thuế quan, kết thúc năm với mức tăng xấp xỉ 75% của chỉ số VN30 từ đáy tháng 4/2025. Kết quả tích cực này đạt được nhờ sự phản ứng nhanh và nỗ lực đàm phán của phía Việt Nam với Hoa Kỳ, qua đó tiếp tục duy trì ổn định các yếu tố vĩ mô như tăng trưởng và lạm phát. Ngoài ra, phần lớn thời gian trong năm 2025, lãi suất được duy trì ở mức trung bình - thấp nên cũng góp phần hỗ trợ cho thị trường trên phương diện dòng tiền.

Tại từng quý trong năm 2025, TTCK Việt Nam lại thể hiện những sắc thái khác nhau. Quý 1/2025 thị trường đi ngang, trước khi biến động mạnh trong Quý 2 và bứt phá mạnh mẽ trong Quý 3 và Quý 4. Những sự khác biệt này đòi hỏi hoạt động kiểm soát rủi ro cần linh hoạt ứng biến.

Dựa trên kinh nghiệm quản trị rủi ro trong quá khứ khi thị trường xảy ra những biến cố lớn tương tự như đại dịch Covid-19 hay cú sốc trái phiếu 2022, SSI đã theo sát mọi diễn biến và có những điều chỉnh cần thiết, từ đó giúp hạn chế rủi ro tín dụng phát sinh từ biến động thị trường liên quan đến sản phẩm phái sinh. Theo đó, năm 2025 không ghi nhận trường hợp khách hàng nào giao dịch chứng khoán phái sinh bị mất khả năng thanh toán dẫn tới rủi ro tín dụng cho Công ty.

Nghiệp vụ phát hành chứng quyền có bảo đảm

Năm 2025, SSI khẳng định vị thế dẫn đầu trong hoạt động kinh doanh chứng quyền với 62 mã chứng quyền phát hành mới. Xét trên phương diện thanh khoản thị trường chứng quyền, SSI tiếp tục nắm giữ vị trí số một về thị phần trong cả năm 2025, đạt ngưỡng trên 42%.

Để đạt được thành tích trên trong năm qua, SSI đã thực hiện phát hành mới chứng quyền với quy mô lớn hơn khi thị trường đã ổn định trở lại sau cú sốc thuế quan hồi tháng 4. Đồng thời, công ty phối hợp nhịp nhàng giữa tạo lập thị trường với phòng ngừa rủi ro, để đảm bảo nhà đầu tư có thể mua bán các chứng quyền do SSI phát hành với khối lượng giao dịch lớn một cách dễ dàng nhưng vẫn đảm bảo quản trị được rủi ro thị trường do biến động của chứng khoán cơ sở.

Ngoài ra SSI cũng thực hiện các phân tích thống kê, đánh giá và tối ưu hóa chi phí cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với từng cổ phiếu cụ thể. Hoạt động phòng ngừa rủi ro được thực hiện hàng ngày bởi Bộ phận Kinh doanh và Bộ phận QTRR, và được báo cáo hàng ngày cho Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.



Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ, khách hàng tổ chức nước ngoài giao dịch không ký quỹ không thực hiện thanh toán giao dịch và/hoặc thanh toán phần lỗ sau khi Công ty thanh lý vị thế mua do khách hàng không/chậm thanh toán, khách hàng giao dịch phải sinh không thanh toán khi lỗ vị thế vượt giá trị kỳ quỹ do thị trường biến động mạnh và không thể đóng vị thế kịp thời, đầu tư tiền của Công ty thông qua các kênh tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và đầu tư trái phiếu. Rủi ro phát sinh khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với SSI khi đến hạn.

Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi

Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được xem là có khả năng xảy ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu rủi ro xảy ra thì có thể sẽ gây ra thiệt hại lớn. Chính vì vậy, SSI vẫn luôn xem xét thận trọng trước khi tiến hành giao dịch với các tổ chức tài chính dựa trên việc đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức tài chính, cùng với việc đánh giá lại được thực hiện một cách định kỳ. Tùy theo mức độ tín nhiệm khác nhau, mỗi tổ chức tài chính sẽ được áp dụng hạn mức giao dịch khác nhau, kèm theo những điều kiện nhất định nhằm tăng tính bảo toàn vốn. Đồng thời, SSI cũng triển khai cơ chế xây dựng hạn mức vay thấu chi với nhiều ngân hàng để duy trì song song với hoạt động tiền gửi, vừa đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản, vừa linh hoạt hóa sử dụng vốn, vừa phòng tránh rủi ro tín dụng do các hợp đồng tiền gửi luôn luôn có cơ chế rút thấu chi linh hoạt. Trong suốt 25 năm hoạt động, SSI không phát sinh khoản tiền gửi nào bị mất khả năng thanh toán. Thành tựu này đã thể hiện hiệu quả QTRR tín dụng rất cao tại SSI.

Cho vay giao dịch kỳ quỹ

Cho vay giao dịch kỳ quỹ là hoạt động cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là danh mục cổ phiếu khách hàng đang sở hữu mà được SSI cũng như UBCK chấp nhận cho vay giao dịch kỳ quỹ. Rủi ro tín dụng phát sinh khi Công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không tuân thủ bổ sung tài sản đảm bảo. Để giảm thiểu rủi ro này, SSI thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp như sau:

- Lập danh mục cho vay thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời chấm điểm các cổ phiếu dựa trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Dựa trên kết quả chấm điểm cổ phiếu, Công ty sẽ tiến hành cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu.
- Danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại hàng tháng để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu. Đồng thời, các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi có thông tin xấu liên quan đến cổ phiếu và/hoặc nhóm ngành cụ thể.
- Xây dựng hệ thống hạn mức đan chéo để kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ:
 - tổng hạn mức cho vay kỳ quỹ,
 - hạn mức tối đa trên 1 khách hàng,
 - hạn mức tối đa trên 1 mã cổ phiếu,
 - tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn,
 - tỷ lệ cảnh báo ngưỡng ép bán thu hồi nợ, v.v...

- Giám sát tình hình dư nợ, mức độ tập trung dư nợ theo khách hàng, theo cổ phiếu và tỷ lệ rủi ro hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro. Ví dụ: dư nợ có độ tập trung cao trên 1 khách hàng, trên 1 cổ phiếu, cổ phiếu có biến động giá bất thường, cổ phiếu có thông tin bất thường, cổ phiếu có biến động giao dịch bất thường và nghi vấn trong phiên giao dịch...
- Chấm điểm và đánh giá khách hàng sử dụng giao dịch kỳ quỹ phải đảm bảo các tiêu chí theo các nguyên tắc do SSI quy định, ràng buộc trách nhiệm của mỗi giới chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ vay...
- Không chạy đua tăng trưởng thị phần, tăng trưởng dư nợ bằng việc mở rộng quá linh hoạt với dịch vụ cho vay kỳ quỹ.

Với chiến lược đa dạng hóa danh mục khách hàng cho vay giao dịch kỳ quỹ, tăng cường cho vay các cổ phiếu tốt đầu ngành và có thanh khoản cao, luôn chú trọng điều tiết chính sách cho vay phù hợp với tình hình thị trường nên năm 2025 tiếp tục là một năm không phát sinh nợ xấu từ hoạt động cho vay giao dịch kỳ quỹ mặc dù dư nợ cho vay giao dịch kỳ quỹ tại thời điểm cuối năm đã tăng hơn 77% so với thời điểm đầu năm.

Sản phẩm giao dịch không ký quỹ của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài

Sản phẩm cho nhà đầu tư nước ngoài giao dịch không ký quỹ gắn với rủi ro công ty phải chịu lỗ khi bán phần cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài mua và không thanh toán đặc biệt là khi thị trường có diễn biến xấu đột xuất và/hoặc cổ phiếu có thanh khoản thấp. Để hạn chế rủi ro phát sinh từ sản phẩm này công ty đã thực hiện các biện pháp như sau

- Xem xét từng khách hàng cụ thể để cấp hạn mức dựa trên uy tín/xếp hạng tín nhiệm của khách hàng tại Việt Nam và trên thế giới, lịch sử giao dịch và thanh toán của khách hàng tại Việt Nam và tại SSI, xuất xứ của khách hàng...
- Xem xét xây dựng danh mục cổ phiếu được giao dịch không ký quỹ

Hoạt động giao dịch NPF của khách hàng tổ chức nước ngoài đã đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng thị phần của Công ty, tăng trưởng thị phần của khối Môi giới KHTC trong năm 2025 lên đến hơn 50% so với năm 2024 và không phát sinh giao dịch khách hàng giao dịch NPF không thanh toán tiền mua.

Hoạt động đầu tư trái phiếu

Hoạt động đầu tư trái phiếu gắn liền với rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn, hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, về quy trình, SSI đánh giá chi tiết các khía cạnh của một đề xuất đầu tư trái phiếu tương tự như thẩm định tín dụng trước khi thực hiện đầu tư. SSI thẩm định rất kỹ càng, chỉ đầu tư trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín và có tài sản đảm bảo hợp lý.



Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ (margin), không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua về tài khoản tự doanh khi nhà đầu tư tổ chức nước ngoài không thực hiện thanh toán cho lịch mua không cần ký quỹ, và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại SSI.

Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng qua các năm, lên tới trên 748 nghìn tài khoản giao dịch trên thị trường cơ sở, hơn 226 nghìn tài khoản phái sinh, rải rác tại các chi nhánh của SSI tại các thành phố khác nhau đi liền với hàng trăm yêu cầu thanh toán mỗi ngày, SSI phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất. Nhằm phục vụ khách hàng được linh hoạt, SSI đã kết nối với hàng chục ngân hàng để quản lý số dư tiền gửi nhà đầu tư bình quân hơn 10.000 tỷ đồng trong sự an toàn tuyệt đối.

Trong năm 2025, với nguồn vốn dồi dào do đó các hoạt động đầu tư kinh doanh nguồn vốn tiếp tục được tận dụng linh hoạt, đòi hỏi sự linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày giữa giải ngân (cho vay ký quỹ) kịp thời đặc biệt là trong các giai đoạn dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ tăng trưởng nhanh và sử dụng hiệu quả dòng tiền vào khi NĐT trả nợ vay ký quỹ. SSI cũng là công ty có trạng thái đầu tư chứng khoán lớn, do đó việc quản lý các khoản đầu tư chiến lược có thanh khoản thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sao cho không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi giành được cơ hội đầu tư hiệu quả. Năm 2025 tiếp tục là năm an toàn tuyệt đối của SSI về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào. Tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn luôn duy trì ở mức cao hợp lý từ 484% đến 554%, cao hơn so với tỷ lệ theo quy định của UBCKNN là 180%.



Tỷ lệ vốn khả dụng 2025												
Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tỷ lệ	508%	500%	505%	499%	501%	484%	488%	550%	512%	517%	493%	554%

Thành tựu này được duy trì nhờ một quy trình quản lý dòng tiền hết sức chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng QTRR thanh khoản một cách đặc biệt và có sự phối hợp chặt chẽ đồng bộ giữa các khối tại SSI. Một hệ thống báo cáo thường xuyên và chi tiết được các bộ phận nghiệp vụ nắm chắc để kịp thời cập nhật thông tin cũng như đưa ra các cảnh báo.

Báo cáo	Tần suất
Kế toán - Báo cáo số dư tiền các tài khoản Ngân hàng - Báo cáo số dư tiền NĐT tại SSI - Báo cáo số tiền dự chi/dự thu - Báo cáo vốn khả dụng	- Hàng ngày - Hàng ngày - Hàng ngày - Hàng tháng
Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính - Báo cáo dòng tiền đầu ngày - Báo cáo kế hoạch dòng tiền	- Hàng ngày - Hàng tháng, khi có phát sinh hoặc đề nghị/Hàng ngày
Dịch vụ Chứng khoán - Báo cáo tình hình ứng trước tiền bán chứng khoán của khách - Báo cáo thanh toán cổ tức - Báo cáo thanh toán bù trừ phái sinh - Báo cáo số tiền giải ngân/ thu nợ cho vay ký quỹ; - Báo cáo chuyển/rút/nộp/báo có số tiền lớn của NĐT - Báo cáo thanh toán bù trừ - Báo cáo các khoản chuyển tiền quyền mua - Báo cáo nguồn cho vay margin còn lại	- Hàng ngày - Khi có phát sinh - Hàng ngày - Hàng ngày và khi có phát sinh - Khi có phát sinh - Hàng ngày - Khi có phát sinh - Hàng ngày
Quản trị Rủi ro - Báo cáo tình hình dự trữ thanh khoản - Báo cáo các tỷ lệ tài chính thanh khoản (hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán bằng tiền...)	- Hàng ngày/Hàng tháng - Hàng tháng

Rủi ro tuân thủ

Rủi ro tuân thủ và kiểm soát các rủi ro tuân thủ là một trong các hoạt động luôn được Công ty đặc biệt chú trọng. Bộ phận KSTT chịu trách nhiệm thực hiện công tác rà soát, kiểm tra việc tuân thủ, thực thi các quy định pháp luật, quy định nội bộ ở phạm vi toàn Công ty; phối hợp và kết nối với các đơn vị liên quan đánh giá tác động từ các thay đổi quy định pháp luật, đưa ra các đề xuất thay đổi phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động Công ty tuân thủ quy định pháp luật, duy trì tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh, bảo vệ tài sản của khách hàng và của Công ty.

Các điểm nổi bật trong công tác kiểm soát rủi ro tuân thủ năm 2025 được ghi nhận như sau:

1. Công ty tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật không chỉ trong lĩnh vực kinh doanh được cấp phép, mà còn các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Công ty như quy định về thuế, lao động...
2. KSTT thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát tại các đơn vị kinh doanh và bộ phận hỗ trợ, tập trung vào các nghiệp vụ được đánh giá có rủi ro cao. Báo cáo của KSTT sau các đợt kiểm tra, kiểm soát được trao đổi với đơn vị và báo cáo đến các cấp quản lý có liên quan. Bên cạnh việc ghi nhận các đơn vị đã tuân thủ quy trình, quy định nội bộ, KSTT cũng kịp thời đưa ra một số kiến nghị, đề xuất nhằm gia tăng hiệu quả của các chốt KSNB, đồng thời giám sát việc khắc phục các lỗi hỏng được phát hiện, nhằm đáp ứng các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp tình hình hoạt động của Công ty. Theo đó, nhiều quy trình nghiệp vụ đã được điều chỉnh, bổ sung nhằm ngăn ngừa tốt hơn các vi phạm, rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. KSTT đã tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân (DLCN) của Công ty, trên cơ sở Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân được Quốc hội ban hành năm 2025 và lập Báo cáo tình hình và thực trạng tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ DLCN, đồng thời hoàn tất việc cập nhật bộ hồ sơ đánh giá tác động xử lý DLCN và gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Kết quả đánh giá cho thấy Công ty nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật, nhận thức rõ trách nhiệm và tích cực trong công tác bảo vệ DLCN.
4. Công ty đã hoàn thành việc xây dựng, ban hành và áp dụng khung chính sách, quy trình cốt lõi về bảo vệ DLCN một cách toàn diện để đảm bảo mọi hoạt động xử lý DLCN đều tuân thủ quy định. Bên cạnh đó, Công ty hiện đang triển khai việc nghiên cứu và tự động hóa các quy trình xử lý quyền của chủ thể dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả, giảm thiểu thời gian xử lý, hạn chế sai sót do con người và mang lại trải nghiệm tốt hơn cho chủ thể dữ liệu. Các hoạt động này cho thấy cam kết đầu tư dài hạn của SSI trong việc không chỉ tuân thủ các quy định hiện hành mà còn chủ động đón đầu các thay đổi pháp lý, liên tục cải tiến công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân, hướng tới các tiêu chuẩn thực hành tốt nhất.
5. KSTT phối hợp và kết nối chặt chẽ với các Phòng/Ban trong Công ty và cơ quan chức năng trong việc cung cấp thông tin; rà soát hồ sơ tài khoản khách hàng; rà soát tuân thủ quy định về an toàn hệ thống thông tin; đánh giá an toàn bảo mật, phân loại cấp độ hệ thống CNTT; rà soát công tác quản lý người hành nghề chứng khoán.
6. Công ty đã cập nhật và hoàn thiện Quy chế Phòng, chống rửa tiền (PCRT) nhằm bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật mới ban hành, bao gồm Thông tư số 27/2025/TT-NHNN của NHNN Việt Nam. Nội dung trọng tâm của việc cập nhật là rà soát, bổ sung và chuẩn hóa quy trình quản lý rủi ro rửa tiền, trong đó tăng cường yêu cầu đánh giá rủi ro đối với các sản phẩm, dịch vụ và công nghệ mới, qua đó nâng cao hiệu quả nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro rửa tiền trong hoạt động của Công ty. Công ty cũng tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro liên quan đến PCRT thông qua việc tăng cường rà soát và giám sát các giao dịch đáng ngờ, đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Công ty đã tổ chức nhiều khóa đào tạo về PCRT cho toàn bộ nhân viên, nhằm nâng cao nhận thức và năng lực nhận diện, xử lý rủi ro tuân thủ.

7. Công ty đã hoàn thành cập nhật và đào tạo, phổ biến Quy tắc đạo đức nghề nghiệp theo các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp ngành chứng khoán của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB). Bộ quy tắc bao gồm các quy định chi tiết về xung đột lợi ích, nguyên tắc và tiêu chuẩn ứng xử cho từng đối tượng cụ thể, cũng như cơ chế kiểm tra, giám sát tuân thủ. Việc áp dụng bộ quy tắc nhằm mục đích nâng cao nhận thức và củng cố các biện pháp kiểm soát rủi ro tuân thủ trong Công ty, tạo nền tảng vững chắc nhằm tăng cường các hành vi tuân thủ đạo đức nghề nghiệp của toàn bộ nhân viên Công ty.

Trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, Công ty luôn theo dõi, cập nhật quy định mới, đón đầu xu hướng rủi ro và nhu cầu thị trường, từ đó đánh giá tác động và có những phương án và cách thức kiểm soát rủi ro phù hợp. Một số rủi ro tuân thủ đã được Công ty nhận diện và xây dựng biện pháp kiểm soát trong năm 2025 và tiếp tục thực hiện trong năm 2026.



Rủi ro tiềm tàng và biện pháp kiểm soát rủi ro tuân thủ

STT	Rủi ro tiềm tàng	Biện pháp kiểm soát
1	Rủi ro về vi phạm quyền riêng tư, lộ lọt DLCN của các chủ thể dữ liệu mà SSI được tiếp cận/xử lý	<ul style="list-style-type: none"> Công ty xây dựng khung chính sách, quy định về bảo vệ DLCN; truyền thông, đào tạo định kỳ về bảo vệ DLCN cho toàn thể nhân viên. Theo dõi, giám sát nhằm đảm bảo việc triển khai các biện pháp bảo vệ DLCN được thực hiện theo các quy định, kế hoạch được phê duyệt. Thực hiện kiểm tra tuân thủ bảo vệ DLCN nhằm khắc phục kịp thời các thiếu sót, lỗ hổng được phát hiện liên quan đến DLCN. Nghiên cứu các biện pháp tự động hóa các quy trình xử lý quyền của chủ thể dữ liệu, hạn chế sai sót do con người.
2	Rủi ro tuân thủ các tiêu chuẩn của bên thứ ba đối với một số hoạt động mà SSI có thuê bên thứ ba cung cấp dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> Công ty yêu cầu thẩm định, xem xét, đánh giá năng lực của các chuỗi cung ứng dịch vụ để xác định những rủi ro tiềm ẩn nhằm bảo vệ Công ty khỏi các cuộc tấn công mạng hoặc các sự kiện truyền thống bất lợi. Hợp đồng với bên thứ ba luôn được yêu cầu phải có tính ràng buộc về mặt pháp lý và tuân thủ các quy định như bảo vệ DLCN/quyền riêng tư, phải có các điều khoản liên quan đến chống hối lộ, tham nhũng, an ninh mạng và các rủi ro tuân thủ thiết yếu khác.
3	Rủi ro an ninh, an toàn thông tin	<ul style="list-style-type: none"> Công ty đã xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết đối với hoạt động quản trị dữ liệu tại Công ty; thực hiện ban hành quy chế, chính sách, quy định về quản trị dữ liệu. Công ty đã xây dựng hệ thống giám sát, phát hiện nhanh và ngăn chặn các hành vi vi phạm, đánh cắp hoặc phá hủy dữ liệu nhạy cảm ngoài ý muốn. Các hệ thống quản trị dữ liệu, thiết bị làm việc tại Công ty được áp dụng các chính sách bảo mật mạnh mẽ; phân loại và mã hóa dữ liệu. Công ty áp dụng các biện pháp an toàn, an ninh mạng, ứng phó sự cố nhằm giảm thiểu tác động, hạn chế rủi ro về vi phạm dữ liệu. Tăng cường hoạt động đào tạo nội bộ, tuyển dụng các chuyên gia về an ninh và quản trị dữ liệu.
4	Rủi ro vi phạm quy định về PCRT và tài trợ khủng bố, đặc biệt rủi ro khi thiết lập, duy trì quan hệ kinh doanh với khách hàng thuộc danh sách đen, danh sách cảnh báo	<ul style="list-style-type: none"> Công ty tiếp tục theo dõi, cập nhật các quy định pháp luật về PCRT. Công ty sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu khách hàng để hỗ trợ nhân viên cập nhật và quản lý thông tin khách hàng hiệu quả; Công ty sử dụng dữ liệu World-Check để kiểm tra và sàng lọc thông tin khách hàng, nhằm phát hiện các trường hợp nghi ngờ liên quan đến rửa tiền và ngăn chặn quan hệ kinh doanh với khách hàng bị cấm. Chủ động theo dõi và cập nhật các danh sách đen từ Bộ Công an, danh sách cảnh báo từ NHNN và các danh sách cảnh báo, giám sát tăng cường và các khuyến nghị liên quan của Lực lượng đặc nhiệm tài chính quốc tế (FATF). Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của toàn bộ nhân viên và bộ phận nghiệp vụ về PCRT. Tăng cường đào tạo nâng cao nhận thức của nhân viên trong công tác PCRT, chú trọng vào nhận biết khách hàng và phát hiện giao dịch đáng ngờ và các rủi ro liên quan khác.

STT	Rủi ro tiềm tàng	Biện pháp kiểm soát
5	Rủi ro áp dụng các thay đổi của chính sách pháp luật đối với hoạt động của Công ty	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật mới, đặc biệt là các văn bản, hướng dẫn cụ thể các hoạt động nghiệp vụ, các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Rà soát các quy trình, quy chế nội bộ, đối chiếu với các quy định mới của pháp luật, tổng hợp các nội dung có sự mâu thuẫn hoặc chưa được hướng dẫn rõ ràng. Triển khai các quy định trên tinh thần chặt chẽ, vì lợi ích khách hàng và đảm bảo an toàn cho hoạt động Công ty, nhân viên Công ty. Đề nghị sự hướng dẫn từ các cơ quan có thẩm quyền, sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo. Đảm bảo sự thống nhất trong cách hiểu và áp dụng quy định của toàn thể nhân viên, phòng ban của Công ty.
6	Xung đột lợi ích giữa Công ty – Đối tác/Khách hàng – Nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng và áp dụng các quy tắc, chính sách để hạn chế xung đột lợi ích như quy tắc đạo đức nghề nghiệp, chính sách phòng chống tham nhũng, chính sách giải quyết khiếu nại. Thực hiện tách biệt văn phòng, con người, dữ liệu của các bộ phận có khả năng gây ra xung đột lợi ích. Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp. Giám sát tài khoản, giao dịch của nhân viên và những người có liên quan.
7	Rủi ro nhân viên vi phạm quy định của pháp luật, quy trình nghiệp vụ của Công ty	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường tần suất kiểm soát nội bộ đối với các bộ phận được đánh giá là có khả năng xảy ra rủi ro. Tăng cường đào tạo tuân thủ quy định pháp luật, quy trình, quy định nội bộ đối với nhân viên, cộng tác viên. Ngăn chặn, báo cáo các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện trường hợp nhân viên có hành vi vi phạm quy định của pháp luật. Rà soát thường xuyên các vi phạm, áp dụng hình thức xử lý kỷ luật công bằng, nghiêm khắc đối với nhân viên vi phạm theo Nội quy lao động và các Quy định nội bộ của Công ty.
8	Rủi ro trong sự phát triển mạnh mẽ của sản phẩm, dịch vụ mới áp dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài chính	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu các quy định về giám sát của cơ quan quản lý đối với lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech) để thiết kế sản phẩm mới phù hợp với quy định. Kiến nghị cơ quan giám sát cập nhật và bổ sung các văn bản pháp lý liên quan tạo diện kiện thuận lợi cho danh nghiệp phát triển. Sử dụng các dịch vụ tư vấn công nghệ và tư vấn pháp lý chuyên ngành để giảm thiểu rủi ro.
9	Rủi ro tuân thủ pháp luật và hợp đồng khi Công ty áp dụng các hình thức giao dịch trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu, cập nhật các quy định về giao dịch điện tử, giao dịch trực tuyến có liên quan. Tham khảo ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền, các đối tác cung cấp dịch vụ trực tuyến uy tín, tin cậy để có được giải pháp tối ưu. Soan thảo các quy trình liên quan để ràng buộc việc thực hiện một cách chặt chẽ, hạn chế rủi ro cho Công ty và nhân viên, và tạo thuận lợi để khách hàng thực hiện giao dịch. Tăng nguồn lực đầu tư vào CNTT để tăng tính hiệu quả của hệ thống giao dịch điện tử, giao dịch trực tuyến.

Công ty đã triển khai các giải pháp đồng bộ, kết hợp đào tạo, truyền thông, kiểm tra và giám sát trực tiếp và trực tuyến. Nhờ đó, các chính sách của Công ty được truyền đạt nhanh chóng đến từng nhân viên, các sai phạm được phát hiện và xử lý kịp thời. Toàn thể nhân viên luôn tự giác và nghiêm túc nghiên cứu các quy định pháp luật, quy định và chính sách nội bộ của Công ty nhằm đảm bảo chấp hành, tuân thủ đầy đủ.

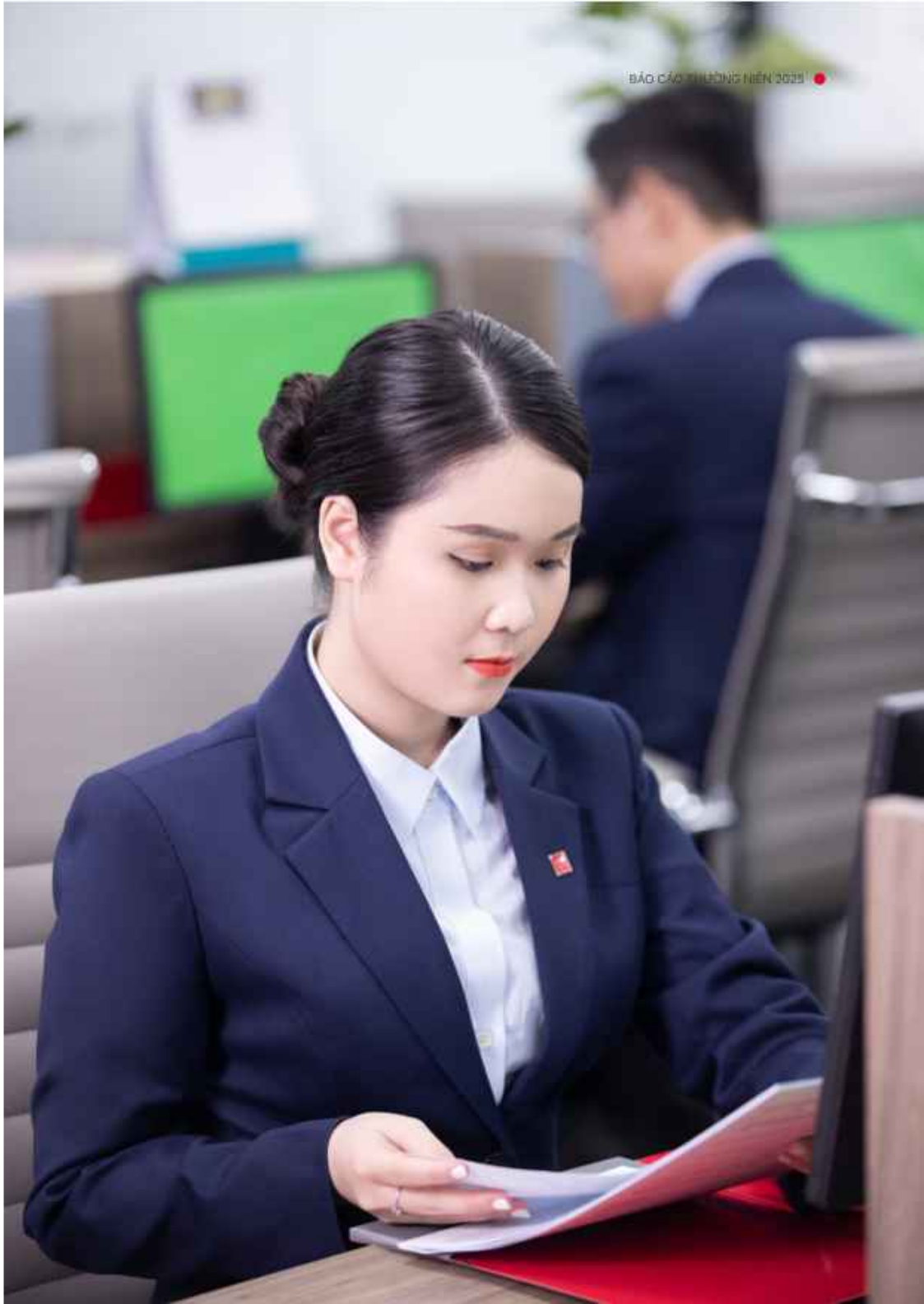
Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là các rủi ro rất khó đo lường, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín của Công ty do xuất phát từ việc không tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh, việc không tuân thủ các hợp đồng đã ký kết, sự thiếu sót các điều khoản trọng yếu, rủi ro liên quan đến chủ thể ký hợp đồng (người ký không có thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền được giao) hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác. Các rủi ro pháp lý mà mỗi công ty thường gặp chủ yếu liên quan đến vấn đề pháp luật, thủ tục hành chính, hợp đồng, tố tụng.

Để ngăn chặn các rủi ro pháp lý, Công ty đã thiết lập các biện pháp để nhận diện, phòng ngừa và hạn chế rủi ro pháp lý có thể phát sinh, chi tiết như sau:

1. Phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật mới đến HĐQT, Ban TGD, các cấp lãnh đạo và phòng ban có liên quan. Mở rộng hình thức phổ biến qua các kênh gửi thư, hệ thống nội bộ, đào tạo nội bộ. Các quy định được cập nhật không chỉ liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, mà bao gồm các lĩnh vực khác có ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty như các quy định chung về doanh nghiệp, thương mại, dân sự, cũng như các lĩnh vực chuyên môn kế toán, thuế, lao động... Phòng Luật sẽ hỗ trợ các phòng ban trả lời các thắc mắc hoặc xin ý kiến từ các cơ quan có thẩm quyền đối với những quy định chưa được cụ thể, rõ ràng hoặc có sự mâu thuẫn giữa các quy định, nhằm đảm bảo cho công tác tuân thủ pháp luật trong nội bộ doanh nghiệp được thực hiện đúng đắn và đầy đủ.
2. Việc rà soát, nhận diện, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn được đặc biệt coi trọng trong tất cả các giai đoạn, bao gồm nhưng không giới hạn khi kiểm tra hồ sơ, giấy tờ pháp lý trước khi ký kết các hợp đồng, cam kết, thỏa thuận với bất kỳ đối tác/khách hàng, kiểm tra việc ký kết cũng như tiến độ thực hiện các bước tiếp theo của những dự án này. Bên cạnh đó, Công ty chủ động thực hiện việc kiểm tra tình hình năng lực tài chính, tư cách pháp lý của đối tác/khách hàng khi thực hiện giao dịch.
3. Xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy trình nội bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động, tuân thủ và cập nhật quy định pháp luật, cụ thể hóa các công việc pháp lý thành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể, biên soạn các hợp đồng mẫu, văn bản mẫu đối với các dịch vụ thường xuyên cung cấp, cũng như các điều khoản mẫu bắt buộc tại các hợp đồng, thỏa thuận để việc sử dụng đáp ứng các chuẩn mực của Công ty và tuân thủ quy định pháp luật; đảm bảo các quy chế, quy trình nội bộ, sản phẩm, đến các cam kết, hợp đồng... của Công ty trước khi được ban hành hoặc triển khai đều được kiểm tra và cho ý kiến từ Phòng Luật nhằm tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật.
4. Công ty rất chú trọng việc xây dựng hệ thống, phòng ban chuyên môn về luật. Để đảm bảo hạn chế rủi ro pháp lý do thay đổi pháp luật hoặc tuân thủ, SSI tổ chức Phòng Luật với các Luật sư có chứng chỉ hành nghề, thiết lập bộ phận luật chuyên trách riêng biệt về kinh doanh, chuyên trách về quản trị doanh nghiệp, các chuyên viên luật có kinh nghiệm cũng như sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật của tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết.
5. Trong bối cảnh các quy định pháp luật mới được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường, các quy định mới này cần được cập nhật kịp thời, được hiểu đúng đắn và triển khai nhanh chóng ngay khi có hiệu lực. Nhằm giảm thiểu các rủi ro pháp lý từ các quy định mới, Phòng luật đã ưu tiên và tập trung nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật từ giai đoạn dự thảo đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp. Phòng Luật, với sự hỗ trợ của các phòng ban có liên quan, cũng chịu trách nhiệm tham gia góp ý dự thảo các văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty được lấy ý kiến rộng rãi, tham gia các buổi hội thảo, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp xử lý khả thi.

Tuân thủ pháp luật là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty được Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên Công ty cam kết thực hiện. Trong năm 2025, nhân viên Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các biện pháp được đề ra và sẽ tiếp tục thực hiện công tác tuân thủ pháp luật trong năm 2026.



Rủi ro thương hiệu

Trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán, quản trị rủi ro là nền tảng của uy tín và tăng trưởng bền vững. SSI xây dựng hệ thống kiểm soát dựa trên kỷ luật, minh bạch & hiệu quả, kết hợp công nghệ và chuyên môn con người để chủ động nhận diện và quản lý rủi ro trên toàn hệ thống.

Cách tiếp cận nhất quán này giúp SSI củng cố niềm tin thị trường, duy trì vai trò dẫn dắt & đảm bảo phát triển dài hạn.

Phân loại rủi ro	Rủi ro tiềm tàng	Biện pháp kiểm soát	
Rủi ro xuất phát từ nguyên nhân khách quan	Rủi ro từ yếu tố vĩ mô (văn hóa, chính trị, pháp lý, xã hội)	Là rủi ro phát sinh từ các biến động kinh tế - pháp lý - xã hội có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và uy tín của Công ty.	Dự báo sớm, đánh giá tác động; ứng phó theo nguyên tắc kỷ luật, minh bạch, hiệu quả, đảm bảo vận hành ổn định và bền vững.
	Rủi ro từ yếu tố vĩ mô (văn hóa, chính trị, pháp lý, xã hội)	Là rủi ro phát sinh từ các biến động kinh tế - pháp lý - xã hội có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và uy tín của Công ty.	Dự báo sớm, đánh giá tác động; ứng phó theo nguyên tắc kỷ luật, minh bạch, hiệu quả, đảm bảo vận hành ổn định và bền vững.
	Rủi ro từ đối thủ cạnh tranh	Là rủi ro phát sinh từ các hoạt động truyền thông hoặc thông tin sai lệch từ bên ngoài.	CBTT minh bạch, nhất quán; quy trình kiểm soát chặt chẽ, đề cao trách nhiệm con người.
Rủi ro xuất phát từ nguyên nhân chủ quan	Rủi ro trong quá trình thiết kế thương hiệu	Nhận diện thương hiệu không đồng bộ hoặc chưa được bảo hộ đầy đủ dẫn đến truyền tải không đúng thông điệp, gây nên những sự nhầm lẫn không đáng có cho khách hàng.	Xây dựng bộ quy chuẩn nhận diện thương hiệu, đăng ký bảo hộ bản quyền đầy đủ, ban hành nội bộ quy chuẩn, thực thi kiểm soát theo nguyên tắc kỷ luật và minh bạch.
	Rủi ro trong quản lý đặc tính thương hiệu	Triển khai không nhất quán giữa các đơn vị, sản phẩm, dịch vụ gây mâu thuẫn trong truyền tải thông điệp đến cộng đồng, xã hội.	Thiết lập hệ thống quản trị và tiêu chuẩn chung; rà soát định kỳ, bảo đảm hiệu quả và nhất quán toàn hệ thống.
	Rủi ro trong xây dựng và quản lý tài sản thương hiệu	Doanh nghiệp đánh mất những giá trị khác biệt cạnh tranh hoặc lệch khỏi giá trị cốt lõi.	Truyền thông rõ sứ mệnh, tầm nhìn; đề cao vai trò con người như đại diện giá trị; củng cố lợi thế cạnh tranh dài hạn.
	Rủi ro trong hoạt động truyền thông, quảng bá thương hiệu	Sự phát triển của công nghệ làm tăng cao rủi ro về việc tin tức sai lệch bị lan truyền nhanh, rủi ro khủng hoảng trên môi trường số.	<ul style="list-style-type: none"> Hoạch định truyền thông có kiểm soát; quy trình phát ngôn chặt chẽ; ứng dụng công nghệ giám sát thông tin để phản ứng kịp thời. Các tài liệu, thông điệp, phát ngôn từ SSI đều được lựa chọn kỹ càng, mang tính nhất quán cao, có quy định về công bố thông tin và xử lý khủng hoảng.
Rủi ro trong hoạt động mở rộng thương hiệu	Xảy ra khi một công ty mở rộng quá nhanh khiến việc quản trị trở nên khó khăn, thương hiệu sẽ bắt đầu mất đi sức mạnh, trọng tâm, suy yếu định vị.	Xây dựng chiến lược và quy trình quản trị thương hiệu chặt chẽ, đảm bảo tính tương quan và hệ thống giữa thương hiệu chính và thương hiệu mở rộng, bảo đảm tính liên kết và phát triển bền vững.	

QTRR là một quá trình liên tục, gắn liền với toàn bộ hoạt động vận hành của SSI. Trong bối cảnh thị trường năm 2025 nhiều biến động, hệ thống quản trị dựa trên kỷ luật, minh bạch và hiệu quả đã giúp Công ty chủ động nhận diện rủi ro, kiểm soát tác động và duy trì ổn định hoạt động. Cách tiếp cận này góp phần tối ưu nguồn lực, hạn chế tổn thất tiềm ẩn, củng cố niềm tin khách hàng và bảo vệ giá trị doanh nghiệp trong dài hạn.

Rủi ro Bảo mật & An ninh Thông tin

Năm 2025, môi trường an ninh mạng toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp với sự gia tăng các hình thức tấn công tinh vi, công nghệ AI được khai thác để tạo ra và biến đổi hàng nghìn mã độc mới, nhắm tới hệ thống CNTT và dữ liệu của các tổ chức.

Tại Việt Nam, ngành Tài chính - Chứng khoán chứng kiến sự chuyển dịch mạnh mẽ về công nghệ với việc hệ thống KRX chính thức đi vào vận hành và hành lang pháp lý mới liên quan đến an ninh mạng - dữ liệu được ban hành (Luật An ninh mạng 116/2025/QH15, Luật Dữ liệu 60/2024/QH15, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 91/2025/QH15). Các quy định này đặt ra yêu cầu bắt buộc về trách nhiệm bảo vệ hệ thống CNTT, dữ liệu tổ chức và dữ liệu khách hàng.

Trước bối cảnh đó, SSI khẳng định quan điểm điều hành nhất quán: **"An ninh bảo mật và rủi ro công nghệ không phải là vấn đề kỹ thuật, mà là yếu tố cốt lõi ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin thị trường, khả năng vận hành liên tục và tuân thủ pháp lý."**

An ninh thông tin và quản trị rủi ro công nghệ

Năm 2025, SSI tiếp tục củng cố khung quản trị rủi ro công nghệ theo mô hình Ba tuyến phòng thủ, tích hợp chặt chẽ vào hệ thống quản trị rủi ro chung của doanh nghiệp:

- Quản trị vòng đời hệ thống:** Phân định rõ trách nhiệm Quản trị - Vận hành - Giám sát độc lập. Kiểm soát rủi ro được thiết lập ngay từ khâu thiết kế, phát triển đến vận hành thực tế (Security by Design).
- Kiểm soát công nghệ mới:** Mọi ứng dụng công nghệ mới (AI, Big Data, Tự động hóa) đều được thẩm định dựa trên 03 tiêu chí: Lợi ích mang lại - Rủi ro an ninh/tuân thủ - Khả năng kiểm soát dài hạn.
- Giám sát dựa trên dữ liệu:** Chuyển đổi sang mô hình giám sát rủi ro liên tục và cảnh báo sớm. Rủi ro an ninh mạng được nhận diện dựa trên dữ liệu minh bạch, truy vết thời gian thực (Real-time) để hỗ trợ ra quyết định chính xác.

Tuân thủ pháp lý và chuẩn mực an ninh mạng

Trong năm 2025, SSI hoàn thành các yêu cầu tuân thủ trọng yếu về an ninh mạng và an toàn thông tin, tạo nền tảng pháp lý và vận hành vững chắc cho toàn hệ thống. Công ty đã hoàn thiện thể chế nội bộ thông qua việc ban hành đồng bộ Quy chế An toàn thông tin, đồng thời cập nhật các quy định liên quan đến phát triển AI và kiểm soát rủi ro từ bên thứ ba, phù hợp hơn với bối cảnh công nghệ và yêu cầu quản trị mới.

Toàn bộ hệ thống thông tin tại SSI đã được phân loại cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ tương ứng, bảo đảm tuân thủ Nghị định 85/2016/NĐ-CP. SSI cũng tiếp tục duy trì cơ chế phối hợp chặt chẽ với UBCKNN trong công tác rà soát, giám sát và báo cáo an ninh mạng. Một điểm nhấn quan trọng trong năm là việc triển khai xác thực sinh trắc học qua VNeID, kết nối trực tiếp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, qua đó nâng cao hiệu quả kiểm soát danh khách hàng, tăng cường phòng ngừa gian lận và đáp ứng các chuẩn mực tuân thủ ngày càng cao.



Chuyển dịch từ phòng thủ sang kiểm soát chủ động

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển rõ nét của SSI từ tư duy phòng thủ sang mô hình kiểm soát chủ động, với trọng tâm là nâng cao đồng bộ năng lực **phòng ngừa – phát hiện – ứng phó – khôi phục**, nhằm bảo đảm hệ thống vận hành liên tục, an toàn và ổn định. SSI đã tái kiến trúc và vận hành hiệu quả hệ thống giám sát an ninh (SOC), kết hợp mô hình phòng thủ nhiều lớp với dịch vụ Threat Intelligence để nâng cao khả năng phát hiện sớm các nguy cơ và chủ động ứng phó với các mối đe dọa mới.

Cùng với đó, việc kiểm soát tài khoản đặc quyền được tăng cường thông qua hệ thống PAM, góp phần ngăn chặn truy cập trái phép và giảm thiểu rủi ro từ các tài khoản có quyền hạn cao. SSI cũng tiếp tục đầu tư cho các giải pháp bảo mật đối với cả hệ thống và người dùng, nhằm tăng cường khả năng phòng chống mã độc và các hình thức tấn công nâng cao. Công tác kiểm thủ, rà soát an ninh được duy trì định kỳ trên 100% hệ thống CNTT; riêng các hệ thống cung cấp dịch vụ cho khách hàng được rà soát định kỳ 3 tháng/lần, đồng thời kết hợp đánh giá độc lập từ bên thứ ba để giảm thiểu rủi ro gián đoạn dịch vụ.

Bên cạnh hạ tầng và công cụ, SSI cũng hoàn tất việc kiện toàn 100% đội ngũ nhân sự Bộ phận ANTT theo cơ cấu mới, bảo đảm năng lực tổ chức phù hợp với yêu cầu vận hành trong giai đoạn tiếp theo. Năng lực chuyên môn và khả năng thực chiến của đội ngũ tiếp tục được khẳng định khi SSI đạt Giải Ba tại cuộc diễn tập tấn công – phòng thủ DF Cyber Defence 2025 do Ngân hàng Nhà nước tổ chức, với sự tham gia của 50 ngân hàng, tổ chức tài chính và CTCK.

Con người và văn hóa tuân thủ – trọng tâm vận hành an toàn

SSI xác định công nghệ là nền tảng, nhưng văn hóa tuân thủ mới là yếu tố quyết định mức độ an toàn trong vận hành thực tế. Vì vậy, song song với đầu tư cho hệ thống, Công ty tiếp tục chú trọng xây dựng nhận thức, kỷ luật và trách nhiệm trong toàn tổ chức. Trong năm 2025, các chương trình đào tạo ANTT được triển khai phù hợp với từng nhóm đối tượng, giúp mỗi cá nhân hiểu rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ hệ thống và dữ liệu.

Hoạt động truyền thông nội bộ về an ninh mạng cũng được duy trì định kỳ hằng tháng, tập trung cập nhật xu hướng, rủi ro và tình hình an ninh mạng, qua đó góp phần nâng cao nhận thức và tăng cường khả năng phòng ngừa từ sớm. Đồng thời, SSI tiếp tục duy trì kỷ luật vận hành, xử lý sai sót theo hướng minh bạch, nhất quán và có tính cải thiện hệ thống, thay vì chỉ dừng ở xử lý sự vụ đơn lẻ.

Tại SSI, an ninh mạng không được nhìn nhận như một nhiệm vụ ngắn hạn mà là một hành trình tích lũy lâu dài. Niềm tin của thị trường được củng cố không chỉ bằng cam kết, mà bằng chính sự ổn định, kỷ luật và minh bạch trong vận hành hệ thống mỗi ngày.



MỤC TIÊU 2026

Dựa trên nền tảng đã được củng cố trong năm 2025, Bộ phận ANTT xác định trọng tâm năm 2026 là nâng chuẩn tuân thủ, tăng năng lực phòng thủ chủ động và quản trị rủi ro mới phát sinh từ trí tuệ nhân tạo cũng như chuỗi cung ứng. Mục tiêu xuyên suốt là bảo đảm hệ thống vận hành an toàn, liên tục, giảm thiểu gián đoạn dịch vụ và củng cố niềm tin thị trường đối với SSI bằng năng lực quản trị rủi ro nhất quán và có kiểm chứng.

Tuân thủ theo hành lang pháp lý mới

Năm 2026, Bộ phận ANTT triển khai mô hình quản trị an ninh thông tin dựa trên dữ liệu, coi dữ liệu minh bạch là nền tảng cho tuân thủ và kiểm soát rủi ro. Trọng tâm là nâng cấp cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân theo nguyên tắc "bảo vệ ngay từ khi thiết kế" và "phân quyền tối thiểu", tích hợp trực tiếp vào quá trình phát triển và vận hành dịch vụ để giảm rủi ro ngay từ đầu nguồn. Song song, Bộ phận ANTT xây dựng lộ trình hướng tới các chứng nhận quốc tế về quản lý an toàn thông tin, qua đó nâng chuẩn quản trị và củng cố uy tín của SSI trên thị trường.

Nâng cấp năng lực phòng thủ chủ động và khả năng phát hiện – ứng phó – vận hành liên tục

Bộ phận tập trung tăng năng lực phát hiện sớm và xử lý sự cố theo hướng chủ động, chuẩn hóa giám sát để giảm cảnh báo nhiễu, tối ưu chi phí vận hành và rút ngắn thời gian gián đoạn dịch vụ. Các kịch bản phổ biến như lừa đảo qua thư điện tử, mã độc và rò rỉ dữ liệu được ưu tiên tự động hóa quy trình ứng phó nhằm giảm thời gian xử lý và tăng tính nhất quán trong thao tác. Bên cạnh đó, các hoạt động diễn tập thực chiến tấn công – phòng thủ được tăng cường nhằm kiểm tra sức chịu đựng của hệ thống, nâng năng lực phản ứng tại chỗ và củng cố khả năng phòng chống rủi ro mã hóa dữ liệu tổng tiền.

Quản trị rủi ro từ trí tuệ nhân tạo và chuỗi cung ứng

Năm 2026, Bộ phận thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro đối với trí tuệ nhân tạo xuyên suốt vòng đời phát triển và vận hành hệ thống, từ khâu thiết kế, thử nghiệm đến triển khai và giám sát. Đồng thời, Bộ phận ANTT chuẩn hóa quy trình đánh giá an ninh mạng đối với bên thứ ba, tăng kiểm soát rủi ro từ chuỗi cung ứng, đặc biệt tại các điểm phụ thuộc quan trọng. Việc giám sát liên tục các kênh tích hợp, các điểm kết nối và giao diện trao đổi dữ liệu trong hệ sinh thái SSI cũng được tăng cường để giảm nguy cơ phát sinh từ mở rộng kết nối và triển khai sản phẩm mới.

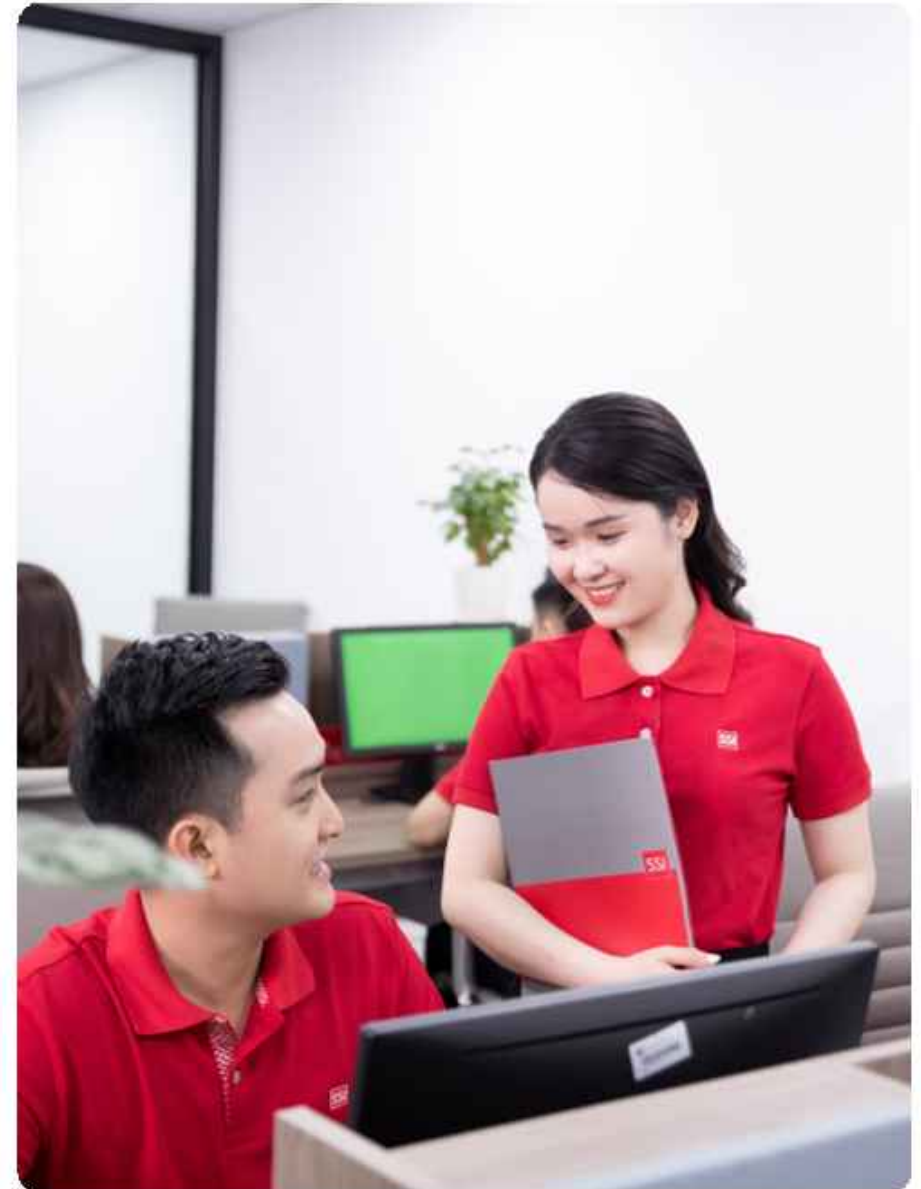


Rủi ro quản trị Nguồn nhân lực

Trong bối cảnh thị trường lao động biến động nhanh, yêu cầu chuyển đổi mô hình tổ chức ngày càng lớn và cạnh tranh thu hút nhân tài ngày càng gay gắt, quản trị nguồn nhân lực không chỉ nhằm bảo đảm vận hành ổn định mà đã trở thành một yếu tố quan trọng trong năng lực thích ứng và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đối với SSI, các rủi ro liên quan đến nhân sự ngày càng mang tính hệ thống, gắn với chính sách đãi ngộ, tuyển dụng, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, quản trị hiệu suất, bảo mật dữ liệu nhân sự cũng như tính liên tục của đội ngũ. Trên cơ sở đó, Công ty chủ động nhận diện, đánh giá và xây dựng các biện pháp kiểm soát phù hợp nhằm duy trì sự ổn định về nguồn lực, nâng cao hiệu quả vận hành và hỗ trợ chiến lược phát triển trung – dài hạn.

Các rủi ro	Nội dung
Rủi ro liên quan đến chính sách lương, thưởng và phúc lợi	Rủi ro tiềm ẩn phát sinh từ việc chính sách đãi ngộ không theo kịp biến động thị trường lao động hoặc chưa gắn chặt với hiệu quả công việc, có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hút và giữ chân nhân sự. SSI kiểm soát rủi ro này thông qua việc rà soát, phê duyệt chặt chẽ các khoản chi trả, theo dõi ngân sách nhân sự và tham chiếu dữ liệu thị trường nhằm bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng và minh bạch trong toàn hệ thống.
Rủi ro trong hoạt động tuyển dụng và lựa chọn nhân sự	Rủi ro bao gồm thiếu hụt ứng viên phù hợp, sai lệch trong đánh giá năng lực hoặc trải nghiệm ứng viên chưa đáp ứng kỳ vọng, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực đầu vào. Để kiểm soát rủi ro này, SSI tiếp tục chuẩn hóa quy trình tuyển dụng, nâng cao chất lượng đánh giá, minh bạch hóa thông tin tuyển dụng và cải thiện trải nghiệm của ứng viên cũng như nhân sự mới. Hoạt động hội nhập nhân sự được chú trọng hơn nhằm tăng mức độ gắn kết trong giai đoạn đầu và giảm tỷ lệ nghỉ việc trong năm đầu tiên.
Rủi ro về an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe	Rủi ro môi trường làm việc và sức khỏe người lao động ảnh hưởng đến năng suất và hình ảnh doanh nghiệp. SSI duy trì các biện pháp bảo đảm an toàn, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, triển khai báo hiểm chăm sóc sức khỏe và các chương trình phòng ngừa bệnh tật, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.
Rủi ro về quản lý hiệu suất và gắn kết nhân viên	Việc đánh giá hiệu quả công việc thiếu nhất quán hoặc không phản ánh đúng mức độ đóng góp có thể làm giảm động lực làm việc và gia tăng biến động nhân sự. Công ty tăng cường chuẩn hóa công cụ đánh giá, triển khai các chương trình khảo sát mức độ hài lòng, đối thoại với người lao động và cơ chế ghi nhận thành tích nhằm duy trì sự gắn kết, nâng cao hiệu suất.
Rủi ro về dự phòng và kế thừa nhân sự	Rủi ro thiếu hụt nhân sự tại các vị trí trọng yếu ảnh hưởng đến tính liên tục trong quản trị và vận hành. SSI chủ động xây dựng nguồn nhân lực kế cận thông qua chương trình Talent Pool, đào tạo đội ngũ quản lý và hoạch định nguồn lực theo định hướng phát triển tổ chức, nhằm giảm thiểu rủi ro gián đoạn khi có biến động nhân sự.
Rủi ro về tuân thủ quy tắc đạo đức và kỷ luật lao động	Vi phạm quy định nội bộ hoặc chuẩn mực nghề nghiệp có thể gây ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh Công ty. SSI duy trì hệ thống nội quy, quy chế, cơ chế kiểm soát và truyền thông nội bộ nhằm nâng cao nhận thức tuân thủ, phòng ngừa các hành vi sai lệch trong quá trình thực thi công việc.
Rủi ro về bảo mật thông tin nhân sự	Rủi ro rò rỉ hoặc sử dụng sai mục đích DCLN có thể phát sinh trong bối cảnh tăng cường số hóa. Công ty áp dụng các quy trình phân quyền truy cập, quy định bảo mật thông tin và quản lý hồ sơ nhân sự theo nguyên tắc an toàn dữ liệu, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân.
Rủi ro phát sinh khi nhân viên nghỉ việc	Nguy cơ thất thoát tài sản, dữ liệu xảy ra nếu quy trình chấm dứt hợp đồng không được kiểm soát chặt chẽ. SSI thực hiện bàn giao công việc, thu hồi tài sản, khóa quyền truy cập hệ thống và triển khai phỏng vấn/khảo sát với toàn bộ nhân viên nghỉ việc nhằm giảm thiểu rủi ro và khai thác thông tin phục vụ cải thiện chính sách nhân sự.

Trên tổng thể, Bộ phận Nhân sự tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, quy trình và công cụ quản trị theo hướng chuẩn hóa và số hóa; đồng thời tăng cường vai trò của các cấp quản lý trong quản trị con người và gắn quản trị rủi ro nhân sự với khung quản trị rủi ro doanh nghiệp. Định hướng này nhằm bảo đảm sự ổn định về nguồn lực, nâng cao chất lượng đội ngũ và hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững của SSI trong năm 2025 và các giai đoạn tiếp theo.



Kế hoạch thực hiện 2026

Trong năm 2026, hoạt động QTRR sẽ tiếp tục được cập nhật, nâng cao và hoàn thiện để phù hợp với thực tế kinh doanh của SSI cũng như các tiêu chuẩn quốc tế.

Năm 2026 được kỳ vọng tiếp tục là một năm sôi động của TTCK Việt Nam. SSI tiếp tục tiến hành nghiên cứu và liên tục cải tiến, cập nhật các sản phẩm dịch vụ giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng cũng như đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng. Với số lượng khách hàng lớn và liên tục gia tăng, cùng với đó là một loạt các hệ thống phần mềm giao dịch và phần mềm hỗ trợ, dự kiến trong năm 2026 Công ty có thể tiếp tục đối mặt với các vấn đề liên quan đến rủi ro hoạt động, đặc biệt là từ nguyên nhân hệ thống, quy trình, và con người. Rủi ro từ các đối tượng bên ngoài ngày càng tăng, từ việc các đối tượng bên ngoài giả danh SSI để thực hiện các hoạt động lừa đảo và/hoặc sử dụng công nghệ để tiến hành các hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản của khách hàng.

Năm 2026 được kỳ vọng với nhiều tín hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô trong nước nhờ vào sự điều hành quyết liệt của Chính phủ với mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên cũng như việc TTCK Việt Nam dự kiến chính thức được nâng hạng vào tháng 9/2026, tuy nhiên thị trường vẫn luôn tồn tại những yếu tố rủi ro bất ngờ khó dự đoán và/hoặc sự kiện rủi ro xảy ra ảnh hưởng tới thị trường và/hoặc nhóm ngành và/hoặc doanh nghiệp cụ thể đặc biệt là trong giai đoạn hiện tại các bất ổn địa chính trị thế giới rất phức tạp.

Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của SSI thời điểm cuối năm 2025 đã tăng khoảng 77% so với thời điểm cuối năm 2024 và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2026 nên các nguy cơ rủi ro từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ cũng tăng lên. Bên cạnh đó, với việc cung cấp sản phẩm giao dịch không cần ký quỹ cho khách hàng tổ chức nước ngoài cũng tồn tại rủi ro khách hàng không thanh toán dẫn tới Công ty phải mua lại về tài khoản tự doanh và có thể phát sinh thua lỗ khi bán cổ phiếu.

Với nguồn vốn dồi dào được sử dụng một cách hợp lý và linh hoạt để tối ưu hiệu quả sử dụng vốn, các hoạt động đầu tư giấy tờ có giá tiếp tục được thực hiện trong năm 2026 bên cạnh đó nguồn vốn được phân bổ cho các hoạt động kinh doanh khác một cách linh hoạt nên rủi ro thanh khoản vẫn luôn tiềm ẩn và cần được chú trọng đánh giá, giám sát liên tục.

Để thành công trong công tác QTRR cần sự chính xác và hiệu quả trong hoạt động nhận diện, đo lường, giám sát, cảnh báo và xử lý rủi ro. Bên cạnh đó, nhận thức của toàn bộ các cấp lãnh đạo cũng như nhân viên về tầm quan trọng của hoạt động QTRR, cùng với ý thức tham gia đóng góp vào công tác QTRR của toàn bộ nhân viên SSI cũng quan trọng không kém.

Thế giới, Việt Nam và tại SSI đã và tiếp tục có sự chuyển dịch mạnh mẽ sang việc ứng dụng Công nghệ đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), mô hình dữ liệu lớn vào trong các sản phẩm kinh doanh cũng như mọi hoạt động hàng ngày bao gồm cả QTRR nên sẽ có ngày càng nhiều hơn các hệ thống cũng như mức độ phức tạp ngày càng tăng dẫn tới sẽ phát sinh nhiều hơn các rủi ro mới liên quan đến hệ thống công nghệ, an toàn dữ liệu và an toàn hệ thống mà đòi hỏi nhà QTRR phải có kiến thức sâu hơn về CNTT đặc biệt là về trí tuệ nhân tạo. Bên cạnh đó, các rủi ro ngoài khả năng dự đoán của con người như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh ngày càng xuất hiện nhiều hơn gây ra các rủi ro đột ngột và khó chống đỡ.

Chính vì vậy, trọng tâm của năm 2026 là tiếp tục nâng cao hiệu quả của việc QTRR hoạt động, đặc biệt là tiếp tục hoàn thiện kế hoạch dự phòng trong các trường hợp xảy ra sự cố, thảm họa dựa trên những bài học thực tế, bổ sung/hoàn thiện hệ thống chính sách/quy trình QTRR cho các hoạt động kinh doanh/sản phẩm dịch vụ mới. Cùng với đó, các hoạt động đào tạo nâng cao văn hóa về phòng chống rủi ro cho toàn bộ nhân viên, với mục tiêu mỗi nhân viên như một nhà QTRR trong từng hoạt động của mình tiếp tục được thực hiện. Tăng cường các biện pháp ngăn ngừa rủi ro từ các yếu tố bên

ngoài như các hoạt động tuyên truyền, cảnh báo đến toàn bộ khách hàng, nhân viên SSI về các hoạt động lừa đảo mạo danh SSI và các hình thức mới trong sử dụng công nghệ để chiếm đoạt tài khoản của khách hàng, liên tục rà soát đánh giá mức độ an toàn của các hệ thống CNTT để có nâng cao khả năng phòng chống xâm nhập từ bên ngoài.

Tiếp theo đó là tăng cường giám sát thị trường, đánh giá thường xuyên các rủi ro thị trường, rủi ro ở một số ngành và/hoặc doanh nghiệp cụ thể, mức độ rủi ro tập trung dư nợ liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ để có sự điều chỉnh kịp thời. Ngoài ra, thị trường phái sinh cũng được giám sát hàng ngày để kịp thời điều chỉnh và xử lý nếu có các yếu tố thị trường có thể gây ra mức biến động mạnh của các chỉ số phái sinh.

Đánh giá kỹ từng khách hàng tổ chức nước ngoài theo quy trình đã xây dựng khi cấp hạn mức giao dịch không ký quỹ cũng như đánh giá kỹ từng tình huống chậm thanh toán xảy ra nếu có tại SSI và/hoặc từ các CTCK khác để có các biện pháp nâng cao hơn khả năng ngăn ngừa rủi ro tương tự. Các hoạt động đầu tư giấy tờ có giá, kinh doanh chứng quyền được Bộ phận QTRR tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ phận Kinh doanh để kịp thời đưa ra ý kiến đánh giá, cảnh báo và phong ngừa rủi ro cho các hoạt động này.

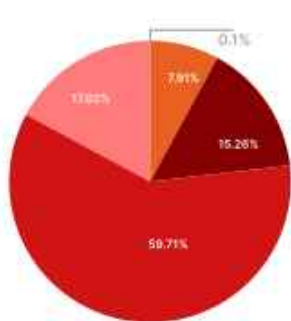
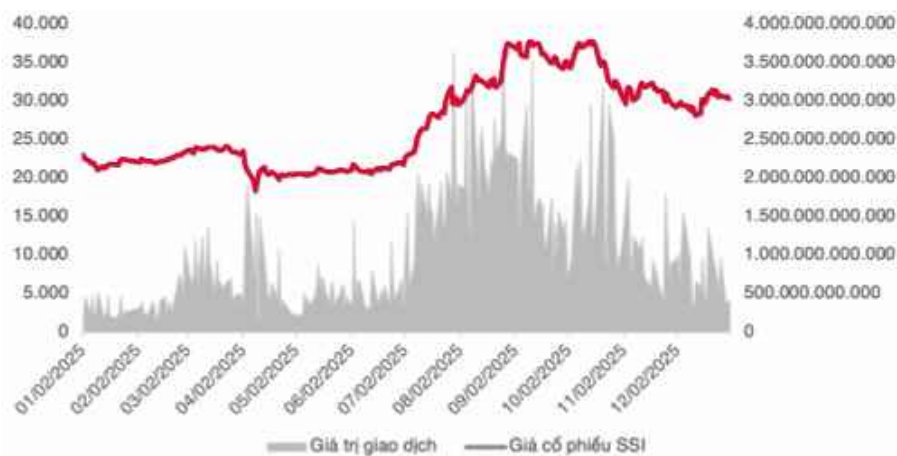
Hoạt động QTRR thanh khoản luôn được chú trọng để đảm bảo Công ty luôn có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu cho vay giao dịch ký quỹ, nhu cầu thanh toán cho giao dịch không ký quỹ của NĐT tổ chức nước ngoài khi khách hàng không thanh toán và/hoặc không thanh toán kịp thời và không xảy ra rủi ro thanh khoản đặc biệt là sau khi Việt Nam chính thức nâng hạng vào tháng 9/2026, cũng như nguồn lực tài chính được thực hiện điều phối và sử dụng một cách hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh khác.



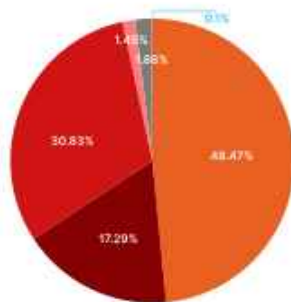
Thông tin cổ phiếu & Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư

Thông tin cổ phiếu năm 2025

Diễn biến giá cổ phiếu và cơ cấu cổ đông SSI



Cổ đông nội trong nước - Cổ đông ngoại trong nước
Cổ đông khác trong nước - Cổ đông khác nước ngoài - Cổ phiếu quỹ



Cổ đông cá nhân trong nước - Cổ đông tổ chức trong nước
Cổ đông tổ chức nước ngoài - Cổ đông cá nhân nước ngoài
Cổ đông nội cá - Cổ phiếu quỹ

Mã chứng khoán	SSI
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
Số lượng cổ phiếu phổ thông (tại thời điểm 31/12/2025)	2.077.906.262 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tại thời điểm 31/12/2025):	2.075.914.794 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 31/12/2025):	1.991.468 cổ phiếu
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2025)	30.250 VND/ cổ phiếu
Chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền	10% (01 cổ phiếu được nhận 1.000 VND)
Ngày giao dịch không hưởng quyền	25/9/2025
Ngày đăng ký cuối cùng	26/9/2025
Ngày thực hiện thanh toán	15/10/2025
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	100.000.000.000 VND
Ngày kết thúc đợt phát hành	05/6/2025
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/ cổ phiếu
Tăng vốn điều lệ do chào bán cổ phiếu riêng lẻ	1.040.423.440.000 VND
Ngày kết thúc đợt phát hành	29/8/2025
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	104.042.344 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/ cổ phiếu

Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư 2025

Hành động với phương châm "Tối đa hóa lợi ích cổ đông", SSI tiếp tục duy trì và đổi mới cách tiếp cận nhằm nâng cao hình ảnh, uy tín của Công ty trong mắt cổ đông cũng như cộng đồng đầu NĐT trên TTCK. Yếu tố minh bạch luôn được coi là ưu tiên hàng đầu, là hòn đá tảng để giữ vững niềm tin của cổ đông với SSI trong dài hạn.

Đảm bảo quyền lợi và tối đa hóa lợi ích cổ đông

Trong nhiều năm qua, SSI duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định ở mức 10%, qua đó đảm bảo nguồn thu nhập định kỳ và bền vững cho cổ đông. Trong năm 2025, bên cạnh việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt, Công ty còn triển khai phát hành 10 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Hoạt động này vừa góp phần bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, vừa tăng cường sự gắn kết nội bộ, qua đó tạo thêm giá trị dài hạn cho cổ đông trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động và thách thức.

Kết nối với cộng đồng đầu tư

Trong năm 2025, ngoài các sự kiện định kỳ như công bố kết quả kinh doanh hàng quý và ĐHCĐ thường niên, SSI đã tổ chức tổng cộng 76 buổi gặp gỡ trực tiếp và trực tuyến với các chuyên gia quản lý danh mục và chuyên gia phân tích đến từ hơn 117 quỹ đầu tư trong và ngoài nước. Các buổi trao đổi đều có sự tham gia của đại diện Ban Lãnh đạo, tạo điều kiện để NĐT cập nhật hoạt động kinh doanh hiện tại, định hướng chiến lược trong tương lai cũng như trao đổi, giải đáp các vấn đề liên quan đến kết quả kinh doanh, tình hình tài chính và kế hoạch phát triển của Công ty.

Song song với đó, các báo cáo cập nhật và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý tiếp tục được gửi trực tiếp tới cổ đông qua email và thông qua các sự kiện cập nhật kết quả kinh doanh hàng quý – Earnings Call dành cho quỹ đầu tư. Nhờ vậy, cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư tiềm năng có thể tiếp cận nguồn thông tin chính thống một cách thuận tiện, từ đó hình thành góc nhìn đầy đủ và đưa ra quyết định đầu tư phù hợp. Công ty cũng liên tục cải tiến cách thức truyền tải nhằm đảm bảo thông tin ngắn gọn, trực quan và phù hợp với từng nhóm cổ đông. Những bản tin này đồng thời được cung cấp rộng rãi tới các cơ quan báo chí, giúp cộng đồng NĐT cá nhân và tổ chức luôn cập nhật kịp thời các thông tin mới nhất.



Trang thông tin điện tử của SSI tại www.ssi.com.vn, với giao diện hiện đại và cấu trúc nội dung rõ ràng, tiếp tục là kênh CBTT hiệu quả. NĐT có thể dễ dàng tra cứu toàn bộ thông tin công bố, dữ liệu tài chính, tài liệu ĐHCĐ, các báo cáo và văn bản quan trọng như Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, bao quát và xuyên suốt từ khi Công ty thành lập đến nay.

Hàng năm, Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững được phát hành nhằm cung cấp cái nhìn toàn diện về chiến lược, tình hình tài chính, kết quả hoạt động, công tác quản trị cũng như các sáng kiến phát triển bền vững của Công ty.



Bên cạnh hoạt động trong nước, lãnh đạo SSI còn chủ động tham gia các hội thảo và chương trình xúc tiến đầu tư tại những trung tâm tài chính lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hồng Kông và Singapore, qua đó chia sẻ góc nhìn về kinh tế vĩ mô, TTCK Việt Nam và giới thiệu hoạt động của Công ty tới cộng đồng đầu tư quốc tế. Riêng trong năm 2025, bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư đã tham gia ba hội nghị xúc tiến đầu tư gồm Nomura ASEAN Conference (Malaysia), HOSE-Daiwa Vietnam Corporate Day (Singapore) và Daiwa Investment Conference (Hồng Kông) để trình bày về tiềm năng của TTCK Việt Nam và cơ hội đầu tư vào cổ phiếu SSI.



Đánh giá quản trị công ty tại SSI

SSI luôn tin rằng hoạt động quản trị doanh nghiệp tốt là chìa khóa quan trọng đảm bảo phát triển bền vững cho doanh nghiệp, đồng thời mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về quản trị công ty tại Việt Nam nói chung, các quy định áp dụng riêng đối với công ty niêm yết, công tác quản trị của SSI từng bước được hoàn thiện theo những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới như "Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN", tài liệu "Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất" do UBCKNN và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phát hành tháng 8/2019.

Trong thời gian qua, đối chiếu với các tiêu chí đánh giá tại Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, SSI đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện tình hình quản trị công ty của mình, tiệm cận dần với các chuẩn mực tốt trong khu vực. SSI đã thực hiện đánh giá tính hiệu quả của hệ thống quản trị công ty theo thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN dựa trên 5 khía cạnh: Quyền của cổ đông, Đối xử công bằng giữa các cổ đông, Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, Công bố thông tin minh bạch và Vai trò, trách nhiệm của HĐQT.

Các quy chế liên quan quản trị công ty được soạn thảo dựa trên nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, đồng thời có tham chiếu với các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, trong đó đã đề cao tính minh bạch công tác quản trị công ty, đối xử bình đẳng và bảo vệ quyền của cổ đông, bao gồm cả cổ đông nhỏ lẻ và cổ đông nước ngoài; cùng với các vấn đề liên quan tới cấu trúc và hoạt động của HĐQT/UBKT.

DHĐCĐ thường niên của SSI luôn bảo đảm quyền lợi của cổ đông khi gửi thông tin mời họp đã cung cấp đầy đủ, đúng hạn các thông tin, tài liệu liên quan đến cuộc họp tại website của Công ty để cổ đông đánh giá cũng như đưa các ý kiến biểu quyết của mình. Đồng thời, Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên, Công ty có cung cấp số hotline và địa chỉ email để tiếp nhận ý kiến của cổ đông về chương trình họp, phản hồi, giải đáp các thắc mắc và hỗ trợ cổ đông một cách kịp thời, nhanh chóng. Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có 1 phiếu biểu quyết và cổ đông có thể thực hiện biểu quyết và bầu cử bằng nhiều hình thức (i) Bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội; (ii) Bỏ phiếu từ xa; (iii) ủy quyền cho thành viên HĐQT SSI hoặc người khác thực hiện biểu quyết, bầu cử.

Ngoài ra, Công ty thực hiện gửi Thư mời họp cho cổ đông theo danh sách do VSDC cung cấp, thực hiện đăng báo thông báo trên trang báo điện tử và gửi tin nhắn, thư điện tử đến cổ đông tối thiểu 02 lần để cổ đông thuận tiện trong việc tiếp cận thông tin và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử. Đa số các câu hỏi, yêu cầu của cổ đông được phản hồi trực tiếp và đầy đủ tại Đại hội bởi Chủ tịch HĐQT, lãnh đạo các Khối. Diễn biến, nội dung của Đại hội cùng với các câu hỏi của cổ đông và câu trả lời được ghi nhận chính xác, đầy đủ tại Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đồng thời công bố thông tin đến UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và trên website Công ty trong vòng 24 giờ sau Đại hội.

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện công bố thông tin đúng hạn, đầy đủ, minh bạch, tuân thủ quy định về CBTT tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, các quy định của UBCKNN, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con. Từ năm 2016, Công ty đã thực hiện công bố thông tin hoàn toàn bằng song ngữ Việt - Anh để các cổ đông nước ngoài có thể tiếp cận, tìm hiểu sâu hơn thông tin về Công ty.

Công ty tự đánh giá đã làm tốt tiêu chí Đối xử công bằng giữa các cổ đông và Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan.

Đối với khía cạnh Trách nhiệm của HĐQT, SSI đã có những thay đổi tích cực, đạt nhiều tiêu chí hơn so với những năm trước. UBKT với các thành viên là thành viên độc lập HĐQT, đã thực hiện chức năng giám sát, rà soát độc lập về các mặt hoạt động của Công ty. Hoạt động của UBKT không những đáp ứng được yêu cầu của quy định pháp luật, mà còn phù hợp với thông lệ quốc tế, xây dựng mô hình quản trị tiên tiến, hạn chế sự trùng lặp về cơ cấu tổ chức kiểm soát tại Công ty và do đó nâng cao hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp. Cùng với UBKT, Tiểu ban Chiến lược và Phát triển được thành lập với chức năng hoạch định chiến lược kinh doanh toàn Công ty dựa trên nghiên cứu môi trường kinh doanh, mô hình kinh doanh, sáng kiến chuyển đổi, sản phẩm mới và các phương án tối ưu hóa nguồn lực, gia tăng giá trị Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng công bố minh bạch các khoản lương, thù lao của các thành viên Ban Tổng giám đốc và thành viên HĐQT.

Về hoạt động đào tạo quản trị công ty, danh sách các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính và Thư ký Công ty đã hoàn thành khóa đào tạo về Quản trị Công ty và được UBCKNN cấp chứng chỉ và các chương trình đào tạo về quản trị khác như "Chương trình chứng nhận thành viên HĐQT lần thứ 3" (DCP3) được trình bày tại phần đầu nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT.

Trong năm 2025, Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty đã tham gia một số hội thảo liên quan về quản trị công ty do UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc VIOD tổ chức/phối hợp tổ chức với mục tiêu cập nhật các thông lệ quản trị công ty tiên tiến, phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ tốt nhất; nắm bắt tình hình thực tiễn và xu hướng thực hiện quản trị công ty tại thị trường Việt Nam và khu vực; qua đó học hỏi, tiếp thu có chọn lọc và từng bước áp dụng phù hợp vào hoạt động quản trị, điều hành của Công ty:

STT	Hội thảo	Đơn vị tổ chức	Thời gian tổ chức
1	VNCG50 – Doanh nghiệp cần tập trung gì trong năm 2025	VIOD	Tháng 01/2025
2	Vì một mùa Đại hội đồng cổ đông đổi mới	UBCKNN, VIOD	Tháng 02/2025
3	Lễ ra mắt, giới thiệu và ban hành Cẩm nang Quản trị Công ty 2024	UBCKNN, HOSE, VIOD	Tháng 4/2025
4	Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân: Cơ hội nào cho các Doanh nghiệp Niêm yết và Công ty Đại chúng?	UBCKNN, VIOD	Tháng 6/2025
5	Hội nghị Doanh nghiệp Niêm yết và Lễ trao giải Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2025	HOSE	Tháng 11/2025
6	Diễn đàn Thường niên về Quản trị công ty lần thứ 8 (AF8) với chủ đề "Hội đồng Quản trị bứt phá: Vươn tầm khu vực, Định vị niềm tin và danh tiếng trên thị trường vốn"	VIOD	Tháng 11/2025
7	Chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về Thẻ điểm Quản trị Công ty (ACGS)	UBCKNN	Tháng 12/2025
8	Tham gia nhóm ACGS20 – nhóm doanh nghiệp tiên phong trong nâng cao chất lượng quản trị – theo sáng kiến của VIOD ra mắt tại Việt Nam vào ngày 5/12/2025. Nhóm tập hợp 20 doanh nghiệp tiên phong có cam kết mạnh mẽ trong việc nâng cao thực hành quản trị theo ASEAN Corporate Governance Scorecard (ACGS).	VIOD	Tháng 12/2025

Tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết (VLCA) năm 2024, Công ty thuộc nhóm **"Top 10 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất năm 2024 – Nhóm vốn hóa lớn"**. Công ty tiếp tục thuộc nhóm **"Top 8 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất năm 2025 – Nhóm vốn hóa lớn"** tại VLCA năm 2025. Các giải thưởng này là sự ghi nhận nỗ lực của Công ty trong việc tuân thủ pháp luật và áp dụng các thông lệ quản trị tiên tiến.

Trong năm 2026, Công ty tiếp tục duy trì các nội dung đã triển khai trong năm 2025 và đưa ra các kế hoạch nhằm tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty như sau:

- Tiếp tục cập nhật và có lộ trình cụ thể để áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty theo chuẩn mực và khuyến nghị của các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế, phù hợp với điều kiện thực tiễn và chiến lược phát triển của Công ty, trong đó chú trọng áp dụng bộ Nguyên tắc quản trị công ty năm 2026.
- Thiết lập kênh điện tử để kết nối và tạo điều kiện để các cổ đông thực hiện các quyền biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Cập nhật thông tin và giải đáp các thắc mắc cho cổ đông;
- Duy trì việc CBTT minh bạch, đầy đủ và đúng hạn theo quy định pháp luật.
- Thành viên HĐQT và những người quản lý công ty tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu về quản trị công ty.



Hoạt động Phát triển bền vững



Tổng quan về Báo cáo Phát triển bền vững

Nguyên tắc thiết lập báo cáo

Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2025 của SSI được xây dựng theo **Tiêu chuẩn báo cáo của Global Reporting Initiative (GRI)**, với nguyên tắc đảm bảo tính chính xác, cân bằng, minh bạch và khả năng so sánh. Báo cáo cũng tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo yêu cầu của UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) và các quy định pháp luật hiện hành về công bố thông tin trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán.

Báo cáo này bao gồm những nội dung trọng yếu liên quan đến **kinh tế, quản trị, môi trường và xã hội (ESG)**, phản ánh những tác động của SSI đối với các bên liên quan. Việc xác định nội dung trọng yếu trong báo cáo dựa trên kết quả đánh giá các vấn đề quan trọng với SSI và các bên liên quan, phù hợp với phương pháp tiếp cận theo tiêu chuẩn GRI.

Ngoài ra, SSI cũng tham khảo các **Khung báo cáo của Hiệp hội Thị trường Tài chính Quốc tế (ICMA) về Tài chính Bền vững**, cùng với các **hướng dẫn từ Liên hợp quốc về Đầu tư có trách nhiệm (PRI)** nhằm đảm bảo rằng các hoạt động của công ty tuân thủ theo các thông lệ quốc tế tốt nhất về PTBV trong lĩnh vực tài chính.



Gắn kết với mục tiêu toàn cầu

Là khuôn khổ toàn cầu hướng đến tương lai bền vững và toàn diện, Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc với 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) đặt ra các thách thức cấp bách như xóa đói nghèo, nâng cao giáo dục, bảo vệ môi trường, thúc đẩy bình đẳng giới. Để hiện thực hóa những mục tiêu này vào năm 2030, sự chung tay của cộng đồng doanh nghiệp toàn cầu là yếu tố then chốt. Nhận thức rõ vai trò của mình, SSI đã tích hợp SDGs vào quy trình quản trị thông qua việc áp dụng GRI Standards – công cụ giúp liên kết các vấn đề trọng yếu của doanh nghiệp với mục tiêu phát triển toàn cầu.

Bằng cách kết nối chặt chẽ giữa SDGs và GRI, SSI không chỉ tuân thủ các thông lệ quốc tế mà còn định hướng chiến lược phát triển dựa trên nhu cầu thực tiễn của xã hội và môi trường. Công ty chủ động chia sẻ tiến độ với các bên liên quan, từ cổ đông, NĐT đến cộng đồng, qua đó củng cố lòng tin và khẳng định cam kết minh bạch. Điều này không chỉ giúp Ban Lãnh đạo hoạch định kế hoạch hành động cụ thể mà còn tạo cơ sở vững chắc để SSI tiếp tục đóng góp thiết thực vào hành trình chung vì một tương lai bền vững, gia tăng giá trị cho các bên liên quan và nâng tầm thương hiệu.

Các hoạt động hướng tới sự PTBV đều được SSI chủ động và tích cực chia sẻ cùng các bên liên quan, nhằm nhận diện các vấn đề được quan tâm; sau đó được đánh giá xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược PTBV của Công ty, bối cảnh PTBV của quốc gia và trên toàn cầu, từ đó xác định các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như trình bày trong báo cáo. Thông qua đó, Công ty muốn thể hiện nỗ lực công khai, minh bạch trong công bố, đánh giá các đóng góp về mặt kinh tế, môi trường, xã hội. Điều này giúp Ban Lãnh đạo xác định rõ kế hoạch hoạt động vì mục tiêu PTBV; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu thông tin của cổ đông, NĐT; góp phần củng cố lòng tin, gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan; khẳng định uy tín và thương hiệu SSI.



Tiêu chuẩn áp dụng & Nguyên tắc báo cáo

Báo cáo được lập tuân theo các tiêu chuẩn tại Bộ tiêu chuẩn GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI) theo 4 nội dung chính:

- GRI 100 – Thông tin chung
- GRI 200 – Các tiêu chuẩn kinh tế
- GRI 300 – Các tiêu chuẩn môi trường
- GRI 400 – Các tiêu chuẩn xã hội

Báo cáo được xác định theo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc xác định nội dung báo cáo	Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo
<ul style="list-style-type: none"> • Gắn kết các Bên liên quan • Bối cảnh PTBV • Mức độ trọng yếu • Tính toàn diện 	<ul style="list-style-type: none"> • Chính xác • Cân bằng • Rõ ràng • So sánh • Tin cậy • Cập nhật



**GLOBAL
REPORTING
INITIATIVE**



Phạm vi báo cáo

Báo cáo Phát triển Bền vững (PTBV) năm 2025 được lập theo niên độ kế toán, kết thúc vào ngày 31/12/2025. Các số liệu trong báo cáo được thu thập từ hoạt động thực tế của CTCP Chứng khoán SSI (SSI) tại Hội sở chính, các Chi nhánh và Phòng Giao dịch trên toàn quốc, trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

Các số liệu tài chính được dẫn chiếu từ **Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025**, cùng với các dữ liệu lịch sử của các năm trước đó, nhằm đảm bảo tính toàn diện và minh bạch trong việc trình bày các kết quả hoạt động.

Phạm vi nội dung báo cáo tập trung vào các khía cạnh trọng yếu liên quan đến kinh tế, môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG), phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế như Bộ tiêu chuẩn GRI Sustainability Reporting Standards (Tùy chọn cốt lõi). Ngoài ra, báo cáo cũng tham khảo các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs) và các thông lệ tốt nhất trong ngành tài chính, nhằm tăng cường hiệu quả quản trị và cam kết bền vững của công ty.

Báo cáo năm nay tiếp tục được thực hiện bởi **Nhóm phụ trách Báo cáo Phát triển Bền vững SSI**, với sự tham gia của các thành viên đến từ các bộ phận chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, bao gồm:

- Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư
- Bộ phận Truyền thông - Đối ngoại
- Bộ phận Tài chính - Kế toán
- Bộ phận Nhân sự
- Bộ phận Luật & Kiểm soát tuân thủ
- Bộ phận Thư ký Công ty

Ngoài ra, báo cáo năm nay mở rộng thêm phạm vi thu thập thông tin về các chương trình và hoạt động hướng đến cộng đồng, các sáng kiến quản lý tài nguyên, và cải tiến quy trình vận hành nhằm giảm thiểu tác động môi trường.

Mọi ý kiến đóng góp hoặc yêu cầu liên quan đến Báo cáo xin vui lòng liên hệ qua:

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư

Email: investorrelation@ssi.com.vn

Điện thoại: (+84-24) 3936 6321

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Định hướng phát triển bền vững của SSI

Trải qua một năm 2025 với nhiều biến động trong cả bối cảnh kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh, SSI vẫn kiên định bước đi với tầm nhìn **"Chúng ta cùng thành công"**, xác định rõ thành công của Công ty chính là thành công của khách hàng, cộng sự, đối tác, cổ đông và cộng đồng. Đồng thời, thành công mà SSI hướng tới không chỉ tập trung vào những mục tiêu đơn thuần, ngắn hạn; mà còn là sự phát triển lâu bền của các bên liên quan đặt trong mối quan hệ với nền kinh tế, môi trường và xã hội. Các nỗ lực hướng tới phát triển bền vững đặc biệt quan trọng với SSI trong bối cảnh còn tiềm ẩn nhiều rủi ro đến từ nền tảng vĩ mô, diễn biến khó lường của TTCK, sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt từ các đối thủ trong và ngoài nước.

Hơn bao giờ hết, để có thể theo đuổi Sứ mệnh và Tầm nhìn của mình, SSI cần tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững vào chiến lược phát triển trong dài hạn, tiếp tục giữ vững vị trí là định chế tài chính hàng đầu Việt Nam và vươn ra thị trường quốc tế. Vì vậy, định hướng chiến lược của SSI chính là đảm bảo sự PTBV của Công ty song hành cùng với sự PTBV của Thị trường vốn Việt Nam và đóng góp một cách hiệu quả nhất, thiết thực nhất cho các bên liên quan và toàn xã hội, song song với đó không bỏ qua vai trò của từng CBNV trong Công ty trong các hoạt động bảo vệ môi trường và đảm bảo an sinh xã hội.

Năm 2025, SSI tiếp tục triển khai định hướng chiến lược nói trên, cân đối giữa các mục tiêu kinh tế – xã hội – môi trường và ghi nhận những thành tích tốt. Trong bối cảnh thị trường biến động, SSI tiếp tục duy trì tăng trưởng ấn tượng với Tổng doanh thu thuần đạt 13.112 tỷ VNĐ, tăng 50,5% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 5.083 tỷ VNĐ, tăng 43,4%, vượt kế hoạch ĐHDĐCD giao, trong khi Lợi nhuận sau thuế cũng tăng trưởng tương ứng, đạt 4.107 tỷ VNĐ, cho thấy sự hiệu quả trong chiến lược kinh doanh của Công ty. Các mảng kinh doanh chính đem lại kết quả tích cực bao gồm DVCK, Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính và Quản lý quỹ. Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư vẫn gặp nhiều thử thách do bối cảnh thị trường và nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế chưa cao.

Công ty tiếp tục nằm trong nhóm **Doanh nghiệp đóng góp cao nhất cho ngân sách Nhà nước** và tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông. Cùng với đó là những đóng góp gián tiếp tới sự phát triển của kinh tế – xã hội như: hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, huy động vốn, góp phần vào sự hình thành một kênh dẫn vốn và phân phối vốn dài hạn cho nền kinh tế; tích cực tham gia xây dựng TTCK và tiên phong trong việc phát triển sản phẩm mới, nâng cấp những sản phẩm hiện có nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng. Việc làm và đãi ngộ hợp lý cho người lao động được đảm bảo giúp nhân viên và gia đình duy trì điều kiện sống ổn định; các hoạt động đào tạo – tuyển dụng cũng được chú trọng, duy trì giúp nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc cho nhân viên, không để tụt hậu so với thị trường lao động. Bên cạnh đó, hoạt động quản trị công ty hiệu quả theo chuẩn mực tốt nhất trong khu vực, lấy sự minh bạch là phương châm trong hoạt động giúp SSI quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ tốt, đảm bảo quyền lợi và công bằng cho cổ đông.

Với cam kết **"Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng"**, năm 2025, SSI chú trọng thực hiện các hoạt động an sinh xã hội và đầu tư các chương trình phát triển giáo dục cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Tuy hoạt động trong lĩnh vực tài chính và không trực tiếp có tác động tiêu cực tới môi trường, SSI tự nhận thức được mình cần phải có những đóng góp cho môi trường vì tương lai của các thế hệ sau, thông qua tuân thủ nghiêm túc các quy định về môi trường; dành nhiều hoạt động nội bộ nhằm nâng cao nhận thức trong việc sử dụng hợp lý năng lượng, tài nguyên thiên nhiên; và áp dụng các biện pháp giám sát trong tiêu thụ năng lượng, xả thải trong quá trình vận hành góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường chung.

Phát triển bền vững tại SSI



- Duy trì kết quả hoạt động kinh doanh tăng trưởng tốt và bền vững, không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh
- Tạo ra giá trị tốt cho người lao động
- Giữ mức chỉ trả cổ tức ổn định, tạo ra giá trị cho cổ đông
- Quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tốt trên thế giới

Phát triển Thị trường Tài chính



- Kết nối vốn và cơ hội đầu tư, là kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế
- Chủ động và tích cực tham gia xây dựng thị trường chứng khoán
- Cung cấp dịch vụ tư vấn nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp
- Đi đầu trong việc phát triển sản phẩm mới tạo thêm nhiều lựa chọn đầu tư cho khách hàng, quản lý tài sản khách hàng an toàn – minh bạch

Tác động tích cực tới xã hội



- Chiến lược đầu tư có trách nhiệm, đồng hành cùng các công ty đầu tư
- Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, có cơ cấu hợp lý, đầu tư cho đào tạo – phát triển, phát hiện và nuôi dưỡng nhân tài
- Tổ chức các hoạt động chia sẻ cộng đồng

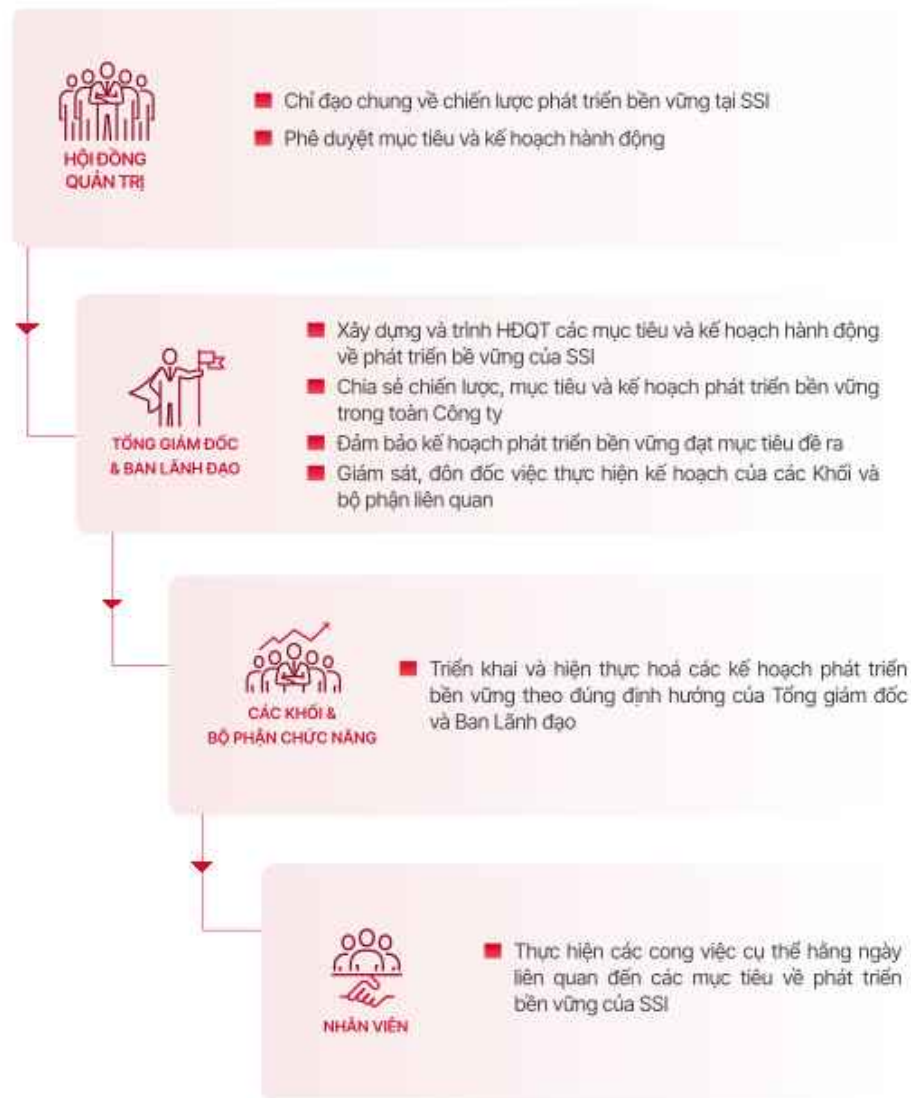
Bảo vệ môi trường



- Thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức của nhân viên về bảo vệ môi trường
- Kiểm soát và giảm thiểu tác động tới môi trường từ các hoạt động hàng ngày của Công ty

Mô hình quản trị về phát triển bền vững

HDQT chịu trách nhiệm cao nhất về chiến lược phát triển bền vững của SSI. Tổng giám đốc và Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu và kế hoạch, đồng thời chia sẻ và đảm bảo các vấn đề phát triển bền vững được hiểu và thống nhất thực hiện trong toàn Công ty, từ các Khối và Bộ phận nghiệp vụ cho tới từng nhân viên.



Các tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu và mối liên kết với chiến lược

SSI công bố 3 lĩnh vực chính của kinh doanh có ảnh hưởng đáng kể gồm: Ngân hàng đầu tư, Quản lý quỹ và Đầu tư

Tổng quan về việc cung cấp giải pháp PTBV của SSI

Ngân hàng Đầu tư	Quản lý quỹ	Đầu tư
<ul style="list-style-type: none"> Tư vấn các cấu trúc tài chính có tác động tích cực Tư vấn phát hành trái phiếu xanh, xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư tư nhân vào các doanh nghiệp tạo ảnh hưởng tích cực tới môi trường, xã hội Quỹ tương hỗ và ETF Phát triển bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> Trái phiếu xanh và trái phiếu xã hội Đầu tư chủ động hướng đến phát triển bền vững

	Tác động	Rủi ro	Cơ hội
Dịch vụ Ngân hàng đầu tư	<p>Hoạt động tư vấn M&A, tư vấn huy động vốn cần có đánh giá đầy đủ các rủi ro ESG tiềm tàng có thể phát sinh trong và sau giao dịch</p>	<ul style="list-style-type: none"> Các dự án tài chính không thân thiện với môi trường (năng lượng hóa thạch, công nghiệp nặng) có thể gặp khó khăn trong việc huy động vốn. Doanh nghiệp không tuân thủ tiêu chuẩn lao động hoặc có vấn đề về đạo đức có thể bị tẩy chay, làm giảm khả năng tiếp cận vốn. Rủi ro liên quan đến quyền lợi cổ đông và trách nhiệm xã hội có thể ảnh hưởng đến danh tiếng của ngân hàng đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> Gia tăng nhu cầu phát hành trái phiếu xanh, tín dụng bền vững. Hỗ trợ M&A trong lĩnh vực ESG, đặc biệt là năng lượng tái tạo, công nghệ sạch. Cơ hội tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp để đáp ứng tiêu chuẩn ESG, giúp thu hút đầu tư quốc tế.
Quản lý quỹ	<ul style="list-style-type: none"> Xu hướng đầu tư vào các quỹ đầu tư ESG, đặc biệt là các quỹ mở và ETF ESG. Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức ngày càng ưu tiên các danh mục đầu tư bền vững. 	<ul style="list-style-type: none"> Danh mục quỹ có chứa các công ty vi phạm ESG có thể bị rút vốn mạnh Nguy cơ liên quan đến danh mục quỹ đầu tư vào các công ty vi phạm đạo đức, nhân quyền. Thiếu các tiêu chuẩn đánh giá ESG đồng bộ gây khó khăn trong việc xác định danh mục đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhu cầu tăng mạnh với các quỹ ESG, đặc biệt là quỹ tác động (Impact Investing). Tăng khả năng thu hút dòng vốn từ các tổ chức tài chính toàn cầu. Phát triển sản phẩm mới như quỹ xanh, quỹ phát triển bền vững.
Đầu tư	<p>ESG ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược đầu tư của SSI</p>	<ul style="list-style-type: none"> Danh mục đầu tư vào ngành dầu khí, khai khoáng, công nghiệp nặng có thể gặp áp lực giảm giá trị. Ảnh hưởng tiêu cực đến thương hiệu của tổ chức khi đầu tư vào các doanh nghiệp có hành vi phi đạo đức. Doanh nghiệp trong danh mục đầu tư nếu bị phát hiện vi phạm quy định ESG có thể ảnh hưởng đến giá trị đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, công nghệ sạch, và kinh tế tuần hoàn. Phát triển danh mục đầu tư ESG giúp giảm thiểu rủi ro dài hạn và tăng tính hấp dẫn với nhà đầu tư tổ chức. Tận dụng các chính sách sách hỗ trợ của chính phủ đối với doanh nghiệp xanh.

Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững

Với tầm nhìn **"Chúng ta cùng thành công"**, SSI đã tiếp tục xây dựng và phát triển mối quan hệ bền vững với các bên liên quan trong các hoạt động kinh doanh, trong các quá trình ra quyết định, cũng như hoạch định chiến lược dài hạn của Công ty. Sự tham gia của các bên liên quan là một tiến trình quan trọng giúp Công ty xác định được các vấn đề PTBV đang được quan tâm và kỳ vọng, từ đó xác định các yếu tố trọng yếu để có thể hoạch định và thực thi các hoạt động cần thiết để đáp ứng các kỳ vọng đó.

SSI áp dụng quy trình tham vấn bên liên quan như sau:



Các bên liên quan của SSI



Cơ chế giao tiếp và ứng xử với các Bên liên quan

Trong những năm qua, SSI duy trì nhiều phương pháp giao tiếp, trao đổi riêng biệt và phù hợp với từng bên liên quan, tạo điều kiện để họ có thể chia sẻ một cách đầy đủ, chân thực nhất các vấn đề đang quan tâm.

Các bên liên quan	Kênh truyền thông/ gặp gỡ	Tần suất đối thoại
Nhân viên	Truyền thông nội bộ	Liên tục
	Sự kiện định kỳ của Công ty	Hàng quý/ Hàng năm
	Các cuộc họp nội bộ	Liên tục
	Kênh liên lạc khác (website, diễn đàn nội bộ, mạng xã hội)	Liên tục
Khách hàng	Chi nhánh/ Phòng giao dịch	Hàng ngày
	Trung tâm Contact Center	Hàng ngày
	Website/ Mạng xã hội	Liên tục
	Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng	Liên tục
	Khảo sát mức độ hài lòng	Định kỳ
Cổ đông/ Nhà đầu tư	Đại hội cổ đông thường niên	Một lần/ năm
	Hội nghị/ Hội thảo gặp gỡ NĐT	Nhiều lần/ năm
	Các cuộc họp với Đại diện Ban Lãnh Đạo Công ty	Nhiều lần/ năm
	Sàn giao dịch và các xuất bản báo chí	Liên tục
	Các kênh liên lạc khác (website, mạng xã hội, email, điện thoại)	Liên tục
Chính phủ/ Cơ quan quản lý/ Chính quyền Địa phương	Các buổi họp	Nhiều lần/ năm
	Báo cáo Thường niên/ Báo cáo Phát triển Bền vững	Một lần/ năm
	Báo cáo hàng tháng/ hàng quý theo quy định	Nhiều lần/ năm
	Các kênh liên lạc khác (website, email, điện thoại)	Liên tục
Nhà cung cấp/ Công ty Đầu tư	Các cuộc họp định kỳ	Liên tục
	Các kênh liên lạc khác (email, điện thoại)	Liên tục
Cơ quan truyền thông	Hợp báo	Tuỳ sự kiện
	Trả lời phỏng vấn	Liên tục
	Các kênh liên lạc khác (website, điện thoại, email)	Liên tục
Cộng đồng	Website	Liên tục
	Các ấn phẩm của Công ty	Liên tục
	Thông tin trên phương tiện truyền thông	Liên tục

Qua những lần tiếp xúc, lắng nghe ý kiến và trao đổi với các bên liên quan, SSI đã xác định được các vấn đề được quan tâm cùng giải pháp và hành động thích hợp nhằm xây dựng và phát triển các mối quan hệ bền vững, dựa trên sự tin tưởng, minh bạch trong trao đổi thông tin và nguyên tắc đôi bên cùng có lợi.

Các bên liên quan	Các vấn đề được quan tâm	Hành động của SSI
Nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Sự ổn định trong công việc, cơ hội phát triển, môi trường làm việc Mức lương thưởng, các chế độ phúc lợi, chế độ bảo vệ sức khỏe cho người lao động Chính sách đào tạo & phát triển Công tác tuyển dụng 	<ul style="list-style-type: none"> SSI xây dựng một môi trường làm việc năng động, hiện đại, và công bằng cho tất cả mọi nhân viên. Một hệ thống đãi ngộ – phúc lợi toàn diện, hấp dẫn được duy trì và thường xuyên đổi mới, rà soát và điều chỉnh theo mức chi trả của thị trường. Hệ thống đánh giá được thiết lập chi tiết, hiệu quả, đánh giá một cách xứng đáng những đóng góp của người lao động đối với sự phát triển của Công ty. Bên cạnh quy trình tuyển dụng được nghiêm túc tuân thủ, đảm bảo sự minh bạch, công bằng trong công tác tuyển dụng nhân sự phù hợp. SSI luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất để mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phục vụ công việc thông qua chương trình đào tạo được thiết kế riêng cho từng cấp bậc nhân viên. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn bộ cán bộ nhân viên Công ty. Định kỳ theo tuần, các văn phòng được phun khử khuẩn để giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm. Máy lọc không khí được trang bị như một biện pháp hỗ trợ bổ sung để giữ gìn sức khỏe cho CBNV.
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Chất lượng sản phẩm/dịch vụ, khả năng đáp ứng các nhu cầu riêng biệt Giới thiệu các sản phẩm mới ra thị trường, tạo ra nhiều lựa chọn đầu tư cho khách hàng Mức độ ổn định của hệ thống và an toàn thông tin cho khách hàng Đổi xử bình đẳng với tất cả đối tượng khách hàng Trình độ đội ngũ nhân lực phục vụ khách hàng, sự chuyên nghiệp khi cung cấp dịch vụ 	<ul style="list-style-type: none"> SSI nỗ lực đưa ra những sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao nhất, phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu riêng biệt của từng nhóm khách hàng; bên cạnh đó, SSI là đơn vị tiên phong tham gia vào quá trình phát triển và ra mắt những sản phẩm mới trên thị trường (như chứng quyền có bảo đảm, sản phẩm đầu tư trái phiếu), tạo thêm nhiều lựa chọn đầu tư, giúp khách hàng hạn chế rủi ro khi thị trường cổ phiếu có nhiều biến động. Chương trình Café Cùng Chúng là dòng chảy thông tin thường nhật – được duy trì kỷ luật phát sóng đều đặn trước giờ giao dịch, với mục đích chủ động cung cấp kiến thức tới NĐT cá nhân, phân tích dựa trên dữ liệu và hỗ trợ NĐT ra quyết định trên cơ sở thông tin có kiểm chứng. SSI đầu tư nhiều nguồn lực đảm bảo an ninh thông tin, đảm bảo an toàn cho hệ thống và thông tin khách hàng. Công ty cũng đảm bảo việc tương tác, tiếp nhận các ý kiến một cách thường xuyên thông qua các kênh: Contact Center, gửi email, khảo sát, gặp mặt trực tiếp.
Cổ đông/ Nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Hiệu quả hoạt động của Công ty Tính minh bạch trong mọi hoạt động Quyền lợi của cổ đông 	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì chính sách chi trả cổ tức bằng tiền đều đặn. Các báo cáo, CBT của Công ty được trình bày và công bố minh bạch, công khai và trung thực. Công ty cam đoan việc các cổ đông được dễ dàng tiếp cận, tương tác với các nguồn thông tin về hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của Công ty. Đảm bảo sự bình đẳng trong mọi hoạt động giữa cổ đông trong nước và nước ngoài, cổ đông cá nhân và tổ chức. Công ty đẩy mạnh và đa dạng các kênh kết nối với NĐT tiềm năng, mở rộng hình thức kết nối thông qua các công cụ trực tuyến, gặp gỡ để duy trì việc trao đổi, tương tác với cổ đông và các NĐT tiềm năng.

Các bên liên quan	Các vấn đề được quan tâm	Hành động của SSI
Chính phủ/ Cơ quan quản lý	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ chặt chẽ các Điều luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng Tính thuế và nộp thuế giá trị gia tăng đúng và đủ Quản trị doanh nghiệp, phòng tránh rủi ro Đóng góp ý kiến xây dựng phát triển thị trường 	<ul style="list-style-type: none"> SSI tuân thủ nghiêm chỉnh tất cả các Điều luật và Quy định của Nhà nước và Cơ quan chủ quản trong mọi hoạt động của Công ty. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế. Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ và đúng hạn theo quy định. Công ty tích cực tham gia cùng cơ quan quản lý thúc đẩy nâng hạng thị trường Việt Nam, xây dựng sản phẩm mới và mở rộng mối quan hệ hợp tác, thu hút vốn đầu tư nước ngoài giúp thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế.
Cơ quan truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> Thông tin về các hoạt động của Công ty, kết quả kinh doanh, số liệu tài chính Chia sẻ thông tin về thị trường, ý kiến đại diện lãnh đạo/chuyên gia về tình hình thị trường 	<ul style="list-style-type: none"> SSI chủ động cung cấp thông tin thường xuyên tới các Cơ quan báo chí, truyền thông. Hỗ trợ và giải đáp câu hỏi, thắc mắc của báo chí một cách kịp thời, nhanh chóng. Cử chuyên gia tham gia trả lời nhiều bài phỏng vấn chuyên sâu, nâng cao kiến thức cho NĐT về TTCK.
Nhà cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> Quy trình lựa chọn nhà cung cấp, quy trình thanh toán với nhà cung cấp Minh bạch thông tin, đảm bảo sự công bằng giữa các nhà cung cấp 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty có xây dựng các quy trình để chuẩn hóa quá trình lựa chọn, làm việc và ứng xử nhà cung cấp cùng quy trình thanh toán, được công bố rộng rãi tới đối tác cũng như đăng tải trên website Công ty. Thường xuyên đánh giá lại khả năng của đối tác trong việc phối hợp, cung cấp sản phẩm, dịch vụ và năng lực đáp ứng nhu cầu Công ty.
Công ty Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Sự tham gia của SSI trong hoạt động đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết 	<ul style="list-style-type: none"> Sau khi đầu tư, SSI tiếp tục làm việc sâu sát với Công ty Đầu tư và nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc khuyến khích và tư vấn cho họ cải thiện yếu tố ESG trong hoạt động. Đội ngũ đầu tư của SSI trực tiếp cử người tham gia vào HĐQT, BKS của doanh nghiệp để hỗ trợ họ cải thiện các hoạt động quản trị doanh nghiệp, và khuyến khích tính minh bạch trong quá trình ra quyết định. Ngoài ra, SSI cũng giới thiệu các thành viên HĐQT độc lập cho doanh nghiệp để tăng cường tính minh bạch và giảm xung đột lợi ích trong doanh nghiệp đó.
Cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> Chính sách đầu tư vào lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế, các lĩnh vực PTBV Các hoạt động từ thiện, nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng 	<ul style="list-style-type: none"> Triển khai đều đặn các chương trình từ thiện, tình nguyện, các hoạt động vì cộng đồng; đặc biệt chú trọng các hoạt động cho giáo dục. Tổ chức các buổi gặp gỡ, chia sẻ tại các trường Đại học (BUV, VinUni, v.v...) nhằm tư vấn, định hướng nghề nghiệp; nuôi dưỡng và phát triển tài năng kế cận của Đất nước.

Cam kết & Hướng tới tương lai

Mục tiêu	Hành động
<p>Môi trường</p> <p>SSI cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong việc tối ưu hóa nguồn lực, giảm lượng khí thải, tiết kiệm năng lượng và tái chế tài nguyên. Công ty chú trọng áp dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả vận hành, giảm tiêu thụ giấy và năng lượng.</p>	<p>SSI nhận thức rõ vai trò của mình trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thông qua các hoạt động đầu tư và vận hành kinh doanh. Công ty cam kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tối ưu hóa nguồn lực và giảm thiểu tác động môi trường bằng cách áp dụng công nghệ số, tự động hóa quy trình để giảm tiêu thụ giấy và điện năng trong hoạt động hàng ngày. Thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro môi trường trong đầu tư nhằm thúc đẩy các khoản đầu tư xanh, hạn chế đầu tư vào các doanh nghiệp có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về môi trường trong mọi hoạt động tài chính, đầu tư và vận hành, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.
<p>Quản trị</p> <p>Xây dựng một hệ thống quản trị minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, chuẩn mực quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, SSI tạo điều kiện cho các bên liên quan, bao gồm cổ đông, nhân viên và khách hàng, có thể tham gia đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng quản trị.</p>	<p>SSI luôn tuân thủ các chuẩn mực cao nhất về quản trị doanh nghiệp, đảm bảo sự minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm trong mọi hoạt động. Công ty cam kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện quản trị công ty theo các thông lệ tốt nhất của quốc tế, đảm bảo công bằng và minh bạch trong mọi quyết định. Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, khách hàng và các bên liên quan. Tăng cường kiểm soát rủi ro, áp dụng các hệ thống giám sát và cảnh báo sớm để quản lý rủi ro tài chính, rủi ro tuân thủ và rủi ro hoạt động. Tích cực tham gia đối thoại với cổ đông, nhà đầu tư để nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.
<p>Xã hội</p> <p>SSI không chỉ tập trung vào tăng trưởng kinh doanh mà còn chú trọng đóng góp cho cộng đồng thông qua các chương trình giáo dục tài chính, thực hiện trách nhiệm cộng đồng, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.</p>	<p>SSI luôn đặt yếu tố con người làm trung tâm của chiến lược phát triển bền vững, thông qua việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đóng góp tích cực cho cộng đồng. Công ty cam kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phát triển một môi trường làm việc minh bạch, công bằng và đa dạng, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, tạo điều kiện để nhân viên phát triển nghề nghiệp. Thực hiện các chương trình giáo dục tài chính nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức của nhà đầu tư, góp phần xây dựng thị trường tài chính lành mạnh. Tham gia và hỗ trợ các hoạt động xã hội, từ thiện, đồng hành cùng các tổ chức phi lợi nhuận để nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp, thúc đẩy sự phát triển bền vững của hệ sinh thái kinh doanh.

Với những cam kết mạnh mẽ về ESG, SSI không chỉ mong muốn tạo ra lợi ích kinh tế bền vững mà còn đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội và môi trường. Công ty sẽ tiếp tục đổi mới, nâng cao trách nhiệm và hợp tác chặt chẽ với các đối tác để xây dựng một hệ sinh thái tài chính bền vững, minh bạch và hiệu quả.



Báo cáo các Hoạt động Phát triển bền vững

Việc đánh giá các tác động từ hoạt động của SSI lên ba yếu tố: Kinh tế, Môi trường, Xã hội sẽ giúp Công ty có thể xác định vai trò, trách nhiệm và các hành động cần thực hiện trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Tác động đối với nền kinh tế

SSI luôn chú trọng duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh thông qua việc đảm bảo các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận, qua đó thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, đồng thời nâng cao thu nhập và phúc lợi cho người lao động, cũng như duy trì chính sách cố tức ổn định cho cổ đông. Năm 2025, SSI đã thực hiện trả cổ tức tiền mặt cho năm tài chính 2024 với tổng số tiền lên đến hơn 2.075 tỷ đồng.

Với vị thế là một trong những CTCK hàng đầu trên thị trường, SSI không ngừng nỗ lực đóng góp vào sự phát triển minh bạch và bền vững của thị trường tài chính. Công ty đóng vai trò kết nối dòng vốn với các cơ hội đầu tư, góp phần thúc đẩy TTCK trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả cho nền kinh tế. Bên cạnh đó, SSI cũng tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TTCK, góp phần nâng cao tính thực tiễn và chất lượng chính sách của cơ quan quản lý, đồng thời tiên phong trong việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm tài chính mới trên thị trường.

SSI tham gia tư vấn cho nhiều doanh nghiệp trong nước trong các lĩnh vực như xây dựng chiến lược phát triển, tái cấu trúc doanh nghiệp, thiết kế giải pháp tài chính và nâng cao chất lượng quản trị công ty theo các thông lệ tốt của thị trường.

Tác động đối với xã hội

Tạo ra trên 1.400 công việc cho thị trường lao động trên cả nước. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua đầu tư lớn cho các hoạt động đào tạo, phát triển đội ngũ, tìm kiếm và nuôi dưỡng tài năng.

Lấy khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động, quản lý an toàn tài khoản cho hàng trăm nghìn khách hàng trong và ngoài nước.

Kiên định với sứ mệnh "**Kết nối vốn và cơ hội đầu tư**", một trong những chiến lược trọng tâm của SSI chính là đưa chứng khoán đến gần hơn với người dân. Là cánh cửa đầu tiên chào đón NĐT bước chân vào thị trường, SSI dành nguồn lực đầu tư cho các hoạt động tư vấn, chủ động cung cấp kiến thức đầu tư một cách bài bản, chuyên sâu và có hệ thống tới các NĐT cá nhân. Công ty tập trung vào mục tiêu để NĐT có thể yên tâm để tiền trong tài khoản chứng khoán, tạo lợi nhuận bền vững, lâu dài mà không coi chứng khoán là kênh đầu cơ ngắn hạn – vốn là một thách thức lớn với các cơ quan quản lý và nhà tạo lập thị trường.

Tích cực trong các hoạt động vì cộng đồng với tôn chỉ "**Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng**".

Tác động đối với môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán, SSI không có hoạt động sản xuất trực tiếp nên tác động tới môi trường ở mức hạn chế. Tuy vậy, Công ty vẫn xác định trách nhiệm môi trường trước hết nằm ở việc vận hành hiệu quả, tiết kiệm và có trách nhiệm hơn với nguồn lực. SSI đẩy mạnh số hóa, tự động hóa, giảm phụ thuộc vào quy trình thủ công, thúc đẩy làm việc không giấy tờ, giảm thiểu in ấn, số hóa hồ sơ và phê duyệt điện tử, qua đó góp phần tiết giảm vật tư, năng lượng và tối ưu sử dụng tài nguyên. Song song, Công ty triển khai các thực hành văn phòng xanh như tiết kiệm điện, nước, hạn chế rác thải nhựa và tăng cường truyền thông nội bộ nhằm lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường trong toàn hệ thống. Các sáng kiến được duy trì thường xuyên thông qua những hướng dẫn thiết thực trong công việc hằng ngày như sử dụng cốc cá nhân, họp trực tuyến hiệu quả và tận dụng tối đa các nền tảng công nghệ. Bên cạnh đó, với số lượng khách hàng lớn, SSI cũng lồng ghép tính thân bảo vệ môi trường vào các sản phẩm quà tặng theo tiêu chí tiết giảm – tái sử dụng – tái chế, ưu tiên bao bì thân thiện, vật liệu có thể tái chế và hạn chế tối đa túi nilon. Dù không tạo ra tác động môi trường trực tiếp lớn như các doanh nghiệp sản xuất, SSI tin rằng những thay đổi đồng bộ và nhất quán trong vận hành, truyền thông và tương tác với khách hàng sẽ góp phần xây dựng mô hình hoạt động xanh hơn, hiện đại hơn và bền vững hơn.

Phần tiếp theo của Báo cáo Thường niên chỉ trình bày một số hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội – cộng đồng nổi bật của SSI trong năm 2025. Báo cáo chi tiết hơn về Phát triển Bền vững sẽ được Công ty công bố trong Báo cáo phát triển bền vững tại trang điện tử của SSI theo địa chỉ <https://www.ssi.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/bao-cao-thuong-nien>.



Đóng góp tích cực cho Ngân sách nhà nước

Kể từ khi thành lập, SSI luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng có xu hướng tăng dần qua các năm. Trong nhiều năm trở lại đây, Công ty thường xuyên thuộc nhóm các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, đồng thời là công ty dẫn đầu trong ngành Chứng khoán.



Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) (2010 - 2025)



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI

Chủ động, tích cực tham gia xây dựng thị trường tài chính

Phối hợp với UBCK tìm giải pháp nâng hạng TTCK Việt Nam

Là CTCK hàng đầu phát triển cùng với TTCK Việt Nam, SSI không chỉ tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước về hoạt động kinh doanh mà còn chủ động đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các văn bản pháp lý liên quan. Công ty tích cực tham gia vào việc hoàn thiện khung pháp lý, đảm bảo tính thực tiễn và nâng cao chất lượng các quy định do cơ quan quản lý ban hành. Đồng thời, SSI cũng đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển và triển khai các sản phẩm mới, góp phần thúc đẩy sự đổi mới và nâng cao tính cạnh tranh của TTCK Việt Nam.



Trong năm 2025, một số hoạt động nổi bật của SSI trong công tác phối hợp, làm việc với các cơ quan quản lý bao gồm:

- **Chủ động hợp tác với HOSE trong quá trình triển khai hệ thống KRX:** SSI không chỉ đảm bảo sẵn sàng về nền tảng công nghệ để kết nối với hệ thống giao dịch mới mà còn tích cực nghiên cứu, đề xuất các sản phẩm mới nhằm tận dụng tối đa tiềm năng của KRX khi đi vào vận hành
- **Làm việc với các tổ chức quốc tế để cải thiện cơ chế ký quỹ trước giao dịch cho NĐT tổ chức nước ngoài:** SSI đã phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Thế giới (WB), FTSE và các thành viên thị trường nhằm tìm ra giải pháp tối ưu. Nhờ đó, Thông tư 68 có hiệu lực từ 02/11/2024 đã cho phép NĐT tổ chức nước ngoài giao dịch mua cổ phiếu mà không cần ký quỹ trước, đồng thời cải thiện quy trình xử lý giao dịch thất bại (failed trade), góp phần thúc đẩy tiến trình nâng hạng thị trường Việt Nam trong hệ thống đánh giá của FTSE.
- **Phối hợp với UBCK và các thành viên thị trường để xây dựng mô hình nhà môi giới toàn cầu (global broker model),** giúp gỡ bỏ những rào cản cuối cùng trong tiến trình nâng hạng thị trường Việt Nam của FTSE và tạo điều kiện cho NĐT nước ngoài có thể tiếp cận TTCK Việt Nam để dàng hơn theo thông lệ quốc tế.
- **Tích cực tham gia các hội nghị xúc tiến đầu tư quốc tế:** SSI đã hỗ trợ đoàn Bộ Tài chính và UBCKNN tại các sự kiện ở Mỹ, Nhật Bản, Hồng Kông... Không chỉ trình bày về tiềm năng TTCK Việt Nam, SSI còn đóng vai trò kết nối, tổ chức các cuộc gặp gỡ giữa lãnh đạo Bộ, Ủy ban với các đối tác quốc tế nhằm học hỏi kinh nghiệm, từ đó góp phần xây dựng một thị trường vốn chuyên nghiệp, hiệu quả và bền vững.

Tham gia nghiên cứu phát triển công nghệ Blockchain và tài sản số ở Việt Nam

Trong năm 2025, Thủ tướng ban hành Nghị quyết số 05/NQ-CP về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam. Theo đó, Nghị quyết nhằm mục đích thiết lập khung pháp lý chặt chẽ để quản lý hoạt động phát hành và giao dịch, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của NĐT, giảm thiểu rủi ro, phòng chống rửa tiền, đồng thời tạo cơ hội thử nghiệm đổi mới sáng tạo tài chính an toàn theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox).

CTCP Công nghệ số SSI (SSI Digital) – công ty liên kết của SSI tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong trong nghiên cứu và phát triển các mô hình hạ tầng tài chính mới, trong đó trọng tâm là sàn giao dịch tài sản số. Trước xu hướng số hóa mạnh mẽ của thị trường tài chính toàn cầu, SSI Digital đã chủ động triển khai các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu, đánh giá mô hình vận hành, cơ chế QTRR cũng như khung pháp lý liên quan đến giao dịch tài sản số tại các thị trường phát triển.

Song song với công tác nghiên cứu và phát triển nội bộ, SSI Digital tích cực mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế, các sàn giao dịch và đối tác công nghệ hàng đầu nhằm tiếp cận kinh nghiệm vận hành thực tiễn, tiêu chuẩn kỹ thuật và thông lệ quản trị tiên tiến. Thông qua các hợp tác này, Công ty từng bước xây dựng nền tảng tri thức và năng lực triển khai, sẵn sàng cho việc tham gia vào hệ sinh thái tài sản số khi khung pháp lý tại Việt Nam được hoàn thiện.

Bên cạnh đó, SSI Digital cũng chủ động tham gia đóng góp ý kiến trong các diễn đàn chuyên môn và quá trình xây dựng chính sách, hướng tới việc thúc đẩy sự hình thành một thị trường tài sản số minh bạch, an toàn và hiệu quả. Những nỗ lực này không chỉ thể hiện tầm nhìn dài hạn của SSI trong việc đón đầu các xu hướng tài chính mới, mà còn góp phần định vị Công ty là một trong những tổ chức dẫn dắt trong quá trình chuyển đổi số của thị trường vốn Việt Nam.

Ươm mầm và đào tạo năng lực cho thế hệ trẻ trong lĩnh vực tài chính

Mở ra cơ hội phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính cho các bạn sinh viên/mới tốt nghiệp

Phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao là một trong những trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của SSI. Với vai trò là một định chế tài chính hàng đầu, Công ty không chỉ tạo ra giá trị cho thị trường mà còn chủ động mở ra các cơ hội nghề nghiệp, góp phần định hướng và nuôi dưỡng thế hệ nhân sự tương lai cho ngành tài chính – chứng khoán.

Trong năm qua, SSI tiếp tục triển khai các chương trình thực tập và đào tạo chuyên sâu dành cho sinh viên và các bạn mới tốt nghiệp, tiêu biểu như chương trình “SSI Internship – Gateway to Success”. Đây không chỉ là cơ hội để các bạn trẻ tiếp cận môi trường làm việc chuyên nghiệp, mà còn là hành trình học hỏi toàn diện thông qua việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tế tại Công ty. Dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia giàu kinh nghiệm, các thực tập sinh được trang bị kiến thức chuyên môn, kỹ năng phân tích, tư duy thị trường cũng như văn hóa làm việc chuẩn mực trong lĩnh vực tài chính.

Bên cạnh đó, SSI chú trọng xây dựng lộ trình phát triển rõ ràng cho các tài năng trẻ, tạo điều kiện để họ có thể phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với tổ chức. Nhiều thực tập sinh sau chương trình đã trở thành nhân sự chính thức, đóng góp tích cực vào các mảng hoạt động cốt lõi của Công ty.

Thông qua các sáng kiến này, SSI không chỉ góp phần thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo học thuật và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động, mà còn thúc đẩy một hệ sinh thái nhân lực bền vững cho ngành tài chính. Đây cũng chính là cam kết lâu dài của SSI trong việc đồng hành cùng thế hệ trẻ trên hành trình phát triển nghề nghiệp và tạo dựng giá trị cho xã hội.



Đồng hành xây dựng kiến thức đầu tư cho giới trẻ

Trong chiến lược phát triển bền vững, SSI xác định giáo dục tài chính và nâng cao hiểu biết đầu tư cho thế hệ trẻ là một trong những trọng tâm của hoạt động trách nhiệm xã hội. Công ty tin rằng, một thị trường vốn phát triển lành mạnh không chỉ dựa trên nền tảng thể chế và sản phẩm, mà còn phụ thuộc vào chất lượng của cộng đồng NĐT – đặc biệt là lực lượng nhà đầu tư trẻ trong tương lai.

Trong năm qua, SSI đã tích cực triển khai nhiều chương trình hợp tác với các trường đại học và tổ chức giáo dục nhằm lan tỏa kiến thức tài chính – đầu tư một cách bài bản, thực tiễn và dễ tiếp cận. Thông qua các buổi hội thảo, tọa đàm chuyên đề và chương trình giảng dạy thực tế, các chuyên gia từ SSI đã trực tiếp chia sẻ về TTCK, quản lý tài sản, cũng như các xu hướng đầu tư hiện đại với sinh viên. Hình ảnh minh họa là một trong những hoạt động tiêu biểu, khi đại diện lãnh đạo Công ty tham gia chương trình MBA tại VinUniversity, mang đến góc nhìn thực tiễn về quản lý quỹ và thị trường vốn cho các học viên.

Không chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức, SSI còn hướng tới việc truyền cảm hứng, giúp thế hệ trẻ hình thành tư duy tài chính dài hạn, hiểu rõ vai trò của đầu tư trong việc xây dựng tương lai tài chính cá nhân và đóng góp cho nền kinh tế. Các chương trình này cũng góp phần thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn, tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận với môi trường tài chính chuyên nghiệp ngay từ sớm.

Thông qua những nỗ lực này, SSI không chỉ góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành tài chính – chứng khoán, mà còn đồng hành cùng sự phát triển bền vững của thị trường vốn Việt Nam trong dài hạn.



Tích hợp các yếu tố môi trường và xã hội vào các hoạt động kinh doanh

Là doanh nghiệp dịch vụ tài chính – đầu tư, SSI có tác động trực tiếp không đáng kể đến môi trường và xã hội. Tuy nhiên, với vai trò định chế tài chính hàng đầu Việt Nam, SSI hiểu rằng hoạt động tư vấn huy động vốn và đầu tư ảnh hưởng lớn đến nhận thức doanh nghiệp về trách nhiệm bền vững. Do đó, SSI chủ động tích hợp các yếu tố môi trường và xã hội vào hoạt động kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững trong hệ sinh thái doanh nghiệp.

Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB)

Là một trong những thành viên tích cực của TTCK Việt Nam, SSI cam kết không chỉ hỗ trợ doanh nghiệp huy động vốn hiệu quả mà còn thúc đẩy sự phát triển của các giải pháp tài chính bền vững. Trong bối cảnh các định chế tài chính toàn cầu ngày càng ưu tiên các dự án đáp ứng tiêu chí về Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG), SSI đóng vai trò quan trọng trong việc tư vấn và đồng hành cùng doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình chuyển đổi và tiếp cận các nguồn vốn xanh.

SSI đã tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc chuẩn bị hồ sơ phát hành, nâng cao năng lực quản trị ESG, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế nhằm tiếp cận các nhà đầu tư tổ chức và dòng vốn có trách nhiệm. Việc này không chỉ giúp doanh nghiệp tối ưu hóa cơ hội huy động vốn mà còn gia tăng tính minh bạch, cải thiện xếp hạng tín nhiệm ESG và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững dài hạn. Một trong những thành tựu tiêu biểu trong năm 2025 là việc **SSI tư vấn thành công đợt phát hành trái phiếu xanh của HDBank với quy mô 400 triệu USD**. Đây là một cột mốc quan trọng, không chỉ giúp HDBank huy động vốn hiệu quả cho các dự án xanh mà còn tạo động lực thúc đẩy các doanh nghiệp tài chính khác tại Việt Nam tiếp cận nguồn vốn bền vững. Thành công của đợt phát hành này góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư quốc tế vào tiềm năng tài chính xanh tại Việt Nam, đồng thời lan tỏa các giá trị ESG trong cộng đồng doanh nghiệp.

Với tầm nhìn dài hạn, SSI tiếp tục định hướng phát triển các sản phẩm tài chính bền vững, mở rộng hợp tác với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước nhằm xây dựng một hệ sinh thái đầu tư ESG mạnh mẽ. Cam kết của SSI không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn mà còn góp phần định hình một thị trường tài chính minh bạch, bền vững và trách nhiệm hơn, phù hợp với xu thế phát triển toàn cầu.

Đầu tư

SSI sở hữu danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết gồm các doanh nghiệp vốn hóa lớn, dẫn đầu trong các ngành có tiềm năng tăng trưởng mạnh. Những doanh nghiệp này không chỉ có lịch sử hoạt động lâu dài mà còn tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp lý và đảm bảo minh bạch trong quản trị. Đối với danh mục cổ phiếu chưa niêm yết, SSI thực hiện quy trình thẩm định nghiêm ngặt, đặc biệt chú trọng đến các yếu tố môi trường và xã hội trước khi đầu tư.

Bên cạnh hoạt động đầu tư tài chính, SSI còn là cổ đông lớn của Tập đoàn PAN (HOSE: PAN) – một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm có ảnh hưởng đáng kể đến môi trường và xã hội. Với tỷ lệ sở hữu trên 10% vốn và bốn đại diện trong Hội đồng Quản trị, SSI đã đồng hành cùng PAN trong việc triển khai chiến lược phát triển bền vững, thúc đẩy các mô hình kinh doanh có trách nhiệm với cộng đồng.

Công ty TNHH quản lý quỹ SSI (SSIAM)

Trong năm 2025, SSIAM tiếp tục triển khai phương pháp tích hợp các yếu tố ESG trong toàn bộ quy trình đầu tư. Các yếu tố phi tài chính được xem xét một cách hệ thống ở tất cả các cấp độ thẩm định và ra quyết định, với sự tham gia trực tiếp của đội ngũ giám đốc đầu tư và chuyên gia phân tích đối với từng doanh nghiệp trong danh mục.

Công ty áp dụng quy trình sàng lọc ESG nhằm nhận diện và lựa chọn các doanh nghiệp có nền tảng quản trị phù hợp, tuân thủ quy định pháp luật về môi trường và xã hội tại địa phương, đồng thời hướng tới đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Danh mục đầu tư được định hướng tập trung vào các ngành nghề đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của người tiêu dùng và nền kinh tế. SSIAM không thực hiện đầu tư vào các doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động sản xuất hoặc kinh doanh vũ khí và vũ khí hạt nhân. Sau khi đầu tư, Công ty duy trì vai trò đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc nâng cao tiêu chuẩn quản trị và thúc đẩy các thực hành phát triển bền vững. Công tác theo dõi và đánh giá các chỉ tiêu ESG của doanh nghiệp trong danh mục được thực hiện định kỳ hằng năm, làm cơ sở cho việc đối thoại và cải thiện liên tục.

Bước sang năm 2026, SSIAM sẽ tiếp tục duy trì và hoàn thiện phương pháp tích hợp ESG trong hoạt động đầu tư, phù hợp với định hướng phát triển bền vững và các thông lệ quốc tế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Bên cạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi, SSI còn có công ty liên kết là CTCP Tập đoàn PAN (HOSE: PAN). PAN hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến và đóng gói thực phẩm. Hoạt động kinh doanh của PAN có nhiều ảnh hưởng tới môi trường và xã hội. Là cổ đông lớn nắm giữ trên 10% vốn đồng thời có 4 đại diện SSI tham gia HĐQT của PAN, SSI đã đồng hành và thúc đẩy PAN triển khai các hoạt động kinh doanh hướng tới phát triển bền vững, đem lại giá trị tích cực cho cộng đồng. PAN luôn được các tổ chức quốc tế đánh giá cao là doanh nghiệp có thực hành phát triển bền vững một cách hiệu quả, thực tế. Một minh chứng rõ nét lại tại hội nghị COP28 được tổ chức tại Dubai, PAN Group và Ngân hàng Standard Chartered đã ký biên bản ghi nhớ hợp tác triển khai các giải pháp và dịch vụ tài chính theo tiêu chí ESG. Thỏa thuận này không chỉ là minh chứng cho khả năng tiếp cận các nguồn vốn xanh của PAN trên thị trường tài chính quốc tế mà còn chứng minh năng lực triển khai các dự án đáp ứng các tiêu chí ESG của các tổ chức tài chính.



Hoạt động vì cộng đồng

Năm 2025, SSI tiếp tục thực hiện cam kết trách nhiệm xã hội với tổng ngân sách hơn 17 tỷ đồng, tập trung vào các lĩnh vực thiết thực gồm hỗ trợ cộng đồng, phát triển hạ tầng dân sinh và đầu tư cho giáo dục. Các hoạt động được triển khai theo hướng gắn với nhu cầu thực tế của xã hội, ưu tiên những khu vực, nhóm đối tượng chịu tác động lớn bởi thiên tai, điều kiện sống còn nhiều khó khăn hoặc hạn chế về cơ hội tiếp cận dịch vụ cơ bản.

Trước những thiệt hại nặng nề do thiên tai gây ra tại Việt Nam trong năm 2025, với tổn thất kinh tế ước tính vượt 85.000 tỷ đồng và 409 người chết, mất tích tính đến cuối tháng 11/2025, SSI đã đóng góp hơn 9,69 tỷ đồng tới Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm kịp thời hỗ trợ người dân tại các vùng bị ảnh hưởng. Hoạt động này thể hiện tinh thần sẻ chia, trách nhiệm xã hội và sự đồng hành của SSI với cộng đồng trong những thời điểm khó khăn nhất.

Bên cạnh công tác cứu trợ, SSI tiếp tục đóng góp vào việc cải thiện điều kiện sống và hạ tầng cơ sở tại địa phương thông qua việc tài trợ 1 tỷ đồng để xây dựng, bê tông hóa các tuyến đường giao thông nông thôn tại xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh. Công trình góp phần cải thiện điều kiện đi lại, hỗ trợ sinh hoạt và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân trong khu vực.

SSI cũng đồng hành cùng Hội Hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn Việt Nam với khoản hỗ trợ 500 triệu đồng, góp phần giảm thiểu tác động kéo dài của chiến tranh, hỗ trợ khắc phục hậu quả bom mìn và từng bước ổn định sinh kế cho người dân tại các vùng chịu ảnh hưởng. Song song với đó, Công ty duy trì các hoạt động thăm hỏi, tặng quà và hỗ trợ các gia đình, cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong các dịp lễ, Tết, tiếp tục lan tỏa tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng.

Trong lĩnh vực y tế, SSI đồng hành cùng Tổ chức Phẫu thuật vì nụ cười (Operation Smile) để hỗ trợ phẫu thuật cho 25 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn bị dị tật vùng hàm mặt. Chương trình không chỉ mang lại cơ hội cải thiện sức khỏe mà còn giúp các em tự tin hơn trong hòa nhập xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Bên cạnh các hoạt động an sinh xã hội, SSI tiếp tục đầu tư cho giáo dục như một phần trong cam kết đồng hành cùng thế hệ tương lai. Trong năm, Công ty đã tài trợ thiết bị máy tính cho các trường học tại khu vực Tây Nguyên và Nghệ An, hỗ trợ học sinh, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số tại những địa bàn còn nhiều hạn chế về điều kiện học tập, có thêm cơ hội tiếp cận công nghệ và nâng cao chất lượng học tập.

SSI cũng tham gia tài trợ, đồng hành cùng Hiệp hội An ninh mạng Quốc gia Việt Nam trong việc tổ chức thành công Lễ mở kỷ Công ước Liên Hợp Quốc về chống tội phạm mạng. Hoạt động này thể hiện cam kết của SSI trong việc ủng hộ bảo vệ chủ quyền không gian mạng, thúc đẩy chuyển đổi số an toàn và góp phần xây dựng nền tảng phát triển bền vững cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Thông qua các hoạt động ESG, SSI không chỉ thực hiện trách nhiệm xã hội của một định chế tài chính mà còn góp phần tạo dựng những giá trị bền vững cho cộng đồng và thị trường. Các cam kết này được triển khai nhất quán, dài hạn và gắn liền với định hướng tăng trưởng có trách nhiệm của Công ty.



Báo cáo tài chính hợp nhất



Số/No.: 367/2025/CV-SSI.CTĐHQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

V/v: Công bố BCTC riêng, BCTC hợp nhất và Báo cáo tỷ lệ ATTC năm 2025 đã kiểm toán

Ho Chi Minh City, March 27th, 2026

Re: Disclosure of the 2025 Audited Separate, Consolidated Financial Statements and Financial Safety Ratio Report

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK**

**DISCLOSURE OF INFORMATION
ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND STOCK EXCHANGE PORTALS**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**
Organization name: **SSI SECURITIES CORPORATION**
Mã chứng khoán: SSI
Ticker: SSI
Địa chỉ trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
Address: 72 Nguyen Hue, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City.
Điện thoại/Telephone: 028-38242897
Fax: 028-38242997
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Kim Long
Spokesman: Nguyen Kim Long
Chức vụ: Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ
Position: Director, Legal and Compliance

Loại thông tin công bố 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Information disclosure type 24 hours irregular on demand periodic

Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosed information:

**1. Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán (bản tiếng Việt và bản tiếng Anh)
The 2025 Audited Separate Financial Statements (Vietnamese and English versions)**

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán tại trang số 25 của Báo cáo.

The Explanation of the difference in profit after tax compared to the same period is presented in Notes to the 2025 Audited Separate Financial Statements on page 25 of the Financial Statements.

**2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán (bản tiếng Việt và bản tiếng Anh)
The 2025 Audited Consolidated Financial Statements (Vietnamese and English versions)**

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán tại trang số 25 của Báo cáo.

The Explanation of the difference in profit after tax compared to the same period is presented in Notes to the 2025 Audited Consolidated Financial Statements on page 25 of the Financial Statements

**3. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2025 đã kiểm toán (bản tiếng Việt và bản tiếng Anh)
The 2025 Audited Financial Safety Ratio Report (Vietnamese and English versions)**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/3/2026 tại đường dẫn www.ssi.com.vn

This information was posted on SSI website on March 27th, 2026 at this link www.ssi.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền công bố thông tin
Party authorized to disclose information



Nguyễn Kim Long
Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ
Director, Legal and Compliance



Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	6 - 11
Bào cáo kết quả hoạt động hợp nhất	12 - 14
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	15 - 18
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	19 - 20
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	21 - 98

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo pháp luật Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301955155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 20.779.062.620.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 95/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng vốn điều lệ của Công ty là 24.930.892.200.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch kỳ quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp, một (01) công ty con sở hữu gián tiếp và một (01) công ty liên kết sở hữu trực tiếp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 22 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	Được bầu lại ngày 18 tháng 4 năm 2025
Ông Kosuke Mizuno	Thành viên HĐQT	Được bầu ngày 18 tháng 4 năm 2025
Ông Hironoki Oka	Thành viên HĐQT	Được bầu lại ngày 27 tháng 6 năm 2020 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Ông Phạm Việt Muôn	Thành viên độc lập HĐQT	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên độc lập HĐQT	Được bầu ngày 07 tháng 5 năm 2022

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Phạm Việt Muôn	Trưởng Ủy ban	Được bầu lại ngày 16 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	Được bầu ngày 18 tháng 7 năm 2022

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Thông	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025
Ông Nguyễn Hồng Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Đức Thông – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 10/2020/UQ-SSI của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 01 tháng 8 năm 2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trong yếu tố với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ông Nguyễn Đức Thông
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bkexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhrmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/vn_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11542143/E-69180676-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") và các công ty con, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 61 đến trang 98, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1



Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

11 | N N E N

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		89.322.786.682.359	70.932.391.912.367
110	I. Tài sản tài chính		89.191.517.711.984	70.813.502.224.578
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	3.646.492.763.118	239.000.238.200
111.1	1.1. Tiền		1.174.260.187.483	208.969.991.625
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		2.472.232.575.635	30.030.246.575
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	38.257.656.392.970	42.438.121.481.401
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	5.230.991.865.654	3.893.901.724.895
114	4. Các khoản cho vay	7.4	38.940.059.337.071	21.998.601.885.375
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	599.371.822.447	562.332.851.822
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(11.932.085)	(55.101.823.874)
117	7. Các khoản phải thu		573.615.596.319	800.614.271.922
117.1	7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	9	192.130.223.980	507.766.978.808
117.2	7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	9	381.485.372.339	292.847.293.114
117.4	7.2.1. Dự thu cổ tức, lãi chưa đến ngày nhận		381.485.372.339	292.847.293.114
118	8. Trả trước cho người bán	9	1.576.813.407.177	927.764.853.829
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	33.294.883.844	30.201.748.046
122	10. Các khoản phải thu khác	9	523.726.032.105	210.104.950.765
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(190.492.456.636)	(232.039.957.803)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	10	131.268.970.375	118.889.687.789
131	1. Tam ứng		5.543.301.647	20.927.597.892
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		197.928.265	595.758.695
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		96.847.871.948	54.860.667.972
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		882.806.510	772.112.130
136	5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		2.644.605	55.944.865
137	6. Tài sản ngắn hạn khác		27.794.417.400	41.677.808.235

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tài ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTCK/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.727.192.713.824	2.574.910.647.355
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		3.687.397.938.257	1.625.606.669.387
212	1. Các khoản đầu tư	11	3.687.397.938.257	1.625.606.669.387
212.1	1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.971.910.059.220	938.116.263.256
212.3	1.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		715.487.879.037	687.490.406.131
220	II. Tài sản cố định		187.107.047.495	231.350.675.694
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	80.121.034.514	118.506.719.899
222	1.1. Nguyên giá		404.635.849.442	408.360.121.790
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(324.514.814.928)	(269.853.401.891)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	106.986.012.981	112.843.955.795
228	2.1. Nguyên giá		333.973.134.494	313.999.554.731
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(226.987.121.513)	(201.155.598.936)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	289.578.551.930	200.196.436.698
231	1. Nguyên giá		388.660.246.007	287.459.600.028
232a	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(99.081.694.077)	(87.263.163.330)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	472.100.859.898	387.623.333.376
250	V. Tài sản dài hạn khác		91.008.316.244	130.133.532.200
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	16	29.242.004.446	31.205.273.582
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	17	13.604.625.399	21.614.788.489
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18	13.161.686.399	24.001.105.861
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	19	20.000.000.000	20.000.000.000
255	5. Tài sản dài hạn khác		15.000.000.000	33.312.364.248
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		94.049.979.396.183	73.507.302.559.722

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tài ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTCK/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		61.983.660.935.421	46.680.651.947.954
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		61.901.661.181.462	46.599.438.522.989
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	21	60.160.501.884.584	45.501.969.699.137
312	1.1. Vay ngắn hạn		60.160.501.884.584	45.501.969.699.137
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	22	327.632.120.836	227.883.634.106
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	23	95.162.384.774	103.075.387.679
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	24	10.030.000.000	26.490.726.300
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25	631.235.840.876	201.293.124.495
323	6. Phải trả người lao động		150.228.989.301	93.761.808.205
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		880.843.197	884.019.653
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	26	103.805.644.304	67.847.177.428
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		947.336.572	1.299.798.330
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		374.025.860	362.313.180
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	27	20.465.929.373	18.037.472.054
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	28	400.396.201.785	356.533.362.422
340	II. Nợ phải trả dài hạn		81.999.753.959	81.213.424.965
351	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	29	53.562.883.675	54.562.883.675
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18	28.436.870.284	26.650.541.290
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	30	32.066.318.460.762	26.826.650.611.768
410	I. Vốn chủ sở hữu		32.066.318.460.762	26.826.650.611.768
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		24.066.975.194.604	20.713.065.094.108
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.779.062.620.000	19.638.639.180.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		20.779.062.620.000	19.638.639.180.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		3.309.027.581.013	1.093.540.920.517
411.5	1.3. Cổ phiếu quỹ		(19.115.006.409)	(19.115.006.409)
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	41	41.559.224.831	31.690.477.740
413	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		85.080.701.032	72.177.590.546
414	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		3.000.000.000	3.000.000.000
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối	30.1	7.737.518.495.585	5.856.098.315.938
417.1	5.1. Lợi nhuận đã thực hiện		7.813.060.963.734	6.025.186.849.191
417.2	5.2. Lỗ chưa thực hiện		(75.542.468.149)	(169.088.533.253)
418	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		130.184.844.710	150.619.133.436
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		94.049.979.396.183	73.507.302.559.722

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tài ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		44.743.311.901	44.493.312.525
005	Ngoại tệ các loại USD EUR GBP	31.1	3.323.297,05 102,15 -	336.561,71 101,80 107,64
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	30.4	2.075.914.794	1.981.872.450
007	Cổ phiếu quỹ (số lượng)	30.4	1.991.468	1.991.468
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK (VND)	31.2	9.854.133.265.000	7.187.812.570.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK (VND)	31.3	10.490.820.000	525.880.220.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	31.4	28.259.000.000	23.542.100.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK (VND)	31.5	7.532.157.997.300	9.646.573.797.300
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VND)		579.950.000	2.768.230.000
014	Chứng quyền (Số lượng)		49.374.000	1.033.885.200
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư (VND)	31.6	151.444.360.599.590	119.604.922.696.400
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		132.974.358.609.590	102.694.055.926.400
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		4.838.383.310.000	4.982.805.830.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		13.129.775.950.000	11.310.605.310.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		20.928.350.000	20.725.970.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		480.914.380.000	596.729.680.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tài ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	31.7	9.177.825.490.000	1.174.396.560.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		9.153.443.500.000	1.150.014.570.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		24.381.000.000	24.381.000.000
022.4	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		990.000	990.000
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	31.8	1.022.213.737.800	598.838.030.000
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư	31.9	8.542.640.000	10.760.540.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	31.10	1.218.071.670.000	455.522.080.000
026	Tiền gửi của khách hàng		8.393.795.223.327	4.941.400.793.936
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31.11	8.042.775.828.886	4.636.518.614.794
027.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	31.11	285.780.880.739	282.505.300.828
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	31.11	30.219.968.822	11.079.681.180
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	31.12	35.018.544.880	11.297.197.134
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31.13	8.328.558.709.625	4.919.023.915.622
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		8.140.510.728.872	4.712.758.821.651
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		188.045.980.753	206.265.093.971

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tài ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	31.14	15.770.243.000	122.465.000
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	31.15	19.248.301.880	11.174.732.134

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Bà Dương Thị Phương Uyên
Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Hải Anh
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Đức Thông
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTCK/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		6.160.760.603.213	4.021.594.803.243
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	32.1	3.137.405.004.938	1.418.748.422.649
01.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	32.2	454.411.821.045	377.307.374.295
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	32.4	2.264.268.828.109	2.066.257.561.622
01.4	1.4. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	32.3	304.674.949.121	159.281.244.677
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32.4	440.125.992.169	327.941.173.503
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	32.4	3.562.009.243.140	2.079.370.965.194
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	32.4	31.334.968.132	5.855.498.234
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		2.344.721.484.003	1.667.430.605.344
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		7.081.780.822	10.168.863.013
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		35.860.306.755	37.304.320.878
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		58.567.552.928	37.071.576.990
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		47.797.250.691	24.743.117.830
11	10. Thu nhập hoạt động khác	34	242.477.508.333	317.798.851.445
20	Cộng doanh thu hoạt động		12.930.736.690.184	8.529.279.575.474
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		3.081.274.818.853	1.458.485.074.277
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	32.1	2.403.092.258.057	803.200.303.869
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	32.2	381.330.749.849	454.068.036.687
21.3	1.3. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		13.763.038.637	9.579.780.732
21.4	1.4. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	32.3	283.088.772.310	191.616.952.989
23	2. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại		4.741.291.390	-
24	3. (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	33	(41.923.779.656)	34.736.394.527
26	4. Chi phí hoạt động tư doanh		104.729.261.443	143.032.816.397
27	5. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	35	1.587.459.023.422	1.310.646.611.682
28	6. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	35	8.929.244.726	9.538.948.546
29	7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	35	15.284.521.164	19.990.738.187
30	8. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	35	56.565.562.090	41.393.115.080
31	9. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	35	32.865.211.289	26.492.570.900
32	10. Chi phí hoạt động khác	35, 36	257.244.571.251	243.664.339.352
40	Cộng chi phí hoạt động		5.107.169.725.952	3.287.961.608.948

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTCK/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTCK/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
41	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		36.704.122.902	30.498.178.280
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định		43.592.466.245	36.281.799.525
43	3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh		9.639.719.544	-
44	4. Doanh thu khác về đầu tư		91.801.748.767	112.515.933.616
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	37	181.738.057.458	179.295.911.401
51	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		85.712.835.973	28.630.349.944
52	2. Chi phí lãi vay		2.561.801.123.900	1.505.764.783.295
53	3. Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh		5.442.110.399	-
55	4. Chi phí tài chính khác		14.726.358.615	40.529.004.768
60	Cộng chi phí tài chính	38	2.667.682.428.887	1.574.924.138.007
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ	39	260.584.243.528	301.749.636.986
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		5.077.038.349.275	3.543.940.102.934
71	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	Thu nhập khác		8.176.653.667	2.504.237.662
72	Chi phí khác		2.241.006.571	2.916.856.934
80	Cộng kết quả hoạt động khác	40	5.935.647.096	(412.619.272)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		5.082.973.996.371	3.543.527.483.662
91	Lợi nhuận đã thực hiện		4.989.543.458.351	3.639.803.446.398
92	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		93.430.538.020	(96.275.962.736)
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	41	976.093.262.472	698.418.450.990
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	41.1	986.383.912.237	694.521.335.141
100.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	41.2	9.729.350.235	3.897.115.849
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		4.106.880.733.899	2.845.109.032.672
201	1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu		4.106.090.416.749	2.704.221.369.052
202	2. Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ		-	130.801.751.312
203	3. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát		790.317.150	10.085.912.308

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
300	XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	1. Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS		9.868.747.092	35.483.510.846
400	Tổng thu nhập toàn diện		9.868.747.092	35.483.510.846
401	Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu		9.868.747.092	35.483.510.846
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		4.106.090.416.749	2.704.221.369.052
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	44	2.053	1.482
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	45	1.939	1.397

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Bà Dương Thị Phương Uyên
Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Hải Anh
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Đức Thông
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03b-CTCK/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		5.082.973.996.371	3.543.527.483.662
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(3.413.468.898.785)	(2.742.429.544.171)
03	Khấu hao TSCĐ		97.387.304.266	107.560.149.828
04	Các khoản dự phòng		(41.939.958.872)	34.901.144.786
05	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		1.236.709.987	(12.820.407.968)
06	Chi phí lãi vay		2.551.801.123.900	1.505.764.783.295
07	Lãi từ hoạt động đầu tư (đầu tư vào công ty con, liên kết và HTM dài hạn)		(207.435.381.921)	(231.008.980.449)
08	Dự thu tiền lãi		(5.824.703.216.867)	(4.150.286.468.848)
09	Các khoản điều chỉnh khác		184.720.522	3.460.215.185
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		670.747.183.922	647.757.542.812
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗ đánh giá lại phải trả chứng quyền (Hoàn nhập)/lỗ suy giảm giá trị các khoản cho vay		664.419.522.159	645.684.989.676
13	Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		(101.112.723)	3.770.736
14	Lỗ khác		4.741.291.390	-
17	Lỗ khác		1.687.483.096	2.068.782.400
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(820.561.053.366)	(553.685.398.972)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lãi đánh giá lại phải trả chứng quyền		(759.086.770.166)	(536.588.618.972)
20	Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý các tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		(28.156.283.200)	-
21	Lãi khác		(33.318.000.000)	(17.096.780.000)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.619.691.428.142	895.170.083.331
31	Giảm tài sản tài chính FVTPL		4.558.869.961.741	1.586.633.173.583
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư HTM		(1.037.358.101.005)	1.294.954.995.754
33	Tăng các khoản cho vay		(16.941.457.451.896)	(6.864.868.889.895)
34	Tăng tài sản tài chính AFS		(361.367.415.001)	(142.675.481.046)
35	Giảm/(tăng) phải thu bán các tài sản tài chính		315.636.754.828	(239.769.234.000)
37	Giảm/(tăng) phải thu dịch vụ CTCK cung cấp		2.977.734.898	(9.498.899.096)
39	Tăng các khoản phải thu khác		(1.214.017.821.912)	(808.677.619.377)
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		27.906.281.038	(39.865.720.431)
41	Giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(3.390.219.042)	(6.858.372.308)
42	(Giảm)/tăng chi phí trả trước		(33.985.653.654)	17.182.698.387
43	Thuế TNDN đã nộp		(579.093.552.570)	(849.075.293.090)
44	Lãi vay đã trả		(2.527.643.682.131)	(1.498.915.329.918)
45	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		7.837.073.851	(832.095.463.602)
46	Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		20.363.544	(157.862.410)
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		43.167.207.699	(3.994.965.564)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		56.468.891.207	(14.692.939.305)
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác và phải trả chứng quyền		84.365.759.511	(828.113.819.933)
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.748.187.818.652	4.178.301.935.572
	- Tiền lãi đã thu		5.740.955.391.572	4.178.283.810.572
	- Tiền thu khác		5.232.425.080	18.125.000
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(90.423.943.324)	(97.301.901.401)
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(10.425.608.787.324)	(4.264.318.706.749)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03b-CTCK/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(148.182.381.457)	(436.566.898.855)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		938.425.999	83.961.688.363
63	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(2.798.293.285.000)	(820.000.000.000)
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		732.549.854.237	1.800.000.000.000
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		71.476.841.520	174.138.190.772
70	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(2.139.510.544.701)	801.532.980.280
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		3.356.137.180.496	2.363.708.005.000
73	Tiền vay gốc		370.308.902.628.976	257.590.541.631.577
73.2	- Tiền vay khác		370.308.902.628.976	257.590.541.631.577
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(355.617.052.463.529)	(255.240.406.231.117)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(355.617.052.463.529)	(255.240.406.231.117)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.075.375.509.000)	(1.505.962.969.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		15.972.611.836.943	3.207.880.436.460
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		3.407.492.524.918	(254.905.290.009)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	239.000.238.200	493.905.528.209
101.1	Tiền		206.795.644.109	476.356.340.376
101.2	Các khoản tương đương tiền		30.030.246.575	15.307.059.179
102	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.174.347.516	2.242.128.654
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	3.646.492.763.118	239.000.238.200
103.1	Tiền		1.174.041.421.382	206.795.644.109
103.2	Các khoản tương đương tiền		2.472.232.575.635	30.030.246.575
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		218.766.101	2.174.347.516

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03b-CTCK/HN

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		685.515.427.555.721	449.336.215.396.707
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(716.397.502.535.492)	(444.343.728.388.120)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		1.663.002.069.643.750	581.410.978.507.937
07.1	4. Tiền gửi kỳ quỹ của Nhà đầu tư tại VSD (tăng/(giảm))		3.275.579.911	(240.805.847.823)
08	5. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(1.618.511.292.176.880)	(581.684.572.492.842)
11	6. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(51.045.531.329)	(33.160.796.182)
14	7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.156.746.902.000	2.538.228.142.100
15	8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(11.265.285.008.300)	(7.316.490.759.555)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		3.452.394.429.391	(333.336.235.778)
	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		4.941.400.793.936	5.274.737.029.714
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		4.941.400.793.936	5.274.737.029.714
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.919.023.915.622	5.166.309.968.071
	Trong đó: Tiền gửi kỳ quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		282.505.300.828	523.311.148.651
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		11.079.681.180	9.364.816.809
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		11.297.197.134	99.062.244.834

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03b-CTCK/HN

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)		8.393.795.223.327	4.941.400.793.936
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		8.393.795.223.327	4.941.400.793.936
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		8.328.556.709.625	4.919.023.915.622
	Trong đó: Tiền gửi kỳ quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	31.13	285.780.880.739	282.505.300.828
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	31.11	30.219.968.822	11.079.681.180
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	31.12	35.018.544.880	11.297.197.134

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2026

Bà Dương Thị Phương Uyên
Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Hải Anh
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Đức Thông
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-CTCKHN

CHỈ TIÊU	Thuật ngữ	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		18.281.264.696.238	35.713.263.294.138	5.381.207.142.200	(3.380.232.687.127)	3.258.226.307.200	(819.286.704)	26.713.885.094.108	24.266.375.194.004
1.1. Cổ phần (ch) thông	30.1	15.311.201.270.000	19.638.638.190.000	4.227.537.810.000	-	1.140.433.640.000	-	19.638.638.190.000	20.779.262.830.000
1.2. Chứng khoán nắm giữ dài hạn		3.228.238.432.844	1.283.942.200.017	(19.989.200.000)	(2.969.238.667.107)	2.216.101.247.200	(815.268.704)	1.022.240.200.017	3.228.238.432.844
1.3. Cổ phiếu quỹ		178.115.395.400	(178.115.395.400)	-	-	-	-	(178.115.395.400)	(178.115.395.400)
2. Quỹ dự trữ tài trợ		61.202.419.207	5.669.666.666	-	35.252.416.207	-	-	5.009.086.666	5.990.000.000
3. Chứng tích dự trữ		(3.703.623.196)	31.866.477.740	35.403.310.940	-	6.966.741.091	-	31.866.477.740	41.592.224.821
4. Chứng tích dự trữ khác		35.243.126.726	72.177.288.046	18.254.434.781	-	12.902.110.486	-	72.177.288.046	85.080.701.332
5. Lợi nhuận chưa phân phối		4.846.261.071.253	5.858.086.315.658	5.681.031.626.389	(2.346.714.200.712)	4.825.301.252.471	(2.041.240.112.204)	5.869.066.316.698	7.737.814.485.599
5.1. Lợi nhuận chưa phân	30.1	4.744.972.942.264	6.022.156.849.124	2.433.933.438.234	(1.475.885.301.732)	4.018.070.779.499	(2.235.186.864.800)	6.035.189.649.191	7.813.062.863.734
5.2. Lợi nhuận khác	30.1	98.711.421.223	(168.088.533.253)	988.937.788.155	(887.258.268.980)	806.226.472.972	(171.743.647.996)	(168.088.533.253)	(75.542.488.144)
6. Lợi tức dự phòng tài trợ		140.333.221.125	130.818.133.438	10.985.912.217	-	(35.434.281.726)	-	100.019.133.438	120.184.844.710
TỔNG CỘNG		23.345.882.156.813	38.828.869.811.788	8.882.882.826.282	(5.365.294.107.247)	6.202.857.517.248	(2.962.969.686.254)	36.836.686.811.708	32.266.318.480.782

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-CTCKHN

CHỈ TIÊU	Thuật ngữ	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
1. Lợi tức từ đánh giá lại của tài sản tài trợ theo IFRS	42	(3.793.823.196)	31.866.477.740	35.493.810.940	-	6.869.741.091	-	31.866.477.740	41.209.224.821
TỔNG CỘNG		(3.793.823.196)	31.866.477.740	35.493.810.940	-	6.869.741.091	-	31.866.477.740	41.209.224.821

Bà Dương Thị Phương Uyên
Người lập báo

Bà Nguyễn Thị Hà Anh
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Đức Thông
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B05-CTCK/HN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo pháp luật Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301955155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 4 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 20.779.062.620.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 95/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng vốn điều lệ của Công ty là 24.930.892.200.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại số 72 đường Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 1.436 người (31 tháng 12 năm 2024 là: 1.533 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty**Quy mô vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 20.779.062.620.000 VND, vốn chủ sở hữu bao gồm cả lợi ích cổ đông không kiểm soát là 31.054.002.992.159 VND, và tổng tài sản là 92.975.231.411.813 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết có quy mô lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty hoạt động với mục tiêu là trở thành đối tác của khách hàng cùng thành công, tập trung mọi nguồn lực và sáng kiến của Công ty để đem thành công đến cho khách hàng, đội ngũ nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)**Hạn chế đầu tư**

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC (“Thông tư 121”) ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán, được bổ sung bởi Khoản 3, Điều 3, Thông tư 66/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 trên và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của khách hàng.
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác.
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết.
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở.
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
 - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định tại điểm c, d và e khoản 4 trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tới ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Nghành hoạt động	Vốn đầu tư	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 19/UBCK-QP ngày 03 tháng 8 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 122/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 12 năm 2022	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	75 tỷ VND	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF)	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 139/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 12/GCN-UBCK ngày 15 tháng 4 năm 2022	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	530,5 tỷ VND	76,15%

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một (01) công ty con sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Nghành hoạt động	Vốn đầu tư	% sở hữu
Công ty Quốc tế SSI	Thành lập tại Hoa Kỳ theo Đăng ký Kinh doanh số 000813296 - 4724807 ngày 27 tháng 8 năm 2009	Kinh doanh bất động sản	18.409.870,31 USD	76,15%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tới ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một (01) công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Nghành hoạt động	Vốn đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301472704 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 19 tháng 10 năm 2022 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh tiếp theo lần đầu. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2009. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ chăm sóc, Dịch vụ sau thu hoạch, và Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Dịch vụ về sinh nhà cửa; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kinh tế, pháp luật); Dịch vụ nghiên cứu thị trường.	2.162.945.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 của Công ty là 4.106.880.733.899 VND, tăng 1.261.771.701.227 VND (tương ứng mức tăng 44%) so với năm 2024 do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Lợi nhuận gộp từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL và tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS năm 2025 tăng với tỷ lệ là 21% so với năm 2024 tương ứng giá trị là 537.094.433.902 VND nhờ tăng trưởng trong hoạt động đầu tư giấy tờ có giá và kinh doanh chứng khoán.
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng 71% so với năm 2024 tương ứng giá trị là 1.482.638.277.946 VND, doanh thu thuần nghiệp vụ môi giới tăng 41% so với cùng kỳ tương ứng với giá trị 677.290.878.659 VND, trong khi đó chi phí lãi vay tăng 70% tương ứng giá trị là 1.056.036.340.605 VND so với cùng kỳ.
- Quy mô giao dịch của thị trường tăng mạnh so với năm 2024 dẫn đến doanh thu môi giới tăng 41%, tương ứng với giá trị 677.290.878.659 VND, chi phí môi giới tăng 21% tương ứng với giá trị là 276.812.411.740 VND so với năm 2024.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất cho các giao dịch tương tự.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tài ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không đánh cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phân ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tài ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý/giá trị thị trường so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý/giá trị thị trường so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tải ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý/ giá trị thị trường (tăng hoặc giảm) so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tải ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (tiếp theo)

- ▶ Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- ▶ Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất; và
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC") tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

4.8 Ngày ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính (tiếp theo)

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phân ảnh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoãn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10 Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Các khoản đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc. Trường hợp khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại âm được kết chuyển ngay vào khoản mục "Doanh thu khác về đầu tư (phần lãi/lỗ) trong công ty liên kết" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lợi thế thương mại dương được phân ảnh vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết, Công ty áp dụng các nguyên tắc và giá định sau:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định dựa trên đánh giá về khả năng thu hồi, theo đó, Công ty ước tính giá trị hợp lý xấp xỉ giá trị ghi sổ trừ đi số dư các khoản dự phòng đã trích lập;
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá thị trường;
- ▶ Giá trị hợp lý của tài sản cố định được xác định bằng nguyên giá trừ hao mòn lũy kế;
- ▶ Giá trị hợp lý các khoản mục bị ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty liên kết được xác định bằng không (0);
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản mục tài sản và nợ khác không trọng yếu được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ.

Sau ngày ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Các thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết, bao gồm thay đổi phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản cố định và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh của công ty liên kết không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty mà được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tài ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.12 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" và "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo quy định hiện hành.

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng không có khả năng thu hồi thì Công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được (tối đa bằng giá trị khoản nợ đang theo dõi trên sổ kế toán) để trích lập dự phòng.

4.13 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tài ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.15 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 5 năm

4.16 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản. Thời gian khấu hao là 27,5 năm.

4.17 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng; và
- ▶ Chi phí gia hạn dịch vụ, bảo trì, bảo hành các phần mềm.

4.19 Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản liên nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.20 Các khoản vay

Các khoản vay của Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.21 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.22 Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bằng số chứng quyền còn được phép phát hành. Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh. Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" hoặc "Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 Chứng quyền mua có bảo đảm (tiếp theo)

Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL" (chỉ tiết "Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào "Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL" (chỉ tiết "Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành").

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

4.23 Lợi ích của nhân viên

4.23.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.23.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.23.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.25 Hợp đồng phái sinh tiền tệ

Công ty tham gia vào các giao dịch tiền tệ với các Ngân hàng cung cấp dịch vụ (giao dịch mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ,...) cho mục đích phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về tỷ giá và dòng tiền trong tương lai. Lãi/lỗ phát sinh từ giao dịch trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.26 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.27 Chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ

Báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền kế toán của công ty mẹ được chuyển đổi sang đồng tiền kế toán của công ty mẹ cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được xác định như sau:

- ▶ Đối với các khoản mục tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo cáo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- ▶ Đối với các khoản mục nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo cáo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- ▶ Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua - bán bình quân;
- ▶ Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 1%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ dao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lưu ý kê tại chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.28 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu năm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu từ bán/cho thuê bất động sản

- ▶ Doanh thu từ bán bất động sản được ghi nhận khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định chế độ kế toán hiện hành.
- ▶ Doanh thu từ hoạt động cho thuê bất động sản được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.29 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.30 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.31 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.31 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.32 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc các khoản khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL và khác của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.33 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.34 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho nhà đầu tư. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4.35 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.36 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	1.174.260.187.483	208.969.991.625
- Tiền mặt tại quỹ	434.973.960	1.056.282.771
- Tiền gửi ngân hàng	1.173.825.213.523	207.913.708.854
Các khoản tương đương tiền	2.472.232.575.635	30.030.246.575
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	2.472.232.575.635	30.030.246.575
Tổng cộng	3.646.492.763.118	239.000.238.200

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Công ty	3.271.696.710	450.355.424.548.982
- Cổ phiếu	1.576.980.870	55.155.646.838.266
- Trái phiếu	1.671.496.316	273.708.063.052.799
- Chứng khoán khác	23.219.524	121.493.714.657.917
b. Của nhà đầu tư	60.308.551.412	2.637.068.065.095.499
- Cổ phiếu	57.114.483.289	1.577.579.393.581.010
- Trái phiếu	801.625.019	90.702.503.376.629
- Chứng khoán khác	2.392.443.104	968.786.168.137.860
Tổng cộng	63.580.248.122	3.087.423.489.644.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đo vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.7*.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng đo suy giảm giá trị hoặc đo không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng đo suy giảm giá trị hoặc đo không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục *"Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp"* trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính FVTPL

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết, đang kỳ giao dịch UPCoM khác	527.490.899.335	508.918.583.077	1.615.732.321.623	1.623.995.879.664
HFG	24.088.013.907	23.527.706.400	49.303.194.407	46.793.051.150
MBR	19.828.752.020	19.495.491.800	53.253.124.050	56.448.857.500
VNE	14.788.004.663	14.714.668.550	824.439.412.840	810.910.982.400
ACB	13.290.294.104	12.832.248.000	47.931.053.545	49.128.373.400
MWG	6.071.330.352	5.997.951.200	17.918.794.623	17.468.907.200
Cổ phiếu và chứng khoán khác	449.418.454.229	482.350.177.227	620.888.121.918	641.526.108.014
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	1.134.348.868.577	1.128.730.922.858	968.809.795.798	994.494.591.450
HFG	221.468.621.753	218.394.341.600	119.676.905.660	118.415.783.850
ACB	183.898.359.023	187.454.064.000	17.430.503.112	17.964.950.000
PFT	136.448.001.811	134.152.783.800	342.455.410.919	363.612.577.500
MSN	129.075.805.597	124.592.930.000	7.410.349.800	7.265.300.000
MWG	82.608.574.004	88.523.671.800	187.397.571.637	187.805.500.000
Cổ phiếu khác	370.891.053.179	377.642.151.750	294.434.054.447	300.332.498.100
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	97.200.068.913	77.189.898.432	70.306.088.610	49.487.282.681
Trái phiếu niêm yết (1)	4.991.708.914.895	4.477.487.705.382	6.188.270.363.139	5.991.649.185.831
Trái phiếu chưa niêm yết (2)	8.807.543.941.436	8.807.543.941.436	9.041.780.234.727	9.041.780.234.727
Chứng chỉ tiền gửi (3)	23.207.895.874.113	23.207.895.874.113	24.736.712.227.048	24.736.712.227.048
Tổng cộng	38.348.983.463.230	38.257.856.392.970	42.819.611.822.865	42.438.121.481.401

(1) Trong số trái phiếu niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 43.172.250 trái phiếu, có giá trị mệnh giá là 4.317.225.000.000 VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(2) Trong số trái phiếu chưa niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 15.200 trái phiếu có giá trị mệnh giá là 3.950.000.000.000 VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

(3) Trong đó, giá trị mệnh giá chứng chỉ tiền gửi thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty là 22.413.000.000.000 VND và được sử dụng làm tài sản đảm bảo thanh toán cho Chứng quyền của Công ty phát hành và các hợp đồng dịch vụ là 869.050.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Tài sản tài chính AFS

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch UPCoM khác DVN	119.822.281.043	168.828.792.075	71.675.281.043	116.029.669.600
Cổ phiếu và chứng khoán khác	48.147.000.000	70.365.367.275	-	-
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết Công ty Cổ phần Công nghệ số SSI Công ty Cổ phần PAN Farm Công ty Cổ phần ConCung	379.600.375.621	382.542.895.621	342.764.891.142	338.023.599.756
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ khác	197.600.361.621	200.542.881.621	270.757.737.926	266.016.446.540
Trái phiếu chưa niêm yết	48.000.134.751	48.000.134.751	108.279.582.466	108.279.582.466
Tổng cộng	547.422.791.415	599.371.822.447	522.719.754.651	562.332.851.822

7.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	5.230.991.865.654	3.893.901.724.895

Trong số tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, có 5.010.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4 Các khoản cho vay

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (3)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (3)
Cho vay hoạt động kỳ quỹ (1)	38.816.232.016.646	38.816.220.084.561	21.815.317.990.320	21.815.204.945.512
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng (2)	323.827.320.425	323.827.320.425	183.283.895.055	183.283.895.055
Tổng cộng	38.940.059.337.071	38.940.047.404.986	21.998.601.885.375	21.998.488.840.567

- (1) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay kỳ quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch kỳ quỹ lần lượt là 35.651.071.670.000 VND và 28.181.410.340.000 VND, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch kỳ quỹ lần lượt là 115.527.080.854.690 VND và 64.158.037.566.075 VND.
- (2) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.
- (3) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.3 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Chính định danh giá		Giá trị định giá lại		Chính định danh giá		Giá trị định giá lại	
	Gia mua/Gia gốc	Chính định danh	Chính định danh	Giá trị định giá lại	Gia mua/Gia gốc	Chính định danh	Chính định danh	Giá trị định giá lại
FVTPL	36.366.065.463.226	33.261.259.212	(161.470.326.481)	36.257.466.362.976	42.870.611.622.965	56.836.639.359	(236.126.779.919)	42.436.121.461.401
Cổ phiếu và chứng khoán năm yết, đang kỳ giao dịch (IPO/CM khác)	627.450.899.329	33.893.955.569	(2.423.201.767)	559.918.933.077	1.613.732.231.633	26.225.999.949	(17.961.010.014)	1.523.969.679.564
Cổ phiếu niêm yết cho loại đồng phòng ngừa rủi ro về thông tin	1.134.246.866.577	17.357.296.627	(22.673.642.056)	1.126.730.522.930	968.809.796.708	26.395.627.890	(2.009.942.144)	994.496.951.450
Chứng chỉ Quỹ chưa niêm yết	97.300.066.913	636.263.623	(20.775.434.134)	77.169.696.420	70.306.990.610	-	(20.816.797.620)	49.487.262.997
Tập phiếu niêm yết	4.551.706.614.865	1.116.736.453	(115.227.947.836)	4.437.487.709.032	6.188.270.963.109	27.752.424	(196.649.529.732)	5.991.649.193.631
Tập phiếu chưa niêm yết	9.827.543.641.426	-	-	9.827.543.641.426	9.041.790.224.727	-	-	9.041.790.224.727
Chứng chỉ tiền gửi	23.207.805.874.113	-	-	23.207.805.874.113	24.736.712.227.948	-	-	24.736.712.227.948
APS	647.422.791.415	61.969.631.622	-	696.571.922.447	622.719.754.651	44.354.389.357	(4.741.291.366)	562.322.891.622
Cổ phiếu và chứng khoán năm yết, đang kỳ giao dịch (IPO/CM khác)	119.622.261.643	49.006.511.022	-	165.628.762.675	71.675.291.262	44.354.389.357	-	116.025.699.600
Chứng chỉ Quỹ chưa niêm yết	379.600.375.621	2.942.920.000	-	382.542.691.621	342.794.891.142	-	(4.741.291.366)	338.053.599.776
Tập phiếu chưa niêm yết	48.000.134.751	-	-	48.000.134.751	158.279.582.499	-	-	158.279.582.499
Tổng cộng	38.913.489.294.854	104.860.287.364	(161.410.326.481)	38.957.028.216.417	43.142.321.377.916	100.993.626.913	(242.670.071.293)	43.066.494.323.223

47

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tài ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THÊ CHẬP

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	11.932.085	113.044.808		
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	54.988.779.066		
Tổng cộng	11.932.085	55.101.823.874		

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	192.130.223.980	507.766.978.808		
<i>Trong đó các khoản phải thu về bán các tài sản tài chính khó có khả năng thu hồi</i>	<i>190.191.227.580</i>	<i>231.621.436.808</i>		
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính (*)	381.485.372.339	292.847.293.114		
- Ứng trước tiền mua chứng khoán	1.576.813.407.177	927.764.853.829		
- Ứng trước mua bất động sản của công ty con	1.503.000.000.000	795.000.000.000		
- Khác	-	88.378.500.000		
3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	73.813.407.177	44.386.353.829		
<i>Trong đó phải thu khó đòi các dịch vụ CTCK cung cấp</i>	<i>33.294.883.844</i>	<i>30.201.748.046</i>		
4. Các khoản phải thu khác	486.622.498	566.622.498		
5. Dự phòng phải thu khó đòi	523.726.032.105	210.104.950.765		
6. Dự phòng phải thu khó đòi	(190.492.456.636)	(232.039.957.803)		
Tổng cộng	2.516.957.462.809	1.736.645.866.759		

(*) Số dư cuối kỳ chủ yếu là trái tức và lãi dự thu chứng chỉ tiền gửi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

	Giá trị		Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Đơn vị tính: VND	
	phải thu vào đầu cuối năm	Số dự phòng đầu năm			phải thu vào đầu đầu năm	phải thu vào đầu đầu năm
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính khó đòi	190.191.227.580	231.621.436.808	-	(41.430.209.228)	190.191.227.580	231.621.436.808
- Công ty TNHH TMKD Phúc Bảo Minh	190.191.227.580	231.621.436.808	-	(41.430.209.228)	190.191.227.580	231.621.436.808
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi	486.622.498	418.520.995	132.708.061	(256.000.000)	301.229.056	566.622.498
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	-	10.000.000	-	(10.000.000)	-	10.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DVC)	-	240.000.000	-	(240.000.000)	-	240.000.000
- Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	50.000.000	-	25.000.000	-	25.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	120.000.000	-	36.000.000	-	36.000.000	-
- Phải thu hoạt động quản lý đánh mục quá hạn	316.622.498	168.520.995	71.708.061	-	240.229.056	316.622.498
Tổng cộng	190.677.850.078	232.039.957.803	132.708.061	(41.880.209.228)	190.492.456.836	232.188.059.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tam ứng	5.543.301.647	20.927.597.892
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	197.928.265	595.758.696
Chi phí trả trước ngắn hạn	96.847.871.948	54.860.667.972
- Chi phí trả trước mua công cụ, vật liệu văn phòng	273.250.869	94.560.412
- Chi phí trả trước dịch vụ	96.574.621.079	54.766.107.560
Cầm cố, thế chấp, kỳ cược, kỳ quỹ ngắn hạn	882.806.510	772.112.130
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Thuyết minh số 25)	2.644.605	55.944.865
Tài sản ngắn hạn khác	27.794.417.400	41.677.606.234
- Tiền gửi kỳ quỹ phải sinh của Công ty chứng khoán	26.819.446.500	40.692.735.334
- Khác	974.970.900	984.870.900
Tổng cộng	131.268.970.375	118.889.687.789



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Hình thức sở hữu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty	Giá trị VND	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty	Giá trị VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.971.910.099.220		938.118.263.296
- Trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn (1)		2.971.910.099.220		614.534.757.754
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm		-		323.581.509.502
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)		715.487.879.037		687.490.406.131
- Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN) (3)	Trực tiếp	12,73%	715.487.879.037	12,73%
- Quỹ Đầu tư Công Nghệ số và Y Tế Việt Nam (VDHF) (4)	Trực tiếp	0,00%	-	20,00%
Tổng cộng		3.687.397.938.257		1.625.608.669.387

- (1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, trong số các khoản đầu tư trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn có 22.950.800 trái phiếu với giá trị mệnh giá là 2.895.000.000 VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.
- (2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, trong số cổ phiếu đầu tư vào công ty liên kết, có 26.585.120 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 265.801.200.000 VND được sử dụng là tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.
- (3) Theo Quyết định của Hội đồng đầu tư số 53/2021/HĐĐT ngày 23 tháng 12 năm 2021, Công ty tiếp tục ghi nhận Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN là công ty liên kết căn cứ theo các tiêu chí "có ảnh hưởng đáng kể" được quy định tại Chuẩn mực số 07 "Kê toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết".
- (4) Tại ngày 02 tháng 10 năm 2025, SSI đã nhận được khoản tiền phân chia từ việc giải thể Quỹ Đầu tư Công nghệ số và Y tế Việt Nam ("VDHF"). Theo đó, SSI không còn nắm giữ phần vốn góp tại VDHF kể từ thời điểm này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty trong năm:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	687.490.406.131	649.680.042.038
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con thành công ty liên kết	100.000.000.000	-
Tăng lên do mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	1.293.285.000	-
Thanh lý đầu tư Công ty liên kết	(101.451.679.332)	-
Điều chỉnh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con của công ty liên kết	(21.353.949.236)	(15.437.694.390)
Lãi từ công ty liên kết ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm	61.876.762.426	66.539.454.983
- Phần chia sẽ lãi trong năm	61.876.762.426	66.539.454.983
Cổ tức thực nhận	(13.291.396.500)	(13.291.396.500)
Điều chỉnh khác	924.450.548	-
Số cuối năm	715.487.879.037	687.490.406.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND			Tổng cộng
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	
Nguyên giá				
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	366.015.281.325	38.329.798.127	4.015.042.338	408.360.121.790
Tăng trong năm	8.913.623.900	1.614.450.000	-	10.528.073.900
Mua trong năm	6.052.214.120	1.614.450.000	-	7.666.664.120
Tăng khác	2.861.409.780	-	-	2.861.409.780
Giảm trong năm	(10.841.819.772)	(3.264.375.636)	(146.150.840)	(14.252.346.248)
Thanh lý, nhượng bán	(10.841.819.772)	(3.264.375.636)	(146.150.840)	(14.252.346.248)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	364.087.085.453	36.079.872.491	3.868.891.498	404.035.849.442
Giá trị hao mòn lũy kế				
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	267.409.712.967	18.826.408.336	3.617.280.588	289.853.401.891
Tăng trong năm	43.966.727.591	3.607.829.701	375.957.425	48.040.514.677
Hao mòn trong năm	43.251.375.114	3.607.829.701	375.957.425	47.235.162.240
Tăng khác	715.352.477	-	-	715.352.437
Giảm trong năm	(10.649.897.387)	(2.583.053.413)	(146.150.840)	(13.379.101.640)
Thanh lý, nhượng bán	(10.649.897.387)	(2.583.053.413)	(146.150.840)	(13.379.101.640)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	300.726.543.131	19.941.184.624	3.847.087.173	324.514.814.928
Giá trị còn lại				
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	98.605.568.358	19.503.389.791	397.761.750	118.506.719.899
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	83.360.542.322	16.738.687.867	21.804.325	80.121.034.514
Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:				Đơn vị tính: VND
			Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng			174.871.728.518	159.146.044.345

53

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá		
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	313.999.554.731	
Tăng trong năm	35.454.962.708	
Mua mới	35.454.962.708	
Giảm trong năm	(15.481.382.945)	
Thanh lý, nhượng bán	(15.240.382.945)	
Giảm khác	(241.000.000)	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	333.973.134.494	
Giá trị hao mòn lũy kế		
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	201.155.598.936	
Tăng trong năm	41.146.372.196	
Hao mòn trong năm	41.146.372.196	
Giảm trong năm	(15.314.849.619)	
Thanh lý, nhượng bán	(15.222.466.278)	
Giảm khác	(92.383.341)	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	226.987.121.513	
Giá trị còn lại		
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	112.843.955.795	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	106.986.012.981	
Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	117.896.066.121	120.592.419.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Nhà và đất

Nguyên giá

Ngày 01 tháng 01 năm 2025	287.459.600.028
Tăng trong năm	101.200.645.979
- Mua mới	89.840.240.981
- Đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con	11.360.404.998
Giảm trong năm	-
- Thanh lý, nhượng bán BĐS đầu tư	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	388.660.246.007

Giá trị hao mòn lũy kế

Ngày 01 tháng 01 năm 2025	87.263.163.330
Tăng trong năm	11.818.530.747
- Hao mòn trong năm	8.903.719.829
- Đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con	2.914.810.918
Giảm trong năm	-
- Thanh lý, nhượng bán BĐS đầu tư	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	99.081.694.077

Giá trị còn lại

Ngày 01 tháng 01 năm 2025	200.196.436.698
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	289.578.551.930

Bất động sản đầu tư bao gồm các tòa nhà tại Mỹ mà Công ty Quốc tế SSI (SSIIC) đã mua với mục đích cho thuê. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của các tòa nhà được ghi nhận bằng đô la Mỹ và được quy đổi trong báo cáo tài chính của SSIIC sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại ngân hàng nơi Quý Đầu tư Thành viên SSI (SSI-IMF) mở tài khoản. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của SSIIC từ USD sang VND được ghi nhận vào mục chênh lệch tỷ giá thuộc vốn chủ sở hữu. Doanh thu từ hoạt động cho thuê tòa nhà trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7.744.670.842 VND.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

Số cuối năm Số đầu năm

Chi phí mua tòa nhà văn phòng 19 tầng tại Hà Nội	464.736.056.003	372.171.111.110
Chi phí phát triển phần mềm	7.364.803.895	9.468.825.357
Chi phí xây dựng cơ bản khác	-	5.983.396.909
Tổng cộng	472.100.859.898	387.623.333.376

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

16. CẢM CỐ, THẺ CHẤP, KỶ QUỸ, KỶ CƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

Số cuối năm Số đầu năm

Kỷ quỹ, đặt cọc của Công ty	29.242.004.446	31.205.273.582
-----------------------------	----------------	----------------

Cảm cố, thẻ chấp, kỷ quỹ, kỷ cước dài hạn chủ yếu là tiền đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

Số cuối năm Số đầu năm

Chi phí trả trước dịch vụ và công cụ dụng cụ dài hạn	13.604.625.399	21.614.788.489
--	----------------	----------------

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu gồm các chi phí trang trí nội thất, trang thiết bị văn phòng, chi phí thi công sửa chữa và trang trí ngoại thất, chi phí gia hạn dịch vụ bảo trì và bảo hành các phần mềm của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong thời gian tối đa ba mươi sáu (36) tháng.

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

Đơn vị tính: VND

Số cuối năm Số đầu năm

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết tạm thời không được khấu trừ thuế	-	9.055.817.812
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL và AFS tạm thời không được khấu trừ thuế	3.491.314.303	4.439.572.576
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay tạm thời không được khấu trừ thuế	1.765.587	7.897.516
Chi phí tạm thời chịu thuế phát sinh	-	400.000.000
Doanh thu chưa thực hiện do hợp nhất báo cáo tài chính	9.668.606.509	10.097.817.977
Tổng cộng	13.161.686.399	24.001.105.881

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	8.565.593.736	11.223.093.875
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính AFS	10.389.806.206	8.870.877.711
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành	9.979.544.144	7.437.571.090
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do thu nhập của công ty con tạm thời không chịu thuế	(498.073.802)	(881.001.386)
Tổng cộng	28.436.870.284	26.650.541.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

19. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, mỗi giới.

Chi tiết tiền nợ Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	6.087.814.535	6.087.814.535
Tiền nộp bổ sung	7.872.720.527	7.872.720.527
Tiền lãi phân bổ	6.039.464.938	6.039.464.938
Tổng cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

20. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẢM CỐ, THẾ CHẤP

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay và đảm bảo thanh toán cho chứng quyền của Công ty phát hành:

Tài sản	Đơn vị tính: VND		Mục đích đảm bảo
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Ngắn hạn	36.559.275.000.000	37.241.587.622.128	
Tài sản tài chính FVTPL - tính theo mệnh giá (Thuyết minh số 7.1)	30.680.225.000.000	33.062.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm (Thuyết minh số 7.3)	5.010.000.000.000	3.320.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm (Thuyết minh số 7.3)	-	9.587.622.128	Hợp đồng cấp bảo lãnh
Chứng chỉ tiền gửi FVTPL (Thuyết minh số 7.1)	869.050.000.000	850.000.000.000	Chứng quyền và các hợp đồng dịch vụ
Dài hạn	3.160.801.200.000	1.185.801.200.000	
Trái phiếu có kỳ hạn còn lại trên 1 năm - tính theo mệnh giá (Thuyết minh số 11)	2.895.000.000.000	600.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm (Thuyết minh số 11)	-	320.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Đầu tư vào công ty liên kết - tính theo mệnh giá (Thuyết minh số 11)	265.801.200.000	265.801.200.000	Các khoản vay ngắn hạn
Tổng cộng	39.720.076.200.000	38.427.388.822.128	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết biến động số dư vay và nợ thuế tài sản tài chính ngân hàng của Công ty trong năm như sau:

	Lãi suất vay tự nhiên	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay ngắn hạn thấu chi	Dưới 6,4	2.490.984.686.137	143.099.282.628.978	136.424.815.483.529	9.165.451.864.584
Vay ngắn hạn	Dưới 8,5	43.010.985.000.000	227.209.620.000.000	219.225.555.000.000	50.995.050.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		10.521.000.000.000	23.552.600.000.000	25.515.500.000.000	6.538.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		6.934.500.000.000	21.343.000.000.000	19.571.500.000.000	10.706.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		9.582.000.000.000	38.736.500.000.000	40.926.000.000.000	7.392.500.000.000
- Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác (*)		13.973.485.000.000	143.467.520.000.000	133.102.555.000.000	24.338.450.000.000
- Vay khác		-	110.000.000.000	110.000.000.000	-
Tổng cộng		45.501.969.686.137	370.308.902.628.978	355.650.370.483.529	60.160.501.864.584

(*) Trong đó một số khoản vay tín chấp có gốc ngoại tệ có giá trị tại thời điểm cuối năm là 225 triệu USD, toàn bộ các khoản vay này đã được phòng ngừa rủi ro bằng các hợp đồng kỳ hạn mua ngoại tệ tại các ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

22. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	47.778.256.836	26.172.361.106
Phải trả chứng quyền (đang lưu hành) (*)	279.853.864.000	201.711.273.000
Tổng cộng	327.632.120.836	227.883.634.106

(*) Công ty được phát hành sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm theo các giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Chi tiết số lượng chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

	Đơn vị tính: Chứng quyền			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền đang lưu hành
FPT/12M/SSI/C/EU/Cash-20	17.000.000	16.484.000	-	-
HPG/12M/SSI/C/EU/Cash-20	9.000.000	8.148.300	-	-
HPG/15M/SSI/C/EU/Cash-20	7.000.000	5.665.900	-	-
MSN/12M/SSI/C/EU/Cash-20	10.000.000	9.623.900	-	-
VHM/12M/SSI/C/EU/Cash-20	2.500.000	2.188.100	-	-
Các chứng quyền khác	122.037.400	76.053.200	1.281.000.000	247.114.800
Tổng cộng	167.537.400	118.163.400	1.281.000.000	247.114.800

23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần bất động sản Dầu Khí Việt Nam - SSG	37.213.000.000	74.426.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Thăng Tiến	14.719.112.376	-
Phải trả tiền mua chứng khoán	22.298.066.000	1.423.129.000
Phải trả người bán khác	20.932.206.398	27.226.258.679
Tổng cộng	95.162.384.774	103.075.387.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

24. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận trước tiền cọc mua chứng khoán	6.600.000.000	20.313.042.800
Người mua trả tiền trước khác	1.430.000.000	6.177.683.500
Tổng cộng	10.030.000.000	26.490.726.300

25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.279.605.646	997.499.145
Thuế thu nhập doanh nghiệp	521.723.493.096	134.844.586.449
Thuế thu nhập cá nhân	83.494.898.424	57.509.447.511
Thuế khác (bao gồm thuế nhà thầu)	24.737.843.710	7.941.591.390
Tổng cộng	631.235.840.876	201.293.124.495

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Chi tiết thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính: VND			
		Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
1	Thuế	201.229.824.235	2.237.197.884.378	(1.807.201.867.728)	631.235.840.878
1	Thuế giá trị gia tăng	944.198.885	8.494.157.004	(8.158.750.243)	1.279.605.646
	Trong đó:				
	- Thuế GTGT phải nộp	897.499.145	8.494.157.004	(8.158.750.243)	1.279.605.646
	- Thuế GTGT thu từ tư Nhà nước	(33.300.260)	-	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 41.1)	134.844.586.449	800.759.256.436	(579.880.352.789)	521.723.493.096
3	Các loại thuế khác	65.451.038.901	1.261.944.467.930	(1.219.162.764.897)	108.232.742.134
	Thuế thu nhập cá nhân	16.440.256.138	182.079.271.823	(182.110.075.533)	16.409.452.428
	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	41.009.191.373	849.335.097.081	(822.318.842.450)	67.085.445.996
	Thuế môn bài	-	19.000.000	(19.000.000)	-
	Thuế khác (bao gồm thuế nhà thầu)	7.941.591.390	231.511.099.026	(214.714.845.706)	24.737.843.710
		(2.644.605)	34.316.857	(34.316.857)	(2.644.605)
8	Các khoản (phải thu)/phải nộp khác				
	Tổng cộng	201.237.179.630	2.237.232.201.227	(1.807.236.184.586)	631.233.196.271

87

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

26. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	89.766.430.513	55.602.410.419
Phí dịch vụ	876.960.000	875.070.000
Phí hoa hồng phải trả cho đối tác	10.285.276.042	7.904.462.846
Các khoản khác	2.876.977.749	3.465.234.163
Tổng cộng	103.805.644.304	67.847.177.428

27. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ tức, lãi trái phiếu	8.716.287.036	8.183.580.361
Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty	8.198.779.900	7.659.494.900
Phải trả trái tức cho trái chủ của Công ty	517.507.136	524.085.461
Phải trả khác	11.749.642.337	9.853.891.693
Tổng cộng	20.465.929.373	18.037.472.054

28. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHỤC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên	280.522.387.882	229.575.623.719
Quỹ từ thiện	119.873.813.903	126.957.738.703
Tổng cộng	400.396.201.785	356.533.362.422

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

B05-CTCK/HN

29. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (BBC)	8.144.100.724	8.144.100.724
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (SSC)	19.186.831.881	19.186.831.881
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (LAF)	1.688.248.597	1.688.248.597
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (VFG)	12.890.045.591	12.890.045.591
Bản cổ phiếu khác cho công ty liên kết	11.653.656.882	11.653.656.882
Doanh thu chưa thực hiện khác	-	1.000.000.000
Tổng cộng	53.562.883.675	54.562.883.675

Đây là các khoản thu nhập chưa thực hiện phát sinh do Công ty bán cổ phiếu cho công ty liên kết, số liệu trình bày ở trên tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty liên kết thực hiện mua cổ phiếu và phần doanh thu chưa thực hiện khác.

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU

30.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận đã thực hiện	7.813.060.963.734	6.025.186.849.191
Lợi nhuận chưa thực hiện	(75.542.468.149)	(169.088.533.253)
- Lợi nhuận chưa thực hiện và thuế hoãn lại trên đánh giá lại tài sản tái chính FVTPL và phải trả chứng quyền đang lưu hành	(88.708.698.856)	(183.491.473.947)
- Lợi nhuận chưa thực hiện từ chênh lệch tỷ giá	13.166.230.707	14.402.940.694
Tổng cộng	7.737.518.495.585	5.856.098.315.938

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

B05-CTCK/HN

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

30.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND								
	Vốn góp của chủ sở hữu	Tăng do vốn cổ phiếu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch giữa lợi nhuận thực và lợi nhuận kế toán	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không nắm quyền	Tổng cộng
Mở đầu năm	16.618.635.100.000	1.083.545.025.917	(15.110.000.000)	31.696.477.740	73.177.993.946	5.000.000.000	5.094.098.751.008	150.919.133.436	26.926.690.811.736
Phát hành cổ phiếu tăng vốn theo chương trình mua lại nhân quyền công khai NG số 11/2024/NG-SMDCB ngày 20/03/2024	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Tích lũy lợi nhuận (1% LNST), quỹ khen thưởng và LNST theo NG số 11/2025/NG-SMDCB ngày 19/03/2025	-	-	-	-	-	-	(130.801.751.310)	-	(130.801.751.310)
Tích lũy lợi nhuận theo kế hoạch và lợi nhuận kế toán theo NG số 11/2025/NG-SMDCB ngày 11/03/2025	-	-	-	-	-	-	12.075.914.794.000	-	12.075.914.794.000
Phát hành cổ phiếu mua lại công ty liên kết NG số 11/2025/NG-SMDCB ngày 07/03/2025	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11/2025/NG-SMDCB ngày 07/03/2025	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11/2025/NG-SMDCB ngày 07/03/2025	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11/2025/NG-SMDCB ngày 07/03/2025 và NG số 11/2025/NG-SMDCB ngày 19/03/2025	1.040.403.448.000	2.216.101.027.200	-	-	-	-	-	-	3.256.504.475.200
Chi phí phát hành cổ phiếu theo giá trị TSCD AFS	-	(810.896.704)	-	-	-	-	-	-	(810.896.704)
				9.898.747.040					9.898.747.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

36. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

36.2. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND								
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phiếu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi tích cổ đông không nắm giữ	Tổng cộng
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi đơn vị tính theo công ty con phát sinh trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	12.923.110.488
Chênh lệch phân bổ chi phí công ty mẹ liên quan đến tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	-	-	(21.353.949.239)	-	(21.353.949.239)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	4.106.893.733.899	-	4.106.893.733.899
Lợi tích cổ đông không nắm giữ	-	-	-	-	-	-	4.736.110.013	(4.736.110.013)	-
Giảm trừ	-	-	-	-	-	-	(2.136.176.317)	(12.088.178.113)	(17.824.348.430)
Số cuối năm	30.179.082.828.000	3.309.027.881.013	(18.115.009.408)	41.889.224.821	85.081.701.022	3.000.000.000	7.707.818.496.589	130.184.844.716	32.066.318.446.762

85

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

30.3. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 01/01/2025 và 01/01/2024)	6.025.186.849.191	4.764.972.942.282
2. Lỗ chưa thực hiện cuối năm (tại 31/12/2025 và 31/12/2024)	(173.062.537.938)	(258.657.302.794)
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	4.018.070.779.408	2.939.900.408.631
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((4)=(1)+(2)+(3))	9.870.195.090.661	7.446.216.048.119
5. Số trích từ lợi nhuận	(130.801.751.312)	(152.662.804.998)
- Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng	(130.801.751.312)	(152.662.804.998)
6. Các khoản khác làm giảm lợi nhuận chưa phân phối	(23.480.119.553)	(17.885.027.724)
7. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHCĐ	(2.075.914.794.000)	(1.509.138.669.000)
- Trả cổ tức bằng tiền	(2.075.914.794.000)	(1.509.138.669.000)
Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối	7.639.998.425.796	5.766.529.546.397

30.4. Cổ phiếu

	Đơn vị tính: Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.077.906.262	1.963.863.918
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.077.906.262	1.963.863.918
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	2.077.906.262	1.963.863.918
- Cổ phiếu phổ thông	2.077.906.262	1.963.863.918
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(1.991.468)	(1.991.468)
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(1.991.468)	(1.991.468)
- Cổ phiếu phổ thông	(1.991.468)	(1.991.468)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.075.914.794	1.961.872.450
- Cổ phiếu phổ thông	2.075.914.794	1.961.872.450
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

31. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

31.1 Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	3.323.297,05	336.561,71
EUR	102,15	101,80
GBP	-	107,64

31.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	5.364.636.065.000	3.899.781.370.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	4.483.026.200.000	3.182.801.200.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	6.471.000.000	105.230.000.000
Tổng cộng	9.854.133.265.000	7.187.812.570.000

31.3 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	9.490.820.000	524.880.220.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	10.490.820.000	525.880.220.000

31.4 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	28.259.000.000	22.105.000.000
Trái phiếu	-	1.437.100.000
Tổng cộng	28.259.000.000	23.542.100.000

31.5 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ	22.804.097.300	22.804.097.300
Cổ phiếu	316.353.900.000	179.052.600.000
Trái phiếu	7.193.000.000.000	9.444.717.100.000
Tổng cộng	7.532.157.997.300	9.646.573.797.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

31. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	132.974.358.609.590	102.694.055.926.400
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	4.838.383.310.000	4.982.805.830.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	13.129.775.950.000	11.310.805.310.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	20.928.350.000	20.725.970.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	480.914.380.000	596.729.660.000
Tổng cộng	151.444.360.599.590	119.604.922.696.400

31.7 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	9.153.443.500.000	1.150.014.570.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	24.381.000.000	24.381.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	990.000	990.000
Tổng cộng	9.177.825.490.000	1.174.396.560.000

31.8 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền	1.021.211.837.800	596.649.330.000
Trái phiếu	1.002.100.000	2.188.700.000
Tổng cộng	1.022.213.737.800	598.838.030.000

31.9 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	8.542.640.000	10.760.540.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

31. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.10 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	1.216.071.670.000	455.522.080.000
Trái phiếu	-	-
Tổng cộng	1.216.071.670.000	455.522.080.000

31.11 Tiền gửi Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.042.775.828.886	4.636.518.614.794
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	7.895.778.322.032	4.470.597.443.088
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	146.997.506.854	165.921.171.706
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	285.780.880.739	282.505.300.828
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	30.219.968.822	11.079.681.180
Tổng cộng	8.358.776.678.447	4.930.103.596.802

31.12 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	15.770.243.000	122.465.000
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	19.248.301.880	11.174.732.134
Tổng cộng	35.018.544.880	11.297.197.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

31. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.13 Phải trả Nhà đầu tư của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	8.328.556.709.625	4.919.023.915.622
- Của Nhà đầu tư trong nước	8.140.510.728.872	4.712.758.821.651
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	188.045.980.753	206.265.093.971
Tổng cộng	8.328.556.709.625	4.919.023.915.622

31.14 Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	15.770.243.000	122.465.000

31.15 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	19.248.301.880	11.174.732.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

32. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

32.1 Lãi(lỗ) ban các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục tài khoản đầu tư	Số lượng bán đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi(lỗ) ban chứng khoán năm nay VND	Lãi(lỗ) ban chứng khoán năm trước VND	Đơn vị tính: VND
I	LÃI BÁN						
1	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết (bao gồm cổ phiếu phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền)	517.420.680	18.781.347.892.703	17.547.838.180.725	1.233.409.703.039	324.365.853.503	
2	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ (CCQ) chưa niêm yết	13.638.189	326.090.579.511	183.432.988.882	162.817.983.629	34.961.835.580	
3	Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi	577.752.304	141.487.282.074.456	141.121.458.702.571	365.803.371.885	437.232.273.509	
4	Lãi vị thế của hợp đồng chứng khoán phái sinh				861.946.969.000	236.219.422.000	
5	Lãi chứng quyền do Công ty phát hành	1.504.983.800	1.850.542.592.188	1.326.814.390.800	523.728.271.385	396.959.036.007	
	Tổng cộng	1.613.775.173	162.445.203.208.918	160.189.643.868.978	3.157.405.004.938	1.418.748.422.649	
II	LỖ BÁN						
1	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết (bao gồm cổ phiếu phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền)	311.519.794	10.994.431.507.141	11.385.430.198.204	(481.007.691.063)	(324.599.734.797)	
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.095.825	19.645.790.029	90.501.503.322	(70.857.710.298)	(4.677.702.846)	
3	Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi	137.557.790	29.862.752.117.456	29.948.853.133.105	(87.101.018.700)	(124.405.627.132)	
4	Lãi vị thế của hợp đồng chứng khoán phái sinh				(1.079.579.746.000)	(211.207.048.000)	
5	Lãi chứng quyền do Công ty phát hành	1.411.943.700	2.516.090.221.004	3.193.836.516.000	(677.546.094.996)	(136.348.091.095)	
	Tổng cộng	1.862.116.899	43.292.917.639.624	44.619.430.150.681	(2.403.093.258.057)	(803.206.393.869)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

32. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.2 Chính sách về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục tài sản tài chính	Giá trị mua ban đầu VND	Giá trị hợp lý	Số dư chính sách định giá lại cuối năm	Số dư chính sách định giá lại đầu năm	Chính sách đánh giá lại cuối năm	Đơn vị tính: VND
I	Loại FVTPL	18.368.865.463.239	30.297.686.392.970	(100.408.978.399)	(181.490.141.465)	73.081.071.196	
1	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch UPCoM khác	827.490.899.320	558.918.953.077	31.467.653.742	10.263.548.031	21.204.105.711	
	HPG	24.098.013.907	23.527.708.400	(568.307.507)	(919.543.307)	(38.764.200)	
	PPT	19.828.752.020	19.498.491.600	(330.260.420)	3.196.733.480	(3.020.993.870)	
	VPS	14.796.004.663	14.714.008.650	(71.335.013)	(13.828.420.440)	13.757.094.427	
	ACB	13.290.284.194	12.832.848.000	(427.436.194)	1.194.679.805	(1.822.116.078)	
	VNM	6.071.390.352	5.987.661.200	(71.729.152)	(217.877.623)	244.148.471	
	Cổ phiếu và chứng khoán khác	449.418.454.229	482.350.177.227	32.931.722.998	20.537.988.098	12.393.736.902	
2	Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro chứng quyền	1.134.248.886.577	1.128.730.522.558	(5.518.364.027)	25.886.885.741	(31.203.229.788)	
	HPG	221.498.621.763	216.394.341.000	(5.104.280.763)	(1.381.121.840)	(3.873.158.320)	
	ACB	193.898.299.023	187.454.694.000	(6.443.605.023)	434.448.898	(6.078.183.911)	
	PPT	136.448.001.813	134.152.763.000	(2.295.238.813)	20.557.298.081	(22.850.304.792)	
	M5N	129.076.009.897	124.592.930.000	(4.483.079.897)	(150.049.903)	(4.332.025.994)	
	MWG	82.636.574.904	88.823.871.000	6.187.296.096	207.028.363	8.878.168.333	
	Cổ phiếu khác	370.891.963.176	377.842.181.700	6.950.218.524	5.898.413.852	952.074.670	
3	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	97.309.086.913	77.189.996.402	(20.119.170.511)	(20.818.797.929)	679.627.418	
4	Trái phiếu niêm yết	4.991.708.914.865	4.477.487.795.292	(514.221.209.473)	(196.021.777.298)	82.400.567.838	
5	Trái phiếu chưa niêm yết	8.807.543.841.436	8.807.543.841.436	-	-	-	
6	Chứng chỉ tiền gửi	23.207.808.874.113	23.207.808.874.113	-	-	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

32. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.2 Chính lịch về đánh giá lại các tài sản tài chính (tiếp theo)

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua		Số dư chính lịch đánh giá lại cuối năm	Số dư chính lịch đánh giá lại đầu năm	Đơn vị tính: VND
		theo số kế toán	Giá trị hợp lý			
0	Loại AFS	547.422.791.415	896.371.822.447	61.949.031.032	39.613.097.171	12.338.933.861
1	Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết, đồng ký giao dịch UPCoM khác	119.822.281.043	168.828.792.079	48.008.911.032	44.354.308.597	4.652.122.479
2	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	379.690.378.621	352.542.895.621	2.942.820.000	(4.741.291.386)	7.883.811.386
3	Tài phiếu chưa niêm yết	48.000.134.751	48.000.134.751	-	-	-
	Tổng cộng	1.094.983.585.830	1.465.773.845.949	(106.460.038.237)	(141.877.044.294)	85.417.005.057

32.3 Chính lịch về đánh giá lại phải trả chứng quyền

STT	Danh mục các loại chứng quyền Công ty phát hành	Giá trị mua		Số dư chính lịch đánh giá lại cuối năm	Số dư chính lịch đánh giá lại đầu năm	Đơn vị tính: VND
		theo số kế toán	Giá trị hợp lý			
	Loại Chứng quyền					
1	FPF12M550000EU/Cash-20	20.916.833.318	16.824.640.000	4.091.893.318	-	4.891.893.318
2	HFG12M550000EU/Cash-20	24.542.904.385	22.872.274.000	1.890.630.385	-	1.890.630.385
3	HFG12M550000EU/Cash-20	22.118.558.338	16.987.790.000	3.120.868.338	-	3.120.868.338
4	MNV12M550000EU/Cash-20	41.759.359.192	34.838.518.000	6.870.841.192	-	6.870.841.192
5	VNB12M550000EU/Cash-20	26.485.821.718	27.879.485.000	(1.213.543.282)	-	(1.213.543.282)
6	Các chứng quyền khác	154.746.000.361	161.865.267.000	22.884.528.361	16.699.332.481	6.225.495.880
	Tổng cộng	310.569.373.292	279.883.994.000	28.245.998.292	16.699.332.481	21.896.176.811

73

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

32. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.4 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	2.264.268.928.109	2.066.257.561.622
Từ tài sản tài chính HTM	440.125.992.169	327.941.173.503
Từ các khoản cho vay và phải thu	3.562.009.243.140	2.079.370.965.194
Từ tài sản tài chính AFS	31.334.968.132	5.855.498.234
<i>Cổ tức, trái tức phát sinh từ tài sản tài chính AFS</i>	3.178.684.932	5.855.498.234
<i>Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS phân loại lại khi bán</i>	28.156.283.200	-
Tổng cộng	6.297.739.031.550	4.479.425.198.553

33. (HOÀN NHẬP)/CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỖN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(101.112.723)	3.770.736
Hoàn nhập phải thu tiền bán chứng khoán khó đòi	(41.430.209.228)	-
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS	(392.457.705)	34.732.623.791
Tổng cộng	(41.923.779.656)	34.736.394.527

34. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê tài sản	7.744.870.842	8.110.698.660
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ và quản lý danh mục ủy thác của công ty con	149.486.110.603	122.711.400.785
Doanh thu từ hoạt động bán bất động sản đầu tư của công ty con	-	91.980.000.000
Doanh thu khác (*)	85.246.726.888	94.996.752.000
Tổng cộng	242.477.508.333	317.798.851.445

(*) Bao gồm lãi từ các Hợp đồng đặt mua chứng khoán, doanh thu từ phí dịch vụ cung cấp mô hình nghiên cứu, doanh thu từ phí phong tỏa chứng khoán, doanh thu về phí SMS và các doanh thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	1.587.459.023.422	1.310.646.611.682
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	8.929.244.726	9.539.948.546
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	32.865.211.269	26.492.570.900
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	15.284.521.164	19.990.738.187
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	56.565.562.090	41.393.115.080
Chi phí hoạt động khác (Thuyết minh số 35)	257.244.571.251	243.664.339.352
Tổng cộng	1.958.348.133.922	1.651.727.323.747

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	544.869.349.437	322.299.439.788
Chi phí hoạt động lưu ký	56.565.562.090	41.393.115.080
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	892.215.020.494	706.150.717.394
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	43.555.718.511	46.530.534.752
Chi phí vật tư văn phòng	636.797.667	1.172.424.305
Chi phí công cụ, dụng cụ	388.331.275	1.826.074.949
Chi phí khấu hao TSCĐ, Bất động sản đầu tư	55.609.686.930	62.364.310.898
Chi phí dự phòng	132.708.061	168.520.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.597.851.749	364.377.531.807
Chi phí về vốn	17.357.900.757	9.551.117.268
Chi phí khác	40.419.206.951	95.893.536.511
Tổng cộng	1.958.348.133.922	1.651.727.323.747

36. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động quản lý quỹ và quản lý danh mục của công ty con	107.556.077.921	96.201.842.770
Chi phí hợp đồng quản lý tiền gửi	-	2.233.296.617
Chi phí hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư	19.665.388.139	25.531.670.156
Giá vốn và chi phí liên quan bán BĐS đầu tư của công ty con	-	45.974.484.526
Trích lập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	71.708.061	168.520.995
- Trích lập chi phí dự phòng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	71.708.061	168.520.995
Chi phí trực tiếp liên quan đến các hoạt động kinh doanh khác	129.951.397.130	73.554.524.288
Tổng cộng	257.244.571.251	243.664.339.352

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

37. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	36.704.122.902	30.498.178.260
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn và dưới ba (03) tháng	43.592.466.245	36.281.799.525
Lãi chia sẻ từ công ty liên kết (Thuyết minh số 11)	61.876.762.426	66.539.454.985
Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	9.639.719.544	-
Doanh thu từ hợp đồng hoán đổi lãi suất	21.383.629.138	45.976.478.631
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.541.357.203	-
Tổng cộng	181.738.057.458	179.295.911.401

38. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	85.712.835.973	28.630.349.944
Chi phí lãi vay ngắn hạn	2.561.801.123.900	1.505.764.783.295
Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	5.442.110.399	-
Chi phí tài chính khác	14.726.358.615	40.529.004.768
Tổng cộng	2.667.682.428.887	1.574.924.138.007

39. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	115.136.857.232	111.627.327.873
- Lương và các khoản phúc lợi	99.978.651.420	101.777.235.363
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	15.158.205.812	9.750.092.510
Chi phí văn phòng phẩm	1.566.651.324	1.512.314.942
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.394.636.725	2.678.973.380
Chi phí khấu hao TSCĐ	41.533.596.827	44.529.789.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.413.209.622	118.353.412.479
Chi phí khác	18.539.291.798	23.147.819.222
Tổng cộng	260.584.243.528	301.749.636.986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

40. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
- Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản	323.183.883	42.508.969
- Thu nhập khác	7.853.469.784	2.461.728.693
Tổng thu nhập khác	8.176.653.667	2.504.237.662
Chi phí khác		
- Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản	(195.388.287)	(865.923.164)
- Chi phí khác	(2.045.618.284)	(2.250.933.770)
Tổng chi phí khác	(2.241.006.571)	(2.916.856.934)
Tổng cộng	5.935.647.096	(412.619.272)

41. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

41.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực ngày 15 tháng 12 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

41. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

41.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	5.082.973.996.371	3.543.527.483.662
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận theo kế toán	(414.119.099.503)	(272.571.079.915)
Các khoản điều chỉnh tăng	735.215.404.276	674.292.674.159
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	381.330.749.849	454.068.036.687
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	283.088.772.310	191.616.952.989
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết	-	22.734.432.466
- Hoàn nhập giảm giá chứng khoán trong kỳ	67.758.321.133	-
- Chi phí không được khấu trừ	3.037.560.984	5.873.252.017
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.149.334.503.779)	(946.863.754.074)
- Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	(73.978.075.200)	(63.285.503.310)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá của chứng khoán chưa niêm yết	(54.988.779.066)	-
- Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán trong năm	-	(126.813.270.876)
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(454.411.821.045)	(377.307.374.295)
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	(304.674.949.121)	(159.291.244.677)
- Lợi nhuận trước thuế từ công ty con	(149.027.029.958)	(125.756.676.377)
- Lợi nhuận chia sẻ từ công ty liên kết	(58.058.137.142)	(66.539.454.985)
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(54.195.712.247)	(27.880.229.554)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	4.668.854.896.868	3.270.956.403.747
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	933.770.979.373	654.191.280.749
Thuế TNDN phải trả ước tính tại công ty con	31.111.304.320	18.960.893.874
Thuế TNDN phải trả của SSID trong quý 1 năm 2025	463.304.459	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	134.844.588.449	289.075.048.638
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết toán thuế	1.090.175.524	21.892.658.277
Thuế TNDN đã trả trong năm	(579.556.857.029)	(849.075.293.089)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	521.723.493.096	134.844.588.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

41. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

41.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Số đầu năm	24.001.105.881	19.049.102.491
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	(9.055.817.807)	4.627.367.510
Thuế TNDN hoãn lại từ đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL & AFS chưa được khấu trừ thuế	(948.258.273)	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do chi phí dự phòng suy giảm giá trị khoản cho vay	(6.131.929)	(3.514.816)
Thuế TNDN hoãn lại khác	(829.211.473)	328.150.696
Số cuối năm	13.161.686.399	24.001.105.881
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		
Số đầu năm	26.650.541.290	8.930.544.340
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	382.927.584	4.747.979.751
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	(2.657.500.139)	7.574.503.277
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính AFS	1.518.928.495	8.870.877.711
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do đánh giá giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành	2.541.973.054	(3.473.363.789)
Số cuối năm	28.436.870.284	26.650.541.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

41. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

41.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do trích lập dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	9.055.817.807	(4.627.367.510)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	6.131.929	3.514.816
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do khoản (thu nhập)/chi phí phát sinh tạm thời chịu thuế	400.000.000	(328.150.696)
Thuế TNDN hoãn lại từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	382.927.584	4.747.979.751
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng/giảm tài sản tài chính FVTPL và đánh giá giảm phải trả chứng quyền	(115.527.085)	4.101.139.488
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	9.729.350.235	3.897.115.849

42. LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phát sinh	Đơn vị tính: VND	
			Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Số cuối năm
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	31.690.477.740	33.283.738.901	(23.414.991.810)	41.559.224.831

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

43. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	14.630.438.092	39.983.696.888
- Lãi khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	4.761.691.000	4.500.186.042
- Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS và phân loại lại khi bán	9.868.747.092	35.483.510.846
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(28.857.077.256)	(18.175.194.359)
- Lỗ phát sinh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con của công ty liên kết	(21.353.949.236)	(15.437.694.390)
- Lỗ khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(7.503.128.020)	(2.737.499.969)
Tổng cộng	(14.226.639.164)	21.808.502.529

44. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông. Báo cáo năm 2025 được tính trên cơ sở chưa gồm tỷ lệ trích lập các quỹ do chưa có đủ thông tin. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	4.106.090.416.749	2.704.221.369.052
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.000.373.695	1.824.528.405
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	2.053	1.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

44. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Trình bày lại

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông năm 2024. Theo đó, số tiền trích vào Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi từ lợi nhuận để lại năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, nên lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	2.835.023.120.364	2.704.221.369.052
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.824.528.405	1.824.528.405
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	1.554	1.482

45. THU NHẬP PHA LOÃNG TRÊN CỔ PHIẾU

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu, hay lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế đã điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng cho mục đích tính lãi suy giảm.

Theo đó, lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hàng năm, điều chỉnh cho các khoản sau:

- Các khoản cổ tức hoặc các khoản khác liên quan tới cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giảm trừ vào số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu của công ty mẹ;
- Bất kỳ khoản lãi nào được ghi nhận trong năm liên quan đến cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm; và
- Các thay đổi khác của thu nhập hoặc chi phí do chuyển đổi cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của số bình quân gia quyền của số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm với số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giả định chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại thời điểm đầu năm báo cáo hoặc tại ngày phát hành cổ phiếu phổ thông tiềm năng nếu ngày phát hành cổ phiếu này sau thời điểm đầu năm báo cáo; hoặc tại thời điểm phát sinh đối với các cổ phiếu phổ thông tiềm năng là quyền chọn mua, chứng quyền và các công cụ tương đương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

45. THU NHẬP PHA LOÃNG TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông - VND	4.106.090.416.749	2.704.221.369.052
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu - VND	-	-
Lợi nhuận sau điều chỉnh - VND	4.106.090.416.749	2.704.221.369.052
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu phổ thông tiềm năng để tính thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu (*)	2.117.856.931	1.935.401.350
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu - VND	1.939	1.397

(*) Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của:

- Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành;
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng sẽ được phát hành theo chương trình ESOP và đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với giá định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành vào thời điểm Đại Hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") chấp thuận theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 9 năm 2025.

Trình bày lại

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông năm 2024. Theo đó, số tiền trích vào Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi từ lợi nhuận để lại năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, nên thu nhập pha loãng trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại như sau:

	<i>Số đã trình bày</i>	<i>Số trình bày lại</i>
Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông - VND	2.835.023.120.364	2.704.221.369.052
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu - VND	-	-
Lợi nhuận sau điều chỉnh - VND	2.835.023.120.364	2.704.221.369.052
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.935.401.350	1.935.401.350
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu - VND	1.465	1.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

46. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

46.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Danh sách bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH là Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI
	Thành viên Hội đồng Quản trị SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là Tổng Giám đốc NDH
Daiwa Securities Group Inc và các công ty con	Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ khoảng 15,34% vốn có quyền biểu quyết của SSI
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng Quản trị của PAN, công ty liên kết
Quỹ Đầu tư Công nghệ số và Y tế Việt Nam (1)	Công ty liên kết (Đến hết ngày 02 tháng 10 năm 2025)
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị SSI là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh
Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI
Công ty Cổ Phần Công nghệ số SSI (2)	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công nghệ số SSI
	Công ty con được sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành Viên SSI (Đến hết ngày 04 tháng 6 năm 2025)
	Công ty liên kết được sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành Viên SSI (Đến hết ngày 12 tháng 10 năm 2025)

(1) Tại ngày 02 tháng 10 năm 2025, SSI đã nhận được khoản tiền phân chia từ việc giải thể Quỹ Đầu tư Công nghệ số và Y tế Việt Nam ("VDHF"). Theo đó, SSI không còn ghi nhận VDHF là công ty liên kết kể từ thời điểm này.

(2) Tại ngày 04 tháng 6 năm 2025, Quỹ Đầu tư Thành viên SSI ("SSI IMF") đã bán 40% cổ phần công ty Cổ phần Công nghệ số SSI ("SSID") thay đổi tỷ lệ sở hữu gián tiếp của SSI tại SSID thông qua SSI IMF giảm từ 68,54% xuống còn 38,08%. Theo đó, SSI ghi nhận SSID là công ty liên kết gián tiếp qua SSI IMF.

Đến ngày 12 tháng 10 năm 2025, SSI IMF đã bán toàn bộ cổ phần nắm giữ còn lại của SSID. Theo đó, SSI không còn ghi nhận SSID là công ty liên kết gián tiếp kể từ thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tới ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

46. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

46.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau
Đơn vị tính: VND

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)			Doanh thu (chi phí)	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm		
		Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Doanh thu (chi phí)
Quý Giáo sư Công nghệ số và Y tế Việt Nam	Giúp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu Thu quản lý quỹ	11.027.096.038 377.175.847	126.222.342 834.817.853	(11.172.318.280) (1.111.993.500)	-	53.552.890 834.817.853
Công ty Cổ phần Công nghệ số SSI	Thanh toán Hợp đồng triển khai phần mềm Giúp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	-	6.144.408.258 100.924.400.548	(6.144.408.258) (100.924.400.548)	-	- (8.044.610.570)
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Doanh thu khác Giao dịch mua chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi Giao dịch bán chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi Giúp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ Vay ngắn hạn Chi phí tài trợ	-	1.781.715.061 (14.420.577.125.489) 4.899.305.463.833 641.981.192.804 (110.000.000.000) (250.958.904)	(1.781.715.061) 14.420.577.125.489 (4.899.305.463.833) 22.771.264.330 110.000.000.000 250.958.904	-	1.781.715.061 - 834.285.438 680.896.140.063 68.095.233.181 -
Công ty Cổ phần Pan Farm (Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN)	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chăm sóc khác Doanh thu khác Giao dịch mua chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi Giao dịch bán chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi Lãi tài trợ	-	400.129.806 3.530.240.504 (5.008.821.528.280) 4.721.023.478.768 26.537.865.151	(400.129.806) (3.530.240.504) 6.038.821.528.280 (4.721.929.478.768) (41.271.233.014)	-	400.129.806 3.530.240.504 - 567.378.494 34.976.438.493

85

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tới ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

46. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

46.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)			Doanh thu/ (chi phí)	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm		
		Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Doanh thu/ (chi phí)
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN)	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác Giao dịch mua chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi Giao dịch bán chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi	-	607.409.111 (2.156.925.645.000) 3.037.041.564.000	(607.409.111) 2.156.925.645.000 (3.037.041.564.000)	-	607.409.111 - 1.414.640.000
Công ty Cổ phần Cơ chế Gestion Beang (Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN)	Mua hàng hóa dịch vụ	-	(119.547.000)	119.547.000	-	(119.547.000)
Dawe Securities Group Inc	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác Cổ tức SSI	-	2.156.831.886 (317.154.673.000)	(2.156.831.886) 317.154.673.000	-	1.860.736.260 -
Dawe Asset Management (Singapore) Ltd (Bên liên quan của Dawe Securities Group Inc)	Doanh thu hợp đồng tư vấn	360.926.822	-	(360.926.822)	-	-
Quý đầu tư tăng trưởng Việt Nam DAVIA SSAM II (Bên liên quan của Dawe Securities Group Inc)	Doanh thu tư vấn đầu tư quỹ	1.148.486.435	4.341.145.147	(4.660.837.640)	828.892.942	4.341.145.147
Dawe Asset Management Co. Ltd (Bên liên quan của Dawe Securities Group Inc)	Doanh thu hợp đồng tư vấn	-	3.479.968.784	(3.479.968.784)	-	3.479.968.784
Dawe Capital Markets Europe Limited (Bên liên quan của Dawe Securities Group Inc)	Phí hoa hồng phát hành	(36.791.847)	(36.908.791)	73.751.598	-	(36.908.791)

86

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/NN

46. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

46.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)			Đơn vị tính VND	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm		
Daves Capital Markets America Inc. (Bên liên quan của Daves Securities Group Inc)	Phí hoa hồng phải trả	(175.140.120)	(1.308.578.117)	1.480.120.174	(23.608.078)	(1.308.578.117)
Daves Capital Markets Singapore Limited (Bên liên quan của Daves Securities Group Inc)	Phí hoa hồng phải trả	(205.060.250)	(478.105.054)	-	(683.204.342)	(478.105.054)
Daves Capital Markets HongKong Limited (Bên liên quan của Daves Securities Group Inc)	Phí hoa hồng phải trả	(1.907.107.889)	(7.124.948.787)	8.442.876.062	(679.241.564)	(7.124.948.787)
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sơn Sơn	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác Cổ tức SSI	-	74.176.832	(74.176.832)	-	74.176.832
Công ty TNHH Sài Gòn Đan Linh	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác Đặt cọc thuê văn phòng và chi phí thuê văn phòng và các dịch vụ khác Cổ tức SSI	-	68.946.364	(68.946.364)	-	68.946.364
Công ty TNHH Đầu tư NDH	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác Phí quản lý danh mục Giao dịch mua chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi Giao dịch bán chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi Cổ tức SSI	901.524.800	(3.488.402.830)	3.488.949.406	(32.720.387)	(3.488.402.830)
		(21.206.963)	(78.571.367.000)	78.571.367.000	-	-
		-	1.359.023.889	(1.359.023.889)	-	1.359.023.889
		7.475.132	88.701.584	(88.701.584)	7.475.132	88.701.584
		-	(7.064.289.064.000)	7.064.289.064.000	-	-
		-	5.545.708.530.000	(5.545.708.530.000)	-	3.291.480.601
		-	(164.263.488.000)	164.263.488.000	-	-

87

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/NN

46. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

46.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)			Đơn vị tính VND	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm		
Thành viên Hội đồng Quản trị Ban Tổng Giám đốc và các cổ nhân liên quan	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác Phí quản lý danh mục Cổ tức SSI	-	1.984.500.093	(1.984.500.093)	-	1.984.500.027
		6.932.181	80.720.014	(80.720.014)	6.932.181	80.720.014
		-	(47.701.386.000)	47.701.386.000	-	-

Thù lao của từng thành viên HĐQT (Kiểm Ủy Ban Kiểm Toán) và tiền lương của Ban Tổng giám đốc và những người quản lý khác

Đơn vị tính: VND

Họ tên	Chức danh	Năm này		Năm trước	
		Tiền lương	Thù lao	Tiền lương	Thù lao
Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Hội đồng đầu tư và Chủ tịch Tiểu ban chiến lược	7.028.728.000	-	7.044.000.000	-
Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT	5.400.172.727	-	6.344.500.000	-
Nguyễn Đức Thông	Tổng Giám đốc	5.837.192.779	-	4.347.000.000	-
Phạm Văn Mậu	Thành viên HĐQT	-	1.271.333.336	-	1.365.333.336
Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	-	300.000.000	-	300.000.000
Kouake Mazoni	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Huong Oka	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT	-	788.000.000	-	782.000.000

88

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

4E. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4E.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tư vấn	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm 2025						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán (1)	5.998.915.925.368	8.263.620.853.318	605.794.033.960	179.732.189.294	72.628.699.292	13.120.651.401.209
2. Các chi phí trực tiếp	2.910.818.818.974	4.451.933.973.742	356.133.260.619	91.715.919.109	46.491.187.966	7.777.092.191.410
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	210.291.484.527	9.120.448.924	20.846.739.482	11.988.875.203	8.338.695.792	260.584.243.528
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	2.877.805.621.867	1.880.966.431.949	228.774.033.859	76.029.394.872	(2.801.184.376)	5.882.973.998.371
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025						
1. Tài sản bộ phận	38.081.684.726.689	41.777.251.153.289	8.729.290.477.720	61.836.211.466	15.511.514.648	89.556.570.083.799
2. Tài sản phân bổ	647.680.164.961	26.990.738.257	84.207.401.731	36.919.258.995	35.682.960.662	3.890.816.790.758
3. Tài sản không phân bổ						
Tổng tài sản	39.829.376.891.650	41.805.341.891.546	8.794.493.879.451	98.755.467.461	41.194.475.310	94.049.979.396.183
4. Nợ phải trả bộ phận	27.162.819.204.877	27.964.762.150.798	5.538.186.167.182	6.813.187.195	6.593.548.451	60.679.144.368.003
5. Nợ phân bổ	445.236.955.301	19.310.235.398	44.137.890.813	29.379.189.467	17.895.072.325	551.721.010.162
6. Nợ không phân bổ						752.796.598.656
Tổng công nợ	27.608.056.160.178	27.984.072.386.194	5.582.323.847.995	33.192.363.662	24.218.620.776	61.983.660.938.421

(1) Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay ký quỹ, doanh thu tư vấn đầu tư và doanh thu lưu ký

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

4E. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4E.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tư vấn	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm 2024						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.904.622.320.054	4.094.096.993.173	505.446.577.425	156.602.990.896	190.317.183.189	8.711.079.724.537
2. Các chi phí trực tiếp	2.036.730.899.904	2.420.915.019.902	211.372.298.399	82.115.550.721	114.668.834.793	4.866.802.603.899
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	243.511.807.048	12.673.484.753	19.311.979.797	16.294.490.397	9.957.738.021	301.749.638.996
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	1.524.379.463.702	1.660.508.158.518	274.759.482.059	58.192.860.378	25.650.590.405	3.543.527.482.062
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024						
1. Tài sản bộ phận	22.054.907.999.753	45.244.318.209.892	4.848.420.725.848	62.726.745.291	305.341.567.399	72.913.718.949.120
2. Tài sản phân bổ	601.063.761.826	21.282.128.969	47.668.005.895	40.219.879.974	24.578.815.540	744.812.592.114
3. Tài sản không phân bổ						248.773.119.488
Tổng tài sản	22.655.971.761.579	46.276.656.338.761	4.894.088.731.744	102.946.625.265	329.920.382.939	73.507.382.588.722
4. Nợ phải trả bộ phận	13.706.119.289.723	30.941.953.720.018	1.326.189.513.861	10.957.191.299	9.976.999.895	45.895.196.706.164
5. Nợ phân bổ	366.358.419.105	19.096.989.714	29.054.448.820	24.514.699.490	14.981.199.130	403.976.731.295
6. Nợ không phân bổ						331.479.510.499
Tổng công nợ	14.072.477.698.828	30.961.039.701.332	1.295.243.962.681	35.471.890.789	24.958.199.025	46.689.651.841.954

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam

Công ty có một công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSIC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên, doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSIC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (nhỏ hơn 5%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

46. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

46.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	85.933.638.669	104.913.063.317
Trên 1 – 5 năm	238.980.579.897	165.477.042.408
Trên 5 năm	106.827.213.496	131.277.404.520
Tổng cộng	431.741.432.062	401.667.510.245

46.4 Cam kết theo hợp đồng giao dịch kỳ quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch kỳ quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

Giá trị các cam kết cung cấp cho nhà đầu tư trong khuôn khổ nghiệp vụ kỳ quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trụ sở chính (tại Thành phố Hồ Chí Minh)	5.235.790.481.293	1.164.972.902.765
Hà Nội	3.386.346.125.517	788.505.038.747
Nguyễn Công Trứ	92.021.788.459	121.298.516.154
Mỹ Đình	383.453.625.849	90.332.287.957
Hải Phòng	286.155.962.236	19.573.264.056
Tổng cộng	9.383.767.983.354	2.184.682.009.679

46.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

46. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

46.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, chứng quyền có bảo đảm và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty và các công ty con. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và các công ty con và vẫn nắm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Công ty đánh giá rủi ro do ảnh hưởng của thay đổi lãi suất đối với Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể. Các khoản tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và cho vay của Công ty hầu hết đều có lãi suất cố định và thu hồi theo kỳ đáo hạn quy định của từng khoản mục. Các khoản vay có lãi suất cố định được xác định trong từng kế hoạch vay cụ thể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Cho mục đích giám thiểu rủi ro ngoại tệ, Công ty áp dụng biện pháp phòng ngừa rủi ro thông qua việc ký kết các hợp đồng phái sinh ngoại tệ với ngân hàng thương mại.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty có khoản vay gốc ngoại tệ tại một số ngân hàng có giá trị là 225.000.000 USD (tương ứng 5.938.450.000.000 VND). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của USD so với VND có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên chi phí tài chính từ chi phí lãi vay của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

46. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

46.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty (FVTPL và AFS) là 1.781.417.867.702 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

46. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

46.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có tín nhiệm cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tài chính của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi số như trình bày trong *Thuyết minh số 5*, *Thuyết minh số 7.3* và *Thuyết minh số 11*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay kỳ quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay kỳ quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch kỳ quỹ theo Quy chế cho vay kỳ quỹ và được chăm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoài trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 8* và *Thuyết minh số 9*, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

46. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

46.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Tổng cộng	Số dư dự phòng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				< 90 ngày	91 - 180 ngày	181 - 210 ngày	> 210 ngày
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	21.998.601.885.375	115.687.920	21.908.482.346.522	1.408.842	651.692	126.284	1.664.115
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	38.940.059.337.071	12.024.585	38.940.023.229.382	21.305.237	1.222.980	107.444	1.447.443

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian cần tại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua tài khoản và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về lượng tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCKHN

46. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

46.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu.

Đơn vị tính: VND

	Quá hạn (dữ liệu gồm số dư đã trích lập dự phòng)					Tổng cộng
	Không bị hạn	60-90 năm	Từ 91 - 365 năm	Tiền 365 năm		
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	1.174.260.187.483	3.472.232.876.438	-	-	3.646.493.063.921
Tài sản tài chính	36.187.889	39.180.895.936.842	43.847.187.774.811	-	3.687.397.938.267	86.718.477.366.399
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi suất	-	18.257.886.390.970	-	-	-	38.257.886.390.970
Giá trị ngày đáo hạn	-	-	5.250.981.805.654	-	2.971.910.058.220	8.222.901.664.874
Các khoản cho vay	36.187.889	333.827.320.429	38.618.195.908.967	-	-	38.940.059.337.071
Sẵn sàng để bán	-	599.371.822.447	-	-	-	599.371.822.447
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	716.487.870.037	716.487.870.037
Tài sản khác	193.099.089.648	484.083.979.846	552.116.948.886	668.207.907.383	289.578.581.836	2.178.065.074.484
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	30.124.810.956	-	-	-	30.124.810.956
Phải thu khác	193.099.089.648	385.420.876.973	552.116.948.886	-	-	1.130.636.915.298
Tài sản khác	-	68.538.291.917	-	-	-	68.538.291.917
Tài sản vô định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	109.227.207.393	288.978.551.930	-	646.798.459.323
Tổng cộng	193.138.197.324	40.838.199.703.171	46.671.636.896.896	669.207.907.383	3.976.976.495.187	82.940.064.193.991
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	8.105.451.894.384	50.995.093.000.000	-	-	60.100.501.894.384
Phải trả hoạt động kinh doanh chung khoản	-	47.778.256.826	279.853.854.300	-	-	327.632.111.826
Chi phí phải trả	-	14.028.213.791	89.798.430.513	-	-	103.826.644.304
Thuế và các khoản phải nộp khác thuế	-	621.235.840.878	-	-	-	621.235.840.878
Phải trả, phải nộp khác	-	687.508.374.250	-	-	-	687.508.374.250
Tổng cộng	-	18.192.915.859.377	81.384.673.284.913	-	-	81.899.682.844.890
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	193.138.197.324	28.315.186.182.794	(4.483.133.186.617)	669.207.907.383	3.976.976.495.187	30.640.372.349.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

46. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

46.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

46.6 Các khoản mục ngoại bảng của công ty con

SSIAM, một công ty con của Công ty thực hiện hoạt động quản lý danh mục đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản mục ngoại bảng của SSIAM liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác bao gồm: tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	14.620.374.488	81.793.006.283
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	574.943.156.212	337.928.870.946
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	222.682.901	1.720.998.972
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	737.195.909	19.853.838.454

Trong đó, danh sách chứng khoán thuộc danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác có giá trị suy giảm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá mua	Giá trị giảm giá	Số lượng	Giá mua	Giá trị giảm giá
VPB	5.128.200	100.121.284.494	(5.249.584.494)	408.047	11.003.582.275	(129.129.725)
FPT	223.623	32.330.046.176	(5.897.807.576)	5.128.200	100.121.284.494	(1.659.844.494)
VCB	202.484	12.656.610.457	(1.115.022.457)	43.872	2.921.875.200	(245.683.200)
GAS	131.800	9.104.054.370	(181.584.370)	87.850	8.172.293.912	(190.373.912)
ORI	78.000	8.970.158.340	(8.970.158.340)	487.313	13.814.406.374	(3.093.520.374)
Khác	832.228	22.321.716.859	(1.912.271.759)	1.465.795	59.529.870.770	(11.378.188.020)
Tổng	6.596.135	185.503.880.696	(23.326.428.996)	7.621.077	194.563.313.025	(16.666.737.725)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

46. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

46.7 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

	Chỉ số năm 2025	Chỉ số năm 2024
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	94,97%	96,50%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	5,03%	3,50%
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/Tổng tài sản	65,91%	63,50%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	34,09%	36,50%
Tỷ suất lợi nhuận		
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	4,37%	3,87%
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (*) (ROE)	12,86%	10,67%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn góp của chủ sở hữu	19,76%	14,49%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	31,32%	32,67%

Khả năng thanh toán

Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	1,44	1,52
Chỉ số thanh toán nhanh ((Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn)	1,40	1,48

(*) Nguồn vốn chủ sở hữu được tính bằng Vốn chủ sở hữu trừ đi Lợi ích cổ đông không kiểm soát

47. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KÊ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Bà Dương Thị Phương Uyên
Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Hải Anh
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Đức Thông
Tổng Giám đốc

Thông tin khác

Thông tin cổ đông và Quản trị Công ty năm 2025

Hội đồng Quản trị

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT: Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT được trình bày chi tiết tại mục Cơ Cấu Tổ Chức.
- Đa số thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Người phụ trách quản trị Công ty kiểm Thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty UBCKNN cấp, thông tin cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (không còn là Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/8/2025)	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
4	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách quản trị Công ty kiểm Thư ký Công ty	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009

Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Cổ phiếu của CTCP Chứng khoán SSI được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SSI và được lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Cổ phiếu

- Ngày 05/8/2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.000.000 cổ phiếu theo Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
- Ngày 29/8/2025, Công ty đã hoàn thành việc chào bán 104.042.344 cổ phiếu theo Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
- Tại ngày 31/12/2025, Vốn điều lệ của SSI là 20.779.062.620.000 đồng, tương ứng 2.077.906.262 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2025

Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2025 là 1.991.468 cổ phiếu, không thay đổi so với thời điểm tại ngày 31/12/2024.

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty và tỷ lệ sở hữu của người nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo thường niên này. Số liệu được cập nhật theo Danh sách cổ đông chốt ngày 09/12/2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.

Phụ lục 1: Giao dịch cổ phiếu SSI của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ

Giao dịch cổ phiếu SSI của Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ trong năm 2025

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2025 (*)		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2025 (**)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật	15.180.165	0,773%	16.180.165	0,779%	Từ ngày 27/5/2025 đến ngày 30/5/2025: mua 1.000.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2024
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc (không còn là Tổng giám đốc kể từ ngày 01/8/2025)	2.851.346	0,135%	8.301.346	0,400%	Từ ngày 27/5/2025 đến ngày 30/5/2025: mua 650.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2024 Ngày 29/8/2025: mua 5.000.000 cổ phiếu chào bán riêng lẻ
3	Phạm Việt Muôn	Thành viên HĐQT, Trưởng UBKT	510.636	0,026%	560.636	0,027%	Từ ngày 27/5/2025 đến ngày 30/5/2025: mua 50.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2024
4	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT, Thành viên UBKT	52.000	0,003%	72.000	0,003%	Từ ngày 27/5/2025 đến ngày 30/5/2025: mua 20.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2024
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	4.548.696	0,232%	4.748.696	0,229%	Từ ngày 27/5/2025 đến ngày 30/5/2025: mua 200.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2024

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2025 (*)		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2025 (**)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
6	Nguyễn Đức Thông	Phó TGD, trở thành TGD từ ngày 01/8/2025	1.340.000	0,068%	2.640.000	0,127%	Từ ngày 27/5/2025 đến ngày 30/5/2025: mua 300.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2024 Ngày 29/8/2025: mua 1.000.000 cổ phiếu chào bán riêng lẻ
7	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	3.930.043	0,2%	4.430.043	0,213%	Từ ngày 27/5/2025 đến ngày 30/5/2025: mua 500.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2024
8	Nguyễn Thị Hải Anh	Kế toán trưởng	147.030	0,007%	161.230	0,008%	Từ ngày 27/5/2025 đến ngày 30/5/2025: mua 24.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2024 Tháng 7/2025: bán 9.800 cổ phiếu
9	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách Quản trị kiêm Thư ký Công ty, Người được ủy quyền CBTT, Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ	1.556.681	0,079%	1.596.681	0,077%	Từ ngày 27/5/2025 đến ngày 30/5/2025: mua 40.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2024
10	Phùng Thị Ngọc Linh	Em dâu của Giám đốc Tài chính	104.500	0,005%	86.000	0,004%	Tháng 01/2025: bán 9.500 cổ phiếu Tháng 02/2025: bán 14.700 cổ phiếu Tháng 3/2025: bán 19.300 cổ phiếu Từ ngày 27/5/2025 đến ngày 30/5/2025: mua 25.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2024

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2025 (*)		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2025 (**)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
11	Nguyễn Mạnh Hùng	Em ruột của Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật - Ông Nguyễn Duy Hưng và Thành viên HĐQT kiêm TGD - Ông Nguyễn Hồng Nam (không còn là TGD kể từ ngày 01/8/2025)	10.432.500	0,531%	10.682.500	0,514%	Từ ngày 27/5/2025 đến ngày 30/5/2025: mua 250.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP 2024
12	Nguyễn Duy Linh	Con của Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT SSI Em của Ông Nguyễn Duy Khánh – Thành viên HĐQT SSI	154.496	0,008%	0	0,00%	Ngày 27/3/2025: bán 154.496 cổ phiếu
13	Nguyễn Kim Lâm	Em trai của Người phụ trách Quản trị kiêm Thư ký Công ty, Người được ủy quyền CBTT, Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ	0	0,00%	1.000	0,00%	Tháng 12/2025: mua 1.000 cổ phiếu

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2025 (*)		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2025 (**)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
14	Daiwa Securities Group Inc.	Ông Hironori Oka – Thành viên HĐQT của SSI là đại diện vốn của Daiwa Securities Group Inc. (không còn là TV HĐQT và Đại diện vốn kể từ ngày 18/4/2025) Kosuke Mizuno – Thành viên HĐQT của SSI (trở thành TV HĐQT kể từ ngày 18/4/2025)	301.259.263	15,34%	317.154.673	15,263%	Ngày 29/8/2025: mua 15.895.410 cổ phiếu chào bán riêng lẻ
15	Công ty TNHH Đầu tư NDH (NDHI)	Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của SSI đồng thời là Chủ sở hữu và Chủ tịch của NDHI Ông Nguyễn Duy Khánh – Thành viên HĐQT SSI đồng thời là TGD của NDHI	164.108.992	8,356%	164.263.488	7,905%	Ngày 27/3/2025: mua 154.496 cổ phiếu

(*) Tại ngày 01/01/2025: Tỷ lệ trên Tổng số cổ phiếu: 1.963.863.918 cổ phiếu.

(**) Tại ngày 31/12/2025: Tỷ lệ trên Tổng số cổ phiếu: 2.077.906.262 cổ phiếu.

Các giao dịch khác (các giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty)

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con SSI nắm giữ 100% vốn sở hữu Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI là em Chủ tịch HĐQT SSI và thành viên HĐQT SSI
Quỹ Đầu tư thành viên SSI	Công ty con SSI nắm giữ 76,15% vốn sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI là Chủ sở hữu và Chủ tịch của Công ty TNHH Đầu tư NDH Thành viên HĐQT SSI Nguyễn Duy Khánh đồng thời là Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Đầu tư NDH
Daiwa Securities Group Inc. và các công ty con	Cổ đông chiến lược nắm giữ tỷ lệ khoảng 15,44% vốn có quyền biểu quyết của SSI
Quỹ Đầu tư Công nghệ số và Y tế Việt Nam (1)	Công ty liên kết (Đến hết ngày 02 tháng 10 năm 2025)
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là Chủ tịch Hội đồng quản trị của PAN, PAN là công ty liên kết
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc SSI là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bất Động sản Sài Gòn Đan Linh
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em Chủ tịch HĐQT SSI và thành viên HĐQT SSI
Công ty Cổ phần Công nghệ số SSI (2)	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công nghệ số SSI Công ty con được sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành Viên SSI (Đến hết ngày 04 tháng 6 năm 2025) Công ty liên kết được sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành Viên SSI (Đến hết ngày 12 tháng 10 năm 2025)

(1) Tại ngày 02 tháng 10 năm 2025, SSI đã nhận được khoản tiền phân chia từ việc giải thể Quỹ Đầu tư Công nghệ số và Y tế Việt Nam ("VDHF"). Theo đó, SSI không còn ghi nhận VDHF là công ty liên kết kể từ thời điểm này.

(2) Tại ngày 04 tháng 6 năm 2025, Quỹ Đầu tư Thành viên SSI ("SSI IMF") đã bán 40% cổ phần công ty Cổ phần Công nghệ số SSI ("SSID") thay đổi tỷ lệ sở hữu gián tiếp của SSI tại SSID thông qua SSI IMF giảm từ 68,54% xuống còn 38,08%. Theo đó, SSI ghi nhận SSID là công ty liên kết gián tiếp qua SSI IMF.

Đến ngày 12 tháng 10 năm 2025, SSI IMF đã bán toàn bộ cổ phần nắm giữ còn lại của SSID. Theo đó, SSI không còn ghi nhận SSID là công ty liên kết gián tiếp kể từ thời điểm này.

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31/12/2025 (theo số liệu báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: VND

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/(chi phí)
		01/01/2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2025	
Quỹ đầu tư thành viên SSI	Góp vốn đầu tư	404.000.000.000	-	-	404.000.000.000	-
	Doanh thu phí giao dịch chứng khoán	-	110.219.435	(110.219.435)	-	110.219.435
Quỹ đầu tư Công nghệ số và Y tế Việt Nam	Góp vốn đầu tư	10.000.000.000	-	(10.000.000.000)	-	-
	Lãi thanh lý công ty liên kết	-	1.090.048.916	(1.090.048.916)	-	1.090.048.916
Công ty Cổ phần Công nghệ số SSI	Thanh toán Hợp đồng triển khai phần mềm	-	6.144.408.258	(6.144.408.258)	-	6.144.408.258
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Góp vốn đầu tư	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000	-
	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	141.402.354	5.568.208.369	(5.530.050.942)	178.557.181	4.834.206.143
	Số dư danh mục ủy thác đầu tư	550.073.578.007	5.553.089.639.532	(5.835.084.314.466)	268.078.703.070	-
	Phí quản lý danh mục	(2.880.493.735)	(10.346.901.689)	11.059.201.203	(1.968.194.221)	(10.346.901.689)
	Phí thường danh mục ủy thác và các khoản khác	-	(48.272.007.148)	1.404.088.082	(48.867.909.066)	(48.124.593.162)
Công ty TNHH Đầu tư NDH	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	1.269.023.889	(1.269.023.889)	-	1.269.023.889
	Cổ tức SSI	-	(184.263.488.000)	184.263.488.000	-	-
	Giao dịch mua chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi	-	(7.064.289.964.500)	7.064.289.964.500	-	-
	Giao dịch bán chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi	-	9.945.706.530.000	(9.945.706.530.000)	-	3.291.480.801

Đơn vị tính: VND

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/ (phải trả)				Doanh thu/ Chi phí
		01/01/2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2025	
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Doanh thu khác	-	1.761.715.661	(1.761.715.661)	-	1.761.715.661
	Giao dịch mua chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi	-	(14.420.577.125.489)	14.420.577.125.489	-	-
	Giao dịch bán chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi	-	4.899.365.483.833	(4.899.365.483.833)	-	834.285.439
	Cổ tức được nhận	-	13.291.396.500	(13.291.396.500)	-	13.291.396.500
	Vay ngắn hạn	-	(110.000.000.000)	110.000.000.000	-	-
	Chi phí lãi vay	-	(250.958.904)	250.958.904	-	(250.958.904)
Công Ty Cổ Phần裴 Farm (Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN)	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	400.129.805	(400.129.805)	-	400.129.805
	Doanh thu khác	-	3.530.240.504	(3.530.240.504)	-	3.530.240.504
	Giao dịch mua chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi	-	(8.008.821.526.280)	8.008.821.526.280	-	-
	Giao dịch bán chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi	-	4.701.959.478.768	(4.701.959.478.768)	-	907.378.494
	Lãi trả phiếu	5.933.389.863	38.337.863.161	(41.271.233.014)	-	34.876.438.493
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN)	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	607.409.111	(607.409.111)	-	607.409.111
	Giao dịch mua chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi	-	(2.156.925.645.000)	2.156.925.645.000	-	-
	Giao dịch bán chứng khoán và chứng chỉ tiền gửi	-	3.037.041.594.000	(3.037.041.594.000)	-	1.414.849.000
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans (Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN)	Mua hàng hóa dịch vụ	-	(119.547.000)	119.547.000	-	(119.547.000)
Daewoo Securities Group Inc	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	2.156.831.886	(2.156.831.886)	-	1.360.756.280
	Cổ tức SSI	-	(317.154.673.000)	317.154.673.000	-	-

Đơn vị tính: VND

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/ (phải trả)				Doanh thu/Chi phí
		01/01/2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2025	
Daewoo Asset Management (Singapore) Ltd (Bên liên quan của Daewoo Securities Group Inc)	Doanh thu hợp đồng tư vấn	360.926.822	-	(360.926.822)	-	-
Daewoo Asset Management Co. Ltd (Bên liên quan của Daewoo Securities Group Inc)	Doanh thu hợp đồng tư vấn	-	2.694.687.006	(2.694.687.006)	-	2.694.687.006
Daewoo Capital Markets Europe Limited (Bên liên quan của Daewoo Securities Group Inc)	Phí hoa hồng phải trả	(36.791.847)	(36.959.751)	73.751.598	-	(36.959.751)
Daewoo Capital Markets America Inc. (Bên liên quan của Daewoo Securities Group Inc)	Phí hoa hồng phải trả	(176.140.130)	(1.308.678.117)	1.460.120.174	(23.698.078)	(1.308.678.117)
Daewoo Capital Markets Singapore Limited (Bên liên quan của Daewoo Securities Group Inc)	Phí hoa hồng phải trả	(205.098.258)	(478.306.084)	-	(983.204.342)	(478.306.084)
Daewoo Capital Markets Hongkong Limited (Bên liên quan của Daewoo Securities Group Inc)	Phí hoa hồng phải trả	(1.997.967.888)	(7.124.948.767)	8.442.876.080	(979.241.564)	(7.124.948.767)
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	74.176.632	(74.176.632)	-	74.176.632
	Cổ tức SSI	-	(3.250.001.000)	3.250.001.000	-	-
Công ty TNHH BDT đồng sản Sài Gòn Đan Linh	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	68.946.364	(68.946.364)	-	68.946.364
	Cổ tức SSI	-	(76.571.387.000)	76.571.387.000	-	-
	Đặt cọc thuế vốn phòng	691.524.000	-	-	691.524.000	-
	Chi phí thuế vốn phòng và các dịch vụ khác	(31.266.963)	(3.468.402.830)	3.468.948.406	(32.770.387)	(3.468.402.830)
Thành viên Hội đồng Quản trị Ban Tổng Giám đốc và các cơ quan liên quan	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	1.584.680.093	(1,584.680.093)	-	1,584.680.927
	Cổ tức SSI	-	(47,701,386,000)	47,701,386,000	-	-

Phụ lục 2: Cơ cấu cổ đông của công ty và tỷ lệ sở hữu của người nội bộ

Danh sách cổ đông lớn, cổ đông chiến lược (sở hữu từ 5% CP trở lên) tính đến ngày 09/12/2025

Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu % (*)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
A. Cổ đông nhà nước			
Tổng Công A	-	-	-
B. Cổ đông lớn			
Daiwa Securities Group Inc. Đại diện: Kazuko Mizuno	317.154.673	15,26%	15.895.410
Công ty TNHH Đầu tư NDH Đại diện: Nguyễn Duy Hưng	164.263.488	7,91%	-
Tổng Công B	481.418.161	23,17%	15.895.410
C. Cổ đông chiến lược			
Daiwa Securities Group Inc. Đại diện: Kazuko Mizuno	317.154.673	15,26%	15.895.410
Tổng Công C	317.154.673	15,26%	15.895.410
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)			
Tổng Công D	-	-	-
Tổng Công (A+B+C+D)	481.418.161	23,17%	15.895.410

(*) Tỷ lệ tính trên tổng số cổ phiếu 2.077.906.262 cổ phiếu

Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông

(Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 09/12/2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	Trong nước	-	-	-	-	-
	Ngoài nước	-	-	-	-	-
	Cổ đông lớn	481.418.161	23,17%	2	2	0
3	Trong nước	164.263.488	7,91%	1	1	0
	Ngoài nước	317.154.673	15,26%	1	1	0
	Công đoàn công ty	-	-	-	-	-
4	Trong nước	-	-	-	-	-
	Ngoài nước	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	1.991.468	0,1%	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
	Cổ đông khác	1.594.496.633	76,73%	128.190	365	127.825
7	Trong nước	1.240.897.446	59,71%	124.600	215	124.385
	Ngoài nước	353.599.187	17,02%	3.590	150	3.440
TỔNG CỘNG		2.077.906.262	100%	128.192	367	127.825
Trong nước		1.405.160.934	67,62%	124.601	216	124.385
Ngoài nước		670.753.860	32,28%	3.591	151	3.440
Cổ phiếu quỹ		1.991.468	0,10%	0	0	0

Tỷ lệ tính trên tổng số cổ phiếu 2.077.906.262 cổ phiếu

Cơ cấu sở hữu theo loại hình

(Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 09/12/2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu % (*)
Người nội bộ	12.064.000	26.626.797	38.690.797	1,86%
1. Hội đồng quản trị	9.175.000	20.687.843	29.862.843	1,44%
2. Ban Tổng giám đốc	1.725.000	915.000	2.640.000	0,13%
3. Giám đốc tài chính	950.000	3.480.043	4.430.043	0,21%
4. Kế toán trưởng	89.000	72.230	161.230	0,01%
5. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty	125.000	1.471.681	1.596.681	0,07%
Cổ phiếu quỹ	-	1.991.468	1.991.468	0,1%
Công đoàn Công ty	-	-	-	-
Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-
Cổ đông khác	116.978.344	1.920.245.653	2.037.223.997	98,04%
1. Trong nước	50.326.434	1.316.143.703	1.366.470.137	65,76%
1.1 Cá nhân	24.179.500	983.071.886	1.007.251.386	48,47%
1.2 Tổ chức	26.146.934	333.071.817	359.218.751	17,29%
2. Nước ngoài	66.651.910	604.101.950	670.753.860	32,28%
2.1 Cá nhân	756.500	29.303.105	30.059.605	1,45%
2.2 Tổ chức	65.895.410	574.798.845	640.694.255	30,83%
Tổng cộng	129.042.344	1.948.863.918	2.077.906.262	100%

(*) Tỷ lệ tính trên tổng số cổ phiếu 2.077.906.262 cổ phiếu.

Danh sách chi tiết về người nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin

(Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 09/12/2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp)

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu % (*)
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật	2.250.000	13.930.165	16.180.165	0,78%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc (không còn là Tổng giám đốc kể từ ngày 01/8/2025)	6.250.000	2.051.346	8.301.346	0,40%
3	Phạm Viết Thuận	Thành viên độc lập HĐQT, Trưởng UBKT	125.000	435.636	560.636	0,03%
4	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên độc lập HĐQT, Thành viên UBKT	50.000	22.000	72.000	0,00%
5	Kosuke Mizuno	Thành viên HĐQT	0	0	0	0,00%
	Đại diện phần vốn: Daiwa Securities Group Inc.		15.895.410	301.259.263	317.154.673	15,26%
6	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	500.000	4.248.696	4.748.696	0,23%
7	Nguyễn Đức Thông	Tổng giám đốc (trở thành Tổng giám đốc kể từ ngày 01/8/2025)	1.725.000	915.000	2.640.000	0,13%
8	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	950.000	3.480.043	4.430.043	0,21%
9	Nguyễn Thị Hải Anh	Kế toán trưởng	89.000	72.230	161.230	0,01%
10	Nguyễn Kim Long	Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty, Giám đốc Luật & Kiểm soát tuân thủ, Người được ủy quyền CBTT	125.000	1.471.681	1.596.681	0,07%
Tổng cộng			12.064.000	26.626.797	38.690.797	1,86%

(*) Tỷ lệ tính trên tổng số cổ phiếu 2.077.906.262 cổ phiếu.